



BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN THỊ LY KHA (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – NGUYỄN PHƯỚC BẢO KHÔI
NGUYỄN LƯƠNG HẢI NHƯ – NGUYỄN THỊ XUÂN YẾN

TIẾNG VIỆT

Sách giáo viên



TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN THỊ LY KHA (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH BẢO NGỌC – NGUYỄN PHƯỚC BẢO KHÔI
NGUYỄN LƯƠNG HẢI NHƯ – NGUYỄN THỊ XUÂN YẾN

Tiếng Việt

Sách giáo viên



TẬP HAI

Chân trời sáng tạo



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT: HƯỚNG DẪN CHUNG

I. CẤU TRÚC SÁCH HỌC SINH TIẾNG VIỆT 1, TẬP HAI	5
1. Cấu trúc của mỗi chủ đề	5
2. Cấu trúc của mỗi bài học	5
II. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC KIỂU BÀI	6
1. Kiểu bài luyện tập tổng hợp	7
2. Kiểu bài thực hành	11
III. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	13
1. Dạy nói – nghe	13
1.1. Dạy nói – nghe kết nối với bài học	13
1.2. Dạy nói – nghe theo nghi thức giao tiếp	15
1.3. Dạy hỏi – đáp tương tác	16
1.4. Dạy mở rộng vốn từ và phát triển lời nói	17
1.5. Dạy nghe – nói trong kể chuyện	18
1.6. Dạy nói sáng tạo theo gợi ý	20
2. Dạy đọc	22
2.1. Dạy đọc lưu loát	22
2.2. Dạy đọc hiểu	23
2.3. Dạy đọc mở rộng	26
3. Dạy viết	27
3.1. Dạy tập viết	27
3.2. Dạy chính tả	27
3.3. Dạy viết sáng tạo	29
IV. MẪU CHỮ VIẾT HOA CỖ NHỎ (2,5 Ô LI) VÀ HƯỚNG DẪN VIẾT	31
1. Mẫu chữ viết hoa cỡ nhỏ (2,5 ô li)	31
2. Hướng dẫn viết chữ viết hoa cỡ nhỏ	31
V. BẢNG PHÂN BỐ TIẾN TRÌNH RÈN LUYỆN CÁC KĨ NĂNG (TIẾNG VIỆT 1, TẬP HAI)	40

PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

<i>Chủ đề 19:</i>	Ngàn hoa khoe sắc	48
<i>Chủ đề 20:</i>	Ngày tuyết rơi	66
<i>Chủ đề 21:</i>	Những bông hoa nhỏ	84
<i>Chủ đề 22:</i>	Mưa và nắng	101
<i>Chủ đề 23:</i>	Tết quê em	113
<i>Chủ đề 24:</i>	Những người bạn đầu tiên	125
<i>Chủ đề 25:</i>	Mẹ và cô	137
<i>Chủ đề 26:</i>	Những người bạn im lặng	149
<i>Chủ đề 27:</i>	Bạn cùng học cùng chơi	160
<i>Chủ đề 28:</i>	Trong chiếc cặp của em	171
<i>Chủ đề 29:</i>	Đường đến trường	181
<i>Chủ đề 30:</i>	Làng quê yên bình	193
<i>Chủ đề 31:</i>	Phố xá nhộn nhịp	204
<i>Chủ đề 32:</i>	Biển đảo yêu thương	215
<i>Chủ đề 33:</i>	Chúng mình thật đặc biệt	226
<i>Chủ đề 34:</i>	Gửi lời chào lớp Một	238
<i>Chủ đề 35:</i>	Những điều em đã học	249
Hướng dẫn ra đề kiểm tra, đánh giá		256



I. CẤU TRÚC SÁCH HỌC SINH TIẾNG VIỆT 1, TẬP HAI

1. Cấu trúc của mỗi chủ đề

Tương tự như sách học sinh (SHS) *Tiếng Việt 1, tập một*, các chủ đề của SHS *Tiếng Việt 1, tập hai* được sắp xếp theo đơn vị tuần và xuyên suốt trong tất cả các tuần học. Ngoài hai tuần đầu học kì tiếp tục dạy học văn, từ tuần 21 đến tuần 34, học sinh (HS) được “luyện tập tổng hợp”, học các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe xoay quanh các văn bản thuộc các kiểu loại khác nhau. Mỗi chủ đề gồm có 10 tiết dạy đọc, viết, nói và nghe xoay quanh ba văn bản, một tiết kể chuyện và một tiết thực hành luyện tập các kĩ năng. Các chủ đề trong SHS tập hai đều lấy HS làm trung tâm, từ đó giáo dục về gia đình, trường học, quê hương đất nước, thiên nhiên, môi trường, ... Tuần 35 gồm các bài ôn tập và đề kiểm tra cuối năm (dùng tham khảo).

2. Cấu trúc của mỗi bài học

Trong phần Luyện tập tổng hợp, mỗi chủ đề trong SHS đều có hai văn bản văn xuôi, một văn bản thơ và một văn bản dùng cho kể chuyện (in ở sách giáo viên (SGV)).

Mở đầu bài học ở mỗi văn bản thường có phần quan sát tranh và luyện nói nhằm kết nối trải nghiệm của người học với văn bản. Sau phần khởi động, HS đọc văn bản, nhận biết một số vần có trong hoặc ngoài văn bản vừa đọc để ôn kiến thức về vần và phát triển vốn từ, sau đó là trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc và hoạt động trao đổi ngắn có liên quan đến văn bản đọc.

1.1. Cấu trúc bài tập đọc

Các văn bản dùng cho hoạt động đọc (tập đọc) đều gồm đọc lưu loát và đọc hiểu trong thời lượng 2 tiết, với cấu trúc như sau:

- (1) Tranh khởi động và câu hỏi/ câu lệnh dùng cho hoạt động khởi động.
- (2) Văn bản đọc và tranh minh họa bài đọc (nếu có).
- (3) Yêu cầu nhận diện một số vần có trong hoặc ngoài văn bản vừa đọc để ôn luyện kiến thức về vần và phát triển vốn từ, phát triển lời nói.
- (4) Các câu hỏi đọc hiểu.

❖ Với văn bản đọc thuộc thể loại thơ

Với văn bản đọc thuộc thể loại thơ, ngoài 4 mục như vừa nêu còn có hai nội dung sau:

(5) Yêu cầu liên hệ thực tiễn.

(6) Hoạt động mở rộng (HĐMR) (tương tự HĐMR ở phần văn).

❖ Với văn bản đọc thuộc thể loại văn xuôi

Với văn bản đọc thuộc thể loại văn xuôi (truyện hoặc văn miêu tả, văn bản thông tin hoặc văn bản giới thiệu), ngoài 4 mục như vừa nêu còn có các nội dung sau:

(5) Luyện tô chữ hoa (tô chữ viết hoa, nhìn – viết câu có chữ viết hoa được tô).

(6) Viết chính tả (nhìn – viết hoặc nghe – viết), làm bài tập chính tả để tránh lỗi chính tả thường gặp do đặc điểm của chữ quốc ngữ hoặc do đặc điểm ngữ âm phương ngữ.

(7) Luyện nói mở rộng theo nội dung của văn bản đã đọc và nội dung của chủ đề, gồm mở rộng vốn từ và phát triển lời nói.

(8) Luyện viết một, hai, ba câu ngắn dựa trên những gì đã nói.

(9) Hoạt động mở rộng, vận dụng những gì đã học vào thực tế đời sống với những hình thức thông dụng và được HS ưa thích như chơi trò chơi, hát, vẽ,... về những nội dung có liên quan đến chủ đề của bài học.

1.2. Cấu trúc bài kể chuyện

Như ở phần Học âm vần, bài kể chuyện ở phần Luyện tập tổng hợp được dạy trong một tiết. Nội dung truyện liên quan với chủ đề được học. Bài kể chuyện gồm:

(1) Tên truyện.

(2) Câu lệnh nêu yêu cầu: Tuỳ vào tiến trình kể chuyện, câu lệnh có thể là *Xem tranh và trả lời câu hỏi* hoặc *Nghe kể chuyện*.

(3) Tranh minh hoạ từng đoạn truyện kèm câu hỏi hoặc cụm từ gợi ý. Theo tiến trình học tập của HS, phần gợi ý dưới từng tranh minh hoạ được luyến tiến theo thứ tự: câu hỏi (tuần 19 – 24) → cụm từ gợi ý (tuần 25 – 34).

(4) Câu lệnh nêu yêu cầu kể toàn bộ câu chuyện. (Ở kiểu bài xem – kể, chỉ yêu cầu kể lại từng đoạn câu chuyện theo tranh, và đặt dưới câu lệnh xem tranh và trả lời câu hỏi). Từ tuần 32, bên cạnh câu lệnh còn có câu hỏi liên hệ cuối mỗi câu chuyện.

II. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC KIỂU BÀI

Ở phần Luyện tập tổng hợp có 3 kiểu bài: luyện tập tổng hợp, thực hành và kể chuyện. Trong đó, kiểu bài kể chuyện có cấu trúc tương tự SHS tập một. Do vậy, phần Hướng dẫn chung sau đây sẽ trình bày một số gợi ý dạy học cho kiểu bài luyện tập tổng hợp và kiểu bài thực hành.

Kiểu bài luyện tập tổng hợp

Kiểu bài luyện tập tổng hợp được bố trí trong 14 tuần với 14 chủ đề. Dưới đây là một gợi ý cho kiểu bài luyện tập tổng hợp.

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ kinh nghiệm xã hội, ngôn ngữ của bản thân, nói về bài học:
 - Trao đổi với bạn về những nội dung mà tên chủ đề (tranh chủ đề, nếu có) gợi ra.
 - Quan sát tranh, đọc tên bài đọc, trao đổi với bạn những phán đoán về nội dung bài đọc.
2. Đọc trơn bài đọc, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Đánh vần vần khó và tiếng chứa vần khó (nếu có); tìm được trong bài, ngoài bài từ ngữ có tiếng chứa vần cần luyện tập; đặt được câu có từ ngữ tìm được.
4. Nêu được nội dung, ý nghĩa của bài đọc, biết liên hệ bản thân.
5. Tô đúng chữ hoa, viết được câu ứng dụng; viết được đoạn chính tả nhìn – viết hoặc nghe – viết.
6. Phân biệt đúng chính tả có quy tắc và bước đầu làm quen với chính tả phương ngữ.
7. Luyện nói và viết sáng tạo.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua các hoạt động học tập; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, vở tập viết (VTV), vở bài tập (VBT), SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật (nếu có) dùng minh họa từ ngữ có vần cần luyện tập/ vần khó.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (câu có thán từ, tiểu từ tình thái; đoạn có hội thoại,...); tranh minh họa chủ đề (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí liên quan đến chủ đề để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS trả lời một vài câu hỏi về bài học tuần trước (tên bài, nội dung bài, bài tập chính tả).

Lưu ý: Khi nhận xét, đánh giá phần trả lời của HS, GV cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực và cụ thể (đánh giá quá trình), VD: “Con đã đọc tốt hơn rồi!”, “Con đã biết trả lời một cách rõ ràng, tự tin.”, “Con cần chú ý ngắt nghỉ sau dấu câu nhé!”, “Con cố gắng không đọc x thành y (VD: đọc s thành x , l thành n ,...)!”; tránh những nhận xét tiêu cực hoặc chung chung như: “Sai, bạn nào giúp bạn?”, “Tốt.”, “Rất giỏi.”,...

2. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề (GV giải thích ý nghĩa của tên chủ đề trong sự kết nối với bài học).
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ ở phần khởi động của bài đọc và trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (GV đọc diễn cảm; với văn bản truyện, trong khi đọc mẫu GV có thể sử dụng một số câu hỏi kích thích sự tập trung chú ý của HS).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó trong bài do ảnh hưởng biến thể ngữ âm phương ngữ, hướng dẫn cách ngưng nghỉ theo dấu câu, cách đọc câu có từ ngữ thán từ, tiểu từ tình thái. (Với HS lớp 1, chưa yêu cầu đọc phân vai.)

– HS đọc thành tiếng. (**Lưu ý:** GV phải tổ chức đọc theo nhóm nhỏ để đảm bảo từng HS đều đọc hết bài đọc hoặc ít nhất một đoạn trong bài đọc; **không tổ chức đọc luân phiên từng câu.** GV cần lưu ý việc sửa cách phát âm/ việc đọc sai của trẻ theo hướng tiếp cận cá nhân, không nhận xét, sửa sai trước toàn lớp, trừ trường hợp có nhiều HS trong lớp cùng mắc lỗi tương tự).

– HS giải thích nghĩa của từ với sự gợi ý, hướng dẫn của GV (**Lưu ý:** Hạn chế cách giải thích nghĩa của từ điển. Tận dụng cách giải thích nghĩa bằng phương pháp trực quan, đặt câu hoặc dùng ngữ cảnh nếu có thể. Hoặc GV cũng có thể sử dụng cách nối từ với nghĩa của từ hoặc tranh ảnh gợi nghĩa,...).

– HS đọc lại bài đọc và tìm tiếng ở trong bài có vần cần luyện tập. (**Lưu ý:** GV yêu cầu HS đọc to tiếng/ từ chứa vần cần luyện tập; hướng dẫn HS cách đánh vần vần khó và tiếng/ từ chứa vần khó; nhắc HS chú ý một số điểm đặc biệt của vần cần luyện tập, VD: các vần có hình thức đảo ngược nhau (*ui, iu; ua, au, ...*), các vần dễ phát âm nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ (*an, ang; ôm, om, ...*)).

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập. (**Lưu ý:** Với HS yếu, có thể cho HS đọc từ mẫu trong SHS và giải thích nghĩa của từ bằng nhiều hình thức khác nhau).

– HS đặt câu với từ ngữ vừa tìm được (GV có thể nêu mẫu ngắn gọn, dùng từ mẫu ở SHS, để hướng dẫn).

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS (Nếu HS chưa hiểu rõ câu hỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi nhỏ hơn. Với HS giỏi, GV có thể hỏi thêm câu hỏi giải thích nguyên nhân, câu hỏi suy đoán và câu hỏi dạng vận dụng sáng tạo. GV có thể hỏi các nội dung, như tên bài đọc, tên tác giả, bài có mấy đoạn, có mấy nhân vật, đó là những nhân vật nào, ai là nhân vật chính – gợi ý: nhân vật chính là nhân vật được nói đến nhiều nhất,...).¹

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ hoa

– HS nắm được/ nhắc lại ý nghĩa của việc viết hoa. Gợi ý: GV yêu cầu HS viết tên của mình ra giấy (GV cũng có thể sử dụng chính tên của mình để viết lên bảng). Cho HS so sánh tên riêng của mình với tiếng giống tên riêng được đặt trong câu nói bình thường và ở đầu câu. VD: “Cô tên là Mai.”, “Cây mai đã nở hoa.”, “Mai là ngày đầu năm mới.” (**Lưu ý:** bước này thực hiện trong một vài bài đầu tiên của việc dạy tô chữ viết hoa).

– GV treo chữ mẫu lên bảng, yêu cầu HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ viết hoa. GV có thể lặp lại hai lần quy trình tô chữ hoa để HS quan sát và ghi nhớ).

– HS dùng ngón tay viết chữ hoa lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS tô chữ hoa vào VTV (GV nhắc HS chú ý các điểm đặt bút và kết thúc, kĩ thuật nối các nét).

b. Viết câu ứng dụng

– HS đọc câu ứng dụng (GV giải thích nghĩa của câu ứng dụng).

– HS nghe GV nhắc lại quy trình tô chữ hoa và cách nối từ chữ hoa sang chữ cái viết thường.

– HS quan sát cách GV viết phần còn lại.

– HS viết câu ứng dụng vào VTV (GV nhắc HS chú ý các điểm đặt bút, điểm kết thúc, nối giữa chữ hoa và chữ thường, khoảng cách giữa các chữ trong một dòng, dấu chấm cuối câu).

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

¹ Để rèn luyện, củng cố thêm kĩ thuật đọc hiểu cho HS, một số câu hỏi đọc hiểu về nội dung, ý nghĩa của bài đọc được đưa vào phần bài tập, VD: bài *Bông hoa niềm vui*, chủ đề 21 *Những bông hoa nhỏ*,...; hoặc nội dung luyện tập đọc hiểu nội dung và đọc hiểu hình thức, nhận biết trình tự của các hoạt động được thể hiện ở bài tập đọc được đưa vào tiết thực hành, VD: bài *Đội mũ bảo hiểm thế nào cho đúng?*, chủ đề 26: *Những người bạn im lặng*; bài *Bạn có biết giặt ba lô?*, chủ đề 28: *Trong chiếc cặp của em*; hoặc nội dung “đọc hiểu” thông tin bằng hình ảnh – hiểu nghĩa của một số tín hiệu đơn giản, gắn gũi với HS được đưa vào tiết thực hành, chủ đề 29: *Đường đến trường*.

4.2. Chính tả nhìn – viết hoặc nghe – viết

- HS đọc lại đoạn văn/ thơ được yêu cầu viết chính tả.
 - HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ hoặc do có nhiều hình thức chữ viết cho một âm (*d/ gi*) nếu có. GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa của những từ này và cách phân biệt chính tả (theo quy tắc, theo ngữ nghĩa,...) cho những trường hợp dễ nhầm lẫn với những từ này.
 - HS nhìn hoặc nghe GV và viết đoạn văn/ thơ vào VTV.
- Đối với bài chính tả nghe – viết, khi đọc, GV cần chú ý đọc 3 – 4 bước:
- Bước 1: GV đọc cả đoạn văn/ thơ.
- Bước 2: GV đọc từng câu/ từng dòng thơ, ngắt câu tại các cụm từ có nghĩa.
- Bước 3: GV nhắc lại bước 2 nếu cần thiết.
- Bước 4: GV đọc lại cả đoạn văn/ thơ để HS dò.
- GV nhắc HS có thể viết chữ in hoa cho các chữ đầu dòng thơ hoặc đầu câu hoặc tên riêng; nhắc HS viết dấu chấm cuối câu.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập (Với những HS chậm, GV có thể chia nhỏ câu hỏi để hướng dẫn). Đối với bài tập chính tả có quy tắc, GV yêu cầu HS nhắc lại quy tắc chính tả và tìm thêm từ ngữ chứa tiếng thể hiện quy tắc đó.
- HS thực hiện bài tập, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền (GV tùy thực tế của lớp và tùy HS để hướng dẫn/ yêu cầu HS thực hiện nội dung này).

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu của hoạt động.
- HS quan sát tranh, đọc các gợi ý (GV có thể đặt câu hỏi gợi ý để giúp HS thực hiện bài tập. Với HS yếu, GV có thể thêm câu hỏi phụ để hướng dẫn HS dùng các gợi ý trong tranh).
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (**Lưu ý:** GV nhắc HS việc sử dụng âm lượng và điều khiển ánh mắt khi hỏi và trả lời; nhắc HS cách sử dụng ngôn ngữ cơ thể (biểu cảm gương mặt, cử động bàn tay,...) kèm theo, chẳng hạn, khi nói, em cần nhìn vào mắt bạn, ánh mắt thân thiện, tay em có thể để trên bàn; khi em nghe, em cũng cần nhìn vào bạn, thỉnh thoảng gật đầu và kèm theo một vài từ ngữ phù hợp để xác nhận em đang chăm chú lắng nghe, VD: *ồ, vậy à, sao nữa, thú vị nhỉ,...*

5.2. Viết sáng tạo

– HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết. (GV hướng dẫn hoặc làm mẫu, nhắc HS chú ý viết hoa chữ đầu câu/ tên riêng (có thể viết chữ in hoa) và sử dụng dấu chấm cuối câu, khoảng cách giữa các chữ trong một câu.)

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào VBT.

– HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV (**Lưu ý:** GV không nên sửa lỗi chính tả và lỗi đặt câu quá nhiều để tránh khiến HS chán viết, sợ viết. GV nên nhận xét về ý tưởng của HS. Các nhận xét của GV nên theo hướng động viên, khuyến khích).

6. Hoạt động mở rộng

– HS quan sát tranh, đọc câu lệnh, tìm hiểu yêu cầu của HĐMR.

– HS thực hiện HĐMR (HS có thể hát kết hợp vận động, đọc đồng dao, đọc thơ, giải câu đố, tham gia trò chơi... theo nhóm hoặc cá nhân; HS cũng có thể thực hiện nội dung trình bày việc đọc mở rộng của mình: tên truyện, tên bài thơ, tác giả, nhân vật, khổ thơ yêu thích,... Dựa vào nội dung bài và thực tế học tập của HS, GV lựa chọn hình thức tổ chức HĐMR sao cho phù hợp và hiệu quả).

7. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, nhân vật hoặc chi tiết hoặc khổ thơ em thích,...).

– HS nắm được nội dung đọc, viết thêm ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi); nắm được nội dung đọc mở rộng (nếu có).

– HS chuẩn bị cho tiết học sau.

Kiểu bài thực hành

Kiểu bài thực hành ở phần Luyện tập tổng hợp được bố trí trong một tiết ở mỗi tuần học. Kiểu bài này có thể bố trí trước tiết kể chuyện và bố trí vào buổi chiều. Dựa vào thực tế tình hình lớp học và HS, ngoài tiết thực hành được sắp xếp cố định trong tuần, GV lựa chọn hướng dẫn HS làm các bài tập ở VBT. GV có thể cho HS làm bài thêm vào buổi chiều ở các giờ tự học. Với HS giỏi, GV có thể cho các em làm bài sau khi đã hoàn thành bài trên lớp.

GV có thể lựa chọn nội dung tùy vào thực tế dạy học, phần soạn ở VBT chỉ là một gợi ý. Sau đây là hướng dẫn dạy học kiểu bài thực hành:

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc, hát hoặc quan sát một ngữ liệu được cho (văn bản, tranh ảnh, bài hát,...).

2. Mở rộng vốn từ về từ ngữ liên quan đến nội dung ngữ liệu.
3. Phát triển lời nói theo nội dung yêu cầu.
4. Viết sáng tạo dựa trên những gì đã nói.
5. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
6. Bồi dưỡng các phẩm chất tương ứng với bài học thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ

- HS đọc văn bản (thơ, vè, ca dao, tục ngữ,...).
- HS thực hiện bài tập, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

3. Luyện tập nói, viết sáng tạo

3.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi cho HS hiểu nội dung hoạt động).
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ về nội dung của bài tập.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

3.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết. Tùy theo từng bài tập, GV hướng dẫn HS cho phù hợp.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, sửa lỗi, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV. (**Lưu ý:** GV không nên sửa lỗi chính tả, và lỗi đặt câu quá nhiều để tránh làm HS chán viết. GV nên nhận xét về ý tưởng của HS. Các nhận xét của GV nên theo hướng động viên, khuyến khích.).

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau.

Lưu ý: Để dạy phần Luyện tập tổng hợp cho HS học ngôn ngữ thứ hai, GV cần chú ý việc khai thác các kinh nghiệm xã hội và ngôn ngữ mà HS có về bài học, từ đó giúp HS kết nối với bài học và tiếp nhận, ghi nhớ nội dung mới dễ dàng hơn. GV chú ý việc hỗ trợ trực tiếp trong khi dạy cho HS học ngôn ngữ thứ hai. Ngoài ra, GV có thể thiết kế thêm một số bài tập chuyên biệt nhằm giúp HS nắm kiến thức mới, đặc biệt là các bài tập về mở rộng vốn từ, ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng (VD: bài tập nhận diện từ ngữ; bài tập mở rộng vốn từ theo chủ đề/ nội dung; bài tập sử dụng từ, nắm nghĩa từ; bài tập sắp xếp các từ cho sẵn để tạo thành câu,...).

III. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Các hoạt động dạy học trong SGK tập hai được thiết kế theo hướng vừa có sự lặp lại, kết nối, nâng cao hơn so với các hoạt động dạy học đã có trong SGK tập một, vừa có sự phát triển, sáng tạo những hoạt động dạy học mới, phù hợp với các mục tiêu rèn kĩ năng nói – nghe, đọc, viết của phần Luyện tập tổng hợp. Do đó, trong phần trình bày sau đây, những hoạt động dạy học nào lặp lại SGK tập một sẽ chỉ được nêu tên kèm theo ví dụ mà không có phần hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học.

1. Dạy nói – nghe

Dạy nói và nghe ở tập hai được thiết kế trong hoạt động khởi động của bài học, hoạt động mở rộng, hoạt động kể chuyện và hoạt động nói sáng tạo của các bài học.

Các hoạt động dạy nói – nghe bao gồm: dạy nói – nghe kết nối với bài học; dạy nói – nghe theo nghi thức giao tiếp; dạy hỏi – đáp tương tác; dạy mở rộng vốn từ và phát triển lời nói; dạy nghe – nói trong kể chuyện và dạy nói sáng tạo theo gợi ý.

1.1. Dạy nói – nghe kết nối với bài học

Hoạt động này được thực hiện ở tất cả các bài học.

Các dạng bài tập chủ yếu gồm: nói về tranh minh họa kết hợp với những hiểu biết của bản thân về đối tượng được thể hiện trong tranh; so sánh điểm giống và khác nhau giữa các bức tranh; trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS thể hiện khả năng sử dụng ngôn ngữ để giải quyết vấn đề.

Một số gợi ý về hoạt động tổ chức dạy học:

(1) Nói về tranh minh họa kết hợp với những hiểu biết của bản thân về đối tượng được thể hiện trong tranh.

VD: Bài Cầu vồng, chủ đề 22 Mưa và nắng, SHS tập hai, trang 40

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ và trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi về màu sắc của hình ảnh cầu vồng và nói về một số điều HS biết về cầu vồng.
- HS nghe GV giới thiệu tên bài mới.

(2) *So sánh điểm giống và khác nhau giữa các bức tranh:* GV tổ chức cho HS quan sát hai bức tranh và phát hiện ra điểm giống và khác nhau giữa các bức tranh. Từ đó, GV đàm thoại gợi mở nhằm giúp HS kết nối điều mình vừa phát hiện với điều sẽ học.

VD: Bài Mưa, chủ đề 22 Mưa và nắng, SHS tập hai, trang 35

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ phần khởi động (Gợi ý: GV hướng dẫn HS quan sát tranh tìm điểm khác nhau giữa hai bức tranh (*mưa – nắng, trang phục*); HS trao đổi với bạn những kinh nghiệm thực tế của bản thân: “Em cảm thấy như thế nào khi trời nắng gắt/ trời mưa gió?”, “Khi ra khỏi nhà nếu gặp trời mưa, em phải làm gì?” (*mặc áo mưa, che ô,...*)).
- HS nghe GV giới thiệu tên bài mới.

(3) *Trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS thể hiện khả năng sử dụng ngôn ngữ để giải quyết vấn đề:* GV hướng dẫn HS đọc nhiệm vụ và thảo luận với nhau về cách giải quyết nhiệm vụ. GV tổ chức cho HS trải nghiệm ngôn ngữ để giải quyết nhiệm vụ, từ đó nhận ra nội dung sẽ học.

VD: Bài Mọi người đều khác biệt, chủ đề 33 Chúng mình thật đặc biệt, SHS tập hai, trang 137

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm, đọc và trả lời câu hỏi khởi động trong SHS. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS cách hỏi bạn để tìm được thông tin theo yêu cầu.)
- HS so sánh thông tin vừa tìm được của bạn với những thông tin tương tự của bản thân. Từ đó, rút ra những điểm khác biệt giữa mình và bạn.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

1.2. Dạy nói – nghe theo nghi thức giao tiếp

Hoạt động dạy nói nghe theo nghi thức giao tiếp ở tập hai được thiết kế lồng ghép vào hoạt động nói viết sáng tạo.

Các nghi thức giao tiếp bao gồm: nói – đáp lời chào hỏi, chào tạm biệt, lời cảm ơn, lời xin lỗi, lời xin phép phù hợp với đối tượng bằng vai và không bằng vai, trong những ngữ cảnh khác nhau (ở nhà và ở trường). Khi tổ chức hoạt động này, GV chú ý cho HS thực hành các yếu tố thuộc về nghi thức lời nói đã được giới thiệu ở tập một, như nhận diện từ xưng hô thích hợp với đối tượng giao tiếp, nhận biết sự luân phiên lượt lời, chờ đợi đến lượt, có thái độ và hành vi ứng xử phù hợp với ngữ cảnh, biết kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ để hỗ trợ giao tiếp,...

Các dạng bài tập chủ yếu gồm: nói đáp theo tình huống giao tiếp cho sẵn, đóng vai nhân vật để nói đáp theo yêu cầu.

Một số gợi ý về cách thức tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Nói đáp theo tình huống giao tiếp cho sẵn*: GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu của hoạt động kết hợp với quan sát tranh để hiểu rõ tình huống giao tiếp. GV tổ chức cho HS thảo luận, trao đổi về cách nói đáp theo nghi thức được yêu cầu. Trường hợp HS chưa hiểu tình huống giao tiếp, GV gợi ý bằng các câu hỏi gợi mở, liên hệ với đời sống của các em. Sau đó, GV hướng dẫn cho HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ và tiến hành đánh giá, nhận xét. GV cần giúp cho HS hiểu rằng có thể nói đáp nghi thức được yêu cầu bằng nhiều hình thức, câu nói khác nhau miễn là phù hợp với mục tiêu, ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.

VD: Bài Cô chổi rơm, chủ đề 26 Những người bạn im lặng, SHS tập hai trang 73

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Luyện tập nói lời cảm ơn và xin lỗi với đối tượng không bằng vai

- HS đọc yêu cầu của hoạt động, kết hợp quan sát tranh minh họa, trao đổi trong nhóm nhỏ về tình huống đã cho. GV gợi ý HS nghĩ về cách nói lời cảm ơn và lời xin lỗi đã học ở những bài trước.
- HS trao đổi, thảo luận về từ xưng hô cho phù hợp với vai giao tiếp, về lời cảm ơn và lời xin lỗi cho phù hợp với từng ngữ cảnh.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.
- HS nhận xét, đánh giá phần thực hiện của mình và của các bạn. GV hướng dẫn để HS hiểu rằng có thể sử dụng nhiều cách nói khác nhau miễn là phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.

(2) Đóng vai nhân vật để nói đáp theo yêu cầu.

VD: Bài Chợ hoa ngày Tết ở Hà Nội, chủ đề 23 Tết quê em, SHS tập hai, trang 48

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo (nói lời chúc Tết với ngôi vai không bằng nhau)

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập. GV có thể yêu cầu HS thực hiện theo cặp trong nhóm bốn: trong đó một HS chọn vai ông, một HS chọn vai cháu, một HS đóng vai anh/ chị, một HS đóng vai em. HS trao đổi, thảo luận về từ xưng hô cho phù hợp với vai giao tiếp, về lời chúc Tết cho phù hợp với ngữ cảnh.

– HS quan sát tranh gợi ý, chú ý phần “mách nước” của anh bút chì.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu. GV nhắc HS chú ý sử dụng ngôn ngữ cử chỉ, điệu bộ cho phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh.

– HS nhận xét, đánh giá phần thực hiện của mình và của các bạn.

1.3. Dạy hỏi – đáp tương tác

Các dạng bài tập này bao gồm: luyện hỏi – đáp theo mẫu gợi ý; luyện hỏi – đáp theo nội dung bài học.

Một số gợi ý về cách thức tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Luyện hỏi – đáp theo mẫu gợi ý*: GV tổ chức cho HS quan sát và đọc mẫu gợi ý trong bóng nói của hai bạn HS. Sau đó, cho HS thực hành theo mẫu theo cặp/ nhóm nhỏ.

VD: Bài Bông hoa niềm vui, chủ đề 21 Những bông hoa nhỏ, SHS tập hai, trang 28

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.

– HS quan sát tranh (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi: “Bức tranh thứ nhất, bạn nhỏ đang làm gì?”, “Ở bức tranh thứ hai, bạn gái đang làm gì?”,... HS động não suy nghĩ về việc nhà mà HS từng làm. Khuyến khích HS suy nghĩ về một nội dung khác không thuộc hai hoạt động đã gợi ý trong tranh. HS yếu có thể dùng các gợi ý trong tranh.).

– HS quan sát và đọc phần làm mẫu của hai bạn HS. HS nghe GV hướng dẫn cách đặt câu hỏi cho phù hợp với nội dung của bài tập. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS sử dụng bảng từ dùng để hỏi, VD: *ai, cái gì, điều gì, làm gì, ở đâu, khi nào, như thế nào, tại sao*,... để lựa chọn câu hỏi phù hợp với mục đích hỏi của mình. GV có thể cùng HS làm một bảng từ dùng để hỏi hoặc một số mẫu câu hỏi chứa trống thông tin, VD: “Bạn đã làm...?”, “Bạn làm... cùng với ai?”, “Bạn cảm thấy như thế nào khi...?”,... và treo ở một góc học tập của lớp để HS có thể áp dụng cho những bài tập khác. HS yếu có thể sử dụng câu hỏi và câu trả lời trong phần làm mẫu này. GV nhắc HS việc sử dụng đại từ nhân xưng cho phù hợp (*bạn – mình, cậu – tớ*) và nói câu trọn vẹn, đầy đủ. HS yếu có thể sử dụng câu hỏi và câu trả lời trong phần làm mẫu).

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (GV nhắc HS việc sử dụng âm lượng và điều khiển ánh mắt khi hỏi và trả lời; nhắc HS cách sử dụng gương mặt, bàn tay kèm theo, chẳng hạn, khi nói, em cần nhìn vào mắt bạn, ánh mắt thân thiện, tay em có thể để trên bàn; khi em nghe, em cũng cần nhìn vào bạn, ánh mắt thân thiện, thỉnh thoảng gật đầu và kèm theo một vài từ ngữ phù hợp để xác nhận em đang chăm chú lắng nghe, VD: *ồ, vậy à, sao nữa, thú vị nhỉ,...*).

(2) *Luyện hỏi – đáp theo nội dung bài học:*

VD: Bài Chào xuân, chủ đề 23 Tết quê em, SHS tập hai, trang 45

4. Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi

– HS đọc và trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập. GV hướng dẫn HS cách đặt câu hỏi cho phù hợp với nội dung của bài tập. (Gợi ý: GV yêu cầu HS quan sát lại bảng từ dùng để hỏi để lựa chọn câu hỏi phù hợp với mục đích hỏi của mình. Với HS yếu, GV có thể hướng dẫn HS thêm từ để hỏi vào câu lệnh của bài tập, VD: “Bạn thích điều gì nhất trong ngày Tết?”, “Bạn thường làm gì trong ngày Tết?”, “Bạn thường đi đâu trong những ngày Tết?”,...).

– HS tiến hành phân vai người hỏi, người trả lời và ngược lại.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

1.4. Dạy mở rộng vốn từ và phát triển lời nói

Việc dạy mở rộng vốn từ và phát triển lời nói cho HS ở tập hai được thực hiện trong tiết thực hành và lồng ghép trong các bài học ở các hoạt động đọc văn bản, chính tả, hoạt động mở rộng và nói sáng tạo.

Các dạng bài tập chủ yếu cho hoạt động dạy học này gồm: mở rộng vốn từ bằng tranh gợi ý, mở rộng vốn từ thông qua bài đọc, mở rộng vốn từ bằng cách tìm từ chứa vần.

Một số gợi ý tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Mở rộng vốn từ bằng tranh gợi ý:*

VD: Bài Thực hành, chủ đề 30 Làng quê yên bình, VBT tập hai, trang 60

2. Mở rộng vốn từ: Luyện tập sử dụng từ chỉ con vật, cây cối, hoạt động

– HS đọc yêu cầu của bài tập.

– HS quan sát tranh theo một trật tự nhất định.

– HS thảo luận với bạn về các từ chỉ con vật, từ chỉ cây cối, từ chỉ hoạt động có trong tranh.

– HS đặt câu với những từ vừa điền đúng và viết vào vở.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

(2) *Mở rộng vốn từ thông qua bài đọc*: HS đọc một văn bản và tìm những từ ngữ được yêu cầu theo một trường nghĩa nhất định. GV hướng dẫn cho HS đặt câu có chứa các từ ngữ vừa tìm và viết từ, câu vừa đặt vào vở.

VD: Bài Thực hành, chủ đề 22 Mưa và nắng, VBT tập hai, trang 19

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ

2.1. Luyện tập sử dụng từ chỉ con vật, từ chỉ thời tiết

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS đọc các bài ca dao, tục ngữ về thời tiết và thảo luận với bạn về các từ chỉ con vật, từ chỉ thời tiết có trong bài. GV có thể giải thích thêm mối quan hệ giữa hoạt động của các con vật với các hiện tượng thời tiết nhằm khơi gợi hứng thú tìm hiểu khoa học ở HS.
- HS tìm các từ chỉ con vật, thời tiết có trong bài, viết vào VBT.
- HS đặt câu với những từ vừa tìm được.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

(3) *Mở rộng vốn từ bằng cách tìm từ chứa vần*: Dạng bài này được tích hợp ngay trong hoạt động đọc lưu loát và được tổ chức thành bài tập trong VBT. Để dạy dạng bài này, GV tổ chức cho HS thi đua tìm từ chứa tiếng có vần theo yêu cầu.

VD: Bài Thực hành, chủ đề 22 Mưa và nắng, VBT tập hai trang 19

2. Luyện tập và mở rộng vốn từ

2.2. Nhận diện, đánh vần và đọc trơn từ ngữ chứa vần uya

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS đánh vần vần *uya* và thực hiện yêu cầu của bài tập.
- HS đọc trơn các từ chứa vần *uya* và giải thích nghĩa của các từ đó. (Gợi ý: GV có thể sử dụng hình ảnh minh họa, đặt câu, dùng ngữ cảnh để giúp HS hiểu nghĩa của từ.)

1.5. Dạy nghe – nói trong kể chuyện

Ở tập hai, kiểu bài kể chuyện được thực hiện dưới hai dạng là nghe – kể, xem – kể. Theo đó, các kĩ năng kể chuyện được nâng cao và chủ yếu mang tính chất thực hành những gì đã được giới thiệu ở tập một.

Một số gợi ý tổ chức hướng dẫn dạy học:

(1) *Dạng bài nghe – kể:*

VD: Bài Những phần thưởng đặc biệt, chủ đề 34 Gửi lời chào lớp Một, SHS tập hai, trang 151

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đọc tên truyện *Những phần thưởng đặc biệt*.

– Dựa vào tranh minh hoạ, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Gợi ý: GV có thể hỏi HS: “Bức tranh thứ nhất vẽ cảnh gì?”, “Các bạn được trao phần thưởng vì điều gì?”,...).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV dùng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Em nghĩ cô giáo sẽ trao phần thưởng cuối năm cho những bạn nào?”, “Cha mẹ và các bạn học sinh cảm thấy như thế nào về những phần thưởng đó?”,...).

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV nhắc HS sử dụng cụm từ gợi ý dưới mỗi tranh để ghi nhớ nội dung truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ.

– HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi: “Vì sao cô giáo chủ nhiệm quyết định tặng phần thưởng cho các bạn học sinh lớp 1B?”, “Cha mẹ và các bạn học sinh cảm thấy như thế nào về những phần thưởng đó?”, “Em có thích được cô giáo khen tặng giống như các bạn lớp 1B không?”,...).

(2) *Dạng bài xem – kể:*

VD: Bài Câu chuyện về chú trống choai, chủ đề 21 Những bông hoa nhỏ, SHS tập hai, trang 34

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đọc tên truyện *Câu chuyện về chú trống choai*. **Lưu ý:** HS có thể chưa hiểu nghĩa của từ *trống choai*, GV cần hướng dẫn để giúp HS nhận ra là *trống choai* là con gà trống mới lớn, đang chuẩn bị tập gáy.

– Dựa vào tranh minh hoạ, tên truyện và các từ ngữ có trong tranh minh hoạ, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh

có những nhân vật nào?”, “Ai là nhân vật chính?” (*gà trống choai*), “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*khu vườn*), “Em nghĩ câu chuyện sẽ kể điều gì về chú gà trống choai?” (*tập gáy*), “Có chuyện gì với bác gà trống?”, “Câu chuyện kết thúc như thế nào?”, ...)

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS quan sát tranh minh hoạ, từ ngữ trong bóng nói của các nhân vật và trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh. (Gợi ý: GV sử dụng thêm các câu hỏi phụ để giúp HS nhận diện các yếu tố truyện có trong tranh như nhân vật chính, tình tiết chính tương ứng với mỗi tranh. VD: “Bức tranh thứ nhất gồm có những ai? Các bạn đó đang làm gì? Ở đâu? Vào lúc nào? Đọc bóng nói của trống choai và cho biết trống choai muốn học điều gì từ bác gà trống?”, ... Tương tự cho các tranh khác.)

– HS trao đổi với bạn về nội dung của từng tranh. GV giúp HS phát triển ý tưởng và lời nói bằng các kĩ thuật mở rộng ý, thêm chen từ ngữ, VD: “Liệu ngay từ đầu, trống choai đã gáy ngay được chưa?”, “Nếu trống choai chưa gáy được hoặc gáy không hay, em nghĩ trống choai có bị chế giễu không?”, “Khi bị chế giễu, liệu trống choai có từ bỏ việc tập gáy không?”, “Khi thay thế bác gà trống, em nghĩ liệu trống choai có thể gọi được mặt trời dậy không?”, ...

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ với âm lượng nhỏ, đủ nghe trong nhóm nhỏ. (GV nhắc HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể và khi ngồi nghe kể: nhìn người kể, có những dấu hiệu bằng mắt và bằng từ ngữ để xác nhận việc mình đang nghe bạn kể chuyện. Nếu có một HS không kể được, GV có thể hướng dẫn các bạn khác trong nhóm hỗ trợ bạn bằng cách đặt các câu hỏi cho bạn.)

– HS/ nhóm HS thực hiện kể toàn bộ câu chuyện trước lớp. (GV nhắc HS sử dụng âm lượng, ánh mắt, cử chỉ, biểu cảm của gương mặt khi kể trước lớp.)

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi: “Em thấy trống choai có điểm gì đáng khen?”, “Nhờ đâu mà trống choai có thể gọi được mặt trời dậy?”, “Khi muốn theo đuổi một mong ước, em sẽ làm gì?”...).

1.6. Dạy nói sáng tạo theo gợi ý

Mục đích của hoạt động dạy học nói sáng tạo là giúp HS mở rộng hiểu biết về nội dung của bài đã học; phát huy tính sáng tạo, ý kiến, quan điểm riêng của cá nhân từng HS về một vấn đề liên quan đến bài đã học. Hoạt động dạy học này được sắp xếp ở vị trí cuối mỗi bài học, kết hợp với hoạt động dạy học viết sáng tạo nhằm rèn khả năng vận dụng, thực hành sử dụng các kĩ năng ngôn ngữ cho HS.

Một số dạng bài tập của hoạt động dạy học nói sáng tạo: nói theo tranh gợi ý; nói theo câu hỏi/ gợi ý; đặt tên cho bức tranh; giới thiệu về người/ đồ vật theo gợi ý.

Một số gợi ý tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Nói theo tranh gợi ý*: GV cho HS đọc yêu cầu của hoạt động. HS quan sát tranh và tìm xem trong tranh những điểm thể hiện các yêu cầu của hoạt động. HS thảo luận theo nhóm/ cặp để tìm thêm những ý kiến khác để thực hiện hoạt động.

VD: Bài *Mặt trời và hạt đậu*, chủ đề 22 *Mưa và nắng*, SHS tập hai, trang 39

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập và quan sát tranh gợi ý. (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi để giúp HS hình thành một số ý tưởng cho việc thực hiện hoạt động nói, VD: “Bức tranh thứ nhất cho thấy các bạn nhỏ đang làm gì?”, “Các bạn ấy đang ăn uống những gì?”, “Bức tranh số 2 cho thấy mọi người đang làm gì?”, “Trời nắng hay mưa?”, “Những người đi đường dùng những vật dụng gì để che nắng, chống nắng?”,...).
- HS thảo luận thêm một số ý tưởng không thuộc các hoạt động đã gợi ý trong tranh.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ. (GV khuyến khích, biểu dương những HS nói các hoạt động khác, miễn đó là việc làm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi và có ý nghĩa giáo dục, đúng với chủ đề *Mưa và nắng*.)

(2) *Nói theo câu hỏi/ gợi ý*: GV tổ chức cho HS đọc và thảo luận về nội dung câu hỏi/ câu gợi ý. HS thảo luận để nêu lên những ý tưởng cho việc trả lời nội dung câu hỏi. HS phân công công việc và thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ (một HS đọc câu hỏi, một HS trả lời và đổi ngược lại).

VD: Bài *Buổi học cuối năm*, chủ đề 34 *Gửi lời chào lớp Một*, SHS tập hai, trang 145

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS đọc và trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ những ý tưởng để trả lời nội dung câu hỏi.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (một HS đọc câu hỏi, một HS trả lời, sau đó đổi lại).

(3) *Đặt tên cho bức tranh*: GV hướng dẫn HS quan sát tranh/ ảnh. GV gợi mở nhằm giúp HS hiểu về nội dung bức tranh (*ai, cái gì, làm gì, ở đâu, như thế nào,...*). GV hướng dẫn HS cách đặt tên cho bức tranh/ thực hành đặt tên cho bức tranh. HS thảo luận theo nhóm và lựa chọn tên bức cho bức tranh/ ảnh mà mình chọn.

VD: Bài Làng gốm Bát Tràng, chủ đề 30 Làng quê yên bình, SHS tập hai, trang 114

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

– HS quan sát tranh (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi: “Bức ảnh thứ nhất cho thấy mọi người đang làm việc gì, ở đâu, công việc đó thế nào?”, “Bức ảnh thứ hai cho thấy mọi người đang làm gì, ở đâu, công việc đó thế nào?”, “Em nghĩ họ có vui thích không khi làm công việc đó?”, “Em sẽ đặt tên gì cho bức ảnh mình chọn?”,...). HS nêu lại cách đặt tên cho một bức tranh/ ảnh.

– HS thảo luận trong nhóm về những tên gọi cho bức ảnh mình chọn. GV có thể tổ chức bước này bằng kĩ thuật hoạt động góc.

– HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ và đánh giá tên gọi nào nghe hay nhất/ thú vị nhất.

(4) *Giới thiệu về người/ đồ vật theo gợi ý:* GV tổ chức cho HS đọc yêu cầu của hoạt động. HS nghe GV giới thiệu/ nhắc lại cách giới thiệu về người, đồ vật. HS đọc các câu gợi ý. HS thảo luận trong nhóm về những ý tưởng cho từng gợi ý và thực hiện bài tập.

VD: Bài Làm bạn với bố, chủ đề 24 Những người bạn đầu tiên, SHS tập hai, trang 57

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ về yêu cầu của hoạt động.

– HS đọc các gợi ý để hình dung trật tự các nội dung trong lời giới thiệu về cha hoặc mẹ của mình. GV có thể tổ chức hoạt động này theo kĩ thuật mảnh ghép để giúp HS có thêm nhiều ý tưởng cho mỗi vế được yêu cầu.

– HS nhắc lại cách nói lời giới thiệu. GV nhắc nhở HS việc sử dụng lời chào trước khi nói lời giới thiệu.

– HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

2. Dạy đọc

Tương tự như tập một, ở tập hai, việc dạy đọc lưu loát được dạy kết hợp với đọc hiểu ngay trên cùng một văn bản đọc. Ngoài ra, từ một đến hai tuần, HS sẽ có một hoạt động đọc mở rộng liên quan đến chủ đề của tuần học, kèm theo một số yêu cầu tìm hiểu về hình thức và nội dung của văn bản đọc mở rộng.

2.1. Dạy đọc lưu loát

Sang đến phần Luyện tập tổng hợp, HS đã có thể đọc thắm văn bản đọc, vì vậy, GV cần hướng dẫn để giúp các em nâng cao tốc độ đọc.

Cách tổ chức hoạt động dạy học cho hoạt động này như sau:

Bước 1: GV đọc mẫu kết hợp đặt câu hỏi kích thích sự hứng thú, tập trung theo dõi của HS. GV chú ý đọc mẫu kết hợp ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, giọng điệu phù hợp với nội dung và thể loại của văn bản đọc.

Bước 2: GV hướng dẫn HS đọc một số từ khó đọc, cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu/ cụm từ có nghĩa, cách ngắt nhịp (đối với văn bản thơ).

Bước 3: GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng theo nhóm nhỏ, đọc luân phiên theo đoạn/ bài (không đọc nối tiếp câu). GV sửa lỗi phát âm theo hướng tiếp cận cá nhân.

Bước 4: GV tổ chức cho HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu bằng những cách phù hợp, khuyến khích cách giải thích nghĩa của từ bằng ngữ cảnh trong bài đọc, đặt câu.

Bước 5: GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc để tìm tiếng trong bài có chứa vần cần ôn luyện. HS tìm thêm từ ngữ ngoài bài đọc từ chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu với từ vừa tìm được.

VD: Bài *Chuyện của Nam*, chủ đề 33 *Chúng mình thật đặc biệt*, SHS tập hai, trang 134

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS, VD: “Nam không giải được bài toán. Theo em, Nam sẽ cảm thấy như thế nào?”, “Ba bảo Nam giỏi môn khác. Vậy em nghĩ Nam giỏi môn học nào?”).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc từ khó đọc như: *chuyện, siêu, hươ, ngoắc tay, luyện tập...*

– HS đọc thành tiếng bài đọc.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu: *siêu, hươ, tự hào, ngoắc,...*

– HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ươ, ăc, im*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ươ, ăc, im*. GV hướng dẫn HS đánh vần vần khó, tiếng từ chứa vần khó *ươ, ăc*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *im, iêm* và đặt câu, VD: “Em thích làm nghề quay phim.”; “Em tập múa kiếm.”;...

2.2. Dạy đọc hiểu

Các dạng câu hỏi đọc hiểu được sử dụng trong hoạt động này bao gồm: câu hỏi tìm chi tiết trong bài, câu hỏi tìm hiểu về hình thức/ thể loại, câu hỏi về nội dung của bài đọc và câu hỏi liên hệ bản thân. Các câu hỏi được thiết kế theo các dạng: câu hỏi gợi mở, câu lệnh, câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn và câu hỏi kết hợp với tranh ảnh minh họa (câu hỏi kết nối ngôn ngữ hình ảnh).

Bên cạnh các câu hỏi trong SGK, GV linh động tổ chức các dạng câu hỏi hoặc hình thức đọc hiểu khác tương ứng với năng lực của HS nhằm đảm bảo mục tiêu dạy học phân hoá.

Sau đây là một số gợi ý về cách tổ chức hoạt động dạy học đọc hiểu theo thể loại văn bản:

(1) Dạy học đọc hiểu văn bản văn học

Tuỳ thuộc vào các đặc điểm về nội dung và hình thức của văn bản đọc mà GV tổ chức thực hiện việc đọc hiểu tương ứng. Dưới đây là một số gợi ý về các kiểu câu hỏi hoặc hình thức đọc hiểu cho việc dạy thể loại văn bản văn học.

Nhóm bài tập đọc hiểu nội dung:

– Loại bài tập nhận diện các chi tiết được thể hiện tường minh trong văn bản, trả lời cho các câu hỏi *Ai, cái gì, ở đâu, khi nào, làm gì, như thế nào, vì sao,...* VD: “*An muốn hái bông hoa để làm gì?*” (bài *Bông hoa niềm vui*, SHS tập hai trang 26), “*Bạn nhỏ trong bài thơ muốn gửi gì cho bố?*” (bài *Thư gửi bố ngoài đảo*, SHS tập hai trang 128).

– Loại bài tập xác định ý khái quát (đại ý) của văn bản dựa vào gợi ý: đây là kĩ năng khó với HS tiểu học do các em hay bị nhiễu bởi nội dung của từng đoạn. Vì vậy, cách hỗ trợ HS là GV đưa ra các đại ý khác nhau theo hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn để HS đối chiếu với các ý đã biết, rồi chọn lựa *đại ý đã chọn*. Sau đó, GV đặt câu hỏi hướng dẫn HS giải thích lí do vì sao chọn (căn cứ vào chỗ nào trong bài đọc để chọn ý đó).

VD: VBT, chủ đề 21 *Những bông hoa nhỏ* có câu hỏi: “*Bài đọc Bông hoa niềm vui nói về điều gì? Hãy đánh dấu ✓ vào ô trống trước ý em chọn.*”

☐ Cô giáo hái tặng bạn An bông hoa cúc.

☐ Tấm lòng hiếu thảo của bạn An.

VBT, chủ đề 25 *Mẹ và cô* có câu hỏi: “*Bài đọc Mẹ của thỏ bông kể về điều gì? Hãy đánh dấu ✓ vào ô trống trước ý em chọn.*”

☐ Bé chơi trò đóng vai làm mẹ của thỏ bông.

☐ Mẹ thỏ lấy khăn mát chườm cho con.

Nhóm bài tập đọc hiểu hình thức, bao gồm các loại bài tập sau:

– Loại bài tập xác định từ ngữ chỉ màu sắc, hình dáng, âm thanh, đặc điểm, hành động... của đối tượng miêu tả trong bài đọc. VD: “*Tìm từ chỉ âm thanh của chuông báo giờ ra chơi.*” (bài *Cùng vui chơi*, SHS tập hai, trang 86), “*Tìm từ ngữ cho thấy Minh xấu hổ.*” (bài *Câu chuyện về giấy kẻ*, SHS tập hai, trang 89),...

– Loại bài tập nhận diện các đặc điểm của thể loại văn bản như nhân vật, lời nhân vật,... VD: “*Đọc câu hỏi của bà và câu trả lời của bé.*” (bài *Mẹ của thỏ bông*, tập hai, trang 62), “*Bài đọc có những nhân vật nào?*” (bài *Khu rừng kì lạ dưới đáy biển*, SHS tập hai, trang 125),...

Nhóm bài tập đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối: gồm hai loại sau:

– Loại bài tập kết nối đọc hiểu chi tiết trong văn bản với đọc ngôn ngữ hình ảnh, VD: “*Đọc các câu thơ trong bài tương ứng với nội dung từng bức tranh sau:*” (bài *Mưa*, SHS tập hai, trang 35; bài *Đi học*, SHS tập hai, trang 101; bài *Làng em buổi sáng*, SHS tập hai, trang 107,...). GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, giúp HS quan sát tranh và nhận ra bức tranh đang vẽ về điều gì/ cảnh gì. Từ đó hướng dẫn HS quay trở lại bài đọc và xác định vị trí câu thơ tương ứng với nội dung tranh. GV cũng có thể sử dụng hình thức thi đua ghép tranh giữa các nhóm/ tổ để gia tăng hứng thú tìm hiểu bài.

– Loại bài tập liên hệ bản thân, đánh giá nhân vật/ chi tiết trong bài đọc, kết nối kinh nghiệm ngôn ngữ và xã hội của HS, VD: “*Em thích loài hoa nào nhất?*” (bài *oa oe*, SHS tập hai, trang 7), “*Nêu những hình ảnh đẹp em thấy trên đường đến trường.*” (bài *Đi học*, SHS tập hai, trang 101), “*Nêu một, hai việc em dự định làm trong kì nghỉ hè sắp tới.*” (bài *Buổi học cuối năm*, SHS tập hai, trang 143),...

(2) Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin

Tuỳ thuộc vào các đặc điểm về nội dung và hình thức của văn bản đọc mà GV tổ chức thực hiện việc đọc hiểu tương ứng. Dưới đây là một số gợi ý về các kiểu câu hỏi hoặc hình thức đọc hiểu cho việc dạy thể loại văn bản thông tin.

Nhóm bài tập đọc hiểu nội dung, bao gồm các loại bài tập sau:

– Loại bài tập nhận diện các thông tin nổi bật được thể hiện tường minh trong văn bản, VD: “*Nêu tên các trò chơi mà bạn nhỏ có thể chơi cùng ông bà khi bạn đã biết đọc, biết viết.*” (bài *Những trò chơi cùng ông bà*, SHS tập hai, trang 58), “*Bài đọc cho biết bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh còn có tên gọi là gì?*” (bài *Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh*, SHS tập hai, trang 118),...

– Loại bài tập xác định ý khái quát (đại ý) của văn bản (văn bản này viết về điều gì) có gợi ý, hỗ trợ, VD: “*Bài đọc khuyên em điều gì? Nói với bạn một ý em chọn: a. Nên che giấu cảm xúc, b. Cần biết yêu thương mẹ và cô, c. Cần phải biết chia sẻ cảm xúc.*” (bài *Nói với em*, SHS tập hai, trang 65), “*Bài đọc trên viết về điều gì? Hãy chọn ý đúng: a. Cá heo sợ hãi khi gặp người, b. Cá heo là một loài cá dữ, c. Cá heo biết cứu người.*” (bài *Cá heo biết cứu người*, SHS tập hai, trang 156),...

Nhóm bài tập đọc hiểu hình thức, bao gồm các loại bài tập sau:

– Loại bài tập xác định từ ngữ chỉ màu sắc, hình dáng, đặc điểm,... của đối tượng miêu tả trong bài đọc. VD: “*Tìm các từ ngữ chỉ màu sắc nổi bật của cầu vồng.*” (bài *Cầu vồng*, SHS tập hai, trang 40), “*Tìm từ ngữ nói về cách cài quai mũ bảo hiểm khi đội.*” (bài *Mũ bảo hiểm*, SHS tập hai, trang 76),...

– Loại bài tập nhận biết trình tự của các chi tiết, sự việc trong văn bản, VD: VBT tuần 26, có bài tập đọc *Đội mũ bảo hiểm thế nào cho đúng?* và câu hỏi “*Bài đọc cho biết, để đội mũ bảo hiểm đúng, em cần theo mấy bước? Hãy dùng từ ngữ đầu tiên, cuối cùng, sau*

đó, tiếp theo thay cho các số chỉ thứ tự 1, 2, 3, 4.”. Hoặc tuần 28, bài *Bạn có biết giặt ba lô?* có các yêu cầu “*Hãy nói trình tự các bước giặt ba lô làm bằng vải. Nối các từ ngữ chỉ các bước giặt ba lô đúng với tranh vẽ*”. Với dạng bài tập này, GV cần giúp HS đọc lại bài đọc, xác định vị trí các sự việc được nhắc đến trong câu hỏi, đánh số các sự việc theo trật tự xuất hiện trong bài đọc để trả lời câu hỏi.

– Loại bài tập nhận diện các đặc điểm của thể loại văn bản như hiểu nghĩa một số tín hiệu đơn giản gắn với HS, VD: bài tập ở tuần 29 (VBT, tập hai, trang 55) “*Vẽ một biển báo em biết và viết tên của biển báo đó*”.

Bài tập đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối: liên hệ bản thân, kết nối kinh nghiệm ngôn ngữ và xã hội của HS, VD: “*Khi ở trường, em có thể chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với những ai?*” (bài *Nói với em*, SHS tập hai, trang 65), “*Nêu tên hai hoạt động em muốn được thực hiện trong kì nghỉ hè sắp tới*.” (bài *Kì nghỉ hè của em*, SHS tập hai, trang 148),...

2.3. Dạy đọc mở rộng

Các dạng bài đọc mở rộng ở tập hai bao gồm: đọc theo chủ đề được yêu cầu, đọc và chia sẻ các thông tin về hình thức và nội dung của văn bản.

Một số gợi ý về cách tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Đọc theo chủ đề được yêu cầu*: hoạt động dạy học này nhằm giúp HS biết cách tìm đọc và giới hạn văn bản theo nhu cầu, do vậy GV cần hướng dẫn HS đọc tên sách, tên từ sách trên góc trái/ phải của bìa sách để tìm được văn bản theo yêu cầu. Để thực hiện được yêu cầu này, GV cần hướng dẫn HS cách làm trong hoạt động dẫn dò ở bài học trước đó.

VD: Bài Câu chuyện về giấy kẻ, chủ đề 28 Trong chiếc cặp của em, SHS tập hai, trang 92

6. Hoạt động mở rộng

HS chia sẻ bài viết có nội dung về hướng dẫn cách sử dụng đồ dùng học tập. GV chú ý hướng dẫn HS nói về nội dung của bài viết.

(2) *Đọc và chia sẻ các thông tin về hình thức và nội dung của văn bản*: hoạt động dạy học này nhằm giúp HS quan sát đến các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản. Do vậy, GV cần hướng dẫn một cách tường minh về các yếu tố hình thức và nội dung này thông qua làm mẫu và đàm thoại gợi mở trong hoạt động dẫn dò ở bài học trước đó. GV có thể thực hiện làm mẫu lại trong một số tiết dạy đầu tiên có hoạt động này.

VD: Bài Ước mơ nào cũng quý, chủ đề 33 Chúng mình thật đặc biệt, SHS tập hai, trang 140

5. Hoạt động mở rộng

– HS chia sẻ một câu chuyện (nêu được tên truyện, tên nhân vật trong truyện).

3. Dạy viết

3.1. Dạy tập viết

Ở tập hai, HS được làm quen với việc tô chữ viết hoa và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ. Các chữ viết hoa được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái và được tổ chức thực hiện trong các bài đọc là văn bản truyện và văn bản thông tin. Các câu ứng dụng có nội dung gắn liền với chủ đề và có chứa chữ cái viết hoa vừa học.

Các bước tổ chức việc dạy tô chữ viết hoa và viết câu ứng dụng được thực hiện tương tự như các bước dạy kĩ thuật viết theo mẫu đã được hướng dẫn ở tập một.

VD: Bài Mặt trời và hạt đậu, chủ đề 22 Mưa và nắng, SHS tập hai, trang 37

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ B và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ B

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ B.
- HS dùng ngón tay viết con chữ B hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ B hoa vào VTV. Chú ý các điểm đặt bút và kết thúc.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng.
- HS quan sát GV viết chữ Ban.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

3.2. Dạy chính tả

Các dạng bài chính cho hoạt động này ở tập hai là: chính tả nhìn – viết, chính tả nghe – viết, chính tả có quy tắc và chính tả phương ngữ.

Một số gợi ý tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Chính tả nhìn – viết (tập chép)*: sang phần Luyện tập tổng hợp, HS được thực hành hoạt động dạy học chính tả nhìn – viết đối dạng văn bản là các đoạn văn trích từ trong bài đọc. Quy trình thực hiện chính tả nhìn – viết tương tự như đã giới thiệu ở tập một.

VD: Bài Bông hoa niềm vui, chủ đề 21 Những bông hoa nhỏ, SHS tập hai, trang 26

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Chính tả nhìn – viết

- HS đọc lại câu văn được yêu cầu viết chính tả. HS nghe GV hướng dẫn về những điểm lưu ý khi nhìn – viết một câu văn khác với viết câu thơ đã học trước đó, VD: lùi đầu dòng ngắn hơn, không xuống dòng, có dấu chấm cuối câu, đầu câu viết hoa.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ hoặc do có nhiều hình thức chữ viết cho một âm (d/ gi). VD: *niềm vui, dịu, cơn đau*. HS giải thích nghĩa của những từ vừa nêu và đặt câu.

– HS nhìn và viết câu văn vào VTV (Gợi ý: GV nhắc HS lùi vào đầu dòng, nhắc HS có thể viết chữ in hoa cho các chữ đầu câu (không bắt buộc viết hoa theo mẫu viết tay chữ Em). Nhắc HS viết dấu chấm cuối câu).

– HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

(2) *Chính tả nghe – viết*: dạng bài tập này giúp HS luyện tập khả năng chuyển đổi âm thanh được nghe thành chữ viết đúng chính tả, rèn kỹ năng nghe – hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn. Do vậy, GV cần giúp HS đọc lại câu/ đoạn cần viết, đàm thoại gợi mở để giúp HS hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn cần viết. Trường hợp đoạn cần viết có các tiếng từ khó đọc, dễ viết sai do đặc điểm phương ngữ, GV cần tổ chức cho HS đánh vần, nhận diện tiếng/ từ dễ sai.

VD: Bài Những bông hoa nhỏ trên sân, chủ đề 21 Những bông hoa nhỏ, SHS tập hai, trang 29

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Chính tả nghe – viết

– HS nghe GV giới thiệu về kiểu bài chính tả nghe – viết và các yêu cầu tương ứng với kiểu bài này.

– HS đọc lại câu văn được yêu cầu viết chính tả và trả lời một số câu hỏi về nội dung câu cần viết.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ. VD: *trẻ em, tình yêu, ...* HS đặt câu hoặc giải thích nghĩa của những tiếng/ từ này.

– HS nghe và viết câu văn vào VTV (Gợi ý: GV nhắc HS lùi vào đầu dòng). GV đọc lần một cả câu văn. Lần hai, GV đọc lại, chú ý ngắt câu tại các cụm từ có nghĩa. Lần ba, GV đọc lại câu để HS dò. GV nhắc HS có thể viết chữ in hoa cho chữ đầu câu (không bắt buộc viết hoa theo mẫu viết tay chữ Trẻ). Viết dấu chấm cuối câu.

– HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

(3) *Chính tả có quy tắc:*

VD: Bài Vui học ở Thảo cầm viên, chủ đề 27 Bạn cùng học cùng chơi, SHS tập hai, trang 83

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập. HS nhắc lại quy tắc chính tả *ng-/ ngh-*. Yêu cầu HS tìm thêm một số từ thể hiện quy tắc này.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

(4) *Chính tả phương ngữ:*

VD: Bài Bông hoa niềm vui, chủ đề 21 Những bông hoa nhỏ, SHS tập hai, trang 27

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập. Tuỳ đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập. (**Lưu ý:** với những HS chậm, GV có thể hỏi HS “Bức tranh số 1 vẽ bạn trai đang làm gì?” (*lau bàn ăn*), “Chữ bàn kết thúc bằng âm gì?”, “Bức tranh số 2 vẽ bạn gái đang làm gì?” (*phụ mẹ bán hàng*), “Chữ hàng kết thúc bằng âm gì?”,...).
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

3.3. Dạy viết sáng tạo

Mục đích của hoạt động dạy học viết sáng tạo là nhằm giúp HS chuyển đổi ý tưởng được trình bày dưới ngôn ngữ nói trong hoạt động luyện nói sáng tạo thành ngôn ngữ viết và làm quen với việc viết câu/ đoạn.

Các dạng bài cho hoạt động này: viết theo mẫu gợi ý; viết lại nội dung vừa nói; viết tên cho bức tranh.

Một số gợi ý tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Viết theo mẫu gợi ý:* GV hướng dẫn HS đọc mẫu và chuyển đổi nội dung vừa nói ở hoạt động nói sáng tạo thành câu văn viết. HS thực hiện theo mẫu với nội dung mà mình đã trao đổi với bạn. GV tổ chức cho HS tự đánh giá việc viết trọn ý, lỗi chính tả và dấu câu, HS tự sửa lỗi bài viết của mình (nếu có).

VD: Bài *Bông hoa niềm vui*, chủ đề 21 *Những bông hoa nhỏ*, SHS tập hai, trang 27

5.2. Viết sáng tạo

– HS đọc câu văn mẫu và tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS viết một việc nhà mà em đã làm, nhắc HS chú ý việc viết hoa đầu câu (có thể viết chữ in hoa) và sử dụng dấu chấm cuối câu, khoảng cách giữa các chữ trong một câu).

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.

– HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV. HS tự sửa lỗi trong bài viết của mình (nếu có).

Lưu ý: GV không nên sửa lỗi chính tả, và lỗi đặt câu quá nhiều để tránh làm trẻ chán viết. GV nên nhận xét về ý tưởng của trẻ. Các nhận xét của GV nên theo hướng động viên, khuyến khích.

(2) *Viết lại nội dung vừa nói:* Dạng bài tập này được thiết kế sau khi HS đã làm quen với việc luyện tập viết theo mẫu và điền thông tin để hoàn thành về câu. Do vậy, GV cần giúp HS thực hành việc chuyển đổi từ ngôn ngữ nói sang ngôn ngữ viết.

VD: Bài *Câu chuyện về giấy kẻ*, chủ đề 28 *Trong chiếc cặp của em*, SHS tập hai, trang 89

5.2. Viết sáng tạo

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.

– HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV. HS tự sửa lỗi trong bài viết của mình (nếu có).

(3) *Viết tên cho bức tranh:* GV cần hướng dẫn HS hiểu sự khác nhau giữa việc đặt tên cho bức tranh/ ảnh (ngôn ngữ nói) với việc viết tên bức tranh/ ảnh đó. GV đưa mẫu và cho HS phân tích các đặc điểm của mẫu.

VD: Bài *Cầu vồng*, chủ đề 22 *Mưa và nắng*, SHS tập hai, trang 40

5.2. Viết sáng tạo

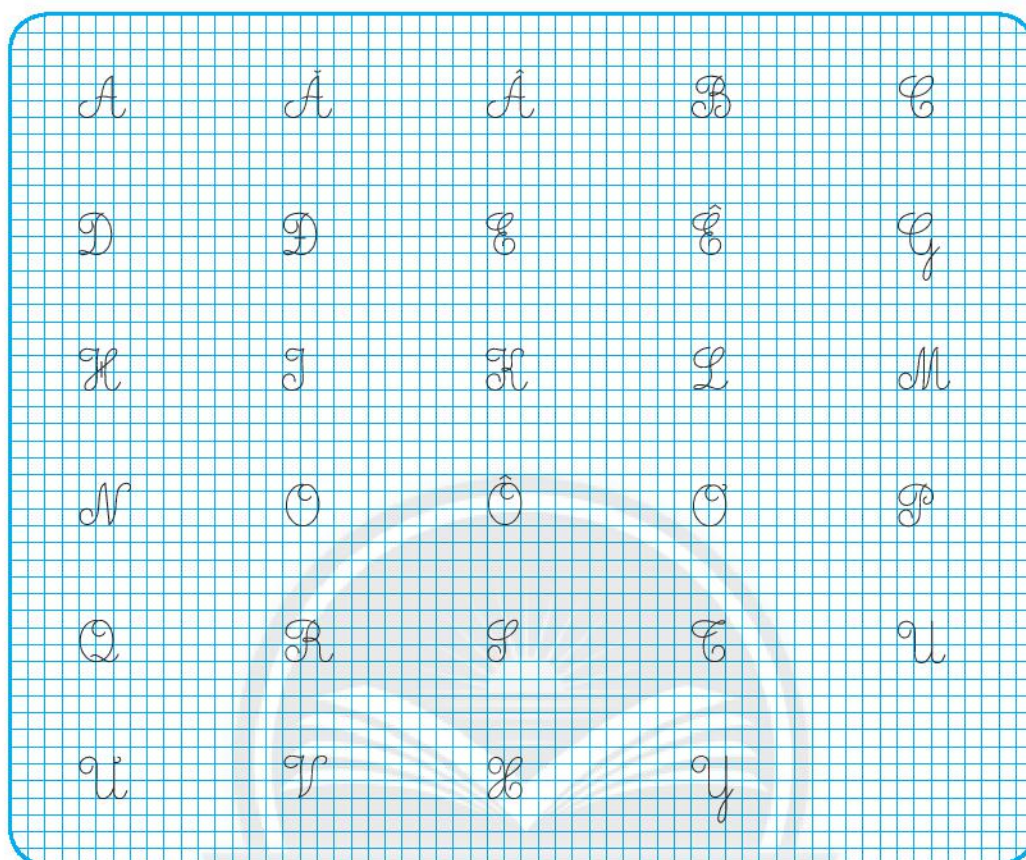
– HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành chữ viết. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS cách viết tên bức tranh: viết hoa chữ đầu của tên bức tranh/ ảnh, cuối tên không dùng dấu chấm câu – trừ những trường hợp đặc biệt; chú ý khoảng cách giữa các chữ trong tên; rà soát kỹ, tránh lỗi chính tả).

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.

– HS tự đánh giá, nhận xét phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

IV. MẪU CHỮ VIẾT HOA CỖ NHỎ (2,5 Ô LI) VÀ HƯỚNG DẪN VIẾT

1. Mẫu chữ viết hoa cỡ nhỏ (2,5 ô li)



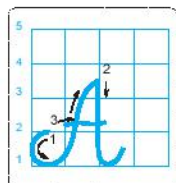
2. Hướng dẫn viết chữ viết hoa cỡ nhỏ

Tất cả các chữ hoa đều có độ cao 2,5 ô li. Để giúp HS dễ ghi nhớ các nét tạo nên mỗi con chữ, GV có thể phân nhóm các chữ viết hoa như sau:

- Nhóm 1: Gồm các chữ A, Ă, Â, N, M
- Nhóm 2: Gồm các chữ D, Đ, P, B, R
- Nhóm 3: Gồm các chữ C, S, L, G, E, Ê
- Nhóm 4: Gồm các chữ I, V, K, H, T
- Nhóm 5: Gồm các chữ O, Ô, Ơ, Q
- Nhóm 6: Gồm các chữ U, Ư, Y, X.

Nhóm 1

Chữ cái A



– Phân tích: gồm ba nét là nét móc ngược trái, nét móc ngược phải và nét lượn.

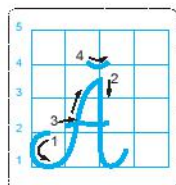
– Cách viết:

① Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 2 viết một nét móc ngược trái, hơi lượn vòng khi đến điểm dừng trên đường kẻ dọc số 3.

② Không nhấc bút, viết tiếp nét móc ngược phải và dừng bút dưới dòng kẻ ngang số 2 và trước đường kẻ dọc số 4.

③ Lia bút đến trung điểm trên dòng kẻ ngang 2, viết nét lượn cắt ngang hai nét móc ngược và dừng bút bên phải đường kẻ dọc số 3.

Chữ cái Ă



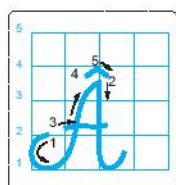
– Phân tích: gồm ba nét là nét móc ngược trái, nét móc ngược phải, nét lượn và dấu mũ ngược.

– Cách viết:

① Viết như chữ A.

② Lia bút đến dòng kẻ ngang số 4, viết nét lượn vòng mà trục đối xứng là đường kẻ dọc số 3.

Chữ cái Æ



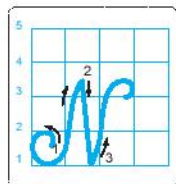
– Phân tích: gồm ba nét là nét móc ngược trái, nét móc ngược phải, nét lượn và dấu mũ.

– Cách viết:

① Viết như chữ A.

② Lia bút đến dưới dòng kẻ ngang số 4, viết nét xiên phải, không nhấc bút viết liền mạch nét xiên trái và dừng bút dưới dòng kẻ ngang số 4, bên phải đường kẻ dọc số 3.

Chữ cái N



– Phân tích: gồm ba nét là nét móc ngược trái, nét xiên trái và nét móc phải.

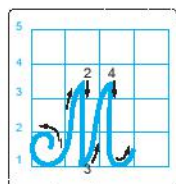
– Cách viết:

① Đặt bút dưới dòng kẻ ngang số 2, viết một nét móc ngược trái, hơi lượn vòng khi đến điểm dừng dưới dòng kẻ ngang số 4, bên phải đường kẻ dọc số 2.

② Không nhắc bút, viết tiếp nét xiên trái đến điểm dừng trên dòng kẻ ngang số 1, trước đường kẻ dọc số 2.

③ Không nhắc bút, viết nét móc phải, hơi lượn vòng tại điểm bắt đầu và dừng bút trên dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 4.

Chữ cái M



– Phân tích: gồm bốn nét là nét móc ngược trái, nét thẳng đứng, nét xiên phải và nét móc ngược phải.

– Cách viết:

① Đặt bút dưới dòng kẻ ngang số 2, viết một nét móc ngược trái, hơi lượn vòng khi đến điểm dừng dưới dòng kẻ ngang số 4, bên phải đường kẻ dọc số 2.

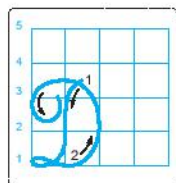
② Không nhắc bút, viết nét thẳng đứng đến điểm dừng trên dòng kẻ ngang số 1, giữa đường kẻ dọc số 2, 3.

③ Không nhắc bút, viết nét xiên phải, hơi lượn vòng hai đầu đến điểm dừng dưới dòng kẻ ngang số 4, bên phải đường kẻ dọc số 3.

④ Không nhắc bút, viết nét móc ngược phải và dừng bút trên đường kẻ dọc số 4, giữa dòng kẻ ngang số 1, 2.

Nhóm 2

Chữ cái D



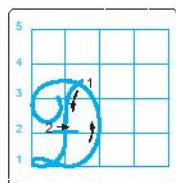
– Phân tích: gồm bốn nét là nét móc ngược trái, nét thẳng, nét cong phải và nét cong trái.

– Cách viết:

① Đặt bút dưới dòng kẻ ngang số 4, trước đường kẻ dọc số 3, viết một nét móc ngược trái sát đường kẻ dọc số 2 và hơi lượn vòng khi bắt đầu đến dòng kẻ ngang số 1 kết hợp viết nét thẳng tiếp xúc với dòng kẻ ngang số 1.

② Không nhắc bút, viết liền mạch nét cong phải, liền mạch với nét cong trái và dừng bút tại điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2.

Lưu ý: Lưng của nét cong phải tiếp xúc với đường kẻ dọc số 3. Lưng của nét cong trái tiếp xúc với đường kẻ dọc số 1.



Chữ cái Đ

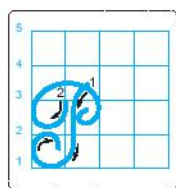
– Phân tích: gồm năm nét là nét móc ngược trái, nét thẳng, nét cong phải, nét cong trái và nét ngang.

– Cách viết:

① Viết như chữ D.

② Lia bút đến điểm trên dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 2, viết nét ngang rồi dùng bút sao cho đối xứng qua nét móc ngược trái.

Chữ cái P



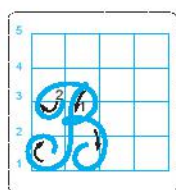
– Phân tích: gồm ba nét là nét móc ngược trái, nét cong trái và nét cong phải.

– Cách viết:

① Đặt bút dưới dòng kẻ ngang số 4, trước đường kẻ dọc số 3, viết một nét móc ngược trái sát đường kẻ dọc số 2, hơi lượn vòng khi bắt đầu và dùng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 2.

② Lia bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái liền mạch với nét cong phải và dùng bút dưới dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 3.

Chữ cái B



– Phân tích: gồm 4 nét là nét móc ngược trái và nét cong trái, nét cong phải kết hợp với nét thẳng.

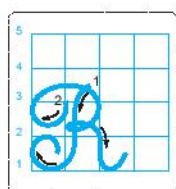
– Cách viết:

① Đặt bút dưới dòng kẻ ngang số 4, trước đường kẻ dọc số 3, viết một nét móc ngược trái sát đường kẻ dọc số 2, hơi lượn vòng khi bắt đầu và dùng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 2.

② Lia bút đến điểm trên dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái liền mạch với nét cong phải kết hợp với nét thẳng cắt ngang nét móc ngược trái giữa dòng kẻ ngang số 2, 3 và dùng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 3.

Lưu ý: Lưng của nét cong trái chưa tiếp xúc với đường kẻ dọc số 1. Lưng của nét cong phải (trên nét thẳng) chưa tiếp xúc với đường kẻ dọc số 3. Lưng của nét cong phải (dưới nét thẳng) lấn sang đường kẻ dọc số 3.

Chữ cái R



– Phân tích: gồm năm nét là nét móc ngược trái, nét cong trái, nét cong phải, nét thẳng và nét móc ngược phải.

– Cách viết:

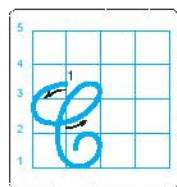
① Đặt bút dưới dòng kẻ ngang số 4, trước đường kẻ dọc số 3, viết một nét móc ngược trái sát đường kẻ dọc số 2, hơi lượn vòng khi bắt đầu và dùng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 2.

© Lia bút đến điểm giao nhau giữa dòng kẻ ngang số 3 và đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái liền mạch với nét cong phải, nét thắt, nét móc ngược phải và dừng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 4.

Lưu ý: Lưng của nét cong trái tiếp xúc với đường kẻ dọc số 1. Lưng của nét cong phải (trên nét thắt) tiếp xúc với đường kẻ dọc số 3. Nét thắt nằm trên dòng kẻ ngang số 2 và cắt ngang nét móc ngược trái.

Nhóm 3

Chữ cái C



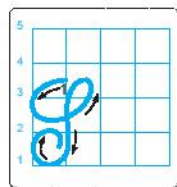
– Phân tích: gồm hai nét là nét cong trái và nét cong phải.

– Cách viết:

Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4, viết một nét cong trái nhỏ trên dòng kẻ ngang số 2, lượn vòng lên chạm đường kẻ dọc số 3 viết tiếp nét cong trái lớn liền mạch với nét cong phải và dừng bút trước đường kẻ dọc số 3, dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút.

Chữ cái S



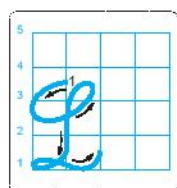
– Phân tích: gồm hai nét là nét cong trái và nét thẳng đứng.

– Cách viết:

Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4, viết một nét cong trái trên dòng kẻ ngang số 2, lượn vòng lên chạm đường kẻ dọc số 3 viết nét thẳng đứng cách bên phải đường kẻ dọc số 2 một li, viết tiếp luôn nét cong trái và dừng bút cạnh đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Lưng của cả hai nét cong trái đều chạm đường kẻ dọc số 1. Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút.

Chữ cái L



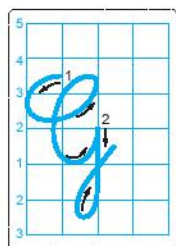
– Phân tích: gồm ba nét là nét cong trái, nét thẳng đứng và nét thắt.

– Cách viết:

Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4, viết một nét cong trái trên dòng kẻ ngang số 2, lượn vòng lên chưa chạm đường kẻ dọc số 3 viết nét thẳng đứng dọc theo đường kẻ dọc số 2, viết tiếp luôn nét thắt và lượn vòng cho đến khi dừng bút trên đường kẻ dọc số 3, dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Lưng nét cong trái chạm đường kẻ dọc số 1. Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút.

Chữ cái G



– Phân tích: gồm hai nét là nét cong trái và nét khuyết dưới.

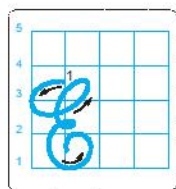
– Cách viết:

① Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4, viết một nét cong trái nhỏ lưng chạm đường kẻ dọc số 1, lượn vòng lên chạm đường kẻ dọc số 3 viết liền mạch nét cong trái lớn dừng bút tại giao điểm dòng kẻ ngang số 4 và đường kẻ dọc số 3.

② Không nhấc bút, viết tiếp nét khuyết dưới và dừng bút trước đường kẻ dọc số 4, dưới dòng kẻ ngang số 2 (trên).

Lưu ý: Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút.

Chữ cái E



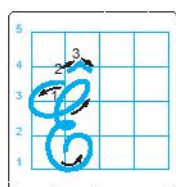
– Phân tích: gồm ba nét là nét cong trái, nét cong phải và nét thắt.

– Cách viết:

Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4, viết một nét cong trái lưng chạm đường kẻ dọc số 1, lượn vòng lên chưa chạm đường kẻ dọc số 3 viết liền mạch nét cong trái thứ hai kết hợp với nét thắt trên dòng kẻ ngang số 2 và viết tiếp nét cong trái thứ ba và dừng bút trên đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Độ cong của nét cong trái thứ ba rõ nét hơn độ cong của nét cong trái thứ hai. Chỗ bắt đầu viết nét cong trái thứ hai phải ngang bằng với điểm đặt bút.

Chữ cái Ê



– Phân tích: gồm bốn nét là nét cong trái, nét cong phải, nét thắt và dấu mũ.

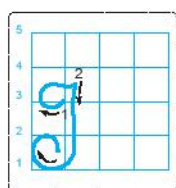
– Cách viết:

① Viết như chữ E.

② Lia bút viết dấu mũ ngay dòng kẻ ngang số 4, giữa đường kẻ dọc số 2, 3.

Nhóm 4

Chữ cái I



– Phân tích: gồm hai nét là nét cong trái và nét móc ngược trái.

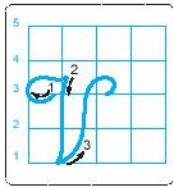
– Cách viết:

① Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng dưới dòng kẻ ngang số 4, bên phải đường kẻ dọc số 2.

② Không nhấc bút, hơi lượn sang trái viết nét móc ngược trái cách đều đường kẻ dọc số 2 về bên phải 1 li và dừng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 2.

Lưu ý: Lưng nét cong trái và đuôi của nét móc ngược trái đều tiếp xúc với đường kẻ dọc số 1.

Chữ cái V



– Phân tích: gồm ba nét là nét cong trái, nét thẳng đứng và nét móc phải.

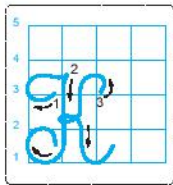
– Cách viết:

① Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng bút bên phải đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4.

② Không nhắc bút, hơi lượn lại đường kẻ dọc số 2 để viết nét thẳng đứng, lượn trái một chút khi gần chạm dòng kẻ ngang số 1.

③ Không nhắc bút, lượn gần lại đường kẻ dọc số 3 viết nét móc phải rồi dừng bút trên dòng kẻ ngang số 3, sau đường kẻ dọc số 3.

Chữ cái K



– Phân tích: gồm năm nét là nét cong trái, nét móc ngược trái, nét móc phải, nét thắt và nét móc ngược phải.

– Cách viết:

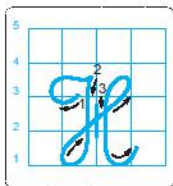
① Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng bút bên phải đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 4.

② Không nhắc bút, hơi lượn lại đường kẻ dọc số 2, viết nét móc ngược trái và dừng bút dưới dòng kẻ ngang số 2, trước đường kẻ dọc số 2.

③ Lia bút đến điểm giao nhau giữa đường kẻ dọc số 3 và dòng kẻ ngang số 3, viết nét móc phải kết hợp viết nét thắt cắt ngang nét móc ngược trái ở phía trên đường kẻ ngang số 2, viết liền mạch nét móc ngược phải rồi dừng bút giữa hai đường kẻ dọc số 3, 4, dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Nét thắt nằm giữa hai dòng kẻ ngang số 2, 3 nhưng gần dòng kẻ ngang số 2 hơn.

Chữ cái H



– Phân tích: gồm bốn nét là nét cong trái, nét khuyết dưới, nét khuyết trên và nét thẳng đứng.

– Cách viết:

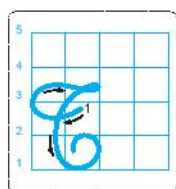
① Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 3, sau đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng dưới dòng kẻ ngang số 4 và trên đường kẻ dọc số 3.

② Không nhắc bút, hơi lượn sang trái viết nét khuyết dưới cách đều đường kẻ dọc số 3 1 li và liền mạch với nét khuyết trên, lượn lên trước khi dừng bút bên phải đường kẻ dọc số 4, dưới dòng kẻ ngang số 2.

③ Lia bút đến đường kẻ dọc số 3, dưới dòng kẻ ngang số 3, viết nét thẳng đứng rồi dừng bút dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Lưng nét cong trái cách đường kẻ dọc số 2 về bên trái 1 li. Chỗ bắt đầu viết nét khuyết trên phải ngang bằng với điểm đặt bút.

Chữ cái T



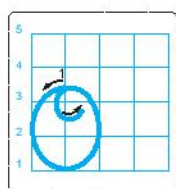
- Phân tích: gồm ba nét là nét cong trái, nét thẳng và nét cong phải.
- Cách viết:

Đặt bút sau đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 3, viết nét cong trái nhỏ kết hợp viết nét thẳng rồi viết tiếp luôn nét cong trái lớn liền mạch với nét cong phải và dừng bút bên phải đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 2.

Lưu ý: Lưng nét cong trái nhỏ phải tiếp xúc với đường kẻ dọc số 1. Nét cong phải tiếp xúc với đường kẻ dọc số 3 và dòng kẻ ngang số 2.

Nhóm 5

Chữ cái O

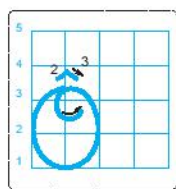


- Phân tích: gồm một nét cong kín.
- Cách viết:

Đặt bút trên đường kẻ dọc số 2, giữa hai dòng kẻ ngang số 3 – 4, viết nét cong kín. Khi chạm điểm đặt bút thì lượn vòng vào trong và dừng bút bên phải đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 3.

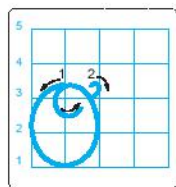
Lưu ý: Đường kẻ dọc số 2 là trục đối xứng của chữ O và nét lượn vòng.

Chữ cái Ô



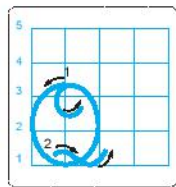
- Phân tích: gồm một nét cong kín và dấu mũ.
- Cách viết:
 - ① Viết như chữ O.
 - ② Lia bút viết dấu mũ dưới dòng kẻ ngang số 4 và đối xứng qua đường kẻ dọc số 2.

Chữ cái Ơ



- Phân tích: gồm một nét cong kín và dấu phụ (nét móc trái nhỏ).
- Cách viết:
 - ① Viết như chữ O.
 - ② Lia bút viết nét móc chạm vào chữ O tại dòng kẻ ngang số 3, lưng nét móc nhỏ tựa vào dòng kẻ dọc số 3.

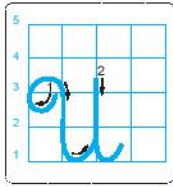
Chữ cái Q



- Phân tích: gồm một nét cong kín và nét lượn.
- Cách viết:
 - ① Viết như chữ O.
 - ② Lia bút đến trước đường kẻ dọc số 2, trên dòng kẻ ngang số 1, viết nét lượn. Đuôi nét lượn song song với nét cong kín và dừng bút giữa hai dòng kẻ ngang số 1, 2, sau đường kẻ dọc số 3.

Nhóm 6

Chữ cái U



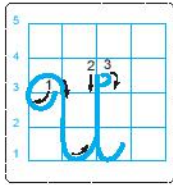
– Phân tích: gồm hai nét là nét móc hai đầu và nét móc ngược phải.

– Cách viết:

① Đặt bút trước đường kẻ dọc số 2, dưới dòng kẻ ngang số 3, viết nét móc hai đầu và dùng bút trên đường kẻ dọc số 3, giữa hai dòng kẻ ngang số 1, 2.

② Rê bút lên theo đường kẻ dọc số 3 đến ngang điểm đặt bút để viết nét móc ngược phải và dùng bút giữa hai dòng kẻ ngang số 1, 2, trước đường kẻ dọc số 4.

Chữ cái U'



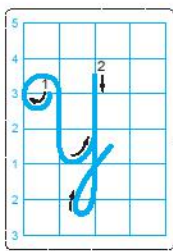
– Phân tích: gồm hai nét là nét móc hai đầu, nét móc ngược phải và dấu phụ.

– Cách viết:

① Viết như chữ U.

② Lia bút viết dấu phụ trên dòng kẻ ngang số 3, chạm nét móc ngược phải.

Chữ cái Y



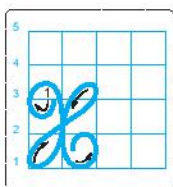
– Phân tích: gồm hai nét là nét móc hai đầu và nét khuyết dưới.

– Cách viết:

① Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 3 (trên), trước đường kẻ dọc số 2, viết nét móc hai đầu và dùng bút trên đường kẻ dọc số 3, giữa hai dòng kẻ ngang số 1, 2 (trên).

② Rê bút lên theo đường kẻ dọc số 3 đến ngang điểm đặt bút để viết nét khuyết dưới và dùng bút giữa hai dòng kẻ ngang số 1, 2 (trên), trước đường kẻ dọc số 4.

Chữ cái X



– Phân tích: gồm hai nét là nét cong phải và nét cong trái.

– Cách viết:

Đặt bút trên dòng kẻ ngang số 3, trước đường kẻ dọc số 2, viết nét cong trái nhỏ liền mạch với nét cong phải lớn; không nhấc bút viết tiếp luôn nét cong trái lớn liền mạch với nét cong phải nhỏ và dùng bút giữa hai dòng kẻ ngang số 1, 2, sau đường kẻ dọc số 2.

Lưu ý: Đường kẻ dọc số 2 là trục đối xứng của chữ X.

V. BẢNG PHÂN BỐ TIẾN TRÌNH RÈN LUYỆN CÁC KĨ NĂNG

(TIẾNG VIỆT 1, TẬP HAI)¹

Chủ đề (tuần)	Kĩ năng cần rèn luyện (Nói và nghe, đọc, viết, kể chuyện)
19 <i>Ngàn hoa khoe sắc</i>	- Nói 1, 2 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Ngàn hoa khoe sắc</i>. - Nói lời giới thiệu – tích hợp qua bài đọc; nói lời cảm ơn – tích hợp qua kể chuyện.
	- Đánh vần thầm tiếng có vần mới (HS chậm). - Đọc bằng mắt tiếng có vần đã học. - Đọc trơn tiếng, từ, bài. - Trả lời câu hỏi nội dung, câu hỏi hình thức của bài đọc và câu hỏi liên hệ.
	- Tập viết vần, tiếng, cụm từ (trọng tâm: kĩ thuật hạ độ cao con chữ, chừa khoảng cách giữa các chữ). - Chính tả nhìn – viết, phân biệt chính tả <i>c/ k; d/ gi; ch/ tr</i>. - Viết từ ngữ chỉ tên các loài hoa dựa vào tranh ảnh gợi ý.
	Kể từng đoạn truyện có sử dụng từ ngữ chỉ trình tự thời gian phù hợp.
20 <i>Ngày tuyệt vời</i>	- Nói 1, 2 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Ngày tuyệt vời</i>. - Nói lời giới thiệu về sự vật, việc, gia đình – tích hợp qua bài đọc; nói lời cổ vũ – tích hợp qua kể chuyện. - Nói lời giới thiệu tên bài đã đọc.
	- Đánh vần thầm tiếng có vần mới (HS chậm). - Đọc bằng mắt tiếng có vần đã học. - Đọc trơn tiếng, từ, bài. - Trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc và câu hỏi liên hệ. - Đọc mở rộng (ĐMR): Nêu tên bài thơ hoặc bài đọc về biển.
	- Tập viết vần, tiếng, cụm từ; tập viết hạ toàn bộ chữ (trọng tâm: kĩ thuật hạ độ cao con chữ, chừa khoảng cách giữa các chữ). - Chính tả nhìn – viết; phân biệt chính tả <i>c/ k; r/ d; ch/ tr, s/ x</i>. - Viết từ ngữ chỉ hoạt động (sau khi gọi tên hoạt động dựa vào tranh ảnh gợi ý).
	Kể từng đoạn truyện, có sử dụng từ ngữ chỉ trình tự thời gian phù hợp.

¹ Tiến trình rèn luyện các kĩ năng ở đây chủ yếu là gợi ý. GV tùy vào thực tế HS để có những điều chỉnh phù hợp.

21 <i>Những bông hoa nhỏ</i>	– Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Những bông hoa nhỏ</i>. – Nói lời xin phép với đối tượng không bằng vai. – Hỏi – đáp tương tác về một nội dung vừa học. – Mở rộng vốn từ (từ chỉ hoạt động).
	– Đánh vần tiếng có vần khó; nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do trật tự chữ cái. – Đọc thầm bài văn xuôi (truyện, văn bản thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc. – Trả lời câu hỏi nhận diện chi tiết trong bài đọc và câu hỏi xác định ý chính của bài dựa vào gợi ý. – Học thuộc lòng một khổ thơ. – ĐMR: đọc một văn bản thơ/ truyện về một chủ đề theo yêu cầu.
	– Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) A, Ă, Æ và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. – Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>ng/ ngh; an/ ang; ơ/ ~</i>. – Viết 1 câu trả lời (sau khi nói).
	– Thực hành kiểu bài xem – kể. – Kể từng đoạn chuyện và bước đầu kể toàn bộ câu chuyện.
22 <i>Mưa và nắng</i>	– Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Mưa và nắng</i>. – Thực hành hỏi – đáp tương tác về một nội dung vừa học. – Mở rộng vốn từ (từ chỉ con vật, từ chỉ thời tiết).
	– Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. – Đọc thầm bài văn xuôi (miêu tả, thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc. – Trả lời nhận diện chi tiết trong bài đọc, câu hỏi kết nối chi tiết trong bài đọc với ngôn ngữ hình ảnh, câu hỏi xác định đặc điểm (màu sắc) của đối tượng được nói đến và câu hỏi đánh giá kèm giải thích lí do. – Học thuộc lòng một khổ thơ. – ĐMR: đọc một văn bản thơ/ truyện về một chủ đề theo yêu cầu.
	– Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) B, C và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. – Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>c/ k; tr/ ch; ơ/ ~; ao/ au/ ua</i>. – Viết 1– 2 câu trả lời. Đặt và viết tên cho bức tranh.
	– Thực hành kiểu bài xem – kể. – Kể từng đoạn chuyện và bước đầu kể toàn bộ câu chuyện.

23 <i>Tết quê em</i>	– Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Tết quê em</i>. – Nói lời chúc mừng với đối tượng không bằng vai. – Thực hành hỏi – đáp tương tác về một nội dung liên quan đến bản thân. – Mở rộng vốn từ (từ chỉ hình dạng, từ chỉ màu sắc).
	– Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. – Đọc thầm bài văn xuôi (miêu tả, thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc. – Trả lời câu hỏi nhận diện chi tiết trong bài đọc và câu hỏi xác định ý chính của bài dựa vào gợi ý. – Học thuộc lòng một khổ thơ.
	– Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) <i>D, Đ</i> và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. – Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>g/gh; d/gi; ʔ/~</i>. – Viết 1 – 2 câu kể (sau khi quan sát tranh và nói theo câu hỏi gợi ý).
	– Thực hành kiểu bài xem – kể. – Kể từng đoạn chuyện và bước đầu kể toàn bộ câu chuyện.
24 <i>Những người bạn đầu tiên</i>	– Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Những người bạn đầu tiên</i>. – Giới thiệu về gia đình, nói lời chào trước khi giới thiệu. – Mở rộng vốn từ (từ chỉ những người trong gia đình và đồ vật trong nhà). – Thực hành hỏi – đáp tương tác về một nội dung liên quan đến bản thân.
	– Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. – Đọc thầm bài văn xuôi (kể, văn bản thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc. – Trả lời câu hỏi nhận diện chi tiết trong bài đọc và câu hỏi đánh giá chi tiết.
	– Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) <i>E, Ê</i> và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. – Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>ng/ngh; iêm/im; ôm/ôm; ʔ/~</i>. – Viết 1 – 2 câu giới thiệu (theo mẫu, theo gợi ý).
25 <i>Mẹ và cô</i>	– Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Mẹ và cô</i>. – Nói lời chào hỏi ở trường và ở nhà, nói về việc đã làm cùng mẹ. – Nói lời chia sẻ cảm xúc của bản thân trước một sự việc. – Mở rộng vốn từ (từ chỉ cảm xúc).
	– Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. – Đọc thầm bài văn xuôi (truyện, văn bản thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc.

	– Trả lời câu hỏi nhận diện chi tiết trong bài đọc, câu hỏi xác định ý chính của bài dựa vào gợi ý, câu hỏi nhận diện lời nhân vật và câu hỏi liên hệ bản thân. – Học thuộc lòng hai khổ thơ. – ĐMR: đọc một văn bản thơ/ truyện về một chủ đề theo yêu cầu.
	– Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) <i>G, H</i> và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. – Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>c/ k; s/ x; iu/ uôi/ ươi; ac/ at; ia/ ai/ ay; ?/ ~</i>. – Viết 1– 3 câu có nội dung chỉ hoạt động, nội dung chia sẻ (theo mẫu, sau khi nói theo gợi ý).
	– Nhận diện lời nói của nhân vật và chọn giọng kể phù hợp. – Kể toàn bộ câu chuyện.
26 <i>Những người bạn im lặng</i>	– Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Những người bạn im lặng</i>. – Nói lời cảm ơn, xin lỗi trong phạm vi gia đình. – Thực hành hỏi – đáp về một nội dung liên quan đến bản thân. – Mở rộng vốn từ (từ chỉ vật dụng trong gia đình).
	– Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. – Đọc thầm bài văn xuôi (miêu tả, thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc. – Trả lời câu hỏi nhận diện chi tiết trong bài đọc, câu hỏi xác định đặc điểm (màu sắc, cách thức) của đối tượng được nói đến trong bài, câu hỏi nhận biết trình tự của sự việc. – Học thuộc lòng hai khổ thơ.
	– Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) <i>I, K</i> và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. – Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>g/ gh; uôi/ ui; uôn/ uông; ?/ ~</i>. – Viết 1 – 3 câu giới thiệu về đồ vật (theo mẫu, sau khi nói dựa vào gợi ý).
	– Thực hành nhận diện lời nói của nhân vật và chọn giọng kể phù hợp. – Kể toàn bộ câu chuyện.
27 <i>Bạn cùng học cùng chơi</i>	– Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Bạn cùng học cùng chơi</i>. – Nói lời cảm ơn, xin lỗi với bạn bè. – Thực hành hỏi – đáp về một nội dung liên quan đến bản thân. – Mở rộng vốn từ (từ chỉ người, từ chỉ đồ vật, từ chỉ hoạt động).
	– Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. – Đọc thầm bài văn xuôi (truyện, thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc. – Trả lời câu hỏi nhận diện chi tiết trong bài đọc, câu hỏi xác định đặc điểm (âm thanh, đặc điểm) của đối tượng được nói đến trong bài. – ĐMR: Nêu tên truyện/ bài thơ và nội dung của truyện/ bài thơ đã đọc theo chủ đề được yêu cầu.

	- Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) <i>L, M</i> và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. - Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>ng/ ngh; l/ n; ơ/ ~</i>. - Viết 1– 3 câu kể (theo mẫu, sau khi nói theo gợi ý).
	- Thực hành nhận diện lời nói của nhân vật và chọn giọng kể phù hợp. - Kể toàn bộ câu chuyện.
28 <i>Trong chiếc cặp của em</i>	- Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Trong chiếc cặp của em</i>. - Nói lời cảm ơn với đối tượng bằng vai. - Thực hành hỏi – đáp về một nội dung liên quan đến bản thân. - Mở rộng vốn từ (từ chỉ đồ dùng học tập, từ chỉ hoạt động).
	- Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. - Đọc thầm bài văn xuôi (truyện, văn bản thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc. - Trả lời câu hỏi nhận diện chi tiết trong bài đọc, câu hỏi xác định đặc điểm của đối tượng được nói đến trong bài đọc, câu hỏi nhận diện trình tự một sự việc, câu hỏi liên hệ hiểu biết của bản thân. - Học thuộc lòng hai khổ thơ. - ĐMR: Nêu tên và nội dung bài viết đã đọc theo chủ đề được yêu cầu.
	- Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) <i>N, O</i> và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. - Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>c/ k; d/ gi; ao/ au; ơ/ ~</i>. - Viết câu giới thiệu, câu kể (theo mẫu, sau khi nói, dạng điền vào chỗ trống từ ngữ, vẽ câu thích hợp).
	- Thực hành nhận diện lời nói của nhân vật và chọn giọng kể phù hợp. - Kể toàn bộ câu chuyện.
29 <i>Đường đến trường</i>	- Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Đường tới trường</i>. - Nói lời chỉ dẫn – tích hợp qua bài đọc và kể chuyện. - Mở rộng vốn từ (từ chỉ biển báo giao thông, từ chỉ hình khối, màu sắc).
	- Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. - Đọc thầm bài văn xuôi (truyện, văn bản thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc. - Trả lời câu hỏi nhận diện chi tiết trong bài đọc, câu hỏi kết nối chi tiết trong văn bản với ngôn ngữ hình ảnh, câu hỏi xác định ý chính của bài đọc dựa vào gợi ý, câu hỏi hiểu nghĩa một số tín hiệu đơn giản gắn với HS và câu hỏi liên hệ với hiểu biết và cuộc sống của bản thân. - Học thuộc lòng hai khổ thơ.
	- Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) <i>Ô, Ơ</i> và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. - Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>c/ k; d/ gi; tr/ ch; ơ/ ~</i>. - Viết 2 – 3 câu kể (sau khi nói, có tranh gợi ý).

	– Giới thiệu cách đóng vai. – Kể toàn bộ câu chuyện. – Trả lời câu hỏi nội dung, câu hỏi liên hệ.
30 <i>Làng quê yên bình</i>	– Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Làng quê yên bình</i>. – Nói lời chào, lời xin phép với đối tượng không bằng vai. – Mở rộng vốn từ (từ chỉ con vật, từ chỉ cây cối, từ chỉ hoạt động).
	– Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. – Đọc thầm bài văn xuôi (miêu tả, thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc. – Trả lời câu hỏi nhận diện chi tiết trong bài đọc, câu hỏi kết nối chi tiết trong bài đọc với ngôn ngữ hình ảnh, câu hỏi xác định ý chính của bài đọc dựa vào gợi ý. – Học thuộc lòng hai khổ thơ. – ĐMR: Nêu tên và nội dung của bài thơ/ truyện đã đọc theo chủ đề được yêu cầu.
	– Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) <i>P, Q</i> và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. – Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>l/ n; r/ g; an/ ang; s/ x; uc/ ut</i>. – Viết 2, 3 câu kể; đặt tên cho bức ảnh (sau khi nói, có tranh gợi ý).
	– Thực hành đóng vai. – Trả lời câu hỏi nội dung. – Đánh giá kèm giải thích lí do.
31 <i>Phố xá nhộn nhịp</i>	– Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Phố xá nhộn nhịp</i>. – Hỏi – đáp về một bức tranh theo gợi ý. – Mở rộng vốn từ về phố phường.
	– Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. – Đọc thầm bài văn xuôi (miêu tả, thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc. – Trả lời câu hỏi nhận diện chi tiết trong bài đọc, câu hỏi xác định đặc điểm (màu sắc) của đối tượng được nói đến trong bài đọc. – Học thuộc lòng hai khổ thơ.
	– Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) <i>R, S</i> và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. – Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>c/ k; s/ x; ươi/ ui; ơ / ~</i>. – Viết 2 – 3 câu kể (sau khi nói theo gợi ý), viết tên bức ảnh.
	– Thực hành đóng vai. – Trả lời câu hỏi nội dung, câu hỏi liên hệ. – Đánh giá kèm giải thích lí do.

32 <i>Biển đảo yêu thương</i>	– Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Biển đảo yêu thương</i>. – Chào hỏi, xưng hô trong gia đình. – Mở rộng vốn từ về từ chỉ con vật, từ chỉ màu sắc, từ chỉ hoạt động liên quan chủ đề <i>Biển đảo yêu thương</i>.
	– Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. – Đọc thầm bài văn xuôi (miêu tả, thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc. – Trả lời câu hỏi nhận diện chi tiết trong bài đọc, câu hỏi nhận diện nhân vật trong bài. – Học thuộc lòng hai khổ thơ. – ĐMR: Nêu tên truyện, tên các nhân vật và 2 chi tiết của truyện đã đọc theo chủ đề được yêu cầu. Nhận diện các đặc điểm của bìa sách.
	– Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) <i>T, U</i> và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. – Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>g/gh; d/gi; an/ang; ơ/~</i>. – Viết 2, 3 câu kể và câu miêu tả (sau khi nói, có tranh gợi ý).
	– Thực hành đóng vai. – Trả lời câu hỏi nội dung, câu hỏi liên hệ. – Đánh giá kèm giải thích lí do.
33 <i>Chúng mình thật đặc biệt</i>	– Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Chúng mình thật đặc biệt</i>. – Thực hành hỏi – đáp theo nội dung liên quan đến bản thân. – Giới thiệu về bản thân. – Mở rộng vốn từ (từ chỉ đặc điểm, hình dáng, sở thích; từ chỉ hoạt động có liên quan đến chủ đề <i>Chúng mình thật đặc biệt</i>).
	– Đánh vần thầm tiếng có vần khó, hiếm gặp. Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. – Đọc thầm bài văn xuôi (truyện, thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc. – Trả lời câu hỏi nhận diện chi tiết trong bài đọc, câu hỏi nhận diện lời nhân vật, câu hỏi xác định ý chính của bài đọc dựa vào gợi ý, câu hỏi liên hệ bản thân. – Học thuộc lòng hai khổ thơ. – ĐMR: Nêu tên truyện, tên nhân vật và nội dung truyện đã đọc.
	– Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) <i>Ư, V</i> và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. – Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>ng/ngh; r/g; ơ/~</i>. – Viết 2, 3 câu kể, câu giới thiệu bản thân (sau khi nói có gợi ý).
	– Vận dụng tổng hợp. – Trả lời câu hỏi nội dung, câu hỏi liên hệ. – Đánh giá kèm giải thích lí do.

34 <i>Gửi lời chào lớp Một</i>	- Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến chủ đề <i>Gửi lời chào lớp Một</i>. - Mở rộng vốn từ (từ chỉ thời tiết, cây cối, hoạt động có liên quan chủ đề <i>Gửi lời chào lớp Một</i>).
	- Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. - Đọc thầm bài văn xuôi (truyện, văn bản thông tin), thơ; gia tăng tốc độ đọc. - Trả lời câu hỏi nhận biết chi tiết được thể hiện tường minh trong bài đọc, câu hỏi nhận diện lời nhân vật, câu hỏi liên hệ bản thân. - Học thuộc lòng hai khổ thơ. - ĐMR: Nêu tên truyện, tên các nhân vật và 2 chi tiết của truyện đã đọc theo chủ đề được yêu cầu.
	- Tô chữ viết hoa (chữ đầu câu) X, Y và viết câu ứng dụng với cỡ chữ nhỏ, nâng cao tốc độ viết. - Chính tả nhìn – viết, nghe – viết; phân biệt chính tả <i>d/ gi; s/ x; ăc/ ắ; iu/ uôi/ ui</i>. - Viết 2, 3 câu kể, câu bày tỏ cảm xúc (sau khi nói theo gợi ý). Đặt và viết tên cho bức tranh.
	- Vận dụng tổng hợp. - Trả lời câu hỏi nội dung, câu hỏi liên hệ. - Đánh giá kèm giải thích lí do.
35 <i>Những điều em đã học</i>	- Nói 2, 3 câu có sử dụng từ ngữ liên quan đến bài đọc. - Nói lời xin phép, cảm ơn, xin lỗi với đối tượng bằng vai và không bằng vai.
	- Nhận diện tiếng chứa vần dễ nhầm lẫn do đặc điểm phương ngữ. - Đọc văn bản (truyện, văn bản thông tin), thơ. - Trả lời câu hỏi nhận diện chi tiết được thể hiện tường minh trong bài đọc, câu hỏi nhận diện lời nhân vật, câu hỏi xác định ý chính của bài dựa vào gợi ý, câu hỏi kết nối chi tiết trong bài với ngôn ngữ hình ảnh và câu hỏi đánh giá kèm giải thích lí do. - ĐMR: Nêu tên truyện, tên các nhân vật và đánh giá nhân vật trong truyện đã đọc.
	- Luyện tập tổng hợp, nâng cao tốc độ viết. - Chính tả nghe – viết; viết hoa đầu câu; phân biệt chính tả <i>c/ k; g/ gh; ng/ ngh; d/ gi; tr/ ch; l/ n; un/ ung</i>. - Viết 2, 3 câu theo mẫu (có câu hỏi gợi ý).
	Kiểm tra, đánh giá cuối năm: HS được đánh giá các kĩ năng nghe (nghe đọc truyện và trả lời câu hỏi), đọc (đọc lưu loát và đọc hiểu), viết (chính tả nghe – viết và viết sáng tạo).

CHỦ ĐỀ 19: NGÀN HOA KHOE SẮC

BÀI 1: OA OE (tiết 1 – 2, SHS tr. 6 – 7)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1.a. Biết trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gọi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* (*đóa hoa, hoa loa kèn, cây vạn tuế, hoa xoan, hoa xoài, hoa oải hương, ...*).

1.b. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *oa, oe* (*hội hoa, hoa loa kèn, cúc họa mi, mùa xoè, ...*).

2. Nhận diện được vần *oa, oe*, tiếng có vần *oa, oe*. Nhận diện được cấu trúc vần bắt đầu bằng âm /-w-/ (*o*) (không có âm cuối), đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.

3. Đánh vần được tiếng có vần *oa, oe*.

4. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *oa, oe* và các tiếng, từ ngữ có các vần *oa, oe*; tăng tốc độ viết các từ.

5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn.

6. Mở rộng hiểu biết về các loài hoa thông qua việc đọc bài về.

7. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm, năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

8. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết, rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá¹.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, SGK.
- Thẻ từ các vần *oa, oe* (nếu có).
- Một số tranh ảnh minh họa kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Tranh chủ đề (nếu có).

¹ Mục tiêu 7, 8 như vừa nêu trên chung cho tất cả các bài học vần nên tác giả chỉ ghi cụ thể ở bài này, bài đầu tiên của tập hai. Để thuận tiện trong trình bày, ở các bài học vần tiếp theo, tác giả sẽ lược bớt 2 mục tiêu này.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ¹

HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không). (Trò chơi gợi ý: cho HS vỗ tay và hát bài hát thường có trong chương trình mẫu giáo, như: *Lí cây bông*, *Hoa trong vườn*/ *Hoa lá mùa xuân*,...)

2. Khởi động

– HS mở SHS trang 6 và nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc*. HS thi đua kể tên những loài hoa mà HS biết.

– HS quan sát tranh minh hoạ phân khởi động, trao đổi trong nhóm và nói ra những từ có tiếng chứa vần *oa*, *oe* (Gợi ý: “Tranh vẽ cảnh ở đâu?”, “Họ đang làm gì?”, “Đây là hoa gì?”,... để giúp HS phát hiện tiếng có vần *oa*, *oe*, như *đóa hoa hồng*, *cúc họa mi*, *loa kèn*, *múa xoè ô*,...).

– HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (*đóa*, *hoa*, *họa*, *loa*, *xoè*,...); HS phát hiện ra các vần *oa*, *oe*.

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới (*oa oe*).

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *oa*

– HS quan sát, phân tích vần *oa* (âm *o* đứng trước, âm *a* đứng sau).

– HS đánh vần *oa*: *o-a-oa*.

b. Nhận diện vần *oe* (như với vần *oa*)

c. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *oa*, *oe*

– HS so sánh vần *oe* và *oa*.

– HS nêu điểm giống nhau giữa vần *oa* và *oe* (đều có âm *o* đứng đầu vần).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *hoa*.

– HS phân tích tiếng *hoa*.

– HS đánh vần tiếng theo mô hình: *hờ-oa-hoa* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

¹ Vì đây là tuần đầu tiên của học kì II nên GV có thể tổ chức hoạt động kiểm tra bài cũ hoặc không.

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá hội hoa

- HS phát hiện từ khoá *hội hoa*, vần *oa* trong tiếng *hoa*.
- HS đánh vần tiếng khoá *hoa* (*hờ-oa-hoa*).
- HS đọc trơn từ khoá *hội hoa*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá mùa xoè (như với từ khoá *hội hoa*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần *oa* và chữ *hoa*

a1. Viết vần *oa*

- HS nghe GV giới thiệu về yêu cầu viết hạ chữ cỡ nhỏ.
- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *oa* (vần *oa* gồm 2 con chữ *o* và *a*, chữ *o* đứng trước, chữ *a* đứng sau).
- HS viết vần *oa* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

a2. Viết chữ *hoa*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *hoa* (chữ *h* đứng trước, vần *oa* đứng sau).
- HS viết chữ *hoa* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

b. Viết vần *oe* và chữ *xoè* (như viết *oa*, *hoa*)

5.2. Viết vào vở tập viết¹

- HS viết *oa*, *hội hoa*, *oe*, *mùa xoè* vào VTV (Gợi ý: GV nhắc HS chú ý khoảng cách giữa chữ trong một từ và độ cao các chữ theo cỡ chữ nhỏ).
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng chứa vần *oa*, *oe* (*đóa hoa*, *vàng hoe*, *hoa loa kèn*, *khoe sắc*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ có chứa *oa*, *oe* (*cái loa*, *ổ khoá*, *toe toét*, *khoe*, ...).

¹ Tùy tình hình HS, khi dạy phần vần, GV có thể kết thúc tiết 1 sau hoạt động viết vào VTV, như tác giả đã phân chia; hoặc có thể chuyển nội dung này sang tiết 2.

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài (*Tên của bài đọc là gì?, Em thích loài hoa nào nhất?*).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh: đọc bài *Về hoa*.
- HS xác định yêu cầu bài tập: đọc bài *Về hoa*.
- HS chơi các trò chơi kèm đọc/ hát/ nói bài đồng dao *Về hoa*.
(GV có thể tổ chức một số trò chơi khác giúp HS nhận diện lại tiếng/ từ chứa vần *oa, oe*. Gợi ý: GV có thể tổ chức cho HS thi gọi tên nhanh các vật “Hoa gì đây?”.)

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có *oa, oe*.
- HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học.
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *uê uy*).

BÀI 2: UÊ UY (tiết 3 – 4, SHS tr. 8 – 9)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *uê, uy* (*huy chương, hoa huệ, ruy băng, thiên tuế, thủy tiên, ...*).
2. Nhận diện được vần *uê, uy*, tiếng có vần *uê, uy*. Nhận diện được cấu trúc vần bắt đầu bằng âm /-w-/ (*o*) (không có âm cuối), đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.
3. Đánh vần được tiếng có vần *uê, uy*.
4. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *uê, uy* và các tiếng, từ ngữ có các vần *uê, uy*, tăng tốc độ viết các từ.
5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn.
6. Mở rộng hiểu biết về các loài hoa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC (Tương tự bài 1: thay *oa, oe* bằng *uê, uy*.)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- Một số HS đọc, viết, tìm tiếng chứa vần *oa, oe*; trả lời một vài câu hỏi về nội dung bài đọc ở vần *oa, oe*.

2. Khởi động

- HS mở SHS trang 8 và quan sát tranh minh hoạ phần khởi động, trao đổi trong nhóm và nói ra những từ chứa tiếng có vần *uê, uy* (Gợi ý: “Tranh vẽ cảnh gì?” (*gia đình đi xem hoa*), “Cả nhà đang đứng trước cây gì? Trên cây đó có treo cái gì?” (*cây vạn tuế, huy chương, ruy băng*), “Bức tranh bên cạnh vẽ cảnh gì?” (*căn nhà ở quê/ cảnh làng quê*), “Xung quanh có những loại hoa nào?” (*hoa thủy tiên, hoa dã quỳ*)).
- HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được.
- HS phát hiện ra các vần *uê, uy*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài *uê uy*.

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *uê*

- HS quan sát, phân tích vần *uê*.
- HS đánh vần vần *uê*: *u-ê-uê* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

b. Nhận diện vần *uy* (như với vần *uê*)

c. Tìm điểm giống nhau giữa các vần

- HS so sánh vần *uê* và *uy*.
- HS nêu điểm giống nhau giữa vần *uê* và *uy* (đều có âm /-u/ đứng trước).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *tuế*.
- HS phân tích tiếng *tuế*.
- HS đánh vần tiếng theo mô hình: *tờ-uê-tuê-sắc-tuế* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *vạn tuế*

- HS phát hiện từ khoá *vạn tuế*, vần *uê* trong tiếng *tuế*.
- HS đánh vần tiếng khoá *tuế* (*tờ-uê-tuê-sắc-tuế*).
- HS đọc trơn từ khoá *vạn tuế*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá **thủy tiên** (như với từ khoá **vạn tuế**)

5. Tập viết

5.1. Viết vào băng con

a. Viết vần **uê** và chữ **tuế**

a1. Viết vần **uê**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần **uê** (vần **uê** gồm 2 con chữ **u**, **ê**, chữ **u** đứng trước, chữ **ê** đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần **oa**.)

a2. Viết chữ **tuế**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ **tuế** (chữ **t** đứng trước, vần **uê** đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết chữ **hoa**.)

b. Viết vần **uy** và chữ **thủy** (như viết **oa**, **hoa**)

5.2. Viết vào vở tập viết

– HS viết **uê**, **vạn tuế**, **uy**, **thủy tiên** vào VTV (**Lưu ý:** GV nhắc HS chú ý khoảng cách giữa các chữ trong một từ, hạ độ cao tất cả các con chữ theo cỡ chữ nhỏ).

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

– HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng chứa vần **uê**, **uy** (**làng quê**, **uy nghiêm**, **xum xuê**, **nhụy hoa**).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ có tiếng chứa vần **uê**, **uy** (**thuê nhà**, **cái chùy**, **khuy áo**, ...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

– HS lắng nghe GV đọc mẫu.

– HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.

– HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.

– HS tìm hiểu nội dung bài (**Vào dịp lễ hội hoa, Làng hoa Cái Mơn như thế nào?, Những cây cảnh nào khoe dáng uy nghiêm?**).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Giải câu đố sau*.
- HS xác định yêu cầu bài tập: *Giải câu đố*.
- HS đọc câu đố, giải câu đố về hoa loa kèn. (GV hướng dẫn HS nhận ra những từ ngữ liên tưởng đến hình dáng của loài hoa này.)
- HS có thể nói câu có từ *hoa loa kèn*.

8. củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có *uê, uy*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *oai oay oac*).

BÀI 3: OAI OAY OAC (tiết 5 – 6, SHS, tr. 10 – 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *oai, oay, oac* (*oải hương, xoay tròn, áo khoác,...*).
2. Nhận diện được vần *oai, oay, oac*, tiếng có vần *oai, oay, oac*. Nhận diện được cấu trúc vần bắt đầu bằng âm /-w-/ (*o*), đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.
3. Đánh vần được tiếng có vần *oai, oay, oac*.
4. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *oai, oay, oac* và các tiếng, từ ngữ có các vần *oai, oay, oac*; tăng tốc độ viết các từ.
5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn.
6. Mở rộng hiểu biết về các loài hoa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *oa, oe* bằng *oai, oay, oac*.)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngân hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- Một số HS đọc, viết, tìm tiếng chứa vần *uê, uy*; trả lời một vài câu hỏi về nội dung bài đọc ở vần *uê, uy*.

2. Khởi động

– HS mở SHS trang 10 và quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *oai*, *oay*, *oac* (Có thể sử dụng câu hỏi gợi ý, VD: “Tranh vẽ cảnh gì?” (*cảnh vườn hoa oải hương*), “Bạn trai mặc áo gì?” (*áo khoác*), “Bạn gái đang cầm cái gì?” (*cái chong chóng*), “Chong chóng như thế nào?” (*đẹp, đang xoay tròn*),...

- HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được: *oải*, *xoay*, *khoác*.
- HS phát hiện ra các vần *oai*, *oay*, *oac*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài *oai oay oac*.

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *oai*

- HS quan sát, phân tích vần *oai*.
- HS đánh vần vần *oai*: *o-a-i-oai*.

b. Nhận diện vần *oay* (như với vần *oai*)

HS so sánh vần *oay* và *oai*.

c. Nhận diện vần *oac* (như với vần *oai*)

d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần

- HS so sánh vần các *oai*, *oay*, *oac*.
- HS nêu điểm giống nhau giữa các vần (đều có *o* đứng trước *a*)¹.

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *oải*.
- HS phân tích tiếng *oải*.
- HS đánh vần tiếng theo mô hình: *oai-hỏi-oải* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *oải hương*

- HS phát hiện từ khoá *oải hương*, vần *oai* trong tiếng *oải*.
- HS đánh vần tiếng khoá *oải* (*oai-hỏi-oải*).
- HS đọc trơn từ khoá *oải hương*.

¹ Xét trên phương diện ngữ âm “a” ở “oay” là nguyên âm “ă”, nhưng để nhất quán và thuận tiện cho HS trong việc nhận diện, tài liệu này, tác giả chọn giải pháp xem “a” ở “oay” như “ay”: o-a-y-oay, a-y-ay.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá xoay tròn (như với từ khoá *oải hương*)

4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá áo khoác (như với từ khoá *oải hương*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào băng con

a. Viết vần *oai* và chữ *oải*

a1. Viết vần *oai*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *oai* (vần *oai* gồm 3 con chữ *o*, *a* và *i*, chữ *o* đứng trước, chữ *a* đứng giữa, chữ *i* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần *oa*.)

a2. Viết chữ *oải*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *oải* (vần *oai*, dấu ghi thanh hỏi trên chữ *a*).

b. Viết vần *oay* và chữ *xoay* (như viết *oai*, *oải*)

c. Viết vần *oac* và chữ *khoác* (như viết *oai*, *oải*)

5.2. Viết vào vở tập viết

– HS viết *oai*, *oải hương*, *oay*, *xoay tròn*, *oac*, *áo khoác* vào VTV.

– HS nhận xét bài mình, bài bạn, sửa lỗi (nếu có) và chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần *oai*, *oay*, *oac* (*vòng xoay*, *hoa xoài*, *nứt toác*).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ có chứa *oai*, *oay*, *oac* (*oai phong*, *khoai lang*, *loay hoay*, *nói khoác*...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

– HS lắng nghe GV đọc mẫu.

– HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.

– HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.

– HS tìm hiểu nội dung bài (*Đà Lạt vừa trồng thêm loài hoa gì? Mọi người đến vườn hoa để làm gì?*).

7. Hoạt động mở rộng

– HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (GV có thể hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: “Tranh vẽ những ai?” (*các bạn HS*), “Họ đang làm gì?” (*đang múa hát*); “Hãy đọc câu trong bóng nói.”).

– HS xác định yêu cầu của HĐMR: Hát/ nói/ đọc thơ kèm múa/ vận động, bài hát hoặc bài thơ có nội dung về hoa lá.

– HS có thể hát/ đọc lời bài hát *Hoa trong vườn*.

(GV có thể tổ chức một trò chơi hay hoạt động mở rộng khác, miễn là phù hợp với nội dung bài học.)

8. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng/ từ có *oai, oay, oac*.

– HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

– HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *oat, oan, oang*).

BÀI 4: OAT OAN OANG (tiết 7 – 8, SHS, tr. 12 – 13)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần *oat, oan, oang*.

2. Nhận diện được vần, tiếng có vần *oat, oan, oang*. Nhận diện được cấu trúc vần bắt đầu bằng âm /-w-/ (*o*), đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.

3. Đánh vần được tiếng có vần *oat, oan, oang*.

4. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *oat, oan, oang* các tiếng, từ ngữ có các vần *oat, oan, oang*; tăng tốc độ viết các từ.

5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn,

6. Mở rộng hiểu biết về các loài hoa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *oa, oe* bằng *oat, oan, oang*).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngân hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).

– Một số HS đọc, viết, tìm tiếng chứa vần *oai, oay, oac*; trả lời một vài câu hỏi về nội dung bài đọc ở vần *oai, oay, oac*.

2. Khởi động

– HS mở SHS trang 12 và quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *oat, oan, oang* (Có thể sử dụng một số câu hỏi gợi ý, VD: “Tranh vẽ cảnh gì?” (*khu trò chơi ở quảng trường*); “Các bạn nhỏ chơi trò gì?” (*trò hoa bẻ ngoan, hình đoàn tàu*), “Ai là người dẫn?” (*cô hoạt náo viên*), “Cô mặc áo gì?” (*áo choàng*),...).

– HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được: *ngoan, đoàn, hoạt, choàng*.

– HS phát hiện ra các vần *oat, oan, oang*.

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài *oat oan oang*.

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *oat*

– HS quan sát, phân tích vần *oat*.

– HS đánh vần vần *oat*: *o-a-tờ-oat (oát)* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

– HS so sánh vần *oat* và *oac*.

b. Nhận diện vần *oan* (như với vần *oat*)

c. Nhận diện vần *oang* (như với vần *oat*)

d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần

– HS so sánh vần *oat, oan, oang*.

– HS nêu điểm giống nhau giữa các vần *oat, oan, oang* (đều có *o* đứng trước *a*).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *hoạt*.

– HS phân tích tiếng *hoạt*.

– HS đánh vần tiếng theo mô hình: *hờ-oat-hoát-nặng-hoạt* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá phim hoạt hình

– HS phát hiện từ khoá *phim hoạt hình*, vần *oat* trong tiếng *hoạt*.

– HS đánh vần tiếng khoá *hoạt* (*hờ-oat-hoát-nặng-hoạt*).

– HS đọc trơn từ khoá *phim hoạt hình*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá phiếu bé ngoan (như với từ khoá *phim hoạt hình*)

4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá áo choàng (như với từ khoá *phim hoạt hình*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào băng con

a. Viết vần *oat* và chữ *hoạt*

a1. Viết vần *oat*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *oat* (vần *oat* gồm 3 con chữ *o*, *a* và *t*, chữ *o* đứng trước, chữ *a* đứng giữa, chữ *t* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần *oa*.)

a2. Viết chữ *hoạt*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *hoạt* (chữ *h* đứng trước, vần *oat* đứng sau, dấu ghi thanh nặng dưới chữ *a*).

b. Viết vần *oan* và chữ *ngoan* (như viết *oat*, *hoạt*)

c. Viết vần *oang* và chữ *choàng* (như viết *oat*, *hoạt*)

– HS so sánh cấu tạo nét chữ của *oang* và *oan*.

5.2. Viết vào vở tập viết

– HS viết *oat*, *hoạt hình*, *oan*, *bé ngoan*, *oang*, *áo choàng* vào VTV (GV nhắc HS chú ý khoảng cách giữa chữ trong một từ và viết chữ cỡ nhỏ).

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

– HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần *oat*, *oan*, *oang* (*đoạt giải*, *hoa xoan*, *hoa hoàng oanh*).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ có chứa *oat*, *oan*, *oang* (*đồng loạt*, *thanh thoát*, *mũi khoan*, *oang oang*...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

– HS lắng nghe GV đọc mẫu.

– HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.

– HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.

– HS tìm hiểu nội dung bài (*Ở khu trò chơi có cuộc thi gì? Đội nào đoạt giải Nhất?*).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Giải câu đố sau*.
- HS xác định yêu cầu bài tập: *Giải câu đố*.
- HS đọc câu đố, giải câu đố về hoa xoan. (GV hướng dẫn HS nhận ra những từ ngữ liên tưởng đến hình dáng của loài hoa này.)
- HS có thể nói câu có từ *hoa xoan*.

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có vần *oat, oan, oang*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 9)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các vần *oa, oe, uê, uy, oai, oay, oac, oat, oan, oang*.
2. Nhận diện đúng các vần được học trong tiếng, từ.
3. Đánh vần tiếng có vần mới, tập đọc nhanh tiếng có vần đã học, gia tăng tốc độ đọc tron câu, đoạn, bài đọc ứng dụng.
4. Nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ.
5. Hoàn thành được câu theo từ ngữ/ tranh minh hoạ đã cho.
6. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá¹.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, SGV.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc hoạt động giải trí liên quan đến chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).

¹ Mục tiêu 6, 7 như vừa nêu trên chung cho tất cả các bài thực hành phần vần nên tác giả chỉ ghi cụ thể ở bài thực hành đầu tiên của tập hai. Để thuận tiện trong trình bày, ở các bài thực hành phần vần tiếp theo, tác giả sẽ lược bớt 2 mục tiêu này.

– HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ; nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần mới được học (ở bài 4).

2. Luyện tập thực hành các âm vần mới

– HS mở VBT.
– HS quan sát các kí hiệu dùng trong VBT.
– HS nghe GV giới thiệu bài thực hành.
– HS quan sát phần làm mẫu trong VBT. HS trao đổi với bạn về cách thực hiện hoạt động này. GV có thể hướng dẫn thêm để HS hiểu cách thực hiện. Gợi ý: ghép âm đầu với vần và thêm dấu thanh để tạo thành tiếng/ từ có nghĩa.

- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu với những từ vừa tìm được.
- HS rà soát, tự đánh giá bài mình, bài bạn (chọn biểu tượng đánh giá phù hợp).

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

3.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

– HS lắng nghe GV đọc và tìm các tiếng có vần mới học có trong bài đọc, đánh vần các tiếng đó.

- HS đọc trơn tiếng/ từ chứa vần mới được học trong tuần.

3.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài đọc, giải câu đố, điền loài hoa em thích trong bài vào chỗ trống.

4. Ôn luyện quy tắc chính tả và phân biệt chính tả phương ngữ

– HS nhắc lại quy tắc chính tả *c-/ k-*. HS thực hiện bài tập chính tả có quy tắc.
– HS thực hiện bài tập chính tả phương ngữ. GV lựa chọn một, hai bài tập theo những đặc điểm chính tả phương ngữ của HS trong lớp mình. Các bài tập còn lại, có thể thực hiện vào giờ tự học.

- HS đặt câu với một vài từ vừa tìm được.
- HS tự đánh giá kết quả hoạt động của mình và của bạn theo sự hướng dẫn của GV.

5. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng/ từ có âm chữ mà HS thường mắc lỗi khi đọc viết (Gợi ý: Chú ý các trường hợp dễ nhầm lẫn như *oan – oang, oac – oat, ...*).

- HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học.
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ôn tập và kể chuyện*).

BÀI 5: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (tiết 10 – 12, SHS, tr. 14 – 15)

A. ÔN TẬP (tiết 10 – 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Củng cố được các vần *oa, oe, uê, uy, oai, oay, oac, oat, oan, oang*.
2. Sử dụng được các vần đã học trong tuần để ghép tiếng mới.
3. Đánh vần tiếng có vần được học trong tuần, đọc trơn bài đọc.
4. Thực hiện đúng các bài tập chính tả.
5. Viết đúng cụm từ ứng dụng.
6. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá¹.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngân hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ; nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần đã học (ở bài 4).

2. Ôn tập các vần được học trong tuần

- HS mở SHS, trang 14.
- HS nghe GV giới thiệu bài ôn tập.
- HS đọc các vần vừa học trong tuần.
- HS tìm điểm giống nhau giữa các vần *oa, oe, uê, uy, oai, oay, oac, oat, oan, oang*.

¹ Mục tiêu 6, 7 như vừa nêu trên chung cho tất cả các bài ôn tập phần vần nên tác giả chỉ ghi cụ thể ở bài ôn tập đầu tiên của tập hai. Để thuận tiện trong trình bày, ở các bài ôn tập phần vần tiếp theo, tác giả sẽ lược bớt 2 mục tiêu này.

- HS tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *oa, oe, uê, uy, oai, oay, oac, oat, oan, oang*.
- HS nói câu có từ ngữ có tiếng chứa vần *oa, oe, uê, uy, oai, oay, oac, oat, oan, oang*.

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

3.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

- HS nghe GV đọc bài.
- HS đánh vần và đọc trơn các tiếng có vần được học trong tuần (*hoa, khoe, toả,...*).

3.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài thơ.
- HS tìm hiểu về bài thơ (*Nêu tên hai, ba loài hoa được nhắc đến trong bài thơ; Tìm từ chỉ màu sắc của hoa huệ*).

TIẾT 2

4. Tập viết và chính tả

4.1. Tập viết cụm từ ứng dụng

- HS đánh vần các tiếng có trong cụm từ *rất nhiều loài hoa*.
- HS tìm tiếng có chứa vần đã học trong tuần (*loài, hoa*).
- HS quan sát cách GV viết và phân tích hình thức chữ viết của tiếng, từ.
- HS viết cụm từ ứng dụng vào vở với cỡ chữ nhỏ.

4.2. Nhìn – viết

- HS đọc trơn hai dòng thơ cần viết, và các tiếng chứa vần vừa học có trong hai câu thơ đó.
- HS nhìn – viết hai dòng thơ vào VTV (Gợi ý: GV nhắc HS đếm từ hàng kẻ lẻ lùi vào 3 ô. GV nhắc HS có thể viết chữ in hoa cho các chữ đầu dòng thơ. Nhớ viết dấu chấm ở câu thơ cuối).
- HS kiểm tra bài viết, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

4.3. Bài tập chính tả

- HS thực hiện bài tập chính tả vào VBT (Dựa trên cơ sở bài đọc và tên chủ đề, GV tự soạn bài tập cho HS. Bài tập chính tả quy tắc hay chính tả phương ngữ tùy thuộc vào lỗi chính tả thường gặp/ những trường hợp chính tả mà GV muốn luyện tập cho HS lớp mình.).
- HS kiểm tra bài tập chính tả, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

5. Hoạt động mở rộng

- HS luyện nói về chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* (GV chủ động thiết kế nội dung này nhằm giúp HS mở rộng vốn từ và phát triển lời nói về chủ đề).
- HS tham gia hát/ đọc đồng dao, đọc thơ kết hợp vận động.

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có vần được ôn tập, nhắc lại mô hình đánh vần tiếng được học.
- HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học. (GV cũng có thể hướng dẫn HS cách tìm các âm chữ được học ở bài học của môn học khác và hướng dẫn HS đọc mở rộng.)
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Kể chuyện*).

B. KỂ CHUYỆN SỰ TÍCH HOA NGỌC LAN (tiết 12)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Sự tích hoa ngọc lan*, tên chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* và tranh minh hoạ.
2. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh hoạ và câu hỏi gợi ý dưới tranh.
3. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.
4. Sử dụng ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể.
5. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
6. Bồi dưỡng phẩm chất biết yêu thương, chia sẻ với người khác.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGV.
- Tranh minh hoạ truyện.

Nội dung truyện

Sự tích hoa ngọc lan

1. Ngày xưa, các loài cây chỉ có lá, nên thân sắc đẹp quyết định vẽ hoa và tặng hương thơm cho chúng. Nhưng vì không đủ hương cho tất cả, thần chỉ tặng cho loài nào có tấm lòng thơm thảo.
2. Thần gặp và hỏi các loài hoa sẽ làm gì nếu có hương thơm.
Hoa hồng muốn nhờ gió mang tặng cho tất cả. Thần hài lòng, tặng cho một làn hương. Còn râm bụt chỉ muốn tỏ vẻ với những loài cây khác, nên thần không tặng.

3. Cứ thế, thần ban tặng gần hết bình hương, thì gặp hoa ngọc lan. Khi được thần hỏi, ngọc lan ngập ngừng đáp:

– Con thích lắm. Nhưng con muốn nhường cho hoa cỏ. Bạn ấy không đẹp lại bị giầy xéo hằng ngày. Hoa cỏ khổ lắm...

4. Nói rồi, ngọc lan oà khóc. Thần cảm động, tặng cho ngọc lan phần hương nhiều hơn các loài hoa khác. Vì vậy, lúc nào ngọc lan cũng thơm hơn những loài hoa khác.

Theo *Truyện cổ tích tổng hợp*

Câu hỏi:

1. Vì sao ngọc lan có mùi hương thơm hơn những loài hoa khác?
2. Hãy kể về một việc mà em đã giúp đỡ người khác.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngàn hoa khoe sắc* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS nhắc lại nội dung truyện kể ở chủ đề *Vườn ươm (Khúc rẽ đê)*.

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đánh vần và đọc trơn tên truyện *Sự tích hoa ngọc lan*.

– Dựa vào tranh minh hoạ, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào?” (*hoa ngọc lan, hoa hồng, hoa râm bụt, thần sắc đẹp*), “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*vườn hoa*), “Vì sao hoa ngọc lan khóc?”,...)

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV dùng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Em nghĩ thần sắc đẹp có tặng hương thơm cho tất cả các loài hoa không?”, “Em nghĩ thần sắc đẹp có tặng hương thơm cho hoa hồng/ hoa râm bụt không?”).

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV chú ý sử dụng câu hỏi gợi ý dưới tranh để giúp HS ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ. GV nhắc HS sử dụng từ ngữ chỉ trật tự diễn biến vào đoạn thích hợp trong khi kể.

– HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (“Vì sao hoa ngọc lan có hương thơm hơn những loài hoa khác?”, “Em đã từng đối xử tốt với ai, hoặc được ai đó đối xử tốt với mình chưa? Hãy kể về việc đó.”).

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện, nhân vật HS yêu thích, lí do yêu thích.
- Hướng dẫn HS đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng).
- Hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *uân yên uyt*).

CHỦ ĐỀ 20: NGÀY TUYỆT VỜI

BÀI 1: UÂN UYÊN UYT (tiết 1 – 2, SHS, tr.16 – 17)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1.a. Biết trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gọi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Ngày tuyệt vời* (VD: được tặng cò luân lưu, được trao vòng nguyệt quế,...).

1.b. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần *uân, uyên, uyt* (*cò luân lưu, chơi bóng chuyền, hút còi,...*).

2. Nhận diện được vần *uân, uyên, uyt*, tiếng có vần *uân, uyên, uyt*. Nhận diện cấu trúc vần bắt đầu bằng âm /-w-/ (*u*) (có âm cuối /-n/, /-t/), đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.

3. Đánh vần được tiếng có vần *uân, uyên, uyt*.

4. Viết chữ cỡ nhỏ các vần *uân, uyên, uyt* và các tiếng, từ ngữ có các vần *uân, uyên, uyt*, tăng tốc độ viết các từ.

5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn.

6. Mở rộng vốn từ về những từ chứa tiếng có vần *uân, uyên, uyt*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự kiểu bài dạy học âm vần mới ở phần hướng dẫn chung; tranh chủ đề (nếu có)).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngày tuyệt vời* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học tuần trước.

2. Khởi động

– HS mở SHS trang 16 và nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Ngày tuyết rơi*.

– HS nghe GV giải thích nghĩa của từ *tuyết rơi*. HS thảo luận về một ngày tuyết rơi của bản thân. (Gợi ý: GV tổ chức cho HS nói về những điều làm cho mình cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc: “Những lúc nào em thường cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc?”, “Khi ở nhà, điều gì làm em vui vẻ, hạnh phúc?”, “Khi ở trường, điều gì làm em vui vẻ, hạnh phúc?”,...)

– HS quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ có tiếng chứa vần *uân*, *uyên*, *uyt* (Gợi ý: “Bức tranh vẽ căn phòng gì trong trường học?”, “Ở đó có treo những cái gì?”, “Ngoài sân là sân tập môn thể dục gì?”, “Trọng tài đang làm gì?”... để giúp HS phát hiện tiếng có vần *uân*, *uyên*, *uyt* như *phòng truyền thống*, *cờ luân lưu*, *luân chương*, *bóng chuyền*, *huyt còi*...).

– HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (*truyền*, *chuyền*, *luân*, *luân*, *huyt*).

– HS phát hiện ra các vần *uân*, *uyên*, *uyt*.

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài (*uân*, *uyên*, *uyt*).

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *uân*

– HS quan sát, phân tích vần *uân*.

– HS đánh vần vần *uân*: *u-â-nờ-uân* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

b. Nhận diện vần *uyên* (như với vần *uân*)

HS so sánh vần *uyên* và *uân*.

c. Nhận diện vần *uyt* (như với vần *uân*)

d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần

– HS so sánh vần *uân*, *uyên*, *uyt*.

– HS nêu điểm giống nhau giữa các vần *uân*, *uyên*, *uyt* (đều có âm *u* đứng trước; có âm cuối */-n/* hoặc */-t/*).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *luân*.

– HS phân tích tiếng *luân*.

– HS đánh vần tiếng theo mô hình: *lờ-uân-luân* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *cờ luân lưu*

- HS phát hiện từ khoá *cờ luân lưu*, vần *uân* trong tiếng *luân*.
- HS đánh vần tiếng khoá *luân* (*lờ-uân-luân*).
- HS đọc trơn từ khoá *cờ luân lưu*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá **bóng chuyền** (như với từ khoá *cờ luân lưu*)

4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá **huyết còi** (như với từ khoá *cờ luân lưu*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần *uân* và chữ *luân*

a1. Viết vần *uân*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *uân* (vần *uân* gồm 3 con chữ *u*, *â* và *n*, chữ *u* đứng trước, chữ *â* đứng giữa, chữ *n* đứng sau).
- HS viết vần *uân* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

a2. Viết chữ *luân*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *luân* (chữ *l* đứng trước, vần *uân* đứng sau).
- HS viết chữ *luân* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

b. Viết vần *uyên* và chữ *chuyền* (như viết *uân*, *luân*)

c. Viết vần *uyt* và chữ *huyết* (như viết *uân*, *luân*)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *uân*, *cờ luân lưu*, *uyên*, *bóng chuyền*, *uyt*, *huyết còi* vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần *uân*, *uyên*, *uyt* (*tuần tra*, *thuyền buồm*, *xe buýt*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ có chứa *uân*, *uyên*, *uyt* (*quần quýt*, *tuần tú*, *uyên ương*, *kim tuyến*, *tu huyết*, ...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài (*Mẹ nói tuần đầu Huân sẽ làm quen với ai và việc gì? Ai đưa Huân vào lớp?*).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Tìm trong các từ ngữ sau tiếng chứa vần uyt.*
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: *Tìm các tiếng chứa vần uyt.*
- HS đọc các từ ngữ, tìm tiếng chứa vần *uyt*.
- HS nhận diện, đánh vần và đọc trơn vần *uyt*, tiếng, từ chứa vần *uyt*.
- HS có thể nói câu có từ chứa tiếng có vần *uyt*.

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có vần *uân, uyên, uyt*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *oắt uât uyêt*).

BÀI 2: OẮT UẮT UYÊT (tiết 3 – 4, SHS, tr. 18 – 19)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *oắt, uât, uyêt* (*xuất phát, chỗ ngoắt, trượt tuyết, ...*), trong mạch chung của chủ đề *Ngày tuyết rơi*.
2. Nhận diện được vần, tiếng có vần *oắt, uât, uyêt*, đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.
3. Đánh vần được tiếng có vần *oắt, uât, uyêt*.
4. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *oắt, uât, uyêt* và các tiếng, từ ngữ có các vần *oắt, uât, uyêt*, tăng tốc độ viết các từ.
5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn.
6. Mở rộng hiểu biết về các loài hoa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *uân, uyên, uyt* bằng *oắt, uât, uyêt*).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngày tuyết rơi* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS mở SHS trang 18 và quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *oăt, uât, uyêt* (VD: “Các vận động viên đang thi đấu những môn thể thao nào?” (*trượt tuyết*), “Các vận động viên đua xe đạp đang ở chỗ nào trên đường đua?” (*vạch xuất phát*), “Trong tranh có biển báo gì?”...).
- HS nêu các tiếng đã tìm được (*ngoặt, xuất, tuyết*).
- HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được: *ngoặt, xuất, tuyết*.
- HS phát hiện ra các vần *oăt, uât, uyêt*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài *oăt uât uyêt*.

3. Nhận diện vần, tiếng chứa vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *oăt*

- HS quan sát, phân tích vần *oăt*.
- HS đánh vần vần *oăt*: *o-ă-tờ-oăt* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

b. Nhận diện vần *uât* (như với vần *oăt*)

c. Nhận diện vần *uyêt* (như với vần *oăt*)

d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *oăt, uât, uyêt*

- HS so sánh vần *oăt, uât, uyêt*.
- HS nêu điểm giống nhau giữa các vần *oăt, uât, uyêt* (có âm *o/u* đứng trước; có âm cuối */-t/*).
- HS so sánh vần *uyêt* và *uyên* đã học ở tiết trước và với những vần có cấu trúc tương tự (bắt đầu bằng âm *u*).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *ngoặt*.
- HS phân tích tiếng *ngoặt*.
- HS đánh vần tiếng theo mô hình: *ngờ-oăt-ngoặt-nặng-ngoặt* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá chỗ ngoặt

- HS phát hiện từ khoá *chỗ ngoặt*, vần *oăt* trong tiếng *ngoặt*.
- HS đánh vần tiếng khoá *ngoặt* (*ngờ-oăt-ngoặt-nặng-ngoặt*).
- HS đọc trơn từ khoá *chỗ ngoặt*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá xuất phát (như với từ khoá *chỗ ngoặt*)

4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá vòng nguyệt quế (như với từ khoá *chỗ ngoặt*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào băng con

a. Viết vần *oăt* và chữ *ngoặt*

a1. Viết vần *oăt*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *oăt* (vần *oăt* gồm chữ *o*, chữ *ă* và chữ *t*, chữ *o* đứng trước, chữ *ă* đứng giữa, chữ *t* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần *uân*.)

a2. Viết chữ *ngoặt*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *ngoặt* (chữ *ng* đứng trước, vần *oăt* đứng sau, dấu nặng đặt dưới chữ *ă*).

(Các bước tiếp theo giống như viết chữ *luân*.)

b. Viết vần *uât* và chữ *xuất* (như viết *uân*, *luân*)

c. Viết vần *uyêt* và chữ *nguyệt* (như viết *uân*, *luân*)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết vào VTV: *oăt*, *chỗ ngoặt*, *uât*, *xuất phát*, *uyêt*, *vòng nguyệt quế*.
- HS nhận xét bài mình, bài bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần *oăt*, *uât*, *uyêt* (*bé loắt choắt*, *phổ xá sầm uất*, *người tuyết*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ có tiếng chứa *oăt*, *uât*, *uyêt* (VD: *thoăn thoắt*, *đi khuất tầm mắt*, *suất com*, *tuyết vời*, *quyết tâm*,...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài (*Nhà sách nằm ở đâu? Kể tên truyện mà anh em Nguyệt đã đọc ở nhà sách.*).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Giới thiệu bài đã đọc.*
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: Luyện tập giới thiệu về bài đọc đã đọc (GV yêu cầu HS chú ý đề cập đến tên cuốn sách, tác giả, và nói một vài câu về nội dung bài đã đọc).
- HS giới thiệu về cuốn sách/ bài đọc đã đọc (HS có thể nói về một bài thơ, một bài hướng dẫn, một mẫu chuyện).

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có vần *oanh, uân, uyên*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *oanh, uynh, uyên*).

BÀI 3: OANH UYNH UYCH (tiết 5 – 6, SHS, tr. 20 – 21)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần *oanh, uynh, uych* (*chim hoàng oanh, khoanh tròn, cây khuynh diệp, ...*), trong mạch chung của chủ đề *Ngày tuyết rơi*.
2. Nhận diện được vần, tiếng có vần *oanh, uynh, uych*, đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.
3. Đánh vần được tiếng có vần *oanh, uynh, uych*.
4. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *oanh, uynh, uych* và các tiếng, từ ngữ có các vần *oanh, uynh, uych*; tăng tốc độ viết các từ.
5. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn.
6. Mở rộng hiểu biết về các loài hoa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *uân, uyên, uyt* bằng *oanh, uynh, uych*).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngày tuyệt vời* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS mở SHS trang 20 và quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *oanh, uynh, uych* (Có thể sử dụng câu hỏi gợi ý, VD: “Tranh vẽ cảnh gì?” (*gia đình*), “Ông đang làm gì?” (*đứng khoanh tay*), “Trên cành có con chim gì?” (*chim oanh*), “Hoa gì đang nở?” (*hoa quỳnh*), “Cha đang làm gì?” (*khoanh ngày tháng trên tấm lịch*), “Hai bạn nhỏ chơi trò gì?” (*doanh trại*)).
- HS nêu các tiếng đã tìm được (*khoanh, oanh, doanh, quỳnh*).
- HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được: *khoanh, oanh, doanh, quỳnh*.
- HS phát hiện ra các vần *oanh, uynh, uych*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài (*oanh, uynh, uych*).

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *oanh*

- HS quan sát, phân tích vần *oanh*.
- HS đánh vần vần *oanh*: *o-a-nhờ-oanh*.

b. Nhận diện vần *uynh* (như với vần *oanh*)

c. Nhận diện vần *uych* (như với vần *oanh*)

HS so sánh với những vần có cấu trúc tương tự (bắt đầu bằng âm *u/ o*).

d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần

- HS so sánh các vần *oanh, uynh, uych*.
- HS nêu điểm giống nhau giữa các vần (có *o* hoặc *u* đứng đầu vần, có *nh/ ch* cuối).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *doanh*.
- HS phân tích tiếng *doanh*.
- HS đánh vần tiếng theo mô hình: *dờ-oanh-doanh*.

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá doanh trại

- HS phát hiện từ khoá *doanh trại*, vần *oanh* trong tiếng *doanh*.
- HS đánh vần tiếng khoá *doanh* (dờ-oanh-doanh).
- HS đọc trơn từ khoá *doanh trại*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá phụ huynh (như với từ khoá *doanh trại*)

4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá chạy huỳnh huých (như với từ khoá *doanh trại*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào băng con

a. Viết vần *oanh* và chữ *doanh*

a1. Viết vần *oanh*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *oanh* (vần *oanh* gồm 4 con chữ *o*, *a*, và *nh*, chữ *o* đứng trước, chữ *a* đứng giữa, chữ *nh* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần *uân*.)

a2. Viết chữ *doanh*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *doanh* (chữ *d* đứng trước, vần *oanh* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết chữ *luân*.)

b. Viết vần *uynh* và chữ *huynh* (như viết *uân*, *luân*)

c. Viết vần *uych* và chữ *huých* (như viết *uân*, *luân*)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *oanh*, *doanh trại*, *uynh*, *phụ huynh*, *uych*, *chạy huỳnh huých* vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng có tiếng chứa vần *oanh*, *uynh*, *uych* (*chim hoàng oanh*, *cây khuyneh diệp*, *huých vai*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ có chứa vần *oanh*, *uynh*, *uych* (VD: *hoa quỳnh*, *đèn huỳnh quang*, *kinh doanh*, ...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài (*Ba mùa quà gì cho chị em Hoàng và mẹ Hoàng?, Những ngày ba về phép, ba thường làm gì?*).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Giải câu đố sau*.
- HS xác định yêu cầu bài tập: *Giải câu đố*.
- HS đọc câu đố, giải câu đố về con voi.
- HS có thể nói câu có từ *con voi*.

8. củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có vần *oanh, uynh, uych*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *oăng, oam, oap*; đọc bài thơ hoặc câu chuyện hoặc bài hát về biển).

BÀI 4: OĂNG OAM OAP (tiết 7 – 8, SHS, tr. 22 – 23)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa *oăng, oam, oap* trong mạch chung của chủ đề *Ngày tuyệt vời*.
2. Nhận diện được vần, tiếng có vần *oăng, oam, oap*. Nhận diện được cấu trúc vần bắt đầu bằng âm /-w-/ (*o*), đánh vần và ghép tiếng chứa vần mới.
3. Viết được chữ cỡ nhỏ các vần *oăng, oam, oap* các tiếng, từ ngữ có các vần *oăng, oam, oap*; tăng tốc độ viết các từ.
4. Đọc được từ mở rộng và hiểu nghĩa của các từ đó; đọc được bài ứng dụng và trả lời câu hỏi về nội dung bài, tăng tốc độ đọc trơn.
5. Mở rộng hiểu biết về biển.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *uân, uyên, uyt* bằng *oăng, oam, oap*).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngày tuyết rơi* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

– HS mở SHS trang 22 và quan sát tranh khởi động, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *oăng, oam, oap* (Có thể sử dụng một số câu hỏi gợi ý giúp HS phát hiện tiếng có vần *oăng, oam, oap*, VD: “Tranh vẽ cảnh gì?” (*các bạn học sinh đi tham quan*); “Các bạn nhìn thấy con gì?” (*con hoẵng*), “Cái cần câu đang làm gì?” (*dùng gầu ngoạm đào mương*), “Tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền nghe như thế nào?” (*i oap*)...).

- HS nêu các tiếng đã tìm được (*hoẵng, ngoạm, oap*).
- HS phát hiện điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được: *hoẵng, ngoạm, oap*.
- HS phát hiện ra các vần *oăng, oam, oap*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài *oăng oam oap*.

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *oăng*

- HS quan sát, phân tích vần *oăng*.
- HS đánh vần vần *oăng*: *o-ă-ngờ-oăng* (đồng thanh, nhóm, cá nhân).

b. Nhận diện vần *oam* (như với vần *oăng*)

c. Nhận diện vần *oap* (như với vần *oăng*)

HS so sánh với những vần có cấu trúc tương tự (bắt đầu bằng âm *o*).

d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần

- HS so sánh các vần *oăng, oam, oap*.
- HS nêu điểm giống nhau giữa các vần (có *o* đứng đầu vần).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *hoẵng*.
- HS phân tích tiếng *hoẵng*.
- HS đánh vần tiếng theo mô hình: *hờ-oăng-hoẵng-ngã-hoẵng*.

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá con hoẵng

- HS phát hiện từ khoá *con hoẵng*, vần *oẵng* trong tiếng *hoẵng*.
- HS đánh vần tiếng khoá *hoẵng* (*hờ-oẵng-hoẵng-ngã-hoẵng*).
- HS đọc trơn từ khoá *con hoẵng*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá ngoạm (như với từ khoá *con hoẵng*)

4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá vỗ ì oạp (như với từ khoá *con hoẵng*)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần *oẵng* và chữ *hoẵng*

a1. Viết vần *oẵng*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *oẵng* (vần *oẵng* gồm 3 chữ *o*, *ă* và *ng*, chữ *o* đứng trước, chữ *ă* đứng giữa, chữ *ng* đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần *uân*.)

a2. Viết chữ *hoẵng*

HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *hoẵng* (chữ *h* đứng trước, vần *oẵng* đứng sau).

b. Viết vần *oam* và chữ *ngoạm* (như viết *uân*, *luân*)

c. Viết vần *oap* và chữ *oạp* (như viết *uân*, *luân*)

HS so sánh cấu tạo nét chữ của *oap* và *oam*.

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *oẵng*, *con hoẵng*, *oam*, *ngoạm*, *oap*, *vỗ ì oạp* vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng phù hợp với bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng chứa vần *oẵng*, *oam*, *oap* (*chạy loẵng quăng*, *râu ria xồm xoàm*, *ngoáp*).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.

– HS tìm thêm các từ chứa vần *oẵng*, *oam*, *oap* (*ôp oạp*, *nhai nhồm nhoàm*,...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài (*Lần đầu ra biển, Doanh cảm thấy thế nào?, Doanh thấy những gì ở bến cảng?*).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Nói với bạn bài thơ hoặc truyện về biển mà em đã đọc.*
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: *Nói về bài thơ hoặc truyện về biển* (GV hướng dẫn HS chú ý nói tên bài đọc, tên tác giả và một vài câu về nội dung của bài thơ hoặc câu chuyện).
- HS thực hiện yêu cầu HĐMR.

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ có vần *oăng, oam, oap*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (*Bài Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 9)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các vần *uân, uyên, uyt, oắt, uât, uyêt, oanh, uynh, uyeh, oăng, oam, oap*.
2. Nhận diện đúng các vần được học trong tiếng, từ, bài đọc.
3. Đánh vần tiếng có vần mới, tập đọc nhanh tiếng có vần đã học, gia tăng tốc độ đọc tron câu, đoạn, bài đọc ứng dụng.
4. Nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ.
5. Hoàn thành được câu theo từ ngữ/ tranh minh hoạ đã cho.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, VTV, SHS, SGV.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc hoạt động giải trí liên quan đến chủ đề *Ngày tuyết rơi* (có thể tổ chức hoặc không) để tạo tâm thế cho giờ học.
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần đã học ở bài 4.

2. Luyện tập thực hành các âm vần mới

– HS quan sát phân làm mẫu trong VBT. HS trao đổi với bạn về cách thực hiện hoạt động này. GV có thể hướng dẫn thêm để HS hiểu cách thực hiện. Gợi ý: ghép thêm âm đầu để tạo thành tiếng/ từ có nghĩa, có chứa vần được học trong tuần.

- HS thực hiện hoạt động.
- HS đặt câu với những từ vừa tìm được.
- HS rà soát, tự đánh giá bài mình, bài bạn (chọn biểu tượng đánh giá phù hợp).

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

3.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

– HS lắng nghe GV đọc và tìm các tiếng có vần mới học có trong bài *Ở đường sách*, đánh vần các tiếng đó.

- HS đọc trơn tiếng/ từ chứa vần mới được học trong tuần.

3.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài đọc *Ở đường sách*.
- HS tìm hiểu nội dung bài đọc (*Mẹ đưa Nguyệt đi đâu? Nếu hình ảnh em thích trong bài đọc.*).

- HS dựa vào bài đọc, hoàn thành câu bằng cách điền vào chỗ trống.

4. Ôn luyện quy tắc chính tả và phân biệt chính tả phương ngữ

- HS nhắc lại quy tắc chính tả *c-/ k-*. HS thực hiện bài tập chính tả có quy tắc.
- HS thực hiện bài tập chính tả phương ngữ. GV lựa chọn một, hai bài tập theo những đặc điểm chính tả phương ngữ của HS trong lớp mình. Các bài tập còn lại, có thể thực hiện vào giờ tự học.

- HS đặt câu với một vài từ vừa tìm được.

- HS tự đánh giá kết quả hoạt động của mình và của bạn theo sự hướng dẫn của GV.

5. củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng/ từ có âm chữ mà HS thường mắc lỗi khi đọc viết (Gợi ý: Chú ý các trường hợp dễ nhầm lẫn như *uynh/ uyech, ...*).

- HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học.
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ôn tập và kể chuyện*).

BÀI 5: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (tiết 10 – 12, SHS, tr. 24 – 25)

A. ÔN TẬP (tiết 10 – 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Củng cố được các vần *uân, uyên, uyt, oắt, uât, uyêt, oanh, uynh, uych, oăng, oam, oap*.
2. Sử dụng được các vần đã học trong tuần để ghép tiếng mới.
3. Đánh vần thầm tiếng có vần được học trong tuần, đọc trơn bài đọc.
4. Thực hiện đúng các bài tập chính tả.
5. Viết đúng cụm từ ứng dụng.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VBT, VTV, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngày tết vui* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ; nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần đã học (ở bài 4).

2. Ôn tập các vần được học trong tuần

- HS mở SHS, trang 24.
- HS nghe GV giới thiệu bài ôn tập.
- HS đọc các vần đã học trong tuần.
- HS tìm điểm giống nhau giữa các vần *uân, uyên, uyt, oắt, uât, uyêt, oanh, uynh, uych, oăng, oam, oap*.
- HS tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *uân, uyên, uyt, oắt, uât, uyêt, oanh, uynh, uych, oăng, oam, oap*.
- HS nói câu có từ ngữ có tiếng chứa vần *uân, uyên, uyt, oắt, uât, uyêt, oanh, uynh, uych, oăng, oam, oap*.

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

3.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

- HS nghe GV đọc bài thơ.
- HS đánh vần và đọc trơn các tiếng có vần được học trong tuần (*xuân, hoẵng, oanh, thuyền, oàm oạp, tuyết, ...*).

3.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài thơ.
- HS tìm hiểu về bài thơ (*Kể tên các con vật theo thứ tự được nhắc đến trong bài thơ; Em thích con vật, cảnh vật nào nhất? Vì sao?*).

TIẾT 2

4. Tập viết và chính tả

4.1. Tập viết cụm từ ứng dụng

- HS đánh vần các từ có trong cụm từ ứng dụng *ngày tuyết rơi*.
- HS tìm tiếng chứa vần đã học trong tuần (*tuyết*).
- HS quan sát cách GV viết và phân tích hình thức chữ viết của tiếng *tuyết* trong từ *ngày tuyết rơi*.
- HS viết cụm từ ứng dụng vào VTV với cỡ chữ nhỏ.

4.2. Nhìn – viết

- HS đọc trơn hai dòng thơ cuối, các tiếng chứa vần đã học có trong hai dòng thơ đó.
- HS nhìn – viết hai dòng thơ vào VTV.
- HS kiểm tra bài viết, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

4.3. Bài tập chính tả

- HS thực hiện bài tập chính tả vào VBT (Dựa trên cơ sở bài đọc và tên chủ đề, GV tự soạn bài tập cho HS. Bài tập chính tả quy tắc hay chính tả phương ngữ tùy thuộc vào lỗi chính tả thường gặp/ những trường hợp chính tả mà GV muốn luyện tập cho HS lớp mình).
- HS kiểm tra bài làm, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV), sửa lỗi nếu mắc lỗi.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

5. Hoạt động mở rộng

- HS luyện nói về chủ đề *Ngày tuyết rơi*.
- HS tham gia hát/ đọc đồng dao, đọc thơ kết hợp vận động, VD: trò chơi *Nhảy lò cò vòng quanh thế giới*: vẽ các vòng kế tiếp hoặc xoắn ốc, mỗi vòng có các từ ngữ có tên gọi liên quan đến *Ngày tuyết rơi*, có âm vần được học. HS nhảy vào vòng nào đọc các từ ngữ đó,...

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ chứa vần vừa được ôn tập, nhắc lại mô hình vần được học.
- Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học, hướng dẫn HS đọc mở rộng.
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Kể chuyện*).

B. KỂ CHUYỆN VƯỢT QUA NỖI SỢ (tiết 12)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Vượt qua nỗi sợ*, tên chủ đề *Ngày tuyết rơi* và tranh minh hoạ.
2. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh hoạ, và câu hỏi gợi ý.
3. Trả lời câu hỏi nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân mình.
4. Sử dụng ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể.
5. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
6. Bồi dưỡng phẩm chất dũng cảm, tự tin, vượt lên chính mình, và phẩm chất nhân ái: biết động viên, khuyến khích người khác.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGV.
- Tranh minh hoạ truyện.
- Clip hoặc tranh ảnh giới thiệu về môn thể thao leo núi trong nhà (leo núi nhân tạo).

Nội dung truyện

Vượt qua nỗi sợ

1. Liên bị chứng sợ độ cao. Mỗi lần lên cao, cô bé đều vã mồ hôi, tim đập thình thịch. Nhưng Liên vẫn muốn vượt qua nỗi sợ. Vì vậy, ngoài việc tập thể dục đều đặn, tập hít thở sâu, Liên xin ba mẹ cho mình tham gia lớp học leo núi trong nhà.

2. Nhưng tập leo núi không dễ dàng. Trong khi các bạn đã leo lên và giật được cái chuông ở “đỉnh núi” chỉ sau một vài buổi tập, thì Liên vẫn loay hoay ở những bước chân đầu tiên. Cô bé không dám thả tay ra khỏi các khối đá giả dính trên tường.

3. Thấy vậy, các bạn cổ vũ:

– Chỉ một chút nữa thôi Liên ơi. Đừng nhìn xuống!

– Cố lên, Liên ơi.

Thầy giáo thì bảo:

– Hít thở sâu vào.

4. Thế là, từng chút một, Liên leo lên được “đỉnh núi”. Từ đó nhìn xuống, mặc dù vẫn còn hơi sợ, nhưng Liên cảm thấy vui sướng và tự hào. Liên đã vượt qua nỗi sợ của mình!

Bùi Ngọc Liên

Câu hỏi:

1. Sau khi leo được đến “đỉnh núi”, Liên cảm thấy như thế nào?

2. Em có nỗi sợ nào không? Em đã vượt qua nỗi sợ đó bằng cách nào?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Ngày tuyệt vời* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước: “Tên câu chuyện là gì?” (*Sự tích hoa ngọc lan*), “Câu chuyện kể về những nhân vật nào?”, “Em thích nhân vật/ chi tiết nào?”...

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đánh vần và đọc trơn tên truyện *Vượt qua nỗi sợ*.

– HS quan sát tranh minh hoạ, phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào?” (*bạn gái, các bạn trong lớp tập leo núi, giáo viên hướng dẫn môn tập leo núi*) “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*phòng tập leo núi nhân tạo*), “Vì sao lúc đầu bạn nhút nhát vào người cha?” (*sợ độ cao*), “Cuối cùng, bạn ấy có leo được không?”, “Nhờ đâu bạn làm được điều đó?” (*các bạn cổ vũ, ...*).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV dùng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Em nghĩ Liên có leo lên được đỉnh núi giống các bạn không?”, “Em nghĩ Liên sẽ bỏ cuộc chứ?”).

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV sử dụng câu hỏi gợi ý dưới tranh để giúp HS ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ. GV nhắc HS việc sử dụng các từ ngữ chỉ trật tự diễn biến của câu chuyện vào đoạn tương ứng.

– HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (“Sau khi leo lên được “đỉnh núi”, Liên cảm thấy như thế nào?”, “Em có nỗi sợ nào không?”, “Em đã thử vượt qua nỗi sợ đó chưa?”).

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện, nhân vật HS yêu thích, lí do yêu thích.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng).

– HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Bông hoa niềm vui*).

CHỦ ĐỀ 21: NHỮNG BÔNG HOA NHỎ

BÀI 1: BÔNG HOA NIỀM VUI (tiết 1 – 4, SHS, tr. 26 – 28)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề và những kinh nghiệm xã hội của bản thân, trao đổi với bạn về những việc mà mình đã làm tốt.

2. Từ việc quan sát tranh minh hoạ bài đọc, tăng cường khả năng phán đoán về nhân vật chính và nội dung bài đọc.

3. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.

4. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.

5. Chỉ ra được những việc làm tốt của nhân vật trong bài đọc. Từ đó, liên hệ đến những việc tốt của bản thân và bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, biết giúp đỡ mọi người xung quanh.

6. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ A và viết câu ứng dụng. Thực hiện đúng kĩ năng nhìn – viết câu/ đoạn văn.

7. Phân biệt đúng chính tả *an/ ang* và *dầu hỏi/ dầu ngã*.

8. Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi. Luyện viết sáng tạo theo nội dung đã nói. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.

9. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, VTV, VBT, SGV.

– Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần *ui, iu* kèm theo thẻ từ (nếu có).

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

– Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (câu có thán từ, tiểu từ tình thái; câu hỏi – đáp vai bằng nhau,...).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những bông hoa nhỏ* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).

– HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Những bông hoa nhỏ*. GV có thể giải thích ý nghĩa của tên gọi *Những bông hoa nhỏ*. (Gợi ý: hỏi HS về việc được tặng phiếu Hoa bé ngoan trong trường hợp nào (khi ở trường/ khi ở nhà). Từ đó, giúp HS nhận ra ý nghĩa của tên gọi *Những bông hoa nhỏ*: trẻ em làm việc tốt, đáng khen, đáng yêu.). HS trao đổi với bạn về những việc làm tốt mà HS biết.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ bài đọc và trả lời câu hỏi khởi động trong SHS. Gợi ý để HS sử dụng một số từ ngữ biểu thị hình ảnh, nhân vật sẽ xuất hiện trong bài tập đọc, chẳng hạn hỏi HS “Bức tranh vẽ những ai, họ đang làm gì?”, “Em nghĩ bạn nhỏ đang nghĩ về ai?”, “Chuyện gì xảy ra với ba của bạn nhỏ?”,...

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV vừa đọc mẫu, vừa đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS, và dùng ánh mắt, cử chỉ, giọng nói cho phù hợp với tình tiết truyện. VD: “An có hái hoa không?”, “Cô giáo có cho An hái hoa không?”...).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó như: *sáng sớm, vườn hoa, trường, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu, cách đọc câu có từ ngữ thán từ, tiểu từ tình thái (**Lưu ý:** với HS lớp 1, chưa yêu cầu đọc phân vai).

– HS đọc thành tiếng. **Chú ý:** GV tổ chức đọc theo nhóm nhỏ để đảm bảo từng HS đều đọc hết bài đọc hoặc ít nhất một đoạn trong bài đọc; không tổ chức đọc luân phiên/ nối tiếp từng câu. GV cần lưu ý việc sửa cách phát âm/ việc đọc sai của trẻ theo hướng tiếp cận cá nhân, không nhận xét, sửa sai trước toàn lớp, trừ trường hợp có nhiều HS trong lớp cùng mắc lỗi tương tự.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *địu, ...* (**Lưu ý:** Hạn chế cách giải thích nghĩa của từ điển. Tận dụng cách giải thích nghĩa bằng phương pháp trực quan, đặt câu, dùng ngữ cảnh, ...).

TIẾT 2

– HS đọc lại bài đọc. (**Lưu ý:** yêu cầu HS đọc mấp máy môi/ đọc thầm, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ui, iu*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ui, iu*. GV nhắc HS chú ý nhìn trật tự của các con chữ để tránh nhầm lẫn khi nhận diện hai vần có hình thức đảo ngược *ui, iu*).

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ui, iu*. **Lưu ý:** với HS yếu, có thể cho HS đọc từ mẫu trong SHS và giải thích nghĩa của từ bằng nhiều hình thức khác nhau.

– HS đặt câu chứa từ có vần *ui, iu* vừa tìm được (GV có thể nêu mẫu ngắn gọn, dùng từ mẫu ở SHS để hướng dẫn HS, VD: *Nhà em có một cái máy hút bụi., Mẹ địu em bé lên nương rẫy.*).

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. GV có thể hỏi các nội dung, như tên truyện đọc, có mấy nhân vật, đó là những nhân vật nào, ai là nhân vật chính (Gợi ý: nhân vật chính là nhân vật được nói đến nhiều nhất). Trường hợp HS chưa hiểu rõ câu hỏi trong SHS, GV có thể gợi ý/ chỉ dẫn thêm, VD: “Đọc đoạn từ *Sáng sớm... địu con đau*, tìm xem lí do An muốn hái bông hoa.”, “Có chuyện gì xảy ra với ba của An?”, “Đọc đoạn *An gιο tay... là của chung*, tìm lí do An không hái hoa nữa.”, “Bài đọc nói về điều gì? Hãy đánh dấu ✓ vào ô trống trước ý em chọn: ☐ Cô giáo hái tặng bạn An bông hoa cúc, ☐ Tấm lòng hiếu thảo của bạn An”,... Với HS giỏi, GV có thể hỏi thêm một số câu hỏi. VD: “Vì sao cô giáo khen An là cô bé hiếu thảo?”, “Ngoài hiếu thảo, em thấy bạn An còn tính tốt nào khác nữa?”,...

Lưu ý: Câu hỏi xác định đại ý của bài đọc dựa vào gợi ý được thiết kế trong VBT để HS có thể đánh dấu ✓ vào ô trống trước ý mình chọn. Đây là kĩ năng khó với HS tiểu học do các em hay bị nhiễu bởi nội dung của từng đoạn hoặc một chi tiết trong bài. Vì vậy, cách hỗ trợ HS là GV đưa ra các đại ý khác nhau theo hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn để HS đối chiếu với các ý đã biết, rồi chọn lựa đại ý đã chọn. Sau đó, GV đặt câu hỏi hướng dẫn HS giải thích lí do vì sao chọn (căn cứ vào chỗ nào trong bài đọc để chọn ý đó).

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ A và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ hoa chữ A

– HS tìm hiểu ý nghĩa của việc viết hoa. Gợi ý: GV yêu cầu HS viết tên của mình ra giấy (GV cũng có thể sử dụng chính tên của mình để viết lên bảng). Cho HS so sánh tên riêng của mình với tiếng giống tên riêng được đặt trong câu nói bình thường và ở đầu câu. VD: “Cô tên là Mai.”, “Cây mai đã nở hoa.”, “Mai là ngày đầu năm mới.”.

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ A (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết). GV có thể lặp lại lần 2 quy trình tô chữ A để HS quan sát và ghi nhớ.

– HS dùng ngón tay viết con chữ A hoa lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS tô chữ A hoa vào VTV. Chú ý các điểm đặt bút và điểm kết thúc.

b. Viết câu ứng dụng

– HS đọc câu ứng dụng. (GV giải thích ý nghĩa của câu ứng dụng *Ai cũng là một bông hoa đẹp.*)

– HS nghe GV nhắc lại quy trình tô chữ A hoa và cách nối từ chữ A sang chữ i.

– HS quan sát cách GV viết phần còn lại.

– HS viết câu ứng dụng vào VTV (GV nhắc HS chú ý các điểm đặt, điểm kết thúc, nối giữa chữ hoa và chữ thường, khoảng cách giữa các chữ trong một dòng, dấu chấm cuối câu).

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

– HS đọc lại câu văn được yêu cầu viết chính tả. HS nghe GV hướng dẫn về những điểm lưu ý khi nhìn – viết một câu văn khác với viết câu thơ đã học trước đó, VD: lùi đầu dòng ngắn hơn, không xuống dòng, có dấu chấm cuối câu, đầu câu viết hoa.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ hoặc do có nhiều hình thức chữ viết cho một âm (*d/ gi*). VD: *niềm vui, dịu, cơn đau*. HS giải thích nghĩa của những từ vừa nêu và đặt câu.

– HS nhìn và viết câu văn vào VTV (Gợi ý: GV nhắc HS lùi vào đầu dòng, nhắc HS có thể viết chữ in hoa chữ đầu câu (không bắt buộc viết hoa theo mẫu viết tay chữ *Em*). Nhắc HS viết dấu chấm cuối câu.

– HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của từng bài tập được giao. Tùy đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập (**Lưu ý:** với những HS chậm, GV có thể hỏi HS, VD: “Bức tranh số 1 vẽ bạn trai đang làm gì?” (*lau bàn ăn*), “Chữ bàn kết thúc bằng âm gì?”, “Bức tranh số 2 vẽ bạn gái đang làm gì?” (*phụ mẹ bán hàng*), “Chữ hàng kết thúc bằng âm gì?”,...).
- HS thực hiện bài tập vào VBT, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.
- HS quan sát tranh (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi: “Bức tranh thứ nhất, bạn nhỏ đang làm gì?”, “Ở bức tranh thứ hai, bạn gái đang làm gì?”,... HS động não suy nghĩ về việc nhà mà HS từng làm. Khuyến khích HS suy nghĩ về một nội dung khác không thuộc 3 hoạt động đã gợi ý trong tranh. Với HS yếu, hướng dẫn HS dùng các gợi ý trong tranh.)
- HS quan sát phần làm mẫu của hai bạn HS. HS nghe GV hướng dẫn cách đặt câu hỏi cho phù hợp với nội dung của bài tập. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS sử dụng bảng từ dùng để hỏi, VD: *ai, cái gì, điều gì, làm gì, ở đâu, khi nào, như thế nào, tại sao,...* để lựa chọn câu hỏi phù hợp với mục đích hỏi của mình. GV có thể cùng HS làm một bảng từ dùng để hỏi hoặc một số mẫu câu hỏi chưa trống thông tin (VD: “*Bạn đã làm...?*”, “*Bạn làm... cùng với ai?*”, “*Bạn cảm thấy như thế nào khi...?*”,...) và treo ở một góc học tập của lớp để HS có thể áp dụng cho những bài tập khác. HS yếu có thể sử dụng câu hỏi và câu trả lời trong phần làm mẫu này. GV nhắc HS việc sử dụng đại từ nhân xưng cho phù hợp (*bạn – mình, câu – tớ*), nói câu trọn vẹn, đầy đủ và biết chờ đợi đến lượt lời của mình.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (GV nhắc HS việc sử dụng âm lượng và điều khiển ánh mắt khi hỏi và trả lời; nhắc HS cách sử dụng gương mặt, bàn tay kèm theo, chẳng hạn, khi nói, em cần nhìn vào mắt bạn, ánh mắt thân thiện, tay em có thể để trên bàn; khi em nghe, em cũng cần nhìn vào bạn, ánh mắt thân thiện, thỉnh thoảng gật đầu và kèm theo một vài từ ngữ phù hợp để xác nhận em đang chăm chú lắng nghe, VD: *ồ, vậy à, sao nữa, thú vị nhỉ,...*).

5.2. Viết sáng tạo

– HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS viết một việc nhà mà HS đã làm, nhắc HS chú ý việc viết hoa đầu câu (có thể viết chữ in hoa) và sử dụng dấu chấm cuối câu, khoảng cách giữa các chữ trong một câu).

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.

– HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

Lưu ý: GV không nên sửa lỗi chính tả, và lỗi đặt câu quá nhiều để tránh làm trẻ chán viết. GV nên nhận xét về ý tưởng của trẻ. Các nhận xét của GV nên theo hướng động viên, khuyến khích.

6. Hoạt động mở rộng

(Các bước tương tự hoạt động mở rộng ở các bài trước và bài hướng dẫn chung về dạy học kiểu bài luyện tập tổng hợp.)

– HS chơi trò chơi *Ai kể nhiều hơn*.

– Luật chơi: GV chia lớp thành 2 – 4 nhóm tùy theo sĩ số lớp, thi đua kể tên những việc mà mình đã làm để giúp đỡ cha mẹ trong một khoảng thời gian nhất định hoặc cho đến khi chỉ còn một nhóm tiếp tục kể tên. GV có thể sử dụng hình thức nói hoặc viết khi cho HS liệt kê các việc đã làm.

7. củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích,...).

– HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Những bông hoa nhỏ trên sân*).

– HS về nhà tìm đọc bài thơ hoặc câu chuyện về chủ đề thiếu nhi/ trẻ em. GV hướng dẫn HS cách tìm sách đọc tương ứng với chủ đề, VD: gợi ý HS về nhân vật/ đối tượng được nói đến trong sách là trẻ em.

BÀI 2: NHỮNG BÔNG HOA NHỎ TRÊN SÂN (tiết 5 – 8, SHS, tr. 29 – 31)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về phần chào sân giữa hai đội bóng, có trẻ em dắt cầu thủ ra sân đá bóng.

2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.

3. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài có tiếng chứa văn cần luyện tập và đặt câu.

4. Nhận diện chi tiết trong bài đọc dựa vào các cụm từ đứng trước hoặc sau nó.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *Ă, Â* và viết câu ứng dụng. Bước đầu thực hiện kĩ năng nghe – viết đoạn văn.
6. Ôn luyện và phân biệt chính tả *ng-/ ngh-* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.
7. Luyện tập nói và viết sáng tạo. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng phẩm chất tự tin thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần *ăc, ăc* kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Clip về một trận đá bóng có trẻ em dắt các cầu thủ ra sân, clip về các cổ động viên bóng đá (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những bông hoa nhỏ* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

– HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ phần khởi động và nói về các hoạt động diễn ra trong tranh. HS trả lời câu hỏi trong SHS (*Hoạt động trong bức tranh diễn ra ở sân vận động bóng đá*). GV hỏi HS có biết lí do vì sao có trẻ em dắt cầu thủ ra sân đá bóng không. GV không đánh giá câu trả lời của HS mà yêu cầu các em sẽ so sánh phán đoán của mình với nội dung bài sẽ đọc.

- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu với giọng đọc phù hợp kiểu văn bản thông tin. Gợi ý: đọc chậm rãi, từ tốn.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó trong bài do ảnh hưởng biến thể ngữ âm phương ngữ, như: *trận đấu, trung thực, nóng nảy, đặc biệt, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu.

– HS đọc thành tiếng. **Chú ý:** GV phải tổ chức đọc theo nhóm nhỏ để đảm bảo từng HS đều đọc hết bài đọc hoặc ít nhất một đoạn trong bài đọc; không tổ chức đọc luân phiên, nối tiếp từng câu (GV cần lưu ý việc sửa cách phát âm/ việc đọc sai của trẻ theo hướng tiếp cận cá nhân, không nhận xét, sửa sai trước toàn lớp, trừ trường hợp có nhiều HS trong lớp cùng mắc lỗi tương tự).

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *trung thực, cổ động viên, nóng nảy, bừa bãi*,... Thế nào là trung thực trong khi thi đấu với nhau? Khi thi đấu mình có nên gian dối không? (Gợi ý: GV có thể sử dụng đoạn clip/ tranh ảnh về một trận bóng đá, trong đó có cảnh trẻ em dắt các cầu thủ bóng đá ra sân. Cảnh cổ động viên ủng hộ trên khán đài (khoác vai nhau hát vang, vẫy cờ...), để rút ra nghĩa của từ *cổ động viên*. GV cũng có thể cho HS xem một đoạn clip/ tranh ảnh về các cổ động viên quá khích (ném đồ vào sân, đốt pháo sáng, la ó, vứt rác bừa bãi trên khán đài...). Yêu cầu HS so sánh hai nhóm cổ động viên, từ đó rút ra nghĩa của từ *nóng nảy*. Các cổ động viên có nên ném đồ bừa bãi vào sân nếu có trẻ em ở đó không?,...).

TIẾT 2

– HS đọc lại bài đọc. (**Lưu ý:** yêu cầu HS đọc mấp máy môi/ đọc thầm, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ăc*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ăc*.)

– HS tìm từ ngữ ở ngoài bài có vần *ăc, ăt*. **Lưu ý:** với HS yếu, có thể cho HS đọc từ mẫu trong SHS và giải thích nghĩa của từ bằng nhiều hình thức khác nhau.

– HS đặt câu chứa từ có vần *ăc, ăt* vừa tìm (GV có thể nêu mẫu ngắn gọn, dùng từ mẫu ở SHS để hướng dẫn HS, VD: *Cổ động viên vẽ mặt đầy màu sắc. Em nhặt bóng giúp chủ tiền đạo*...).

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. GV có thể hỏi các nội dung như tên bài đọc, tên tác giả. Với HS giỏi, GV có thể hỏi thêm, VD: “Có bao nhiêu lí do cho việc có trẻ em dắt cầu thủ vào sân đá bóng?”,... (Gợi ý: Đối với dạng câu hỏi tìm chi tiết trong bài, GV hướng dẫn HS đọc lại bài/ đoạn rồi “khoanh vùng” phạm vi trong bài đọc chứa thông tin liên quan đến yêu cầu câu hỏi (*hình ảnh trẻ em nhắc nhở các cầu thủ... khi có trẻ em những cổ động viên nóng nảy*...). Sau đó, yêu cầu HS đọc những phần thông tin trước hoặc sau cụm từ có trong câu hỏi, và sắp xếp thông tin để trả lời câu hỏi.).

Lưu ý: GV không cho HS trả lời câu hỏi bằng cách “đọc nguyên văn” cả đoạn hoặc một phần của bài đọc có chứa chi tiết trong câu hỏi. Nếu HS đọc nguyên văn, GV cần hướng dẫn để HS lựa chọn đúng phần thông tin có liên quan và sắp xếp các từ ngữ thành câu trả lời.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ Ă, Ẻ và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ Ẻ

- HS nhắc lại ý nghĩa của việc viết hoa.
- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ Ẻ trên bảng (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết). HS so sánh chữ Ẻ với chữ A đã học.
- HS dùng ngón tay viết con chữ Ẻ hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ Ẻ hoa vào VTV. Chú ý các điểm đặt bút và kết thúc.

b. Tô chữ viết hoa chữ Ẻ

Tương tự viết chữ Ẻ. GV lưu ý về dấu phụ. HS so sánh chữ Ẻ với chữ Ẻ, Ẻ.

c. Viết câu ứng dụng của chữ Ẻ

- HS đọc câu ứng dụng. (GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*.)
- HS nghe GV nhắc lại quy trình tô chữ Ẻ hoa.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV (GV nhắc HS chú ý các điểm đặt bút, điểm kết thúc, nối giữa chữ hoa và chữ thường, khoảng cách giữa các chữ trong một dòng, dấu chấm cuối câu).
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

- HS nghe GV giới thiệu về kiểu bài chính tả nghe – viết và các yêu cầu tương ứng với kiểu bài này.
- HS đọc lại câu văn được yêu cầu viết chính tả và trả lời câu hỏi về nội dung của câu văn.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ.
VD: *trẻ em, tình yêu*.
- HS nghe và viết câu văn vào VTV (Gợi ý: GV nhắc HS lùi vào đầu dòng). GV đọc lần một cả câu. Lần hai, GV đọc lại, chú ý ngắt câu tại các cụm từ có nghĩa. Lần ba, GV đọc lại câu để HS dò. GV nhắc HS có thể viết chữ in hoa chữ đầu câu (không bắt buộc viết hoa theo mẫu viết tay chữ *Trẻ*). Viết dấu chấm cuối câu.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập chính tả có quy tắc. GV yêu cầu HS nhắc lại quy tắc chính tả *ng-/ ngh-*. GV có thể chốt lại lần nữa quy tắc này. Yêu cầu HS tìm thêm một số từ thể hiện quy tắc này.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập để làm cơ sở cho việc hiểu nghĩa từ

(**Lưu ý:** với những HS chậm, GV có thể hỏi HS “Bức tranh số 1 vẽ bạn trai đang làm gì?” (vẽ), “Em thấy bạn ấy vẽ như thế nào?” (*ngược ngoạc*), “Với chữ *ngoạc*, em sẽ điền chữ *ng* hay chữ *nh*?”, “Bức tranh số 2 vẽ các bạn đang làm gì?” (*xếp hàng vào lớp*), “Các bạn xếp hàng như thế nào?” (*ngay ngắn*), “Với chữ *ngay*, em sẽ điền chữ *ng* hay chữ *nh*?”,...). Đối với những tiếng/ từ chứa vần khó (*nguyệt*), GV hướng dẫn HS cách đánh vần vần khó và đọc trơn tiếng, từ chứa vần khó.

- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với một số từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

Lưu ý: đối với bài tập chính tả phương ngữ còn lại, GV có thể tùy chọn việc thực hiện nếu còn thời gian hoặc luyện tập thêm cho HS trong các tiết học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.
- HS quan sát tranh gợi ý, chú ý phần làm mẫu của bạn nhỏ. HS yếu có thể sử dụng câu mẫu trong phần làm mẫu này.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (GV nhắc HS việc sử dụng đại từ nhân xưng cho phù hợp (*cha/ ba/ bố/ mẹ/ má – con*)).

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết. (Gợi ý: GV nhắc HS chú ý việc viết hoa đầu câu (chữ viết hoa hoặc chữ in hoa) và sử dụng dấu chấm câu, khoảng cách giữa các chữ trong một câu).
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, sửa lỗi, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

Lưu ý: GV không nên sửa lỗi chính tả, và lỗi đặt câu quá nhiều để tránh làm trẻ chán viết. GV nên nhận xét về ý tưởng của trẻ. Các nhận xét của GV nên theo hướng động viên, khuyến khích.

6. Hoạt động mở rộng

(Các bước tương tự hoạt động mở rộng ở các bài trước và bài hướng dẫn chung về dạy học kiểu bài luyện tập tổng hợp.)

HS nói với bạn tên bài thơ/ câu chuyện, tên tác giả về chủ đề thiếu nhi/ trẻ em và điều HS thích nhất trong bài thơ/ câu chuyện trên.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa học (tên bài, các thông tin em thấy hấp dẫn, thú vị,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Như bông hoa nhỏ*).

BÀI 3: NHƯ BÔNG HOA NHỎ (tiết 9 – 10, SHS, tr. 32 – 33)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội và việc quan sát tranh minh hoạ, trao đổi với bạn về cảm giác hạnh phúc khi được yêu thương.
2. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ. Đọc đúng các tiếng chứa vần khó đọc: *suốt đời, xoè ô, vườn hoa...*
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Chỉ ra được trẻ em là những bông hoa nhỏ của cha mẹ, thầy cô.
5. Học thuộc lòng một khổ thơ.
6. Thực hành hỏi – đáp về một việc tốt mà mình đã làm.
7. Bồi dưỡng tình cảm, cảm xúc hạnh phúc khi được yêu thương thông qua hoạt động luyện nói, nghe, đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Một số tranh ảnh có trong SHS được phóng to; hình minh hoạ tiếng có vần *ươn, ương* kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Như bông hoa nhỏ*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những bông hoa nhỏ* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại bài học trước: bài *Vì sao trẻ em dắt cầu thủ ra sân đá bóng?*, VD: “Có mấy lí do cho việc trẻ em dắt cầu thủ ra sân đá bóng?”,...

Lưu ý: Khi nhận xét, đánh giá phần trả lời của HS, GV cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực và cụ thể (đánh giá quá trình), VD: “Con đã đọc tốt hơn rồi!”, “Con đã biết trả lời một cách rõ ràng, tự tin.”, “Con cần chú ý ngắt nghỉ sau dấu câu nhé!”, “Con cố gắng không đọc *trung thực* thành *chung thực*, *nóng nảy* thành *lóng lẫy*.”; tránh những nhận xét tiêu cực hoặc chung chung như: “Sai, bạn nào giúp bạn?”, “Tốt.”, “Rất giỏi.”,...

2. Khởi động

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ phần khởi động và trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV vừa đọc mẫu, vừa dùng ánh mắt, cử chỉ, giọng nói cho phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ của văn bản thơ. Gợi ý: giọng đọc chậm rãi, giọng yêu thương, nhấn mạnh ở những ý thơ chính của văn bản (*Mà như bông hoa nhỏ/ Được yêu thương suốt đời/ Là hoa của bố mẹ/ Là hoa của thầy cô/ Bao nhiêu bạn trong lớp/ Bao nhiêu màu hoa tươi*). Chú ý việc ngắt nghỉ ở cuối dòng thơ, hết khổ thơ.).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó trong bài do ảnh hưởng biến thể ngữ âm phương ngữ, như: *chẳng, suốt, xoe, vườn, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ theo logic ngữ nghĩa, như *Là/ hoa của bố mẹ// Là/ hoa của thầy cô, ...*

– HS đọc thành tiếng. **Chú ý:** GV phải tổ chức đọc theo nhóm nhỏ để đảm bảo từng HS đều đọc hết bài hoặc ít nhất một khổ thơ; không tổ chức đọc luân phiên từng câu (đây là văn bản thơ, GV có thể đọc luân phiên theo khổ). GV cần lưu ý việc sửa cách phát âm/ việc đọc sai của trẻ theo hướng tiếp cận cá nhân, không nhận xét, sửa sai trước toàn lớp, trừ trường hợp có nhiều HS trong lớp cùng mắc lỗi tương tự.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu (**Lưu ý:** Hạn chế cách giải thích nghĩa của từ điển. Tận dụng cách giải thích nghĩa bằng phương pháp trực quan, đặt câu hoặc dùng ngữ cảnh nếu có thể).

– HS đọc lại bài thơ. (**Lưu ý:** yêu cầu HS đọc mấp máy môi/ đọc thầm, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ươn, ương*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ươn, ương*).

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ươn, ương*. (**Lưu ý:** với HS yếu, có thể cho HS đọc từ mẫu trong SHS và giải thích nghĩa của từ bằng nhiều hình thức khác nhau.)

– HS đặt câu chứa từ có vần *ươn, ương* vừa tìm (GV có thể nêu mẫu ngắn gọn để hướng dẫn HS, VD: *Em giơ tay vươn lên trời; Em bé cười sung sướng*).

TIẾT 2

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. GV có thể hỏi thêm các nội dung, như tên bài thơ, tên tác giả, bài thơ có mấy khổ, mỗi dòng có mấy chữ, chữ đầu dòng thơ được viết như thế nào... Trường hợp HS chưa hiểu rõ câu hỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi nhỏ hơn. VD: “Bài thơ viết về ai?”, “Ai được bố mẹ, thầy cô yêu thương?”,... Với HS giỏi, GV có thể hỏi thêm về nội dung chính của bài thơ, “Bài thơ nói về điều gì? Hãy chọn ý đúng: a. Mỗi bạn nhỏ là một bông hoa của bố mẹ, thầy cô; b. Mỗi bạn nhỏ là một bông hoa biết hát.”,... Đây là kĩ năng khó với HS tiểu học do các em hay

bị nhiễu bởi nội dung của từng khổ. Vì vậy, cách hỗ trợ HS là GV đưa ra hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn để HS đối chiếu với các ý đã biết, rồi chọn đáp án đúng.

– HS học thuộc một khổ thơ yêu thích (GV hướng dẫn HS học thuộc bằng cách dùng bảng phụ, xoá dần các cụm từ; GV để HS tự lựa chọn, nhắc HS về nhà học thuộc lòng khổ thơ đó. Trường hợp có HS thuộc luôn tại lớp, GV nên biểu dương HS đó và khuyến khích các HS khác học tập).

4. Luyện nói sáng tạo

– HS đọc và trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.

– HS quan sát tranh gợi ý và động não suy nghĩ về những việc tốt mà mình đã làm.

– HS nghe GV nhắc lại cách đặt câu hỏi cho phù hợp với nội dung của bài tập. (Gợi ý: GV nhắc lại cách sử dụng bảng từ dùng để hỏi, VD: *ai, cái gì, điều gì, làm gì, ở đâu, khi nào, như thế nào, tại sao, ...* để lựa chọn câu hỏi phù hợp với mục đích hỏi của mình. GV nhắc HS có thể sử dụng một số mẫu câu hỏi chưa trông thông tin (VD: “*Bạn đã làm...?*”, “*Bạn làm... cùng với ai?*”, “*Bạn cảm thấy như thế nào khi...?*”, ...) có trên bảng từ để hỏi/ bảng mẫu câu dùng để hỏi treo ở một góc học tập của lớp. Với HS yếu, GV có thể hướng dẫn HS thêm từ để hỏi vào câu lệnh của bài tập, VD: “*Bạn đã làm việc gì tốt?*”, “*Bạn làm việc tốt đó với ai/ ở đâu/ khi nào, ...?*”, “*Bạn cảm thấy như thế nào sau khi làm một việc tốt?*”, ...).

– HS tiến hành phân vai người hỏi, người trả lời và ngược lại.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (GV nhắc HS việc sử dụng đại từ nhân xưng cho phù hợp (*bạn – mình, cậu – tớ*), sử dụng âm lượng và điều khiển ánh mắt khi hỏi và trả lời; nhắc HS cách sử dụng gương mặt, bàn tay kèm theo, chẳng hạn, khi nói, em cần nhìn vào mắt bạn, ánh mắt thân thiện, tay em có thể để trên bàn; khi em nghe, em cũng cần nhìn vào bạn, thân thiện, thỉnh thoảng gật đầu và kèm theo một vài từ ngữ phù hợp để xác nhận em đang chăm chú lắng nghe, VD: *ồ, vậy à, sao nữa, thú vị nhỉ, ...*).

5. Hoạt động mở rộng

HS hát bài *Em là hoa hồng nhỏ* của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

6. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, tên tác giả, khổ thơ/ câu thơ/ hình ảnh em thích, ...).

– HS đọc thuộc lòng ở nhà, nhắc HS khi đi học về cần chào hỏi cha mẹ/ ông bà/ anh chị em.

– Hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc trơn một văn bản thơ đồng dao.
2. Chỉ ra từ chỉ hoạt động có trong bài đồng dao và đặt câu có chứa từ chỉ hoạt động vừa tìm.
3. Phát triển lời nói theo nội dung yêu cầu.
4. Viết sáng tạo dựa trên những gì đã nói.
5. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
6. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái – biết chia sẻ, giúp đỡ cha mẹ, ông bà và phẩm chất tự tin về những khả năng của bản thân thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những bông hoa nhỏ* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS đọc bài thơ *Mười ngón tay* và thảo luận với bạn về các từ chỉ hoạt động có trong bài.
- HS đặt câu với những từ vừa tìm được và viết vào vở.

3. Luyện tập nói, viết sáng tạo

3.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của hoạt động: *Nói với bạn về những việc em có thể làm được* (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi gợi ý cho HS hiểu nội dung hoạt động).
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ về những việc mình có thể tự làm được.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (GV nhắc HS việc sử dụng âm lượng và điều khiển ánh mắt khi hỏi và trả lời; nhắc HS cách sử dụng gương mặt,

bàn tay kèm theo, chẳng hạn, khi nói, em cần nhìn vào mắt bạn, ánh mắt thân thiện, tay em có thể để trên bàn; khi em nghe, em cũng cần nhìn vào bạn, ánh mắt thân thiện, thỉnh thoảng gật đầu và kèm theo một vài từ ngữ phù hợp để xác nhận em đang chăm chú lắng nghe, VD: *ồ, vậy à, sao nữa, thú vị nhỉ, ...*).

3.2. Viết sáng tạo

– HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết theo mẫu câu *Em có thể...* (Gợi ý: GV hướng dẫn HS viết tên việc làm/ tên hoạt động mà mình có thể làm sau cụm từ *Em có thể...* GV nhắc HS chú ý việc viết hoa đầu câu (chữ in hoa) và sử dụng dấu chấm câu, khoảng cách giữa các chữ trong một câu).

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.

– HS tự đánh giá, sửa lỗi vào dòng sửa lỗi trong VBT nếu có (**Lưu ý:** GV không nên sửa lỗi chính tả, và lỗi đặt câu quá nhiều để tránh làm HS chán viết. GV nên nhận xét về ý tưởng của HS. Các nhận xét của GV nên theo hướng động viên, khuyến khích).

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).

– HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Kể chuyện*).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN CÂU CHUYỆN VỀ CHỦ TRỐNG CHOAI (tiết 12, SHS, tr. 34)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Câu chuyện về chủ trống choai*, tên chủ đề *Những bông hoa nhỏ* và tranh minh họa.

2. Dựa vào tranh minh họa, câu hỏi gợi ý dưới tranh để xây dựng các tình tiết, diễn biến của câu chuyện.

3. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh họa, bước đầu kể toàn bộ câu chuyện.

4. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.

5. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước cả lớp.

6. Bồi dưỡng phẩm chất kiên trì với mục tiêu/ mong ước của bản thân.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, SGV.

– Tranh minh họa truyện.

Nội dung truyện

Câu chuyện về chú trống choai

1. Ngày xưa, gà trống chơi thân với mặt trời. Theo lời hẹn, khi gà trống gáy, mặt trời sẽ thức dậy toả sáng muôn nơi.

Trống choai muốn học theo bác gà trống. Tuy đã cố hết sức, cậu vẫn chưa gáy được. Ngán, ngổng, vệt chế giễu trống choai, nhưng cậu không nản, ngày nào cũng thức dậy sớm tập gáy.

2. Một hôm, đã đến giờ mặt trời chiếu sáng nhưng khắp nơi vẫn tối đen, các con vật vô cùng lo lắng. Trống choai vội chạy đến nhà bác gà trống:

– Bác ơi...

Gà trống thều thào:

– Bác... mệt... quá... không... dậy... được... cháu... giúp... bác...

Trống choai dạ vâng rồi nhảy lên bờ rào, lấy hơi, cất tiếng gáy:

– Ồ... ó... ó...

3. Mặt trời vẫn ngủ vì tiếng gáy của trống choai quá bé. Cậu hít hơi, vươn mình, cố sức gáy. Thế rồi, tiếng gáy của cậu vang xa. Mặt trời bừng tỉnh. Muôn vật reo hò cảm ơn trống choai.

4. Từ đó, sáng nào trống choai cũng cùng gà trống gọi mặt trời dậy.

Phỏng theo *Mẹ kể con nghe*

Câu hỏi:

1. Em thấy chú gà trống choai có điểm gì đáng khen?
2. Nếu gặp một việc khó, em sẽ làm gì?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những bông hoa nhỏ* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước. VD: “Tên câu chuyện là gì?” (*Vượt qua nỗi sợ*), “Câu chuyện kể về ai và cái gì?” (*Bạn Liên và việc vượt qua nỗi sợ độ cao của bạn ấy*), “Em thấy Liên có điểm gì đáng khen?”, “Em thích chi tiết nào nhất? Vì sao?”,...

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đọc tên truyện *Câu chuyện về chú trống choai*. **Lưu ý:** HS có thể chưa hiểu nghĩa của từ *trống choai*, GV cần hướng dẫn để giúp HS nhận ra *trống choai* là con gà trống mới lớn, đang chuẩn bị tập gáy.

– Dựa vào tranh minh họa, tên truyện và các từ ngữ có trong tranh minh họa, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào?”, “Ai là nhân vật chính?” (*gà trống choai*), “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*khu vườn*), “Em nghĩ câu chuyện sẽ kể điều gì về chú gà trống choai?” (*tập gáy*), “Có chuyện gì với bác gà trống”, “Câu chuyện kết thúc như thế nào?”, ...)

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập xây dựng truyện theo tranh và kể chuyện

– HS quan sát tranh minh họa, từ ngữ trong bóng nói của các nhân vật và trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh. (Gợi ý: GV sử dụng thêm các câu hỏi phụ để giúp HS nhận diện các yếu tố truyện có trong tranh như nhân vật chính, tình tiết chính tương ứng với mỗi tranh. VD: “Bức tranh thứ nhất gồm có những ai? Các nhân vật đó đang làm gì? Ở đâu? Vào lúc nào?... Tương tự cho các tranh khác.)

– HS trao đổi với bạn về nội dung của từng tranh. GV giúp HS phát triển ý tưởng và lời nói bằng các kỹ thuật mở rộng ý, thêm chen từ ngữ, VD: “Liệu ngay từ đầu, trống choai đã gáy ngay được chưa?”, “Nếu trống choai chưa gáy được hoặc gáy không hay, em nghĩ trống choai có bị chế giễu không?”, “Khi bị chế giễu, liệu trống choai có từ bỏ việc tập gáy không?”, “Khi thay thế bác gà trống, em nghĩ liệu trống choai có thể gọi được mặt trời dậy không?”,...

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ với âm lượng nhỏ, đủ nghe trong nhóm nhỏ. (GV nhắc HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể và khi ngồi nghe kể: nhìn người kể, có những dấu hiệu bằng mắt và bằng từ ngữ để xác nhận việc mình đang nghe bạn kể chuyện. Nếu có một HS không kể được, GV có thể hướng dẫn các bạn khác trong nhóm hỗ trợ bạn bằng cách đặt các câu hỏi cho bạn.)

– HS/ nhóm HS thực hiện kể toàn bộ câu chuyện trước lớp. (GV nhắc HS sử dụng âm lượng, ánh mắt, cử chỉ, biểu cảm của gương mặt khi kể trước lớp.)

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi: “Em thấy trống choai có điểm gì đáng khen?”, “Nhờ đâu mà trống choai có thể gọi được mặt trời dậy?”, “Nếu gặp một việc khó, em sẽ làm gì?”, “Khi muốn theo đuổi mơ ước, em sẽ làm gì?”...).

4. Cùng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.

– Hướng dẫn HS đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng).

– Hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Mưa*).

CHỦ ĐỀ 22: MƯA VÀ NẮNG

BÀI 1: MƯA (tiết 1 – 2, SHS, tr. 35 – 36)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề và những kinh nghiệm xã hội của bản thân, thảo luận, đánh giá về đặc điểm các mùa trong năm, sự khác nhau về thời tiết và trang phục theo mùa.
2. Nhận biết sự khác nhau về trang phục cần mặc khi trời mưa và trời nắng, trao đổi với bạn về những hiểu biết của mình về mưa.
3. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu, chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ.
4. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
5. Nhận diện được nội dung chính của bài thơ, kết nối hình ảnh với ngôn ngữ biểu thị hình ảnh.
6. Học thuộc lòng một khổ thơ.
7. Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên thông qua hoạt động luyện nói, nghe, đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Một số tranh ảnh có trong SHS được phóng to; hình minh hoạ tiếng có vần **oa, ach** kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Mưa và nắng*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Mưa và nắng* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không), VD: trò chơi *Gọi mưa*.
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung tuần trước, VD: tên chủ đề, điều em thích nhất ở chủ đề tuần trước,...

2. Khởi động

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ phần khởi động (Gợi ý: GV hướng dẫn HS quan sát tranh tìm điểm khác nhau giữa hai bức tranh (*mưa – nắng, trang phục*); HS trao đổi với bạn những kinh nghiệm thực tế của bản thân: “Em cảm thấy như thế nào khi trời nắng gắt/ trời mưa gió?”, “Khi ra khỏi nhà nếu gặp trời mưa, em phải làm gì?” (*mặc áo mưa, che ô, ...*)).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc nhẹ nhàng, vui tươi, chủ yếu theo nhịp 2/ 2 hoặc 1/ 3 (*Mưa rơi/ tí tách/ hạt trước/ hạt sau/ không/ xô đẩy nhau/ xếp hàng/ lần lượt/ ...*)).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *rơi, trước, sau, nhau, sạch, lượt, xoá, hoa, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi đúng logic ngữ nghĩa, như *Không/ xô đẩy nhau/ Mưa/ gọi chối biếc/ mưa/ nâng cánh hoa/ ...*

– HS đọc thành tiếng bài thơ.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *tí tách, trắng xoá, dập phồng, nốt nhạc, ...*

– HS đọc thầm lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần *oa, ach*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *oa, ach*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *oa, ach*.

– HS đặt câu chứa từ có vần *oa, ach* vừa tìm, VD: “Em thích máy điều hoà.”; “Quê em có nhiều sông rạch.”;...

TIẾT 2

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. GV có thể hỏi các nội dung như tên bài thơ, tên tác giả, bài thơ có mấy khổ, mỗi dòng có mấy chữ, chữ đầu dòng thơ được viết thế nào. Trường hợp HS chưa hiểu rõ câu hỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi nhỏ hơn. VD: “Từ nào được nhắc đến nhiều nhất trong bài thơ?”; “Tranh vẽ cái gì? Từ nào gọi tên cho vật đó?”; “Đọc lại bài thơ và tìm câu thơ có chứa hình ảnh được nhắc đến trong từng bức tranh”,...

– HS học thuộc khổ thơ mình thích.

4. Luyện nói sáng tạo: Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu. Gợi ý: một HS hỏi và một HS trả lời và ngược lại. GV có thể dùng mẫu *Bạn biết điều gì về mưa? Mình biết/ thấy... Còn bạn thì sao?* nhằm giúp HS thực hiện hoạt động này.

5. Hoạt động mở rộng

HS chơi trò chơi về mưa. GV lựa chọn hoặc cho HS lựa chọn trò chơi và phổ biến luật chơi.

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, tên tác giả, khổ thơ/ câu thơ/ hình ảnh em thích, ...).
- HS đọc thuộc lòng ở nhà, nhắc HS khi đi học về cần chào hỏi ba mẹ/ ông bà/ anh chị em.
- HS chuẩn bị cho bài học sau (Bài *Mặt trời và hạt đậu*).

BÀI 2: MẶT TRỜI VÀ HẠT ĐẬU (tiết 3 – 6, SHS, tr. 37 – 39)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ việc quan sát tranh minh hoạ và tên bài đọc, nói về nhân vật trong truyện và phán đoán hành động của các nhân vật.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Nhận diện chi tiết trong bài đọc dựa vào các cụm từ trước hoặc sau đó.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *B* và viết câu ứng dụng. Bước đầu thực hiện kĩ năng nhìn – viết đoạn văn.
6. Phân biệt đúng chính tả *ch-/ tr-*, *dấu hỏi/ dấu ngã*.
7. Luyện nói và viết sáng tạo dựa trên những gì đã nói. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng phẩm chất tự tin thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần **anh**, **ang** kèm theo thẻ từ.
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *B*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Mưa* và *năng* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước, VD: cho HS đọc thuộc lòng khổ thơ em thích và trả lời một số câu hỏi về bài thơ *Mưa*.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, đọc tên bài đọc và quan sát tranh minh họa bài đọc, trả lời câu hỏi phần khởi động trong SHS. HS phán đoán về nội dung câu chuyện.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV vừa đọc mẫu, vừa đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS và dùng ánh mắt, cử chỉ, giọng nói cho phù hợp với nội dung truyện.).
- GV hướng dẫn HS đọc một số từ khó đọc, như: *chiều xuống, vươn vai, trời lên, sáng bừng, rực rỡ, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu, cụm từ.
- HS đọc thành tiếng.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *ấm êm, trời lên, sáng bừng, ...*

TIẾT 2

- HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *anh, ang*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *anh, ang*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *anh, ang*, đặt câu với một số từ vừa tìm được.
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. (Gợi ý: Đối với dạng câu hỏi tìm chi tiết trong bài, GV hướng dẫn HS đọc lại bài/ đoạn rồi “khoanh vùng” phạm vi trong bài đọc chứa thông tin liên quan đến yêu cầu câu hỏi (*hạt đậu tình già, khắp nơi sáng bừng*). Sau đó, yêu cầu HS đọc những phần thông tin trước hoặc sau cụm từ có trong câu hỏi, và sắp xếp thông tin để trả lời câu hỏi.).

Lưu ý: GV không cho HS trả lời câu hỏi bằng cách “đọc nguyên văn” cả đoạn hoặc một phần của bài đọc có chứa chi tiết trong câu hỏi. Nếu HS đọc nguyên văn, GV cần hướng dẫn để HS lựa chọn đúng phần thông tin có liên quan và sắp xếp các từ ngữ thành câu trả lời.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ B và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ B

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ B (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ B hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ B hoa vào VTV. Chú ý các điểm đặt bút và kết thúc.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng.
- HS quan sát GV viết chữ *Ban*.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần và giải thích nghĩa một số tiếng/ từ dễ viết sai bằng cách đặt câu, VD: *vội, xoe, nhỏ xiu, mặt trời, rục rỡ*.
- HS nhìn và viết vào VTV (không bắt buộc viết hoa theo mẫu viết tay chữ *Cậu*).
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập. Tuỳ đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập và thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

– HS đọc yêu cầu của bài tập và quan sát tranh gợi ý. (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi để giúp HS hình thành một số ý tưởng cho việc thực hiện hoạt động nói, VD: “Bức tranh thứ nhất vẽ cảnh gì?”, “Những người đi đường dùng những vật dụng gì để che nắng, chống nắng?”, “Trang phục của các bạn nhỏ như thế nào?”, “Các bạn ấy đang ăn/ uống những gì?”, “Bức tranh số 2 cho thấy mọi người đang làm gì?”, “Trời nắng hay mưa?”,...).

– HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ. (Gợi ý: GV có thể cho HS/ nhóm HS nói về một nội dung khác không thuộc các hoạt động đã gợi ý trong tranh, khuyến khích, biểu dương những HS nói các hoạt động khác, miễn đó là việc làm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi và có ý nghĩa giáo dục, đúng với chủ đề của bài học – *Mưa và nắng*).

5.2. Viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình của bạn theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

(Các bước tương tự hoạt động mở rộng ở các bài trước và bài hướng dẫn chung về dạy học kiểu bài luyện tập tổng hợp.)

HS hát kết hợp trò chơi vận động bài *Trời nắng, trời mưa* của nhạc sĩ Đặng Nhật Mai.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích, ...).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Cầu vồng*). GV nhắc HS về nhà tìm đọc một số bài thơ hoặc câu chuyện có liên quan chủ đề *Mưa và nắng*.

BÀI 3: CẦU VỒNG (tiết 7 – 10, SHS, tr. 40 – 42)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về hiện tượng cầu vồng.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Nhận diện từ chỉ màu sắc.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *C* và viết câu ứng dụng. Bước đầu thực hiện kĩ năng nghe – viết câu văn.
6. Phân biệt quy tắc chính tả *c-/k-*, và phân biệt đúng chính tả *ch-/tr-*.
7. Luyện tập đặt tên cho bức tranh. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng tinh thần ham học hỏi, khám phá khi tìm hiểu về một thông tin khoa học.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa tiếng có vần **ong**, **ông** kèm theo thẻ từ.
- Một số bức tranh, ảnh nghệ thuật kèm tên gọi (nếu có, nên ưu tiên những tranh ảnh về thiên nhiên môi trường đã đoạt giải có kèm tên gọi).
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *C*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Mưa và nắng* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa và trả lời câu hỏi phân khởi động trong SHS.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi về màu sắc của hình ảnh cầu vồng và nói về một số điều HS biết về cầu vồng (GV có thể gợi ý để HS biết dùng từ đánh giá như *đẹp, rực rỡ, ...*).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu (GV đọc chậm rãi, vừa đọc mẫu, vừa đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS, VD: “Cầu vồng có những màu sắc nào?”, ...).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *trước, rực rỡ, vị trí, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu.
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *vòng cung rực rỡ, nổi bật, điều li thú, ...*

TIẾT 2

- HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ong, ông*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ong, ông*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ong, ông* và đặt câu, VD: *Em yêu dòng sông quê em., Cánh đồng quê em bát ngát xanh., ...*
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. (**Lưu ý:** câu hỏi 2 là câu hỏi mở, GV không phê phán hoặc ép buộc HS phải đi theo khuôn mẫu, cần biểu dương những HS có cách trả lời thú vị.).

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ C và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ C

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ C (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).

- HS dùng ngón tay viết con chữ *C* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *C* hoa vào VTV. Chú ý các điểm đặt bút và kết thúc.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng.
- HS quan sát GV viết chữ *Cầu*.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

- HS đọc lại câu cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *vòng, xuất, trước, ...*
- HS nghe GV đọc và viết vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

– HS đọc yêu cầu của bài tập chính tả có quy tắc. HS nhắc lại quy tắc chính tả *c-/ k-*. HS nhắc lại câu: *Em nhớ khắc ghi/ Trước e, ê, i/ Là chữ k nhé/ Còn lại để thôi/ Ta cùng viết c.*

– HS tìm thêm một số từ thể hiện quy tắc này (hoạt động này có thể thực hiện hoặc không).

- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

Lưu ý: Nếu còn thời gian, HS có thể thực hiện bài tập chính tả phương ngữ còn lại hoặc chuyển sang tiết thực hành/ giờ học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập đặt tên cho bức tranh

– HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi gợi ý: “Mọi người đang làm gì?”, “Mọi người làm công việc đó như thế nào?”, “Em sẽ đặt tên gì cho bức tranh?”, ...).

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ việc đặt tên cho bức tranh (GV hướng dẫn những điều nên và không nên khi đặt tên cho một bức tranh/ ảnh, VD: nên đặt một cái tên dễ nhớ, ưu tiên những cái tên có ý nghĩa, tên bức tranh phải nói lên nội dung chính của bức tranh,... VD: *Chúng em cùng trồng cây, Gieo trồng màu xanh*,... GV có thể giới thiệu thêm cho HS một số tranh/ ảnh nghệ thuật đạt giải cao kèm theo tên gọi, ưu tiên những tranh/ ảnh liên quan đến chủ đề trồng cây, giữ lấy màu xanh.).

5.2. Viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết tên bức tranh vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

(Các bước tương tự hoạt động mở rộng ở các bài trước và bài hướng dẫn chung về dạy học kiểu bài luyện tập tổng hợp.)

HS chia sẻ với bạn về bài thơ có liên quan đến chủ đề *Mưa và nắng*. Nói với bạn tên bài thơ, tên tác giả, điều em thích nhất trong bài thơ đó.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các hình ảnh đẹp, các từ ngữ hay trong bài, chi tiết em thích; hoặc những điều nên và không nên khi đặt tên cho bức tranh/ ảnh, chỉ yêu cầu HS nêu 2 – 3 điều chính, không bắt buộc HS nhớ tất cả các điều đã được liệt kê,...).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc trơn các câu tục ngữ, ca dao về thời tiết, tìm hiểu về mối quan hệ giữa các loài động vật với các hiện tượng thời tiết. Từ đó, phát triển hứng thú tìm hiểu về các hiện tượng thiên nhiên.
2. Mở rộng vốn từ về từ chỉ con vật, từ chỉ thời tiết có trong các câu ca dao, tục ngữ và đặt câu.
3. Đánh vần tiếng, từ chứa vần *uya*.
4. Viết sáng tạo dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý.
5. Phát triển năng lực quan sát, giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
6. Bồi dưỡng phẩm chất trung thực trong kiểm tra đánh giá.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Mưa và nắng* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ

2.1. Luyện tập sử dụng từ chỉ con vật, từ chỉ thời tiết

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS đọc các bài ca dao, tục ngữ về thời tiết và thảo luận với bạn về các từ chỉ con vật, từ chỉ thời tiết có trong bài. GV có thể giải thích thêm mối quan hệ giữa hoạt động của các con vật với các hiện tượng thời tiết nhằm khơi gợi hứng thú tìm hiểu khoa học ở HS.
- HS tìm các từ chỉ con vật, thời tiết có trong bài, viết vào VBT.
- HS đặt câu với những từ vừa tìm được.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

2.2. Nhận diện, đánh vần và đọc trơn từ ngữ chứa vần uya

- HS đọc yêu cầu của bài tập: *Tìm tiếng chứa vần uya.*
- HS đánh vần vần *uya* và thực hiện yêu cầu của bài tập.
- HS đọc trơn các từ chứa vần *uya* và giải thích nghĩa của các từ đó. (Gợi ý: GV có thể sử dụng hình ảnh minh họa, đặt câu, dùng ngữ cảnh để giúp HS hiểu nghĩa của từ.)

3. Luyện viết sáng tạo theo gợi ý

- HS quan sát tranh và câu hỏi gợi ý.
- HS trao đổi theo cặp/ nhóm nhỏ về yêu cầu của bài tập (Gợi ý: GV có thể cho HS/ nhóm HS nói về một hiện tượng thời tiết khác không có trong tranh gợi ý).
- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào VBT.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài Kể chuyện).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN *THẦN MƯA VÀ THẦN NẮNG* (tiết 12, SHS, tr. 43)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Thần mưa và thần nắng*, tên chủ đề *Mưa và nắng* và tranh minh hoạ.
2. Biết dựa vào tranh minh hoạ, các bóng nói trong tranh, các câu hỏi gợi ý dưới tranh để xây dựng nội dung của từng đoạn truyện.
3. Kể từng đoạn của câu chuyện, bước đầu kể toàn bộ câu chuyện.
4. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
5. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước cả lớp.
6. Bồi dưỡng phẩm chất không ghen tị, tranh giành hơn thua với người khác.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Tranh minh hoạ truyện.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh (nếu có).

Nội dung truyện

Thần mưa và thần nắng

1. Thần mưa và thần nắng đều có tài. Nhưng ai cũng cho rằng mình là người tài nhất. Một hôm, ngọc hoàng cho hai người so tài và bảo ai giúp muôn loài sống no ấm, yên vui sẽ là người tài nhất.
2. Thần mưa làm ra những cơn mưa lớn giữa mùa nắng hạn khiến muôn loài reo vui. Khoái chí, thần cho mưa lớn, kéo dài. Cây cối, nhà cửa ngập trong nước, muôn loài sợ hãi.
3. Thần nắng làm cho cây cối đơm bông, kết trái. Thích quá, thần bèn cho nắng thêm. Nắng nóng khiến ruộng đồng nứt nẻ, sông suối khô cạn, muôn loài đói khát.
4. Ngọc hoàng bảo mỗi người có một tài riêng nhưng tài đó nếu làm cho muôn loài khổ cực thì lại là tai hoạ.

Thế là từ đó, thần mưa và thần nắng không tranh giành hơn thua mà cùng nhau giúp muôn loài xây dựng cuộc sống no ấm, yên vui.

Nguyễn Ngọc Thuý Linh

Câu hỏi:

1. Em thích nhân vật nào? Vì sao?
2. Hãy nêu tác hại của việc tranh giành hơn thua.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Mưa và nắng* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước, VD: “Tên câu chuyện là gì?”, “Ai là nhân vật chính?” “Em thích chi tiết nào nhất? Vì sao?”.

2. Luyện tập nghe và nói

- HS đọc tên truyện *Thần mưa và thần nắng*.
- Dựa vào tên truyện, tranh minh hoạ và từ ngữ trong bóng nói, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào?” “Nhân vật nào xuất hiện nhiều nhất?” (*Thần mưa, thần nắng*), “Thần mưa đã làm gì?”, “Thần nắng đã làm gì?”, “Kết quả cuối cùng như thế nào?”,...).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập xây dựng truyện theo tranh và kể chuyện

- HS quan sát tranh minh hoạ, câu trong bóng nói của các nhân vật và trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh. (Gợi ý: GV sử dụng thêm các câu hỏi phụ để giúp HS nhận diện các yếu tố truyện có trong tranh như nhân vật chính, tình tiết chính tương ứng với mỗi tranh. VD: “Bức tranh thứ nhất gồm có những ai? Họ đang làm gì? Đọc bóng nói của ngọc hoàng và cho biết ngọc hoàng muốn hai thần làm gì?”,... Tương tự cho các tranh khác.)
- HS trao đổi với bạn về nội dung của từng tranh. GV giúp HS phát triển ý tưởng và lời nói bằng các kĩ thuật mở rộng ý, thêm chen từ ngữ, VD: “Ai trong hai thần sẽ là người chiến thắng?”, “Thần mưa làm cây cối, nhà cửa như thế nào?”, “Mọi người sẽ cảm thấy như thế nào khi bị lũ lụt?”, “Thần nắng làm ruộng đồng, con vật như thế nào?”,...
- HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ với âm lượng nhỏ, đủ nghe trong nhóm nhỏ. (GV nhắc HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể và khi ngồi nghe kể: nhìn người kể, có những dấu hiệu bằng mắt và bằng từ ngữ để xác nhận việc mình đang nghe bạn kể chuyện. Nếu có một HS không kể được, GV có thể hướng dẫn các bạn khác trong nhóm hỗ trợ bạn bằng cách đặt các câu hỏi cho bạn.)

– HS/ nhóm HS thực hiện kể toàn bộ câu chuyện trước lớp. (GV nhắc HS sử dụng âm lượng, ánh mắt, cử chỉ, biểu cảm của gương mặt khi kể trước lớp.)

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi: “Vì sao ngọc hoàng bảo mỗi người có một tài riêng nhưng tài đó nếu làm cho muôn loài khổ cực thì lại là tai hoạ?”, “Điều gì xảy ra khi thần mưa và thần nắng không tranh giành hơn thua mà cùng nhau giúp muôn loài xây dựng cuộc sống no ấm, yên vui?”, “Thử nêu suy nghĩ của em về tác hại của việc tranh giành hơn thua.”).

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.
- Hướng dẫn HS đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng)).
- Hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Chào xuân*).

CHỦ ĐỀ 23: TẾT QUÊ EM

BÀI 1: CHÀO XUÂN (tiết 1 – 2, SHS, tr. 44 – 45)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề, trao đổi với bạn về ngày Tết ở gia đình mình.
2. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân và việc quan sát tranh minh hoạ bài thơ, trao đổi với bạn về quang cảnh ngày Tết nơi mình ở.
3. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu, chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ. Đọc đúng các tiếng chứa vần khó đọc: *nồn nà, rạng rỡ...*
4. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài có tiếng chứa vần cần luyện tập và đặt câu.
5. Nhận diện nội dung chính của bài thơ và chỉ ra các hoạt động diễn ra trong ngày Tết của bạn nhỏ trong bài thơ.
6. Học thuộc lòng một khổ thơ.
7. Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi về ngày Tết.
8. Bồi dưỡng tình cảm, cảm xúc hạnh phúc khi Tết đến thông qua hoạt động luyện nói, nghe, đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGV.
- Một số tranh ảnh có trong SHS được phóng to; hình minh hoạ tiếng có vần **ao, ôi, oi** kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Chào xuân*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Tết quê em* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung tuần trước, VD: cho HS đọc thuộc lòng một khổ thơ em thích hoặc nói về thời tiết gần đây ở địa phương em.

2. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Tết quê em*. GV tổ chức cho HS nói vài điều HS biết về ngày Tết.
- HS quan sát tranh minh hoạ bài thơ, phỏng đoán về nội dung được thể hiện trong tranh, trả lời câu hỏi phần khởi động trong SHS. (VD: “Tranh vẽ cảnh gì? Vì sao em biết?” (*mùa xuân, ngày Tết vì có hoa mai nở, có mùa lân, các bạn nhỏ mặc áo dài/ quần áo đẹp*), “Tranh vẽ những ai?”, “Họ đang làm gì, ở đâu?” (*mọi người đi xem hội hoa xuân/ mùa lân*), “Cảnh ngày Tết trong tranh có gì giống và khác với cảnh ngày Tết ở nơi em sinh sống?”, “Vào ngày Tết em thường đi những đâu?”,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu. Gợi ý: giọng đọc vui tươi, rộn ràng, nhấn mạnh ở những ý thơ chính (*Hoa mai trước ngõ/ Em khoe áo đẹp/ Muôn hoa khoe sắc/ Theo tiếng trống lân*).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *trước ngõ, nồn nà, muôn hoa, khoe sắc, rộn rã*...; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi đúng logic ngữ nghĩa.
- HS đọc thành tiếng bài thơ.
- HS giải thích nghĩa của từ khó, VD: *nồn nà, rộn rã, trống lân*,...
- HS đọc lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ao, ôi, oi*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ao, ôi, oi*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ao, ôi, oi*, đặt câu chứa từ vừa tìm, VD: *Mẹ mua hoa cúc mâm xôi; Tết ở quê có nhiều trò chơi dân gian*,...

TIẾT 2

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. Trường hợp HS chưa hiểu rõ câu hỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi nhỏ hơn. VD: “Đọc hai dòng thơ đầu của khổ thứ hai, tìm xem bạn nhỏ đã làm gì.”, “Đọc hai dòng thơ đầu của khổ thứ nhất, tìm xem khi Tết đến, trước ngõ có cảnh vật gì?”, “Đọc khổ thơ thứ ba, tìm xem cây cối, muôn hoa thay đổi như thế nào khi Tết đến.”,... Ngoài ra, GV có thể hỏi thêm các nội dung như tên bài thơ, tên tác giả, bài thơ có mấy khổ, mỗi dòng có mấy chữ, chữ đầu dòng thơ được viết thế nào.

– HS học thuộc một khổ thơ mình thích.

4. Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5. Hoạt động mở rộng

HS hát bài hát về mùa xuân.

6. Củng cố, dặn dò

– GV tổ chức một vài hoạt động giúp HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, tên tác giả, khổ thơ/ câu thơ, hình ảnh em thích,...).

– Hướng dẫn HS đọc thuộc lòng ở nhà.

– Hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Chợ hoa ngày Tết ở Hà Nội*). GV hướng dẫn HS về nhà tìm một số câu đối hoặc lời chúc Tết.

BÀI 2: CHỢ HOA NGÀY TẾT Ở HÀ NỘI (tiết 3 – 6, SHS, tr. 46 – 48)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ việc quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nhận xét về quang cảnh ngày Tết nơi mình ở.

2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.

3. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.

4. Nhận diện từ chỉ màu sắc. Chỉ ra được những thay đổi trong quang cảnh chợ hoa ngày Tết, từ đó bồi dưỡng cảm xúc yêu quý thiên nhiên, quê hương.

5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *D* và viết câu ứng dụng. Bước đầu thực hiện kỹ năng nhìn – viết đoạn văn.

6. Phân biệt đúng chính tả *d/ gi* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.

7. Luyện tập việc đóng vai và dùng từ xưng hô với đối tượng không bằng vai. Viết sáng tạo dựa trên những gì đã nói. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.

8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần **ang**, **anh** kèm theo thẻ từ. Tranh ảnh/ clip về quang cảnh chợ hoa ngày Tết ở những vùng quê khác nhau (nếu có).
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ D.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Tết quê em* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ bài đọc và nói về các sự vật, hoạt động, trạng thái trong tranh. VD: “Bức tranh vẽ những gì?”, “Em đã từng đến những nơi đó chưa? Những nơi đó như thế nào?” (*đường hoa, chợ hoa ngày Tết, đồng lúa, rặng dừa...*).

- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *chi chít, khoẻ khoắn, đồ quỳên...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu.
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *nhộn nhịp, tấp nập, đào bích, hoa địa lan, đồ quỳên, hải đường...*

TIẾT 2

- HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần **ang**, **anh**. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần **ang**, **anh**.

- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần **ang**, **anh**, đặt câu có từ ngữ vừa tìm, VD: *Vườn đào Nhật Tân thật rực rỡ trong ngày Tết.; Em cùng ba mẹ đi ngắm đường hoa ở Cần Thơ.;...*

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. Trường hợp HS chưa hiểu rõ câu hỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi nhỏ hơn. VD: “Đọc đoạn 1, tìm xem những điều gì được nhắc đến?”, “Đọc đoạn 2, tìm xem những loại cây nào được bán nhiều vào dịp Tết?”, “Bài đọc nói về cái gì? Hãy đánh dấu ✓ vào ô trống trước ý em chọn. ☐ Đào và lan được bán rất nhiều. ☐ Cảnh chợ hoa ngày Tết ở Hà Nội đẹp, đông vui.”,... Với HS giỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi, VD: “Kể tên những loài hoa được nhắc đến trong bài đọc.”, “Tìm từ ngữ chỉ màu sắc của hoa địa lan.”, “Chợ hoa ngày Tết ở nơi em sống có gì khác chợ hoa trong bài đọc?”,...

Lưu ý: Câu hỏi xác định nội dung chính của bài được thiết kế trong VBT để HS có thể đánh dấu ✓ vào ô mình chọn.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ D và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ D

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ D (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).

– HS dùng ngón tay viết con chữ D hoa lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS tô chữ D hoa vào VTV. Chú ý các điểm đặt bút và kết thúc.

b. Viết câu ứng dụng

– HS đọc câu ứng dụng.

– HS quan sát GV viết chữ Dura.

– HS quan sát GV viết phần còn lại.

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

– HS đọc lại đoạn văn cần viết.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, giải thích nghĩa của những từ đó bằng nhiều cách khác nhau, ưu tiên bằng cách đặt câu.

– HS nhìn và viết đoạn văn vào VTV.

– HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

– HS đọc yêu cầu của bài tập được giao. Tùy đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.

– HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.

– HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.

– HS thực hiện bài tập, và tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập đóng vai với ngôi vai không bằng nhau

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.
- HS quan sát tranh gợi ý, chú ý bóng nói và phần “mách nước” của anh bút chì.
- HS thực hiện theo cặp trong nhóm bốn, trong đó một HS chọn vai ông, một HS chọn vai cháu, một HS đóng vai anh/ chị, một HS đóng vai em. HS trao đổi, thảo luận về từ xưng hô cho phù hợp với vai giao tiếp và về lời chúc Tết cho phù hợp với ngữ cảnh. GV nhắc HS chú ý sử dụng ngôn ngữ cử chỉ, điệu bộ cho phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình và của bạn.

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

- HS chơi trò *Ai ghép nhanh hơn*.
- Luật chơi: GV tổ chức chia lớp thành 2 – 4 nhóm tùy theo sĩ số. Mỗi nhóm sẽ được phát một câu đối gồm hai vế đã cắt rời. HS ghép các mảnh ghép lại để tạo thành một cặp câu đối. Hoặc GV có thể đọc mỗi vế của câu đối, yêu cầu HS lắp các tiếng được cắt rời theo đúng lời đọc của GV.
- GV giải thích ý nghĩa của việc có các câu đối vào dịp Tết, và ý nghĩa của các vế đối.

* Gợi ý một số câu đối Tết:

1. *Tết đến, gia đình vui sum họp*
Xuân về, con cháu hưởng bình an
2. *Mai vàng nở rộ đón xuân sang*
Đào hồng khoe sắc mừng năm mới
3. *Ngoài phố tung bừng ngày hội Tết*
Trong nhà nhộn nhịp bữa tiệc xuân
4. *Chúc Tết đến, trăm điều như ý*
Mừng xuân sang, vạn sự thành công

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các loài hoa trong bài, loài hoa em thích,...).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Mâm cơm ngày Tết ở Huế*). GV nhắc HS chuẩn bị các nguyên liệu và dụng cụ để làm thiệp chúc Tết.

BÀI 3: MÂM CƠM NGÀY TẾT Ở HUẾ (tiết 7 – 10, SHS, tr. 49 – 51)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ việc quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nói về những món ăn ngày Tết.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Nhận biết một số món ăn đặc sắc trong ngày Tết ở Huế. Từ đó liên hệ đến những món ăn ngày Tết ở gia đình mình.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ Đ và viết câu ứng dụng. Bước đầu thực hiện kĩ năng nghe – viết đoạn văn.
6. Ôn luyện quy tắc chính tả g-/ gh- và phân biệt chính tả d-/ gi-.
7. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, yêu thương gia đình thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần **at**, **ac**, **ét** kèm theo thẻ từ. Tranh ảnh/ clip về mâm cơm ngày Tết, cảnh gia đình sum họp bên nhau vào dịp Tết.
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ Đ.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Tết quê em* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa và trả lời câu hỏi phần khởi động trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *rau răm, mít trộn, quây quần, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi theo cụm từ, dấu câu.
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *rau răm, mít trộn, quây quần, đầm ầm, ...*

TIẾT 2

- HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *at, ac, êt*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *at, ac, êt*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *at, ac, êt* và đặt câu, VD: *Bà mua dây lạt buộc bánh tét., Ông rất thích xem tranh hồng hạc mùa xuân., ...*
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS trao đổi với bạn về những món ăn trong gia đình mà mình thích nhất vào dịp Tết.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ Đ và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ Đ

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *Đ* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ *Đ* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *Đ* hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng.
- HS quan sát GV viết chữ *Đường*.

- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *bữa, quây quần, nhau, ...*
- HS nghe và viết vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập chính tả có quy tắc.
- HS nhắc lại quy tắc chính tả *g-/ gh-*. GV có thể yêu cầu HS tìm thêm một số từ thể hiện quy tắc này.
- HS quan sát tranh gợi ý định kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, HS có thể thực hiện bài tập chính tả phương ngữ còn lại hoặc chuyển sang tiết thực hành/ giờ học buổi chiều.

TIẾT 3

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS quan sát tranh và đọc câu hỏi gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về bài làm của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS làm thiệp và viết lời chúc Tết người thân. GV có thể cung cấp một vài mẫu thiệp cho HS. Hướng dẫn HS nhớ lại các lời chúc đã thực hiện ở bài học trước.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, chi tiết em thích, ...).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc trơn và giải câu đố về chủ đề ngày Tết.
2. Chỉ ra từ chỉ hình dạng, từ chỉ màu sắc có trong các câu đố và đặt câu.
3. Phát triển lời nói dựa trên tranh minh hoạ và các câu hỏi gợi ý.
4. Viết sáng tạo dựa trên những gì đã nói.
5. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
6. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: yêu gia đình và các ngày lễ tết trong gia đình thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Tết quê em* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ

- HS đọc các câu đố.
- HS thảo luận nhóm, tìm các từ chỉ hình dạng, màu sắc có trong hai câu đố.
- HS viết các từ vừa tìm được vào VBT.
- HS giải câu đố, đặt câu có đáp án và viết vào VBT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

3. Luyện tập nói, viết sáng tạo

3.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập: *Nói về một việc em đã làm để chuẩn bị cho ngày Tết* và quan sát tranh (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi gợi ý cho HS hiểu nội dung tranh).
- HS đọc và trả lời các câu hỏi gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu nói sáng tạo theo cặp/ nhóm nhỏ. (Gợi ý: GV có thể cho HS/ nhóm HS nói về một nội dung khác không thuộc các hoạt động đã gợi ý trong tranh).

3.2. Viết sáng tạo

– HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết theo mẫu câu gợi ý. (Gợi ý: GV nhắc HS chú ý việc viết hoa đầu câu (chữ in hoa) và sử dụng dấu chấm câu, khoảng cách giữa các chữ trong một câu).

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá bài mình, bài bạn, sửa lỗi nếu có.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài Kể chuyện).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN ĐÊM GIAO THỪA Ý NGHĨA (tiết 12, SHS, tr. 52)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Đêm giao thừa ý nghĩa*, tên chủ đề *Tết quê em* và tranh minh hoạ.
2. Biết dựa vào tranh minh hoạ, bóng nói của nhân vật và các câu hỏi gợi ý dưới mỗi tranh để xây dựng nội dung của từng đoạn truyện.
3. Kể từng đoạn của câu chuyện, bước đầu kể toàn bộ câu chuyện.
4. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước cả lớp.
5. Nhận diện bài học trong câu chuyện và liên hệ bài học với bản thân nhằm bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, biết trao yêu thương cho những người khó khăn hơn mình.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGV.
- Tranh minh hoạ truyện.

Gợi ý nội dung truyện

Đêm giao thừa ý nghĩa

1. Lớp Nam học bài *Ngày Tết của em*. Cô giáo hỏi:
 - Đêm giao thừa vừa qua của các con thế nào?Được cô mời đầu tiên, Đông ấp úng trả lời:
 - Thưa cô, con cũng ngủ đúng giờ như mọi đêm ạ.

2. Bỗng Hải – một cậu bé ít nói – giơ tay xung phong phát biểu. Hải hào hứng nói:
– Thưa cô, ba mẹ chở con đi xem pháo hoa. Thích lắm ạ.
3. Cô định mời Hải ngồi xuống nhưng cậu ấy nói thêm:
– Khi xem pháo hoa về, con gặp bạn An..
An ngồi kể Hải gật đầu xác nhận. Cô hỏi An, cô bé đáp:
– Thưa cô, con theo ba mẹ đi tặng quà cho những bạn nhỏ có hoàn cảnh trong xóm ạ.
4. Cô giáo tươi cười, nhìn cả lớp và nói:
– Chúng ta vỗ tay khen ngợi bạn An nào. Vì bạn đã có một đêm giao thừa thật ý nghĩa.
Ngày Tết sẽ vui hơn nếu chúng ta biết chia sẻ, các con ạ.

Vân Khanh

Câu hỏi:

1. Em thích việc đón giao thừa của bạn nào? Vì sao?
2. Kể một, hai việc em làm trong giao thừa vừa rồi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Tết quê em* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước.

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đọc tên truyện *Đêm giao thừa ý nghĩa*. GV hướng dẫn giúp HS hiểu ý nghĩa của từ đêm giao thừa (đêm cuối cùng trong một năm, lúc mọi người trong gia đình quây quần bên nhau chuẩn bị đón chào một năm mới. GV có thể dẫn dắt HS hiểu mong ước đầm ấm, no đủ của mọi người mỗi khi Tết đến.).

– Dựa vào tranh minh họa, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào “Câu chuyện diễn ra ở đâu?”, “Các bạn đang kể về điều gì?”, “Có những chuyện gì xảy ra?”,...).

- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập xây dựng truyện theo tranh và kể chuyện

– HS quan sát tranh minh họa, từ ngữ trong bóng nói của các nhân vật và trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh. (Gợi ý: GV sử dụng thêm các câu hỏi phụ để giúp HS nhận diện các yếu tố truyện có trong tranh như nhân vật chính, tình tiết chính tương ứng với mỗi tranh. VD: “Bức tranh thứ nhất gồm có những ai? Các bạn đó đang làm gì? Đọc dòng chữ trên bảng và cho biết cô giáo yêu cầu các bạn nhỏ kể về điều gì?”,... Tương tự cho các tranh khác.).

– HS trao đổi với bạn về nội dung của từng tranh. (GV giúp HS phát triển ý tưởng và lời nói bằng các kĩ thuật mở rộng ý, thêm chen từ ngữ, VD: “An đã nói những gì khiến các bạn ngạc nhiên? Vì sao cô giáo lại cười tươi và các bạn lại vỗ tay sau khi An nói?”,...)

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ với âm lượng nhỏ, đủ nghe trong nhóm nhỏ.

– HS/ nhóm HS thực hiện kể toàn bộ câu chuyện trước lớp. (GV nhắc HS sử dụng âm lượng, ánh mắt, cử chỉ, biểu cảm của gương mặt khi kể trước lớp.)

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi: “Vì sao cô giáo lại khen An?”; “Em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?”, “Em đã từng tham gia làm từ thiện bao giờ chưa?”,...).

– HS kể trong nhóm nhỏ về một việc em đã làm trong đêm giao thừa vừa qua.

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện, nhân vật HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.

– Hướng dẫn HS đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng).

– Hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Gia đình thân thương*).

CHỦ ĐỀ 24: NHỮNG NGƯỜI BẠN ĐẦU TIÊN

BÀI 1: GIA ĐÌNH THÂN THƯƠNG (tiết 1 – 2, SHS, tr. 53 – 54)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên của chủ đề, trao đổi với bạn về những người bạn đầu tiên của em.
2. Từ việc quan sát tranh minh họa, trao đổi với bạn về cảm giác hạnh phúc khi được yêu thương.
3. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu, chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ. Đọc đúng các tiếng chứa vần khó đọc: *ú oà, nắc nẻ*, ...
4. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
5. Nhận diện được nội dung gia đình chính là những người bạn đầu tiên của em.
6. Học thuộc lòng một khổ thơ.
7. Giới thiệu về gia đình của em.
8. Bồi dưỡng tình cảm, cảm xúc nhân ái, yêu thương gia đình thông qua hoạt động luyện nói, nghe, đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGV.
- Một số hình minh hoạ tiếng có vần *iên*, *iêng* kèm theo thẻ từ (nếu có). Hình ảnh về gia đình của từng HS trong lớp.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Gia đình thân thương*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn đầu tiên* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Những người bạn đầu tiên*.
- HS đọc tên chủ đề và nêu tên những đối tượng mà HS nghĩ là những người bạn đầu tiên của mình. GV gợi ý để giúp HS nhận ra những người thân trong gia đình (*cha mẹ, anh chị em, ông bà, thú cưng, ...*) là những người bạn đầu tiên, VD: “Khi ở nhà, ai là người thường cùng chơi với em?”, “Khi được chơi cùng với những người đó, em cảm thấy như thế nào?”,... GV giải thích ý nghĩa của tên chủ đề.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ bài thơ và trả lời câu hỏi phân khởi động trong SHS. (Gợi ý: GV có thể hỏi: “Những ai đang ở bên hai bạn nhỏ?”, “Ông bà đang làm gì cùng với bạn nhỏ?”, “Cha mẹ đang làm gì cùng với bạn nhỏ?”, “Em thấy mọi người trong gia đình có thân thiết, yêu thương các bạn nhỏ không?”,...)
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *cười, nắc nê, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi đúng logic ngữ nghĩa, như *Rồi/ chia hai đội// Ông/ ngồi kể chuyện// Bà/ hát dân ca, ...*
- HS đọc thành tiếng bài thơ.
- HS dựa vào hình ảnh minh hoạ để hiểu nghĩa của từ khó, VD: *cười nắc nê*.
- HS đọc lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần *iên*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *iên*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *iên*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *iên, iêng* và đặt câu, VD: *Cả nhà em cùng đi dạo biển.; Em rủ ba mẹ chơi gõ trống chiêng.;...*

TIẾT 2

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. Trường hợp HS chưa hiểu rõ câu hỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi nhỏ hơn. VD: “Trong bài thơ có những ai chơi cùng với bạn nhỏ?”, “Kể tên những trò chơi cha mẹ/ ông bà chơi cùng với bạn nhỏ.”,... Với HS giỏi, GV có thể hỏi thêm một số câu như: “Bạn nhỏ cảm thấy như thế nào về gia đình của mình?”, “Vì sao bạn nhỏ cảm thấy yêu hoàい gia đình mình?”,...

– HS chọn và học thuộc một khổ thơ.

4. Luyện nói sáng tạo: Luyện tập giới thiệu về gia đình

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.
– HS đọc câu hỏi gợi ý và phân làm mẫu của bạn học sinh.
– HS lấy hình ảnh của gia đình mình và thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5. Hoạt động mở rộng

HS hát bài *Ba ngọn nến lung linh* của nhạc sĩ Ngọc Lễ.

6. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, tên tác giả, khổ thơ em thích,...).
– HS đọc thuộc lòng ở nhà, nhắc HS khi đi học về cần chào cha mẹ/ ông bà/ anh chị em.
– HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Làm bạn với bố*). Hướng dẫn HS tìm đọc bài thơ hoặc bài hát về cha mẹ, ông bà.

BÀI 2: LÀM BẠN VỚI BỐ (tiết 3 – 6, SHS, tr. 55 – 57)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ việc quan sát tranh minh hoạ và tên bài đọc, tăng cường khả năng phán đoán về nội dung bài đọc.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Chỉ ra được những trò chơi bạn nhỏ đã cùng chơi với cha của mình. Từ đó, nhận diện được người bạn thân là cha và bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, biết yêu thương cha mẹ, cảm nhận được niềm vui khi làm bạn với cha.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ E và viết câu ứng dụng. Bước đầu thực hiện kĩ năng nhìn – viết đoạn văn.

6. Phân biệt đúng chính tả *iêm/ im* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.

7. Luyện tập giới thiệu về cha mẹ. Luyện viết sáng tạo theo nội dung đã nói. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.

8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, VTV, VBT, SGV.

– Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần **ăng, ăng** kèm theo thẻ từ (nếu có).

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn đầu tiên* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ ở phần khởi động và trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *thích, ngồi trong lòng, trò chuyện, chăm chú...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi theo cụm từ, dấu câu.

– HS đọc thành tiếng bài đọc.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *nhong nhong, chăm chú...*

TIẾT 2

– HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần **ăng**. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần **ăng**.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần **ăng, ăng**, đặt câu chứa từ vừa tìm, VD: *Bố khuyên em nên cố gắng học tập chăm chỉ. Ba tập nâng tạ cùng em.*

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. Với HS giỏi, GV có thể lập một bảng biểu có 2 cột (Khi em...; Việc làm cùng với bố) để HS điền vào.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ E và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ E

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ E (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ E hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ E hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng. (GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng *Em thích làm bạn với bố mẹ.*)
- HS quan sát GV viết chữ Em.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

- HS đọc lại đoạn văn được yêu cầu viết chính tả.
- HS đánh vần, đọc trơn và giải thích nghĩa của một số từ dễ viết sai.
- HS nhìn và viết đoạn văn vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập được giao. Tùy đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

Lưu ý: Với bài tập 4, GV có thể lồng ghép việc hướng dẫn HS nghi thức lời nói (chào hỏi, xin lỗi, cảm ơn với người không bằng vai). GV sử dụng bảng phụ chứa các câu nói – câu đáp theo các nghi thức trên. Với HS yếu, yêu cầu HS đọc các câu có trong bảng phụ. Với HS giỏi, yêu cầu các em tự trao lời và đáp lời với nhau theo từng trường hợp được miêu tả trong tranh minh họa.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ về yêu cầu của hoạt động và đọc các gợi ý để hình dung trật tự các nội dung trong lời giới thiệu về cha hoặc mẹ của mình. GV có thể tổ chức hoạt động này theo kỹ thuật mảnh ghép để giúp HS có thêm nhiều ý tưởng cho mỗi vế được yêu cầu.

– HS nhắc lại cách nói lời giới thiệu. GV nhắc nhở HS việc sử dụng lời chào trước khi nói lời giới thiệu.

– HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

5.2. Viết sáng tạo

– HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết cho ý thứ hai được yêu cầu ở phần nói sáng tạo.

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.

– HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS đọc thơ/ hát bài về ông bà, cha mẹ. GV hướng dẫn HS nói lời giới thiệu về bài thơ hoặc bài hát.

7. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, tên tác giả, chi tiết em thích,...).

– HS nghe GV hướng dẫn để chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Những trò chơi cùng ông bà*).

BÀI 3: NHỮNG TRÒ CHƠI CÙNG ÔNG BÀ (tiết 7 – 10, SHS, tr. 58 – 60)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về những hoạt động thường làm với ông bà.

2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.

3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.

4. Kể tên các trò chơi cùng ông bà, qua đó bồi dưỡng tình yêu đối với ông bà, người thân trong gia đình.

5. Ôn luyện quy tắc chính tả *ng-/ ngh-* và phân biệt chính tả *ôm/ om*.

6. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *Ê* và viết câu ứng dụng. Bước đầu thực hiện kĩ năng nghe – viết đoạn văn.

7. Luyện tập giới thiệu về người thân. Luyện viết sáng tạo theo mẫu câu. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.

8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, VTV, VBT, SGV.

– Một số tranh ảnh dùng minh hoạ tiếng có vần *oi, ôi, ơ* kèm theo thẻ từ (nếu có). Tranh ảnh về ông bà của mỗi HS, cây gia đình của mỗi HS.

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn đầu tiên* để tạo tâm thế cho giờ học (có tổ chức hoặc không).

– HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

– HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ và trả lời câu hỏi phân khởi động trong SHS. Từ đó, giúp HS chỉ ra điểm giống nhau giữa hai bức tranh (*cháu chơi cùng ông bà*). GV hỏi HS nghĩ xem ông bà và cháu có thể cùng chơi với nhau những trò chơi nào.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *trốn tìm, tranh, truyện, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu.

– HS đọc thành tiếng bài đọc.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó trong bài.

TIẾT 2

– HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *oi*. HS đọc to tiếng/ từ chứa vần *oi*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *oi, ôi, ơ*, đặt câu chứa từ vừa tìm, VD: *Bơi lội cùng ông thật là vui., Bà ơi, mình chơi trò soi gương đi., Bà và cháu thổi xôi.,...*

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. Gợi ý: GV có thể yêu cầu HS điền vào một bảng biểu có hai cột (Độ tuổi của cháu (Khi còn nhỏ, Lớn lên một chút, Vào lớp Một); Trò chơi với ông bà), “Em có thường chơi cùng ông bà không?”,...

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ Ê và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ Ê

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ Ê (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).

– HS dùng ngón tay viết con chữ Ê hoa lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS tô chữ Ê hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng của chữ Ê

– HS đọc câu ứng dụng. (GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng.)

– HS quan sát GV viết chữ Êm.

– HS quan sát cách GV viết phần còn lại.

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

– HS đọc lại đoạn văn được yêu cầu viết chính tả.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *thích, vui chơi, lớn khôn*,....

– HS nghe và viết câu văn vào VTV.

– HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

– HS đọc yêu cầu của bài tập chính tả có quy tắc. HS nhắc lại quy tắc chính tả *ng-/ ngh-*. GV có thể chốt lại lần nữa quy tắc này. Yêu cầu HS tìm thêm một số từ thể hiện quy tắc này.

– HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài.

– HS thực hiện bài tập.

– HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, HS có thể thực hiện bài tập chính tả phương ngữ còn lại hoặc chuyển sang tiết thực hành/ giờ học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập giới thiệu về người thân

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động. GV hướng dẫn cho HS giải thích nghĩa của từ “người thân”. Gợi ý: GV vẽ cây gia đình, điền tên gọi của các người thân trong gia đình. HS suy nghĩ và lựa chọn về một người thân mà mình muốn giới thiệu.

– HS đọc các gợi ý để hình dung thứ tự các nội dung trong lời giới thiệu về một người thân của mình.

– HS quan sát tranh gợi ý, chú ý phân làm mẫu của bạn HS.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5.2. Viết sáng tạo

– HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết theo mẫu câu gợi ý. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS viết tên người thân và mối quan hệ của người đó với em vào câu “...của mình tên là...”, viết các hoạt động HS thường làm với người đó sau cụm từ “Chúng mình thường cùng nhau...”).

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.

– HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS vẽ một bức tranh để tặng người thân và ghi lời tặng dưới bức tranh đó.

7. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích, ...).

– HS nghe GV hướng dẫn để chuẩn bị cho tiết học sau (Bài Thực hành).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Nói hình với bóng của một số con vật quen thuộc.
2. Nêu được từ chỉ con vật có trong hình và đặt câu có chứa từ ngữ vừa tìm.
3. Phát triển lời nói dựa trên các gợi ý.
4. Viết sáng tạo dựa trên những gì đã nói.
5. Phát triển năng lực quan sát, giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
6. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: yêu quý vật nuôi trong nhà thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SGK, VBT.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn đầu tiên* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Luyện tập mở rộng vốn từ

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS quan sát hình và bóng của các con vật. HS nối hình với bóng của các con vật cho phù hợp và thảo luận với bạn về các từ chỉ con vật có trong hình.
- HS viết tên các con vật vào vở.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

3. Luyện tập nói, viết sáng tạo

3.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS trao đổi theo nhóm nhỏ yêu cầu của bài tập. (Gợi ý: GV sử dụng kĩ thuật hoạt động góc để những HS có cùng một loại thú cưng có thể thảo luận với nhau.)
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

3.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, sửa lỗi, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Kể chuyện*).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN VINH VÀ CHIẾC GỐI MÈO (tiết 12, SHS, tr. 61)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Vinh và chiếc gối mèo*, tên chủ đề *Những người bạn đầu tiên* và tranh minh hoạ.

2. Biết dựa vào tranh minh họa, các từ ngữ trong bóng nói và câu hỏi gợi ý dưới tranh để xây dựng nội dung của từng đoạn truyện.

3. Kể từng đoạn của câu chuyện, bước đầu kể toàn bộ câu chuyện.

4. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.

5. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước cả lớp.

6. Nhận diện được nội dung câu chuyện nhằm bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết yêu quý những đồ vật thân thiết với mình.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, SGV.

– Tranh minh họa truyện.

Nội dung truyện

Vinh và chiếc gối mèo

1. Vinh có một chiếc gối mèo mà cậu rất quý. Mẹ thường trêu “Gối mèo và Vinh là đôi bạn thân. Đi xa về gần Vinh đều mang theo”.

2. Một lần, Vinh được đi du lịch Sa Pa cùng ba mẹ. Vinh rất thích. Vừa ôm gối mèo, cậu vừa leo trèo khắp các đồi cây, đồi hoa trong khu du lịch.

3. Leo trèo được một lúc thì mệt, Vinh ngồi bệt xuống, đặt gối mèo bên cạnh. Bỗng ba gọi Vinh đi chơi cầu treo. Hí hửng, Vinh chạy theo ba, bỏ quên chiếc gối.

4. Hôm sau, về đến nhà ở phố biển Rạch Giá, Vinh sực nhớ đã bỏ quên gối mèo ở Sa Pa. Cậu rất buồn. Ba an ủi Vinh:

– Để ba gọi điện thoại cho các chú bảo vệ của khu du lịch. Nếu có ai nhặt được, họ sẽ cho mình nhận lại.

Đúng như lời ba nói, chú bảo vệ đã nhặt được gối mèo và gửi qua bưu điện về nhà cho Vinh. Từ đó, Vinh không bao giờ bỏ quên gối mèo nữa.

Bùi Ngọc Thảo Nguyên

Câu hỏi:

1. Vì sao Vinh cảm thấy rất buồn khi mất gối mèo?

2. Em có đồ vật nào thân thiết với mình không? Nếu có, hãy kể về đồ vật đó.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn đầu tiên* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước, VD: “Tên câu chuyện là gì?”, “Câu chuyện kể về chuyện gì?”, “Em thích việc làm của bạn nào nhất? Vì sao?”.

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đọc tên truyện *Vinh và chiếc gối mèo*.

– Dựa vào tranh minh hoạ, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Câu chuyện kể về ai?” (*Vinh và chiếc gối mèo*), “Quan sát tranh và cho biết đâu là *gối mèo*?”, “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*khu du lịch/ khi đi chơi xa*), “Có những chuyện gì xảy ra với nhân vật bạn trai/ chiếc gối mèo?”, “Em nghĩ câu chuyện sẽ kể về điều gì giữa Vinh và chiếc gối mèo?”,...).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập xây dựng truyện theo tranh và kể chuyện

– HS quan sát tranh minh hoạ, từ ngữ trong bóng nói của các nhân vật và trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh. (Gợi ý: GV sử dụng thêm các câu hỏi phụ để giúp HS nhận diện các yếu tố truyện có trong tranh như nhân vật chính, tình tiết chính tương ứng với mỗi tranh. VD: “Bức tranh thứ nhất gồm có những ai? Bạn đó đang làm gì? Em thấy Vinh có yêu quý chiếc gối mèo không?”,... Tương tự cho các tranh khác.).

– HS trao đổi với bạn về nội dung của từng tranh. GV giúp HS phát triển ý tưởng và lời nói bằng các kĩ thuật mở rộng ý, thêm chen từ ngữ, VD: “Vinh bỏ quên gối mèo ở chỗ nào rồi?”, “Vinh sẽ cảm thấy như thế nào khi mất gối mèo?”, “Có cách nào để lấy lại gối mèo cho Vinh không?”,...

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ với âm lượng nhỏ, đủ nghe.

– HS/ nhóm HS thực hiện kể toàn bộ câu chuyện trước lớp. (GV nhắc HS sử dụng âm lượng, ánh mắt, cử chỉ, biểu cảm của gương mặt khi kể trước lớp.)

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi: “Vì sao Vinh cảm thấy buồn khi mất gối mèo? Em có đồ vật nào thân thiết với mình không?”).

– HS kể trong nhóm nhỏ về một đồ vật thân thiết với mình (Gợi ý: GV nêu yêu cầu nhắc được: đó là đồ vật gì, trông nó như thế nào, em thường hay làm gì với đồ vật đó.).

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng).

– HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (*Bài Mẹ của thỏ bông*).

CHỦ ĐỀ 25: MẸ VÀ CÔ

BÀI 1: MẸ CỦA THỎ BÔNG (tiết 1 – 4, SHS, tr. 62 – 64)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề, trao đổi với bạn về mẹ và cô giáo của mình.
2. Từ những kinh nghiệm xã hội và ngôn ngữ của bản thân, nói về trò chơi đóng vai.
3. Từ việc quan sát tranh minh hoạ phần khởi động và tên bài đọc, tăng cường khả năng phán đoán về nhân vật chính và nội dung bài đọc.
4. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
5. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
6. Chỉ ra được những việc mà mẹ thường làm khi chăm sóc cho con. Từ đó, bồi dưỡng tình yêu đối với mẹ. Luyện tập nhận diện lời của nhân vật.
7. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *G* và viết câu ứng dụng. Luyện tập kĩ năng nhìn – viết đoạn văn.
8. Ôn luyện quy tắc chính tả *c-/k-* và phân biệt đúng chính tả *s-/x-*.
9. Luyện nói và viết sáng tạo. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
10. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần *uơc*, *uot* kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *G*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (câu có thán từ, tiểu từ tình thái; câu hỏi – đáp vai dưới và vai trên,...).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

TIẾT 1

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Mẹ và cô* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của tuần học trước.

2. Khởi động

- HS đọc tên chủ đề, trao đổi và thảo luận về mẹ và cô giáo của mình. Gợi ý: Giới thiệu về mẹ/ cô giáo (tên, tuổi, điều em thường làm với mẹ/ cô giáo, điều em thích nhất ở mẹ/ cô giáo,...).
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa phần khởi động và trả lời câu hỏi phần khởi động trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS, VD: “Bé đóng vai mẹ, lấy thỏ bông làm em bé. Theo em, bé sẽ làm những gì để đúng với vai “mẹ của thỏ bông?”, “Khi thấy con sốt, em nghĩ bé – mẹ thỏ bông sẽ làm gì?”,...).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *trời, ướt, sờ, trán, quạt, reo, sốt...*
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu (nếu có).

TIẾT 2

- HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ươt*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ươt*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ươc, ươt* và đặt câu, VD: *Mẹ và cô mặc áo dài thướt tha., Chúng em tặng cô bông thược dược tím.,...*
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS và VBT (câu hỏi xác định ý chính của bài đọc).

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ G và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ G

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *G* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ *G* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *G* hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng. (GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng).
- HS quan sát GV viết chữ *Gia*.

- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn - viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *trời, lầy, mũ, ướm*. HS giải thích nghĩa của các từ trên bằng nhiều cách khác nhau, ưu tiên cách đặt câu.
- HS nhìn và viết khổ thơ vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập có quy tắc.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập. HS nhắc lại quy tắc chính tả *c-/ k-*. Yêu cầu HS tìm thêm những tiếng/ từ khác thể hiện quy tắc này.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, HS có thể thực hiện bài tập chính tả phương ngữ còn lại hoặc chuyển sang tiết thực hành/ giờ học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.
- HS quan sát tranh và động não suy nghĩ về một việc đã làm cùng với mẹ.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết theo mẫu gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình và của bạn theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS chơi trò chơi đóng vai làm cô giáo và HS hoặc mẹ và con trong nhóm nhỏ hoặc theo cặp. GV hướng dẫn HS hành động và nói năng giống cô giáo và HS. Tùy HS lựa chọn ngữ cảnh, hành vi mà HS muốn thể hiện.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích, ...).
- HS nghe GV hướng dẫn để chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Nói với em*).

BÀI 2: NÓI VỚI EM (tiết 5 – 8, SHS, tr. 65 – 67)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội và ngôn ngữ của bản thân, nói về trạng thái cảm xúc của nhân vật trong tranh.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Nhận ra sự cần thiết của việc chia sẻ cảm xúc của mình và của người khác. Từ đó, bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết quan tâm, chia sẻ với những người xung quanh.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *H* và viết câu ứng dụng. Luyện tập kỹ năng nghe – viết đoạn văn.
6. Phân biệt đúng chính tả *ac/ at* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.
7. Thực hành chia sẻ cảm xúc của bản thân. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa tiếng có vần *ia, ai, ay* kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *H*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Mẹ và cô* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ và trả lời câu hỏi phần khởi động trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS, VD: “Có những khi em vui, nhưng cũng có khi em buồn. Theo em, ta phải làm gì khi ta buồn?”, “Đó là sự chia sẻ. Theo em, ta có thể chia sẻ với ai?”,...).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *những, vui, buồn, sẻ, nỗi, trường, sống, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu.
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu: *bày tỏ, lo lắng, vui, ...*

TIẾT 2

- HS đọc thầm bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ia, ay*. HS đọc to tiếng/ từ chứa vần *ia, ay*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ia, ai, ay* và đặt câu, VD: “Em rất thích bìa sách môn Tiếng Việt.”; “Cô đang giảng bài cho chúng em.”; “Chúng em trưng bày sản phẩm Mĩ thuật lên bảng.”
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. Với HS giỏi, có thể đặt thêm câu hỏi, VD: “Đọc câu đầu/ câu 2 của đoạn 2 tìm những từ ngữ chỉ cảm xúc.”; “Đọc hai câu đầu của đoạn 2 và cho biết *chia sẻ* là gì?”;...

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ H và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ H

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *H* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ *H* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *H* hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng.
- HS quan sát GV viết chữ *Học*.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe - viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *nỗi buồn, lo lắng, vui, chia sẻ, ...*
- HS nghe và viết vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập. Tùy đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu bài tập.
- HS quan sát tranh gợi ý, chú ý phần làm mẫu của hai bạn HS.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết theo mẫu câu gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình của bạn theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS hát bài hát về mẹ, cô.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, chi tiết em thích, ...).
- HS nghe GV hướng dẫn phần chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Mẹ và cô*). Hướng dẫn HS về nhà tìm đọc bài thơ hoặc câu chuyện về mẹ và cô giáo.

BÀI 3: MẸ VÀ CÔ (tiết 9 – 10, SHS, tr. 68 – 69)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội và ngôn ngữ của bản thân, thảo luận về hoạt động mà bạn nhỏ thường làm cùng với mẹ và cô.
2. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng chứa có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Chỉ ra được tình yêu của bạn nhỏ đối với mẹ và cô. Từ đó, bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: yêu thương mẹ và cô thông qua hoạt động luyện nói, nghe, đọc hiểu.
5. Học thuộc lòng hai khổ thơ.
6. Luyện tập nghi thức chào hỏi với mẹ và cô.
7. Chia sẻ với bạn một bài thơ/ câu chuyện về mẹ và cô.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Một số hình minh hoạ tiếng có vần **iu, iêu** kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Mẹ và cô*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Mẹ và cô* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm, quan sát tranh minh hoạ và trả lời câu hỏi phần khởi động trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV nhấn mạnh ở những ý thơ chính (*Vòng tay ôm cổ cô/ Chạy ào vào lòng mẹ/ Hai chân trời của con/ Là mẹ và cô giáo*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *buổi, chiều, sáng, mặt, chạy, trời, trên, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi theo logic ngữ nghĩa, như *Buổi sáng/ con chào mẹ// Vòng tay/ ôm cổ cô//, Con/ có chiều có sáng// Có đầy một ngày vui// Mặt trời/ lặn rồi mọc, ...*

– HS đọc thành tiếng bài thơ.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu: *chạy ào, lon ton, ...*

– HS đọc lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần *iêu*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *iêu*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *iêu, iu* và đặt câu, VD: “Em xem thời khoá biểu.”; “Em cài chiếc nơ nhỏ xíu cho búp bê.”;...

TIẾT 2

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. (Trường hợp HS chưa hiểu rõ câu hỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi nhỏ hơn. VD: “Đọc hai dòng thơ đầu, tìm xem ba người được nhắc đến là những ai?”, “Đọc hai dòng cuối của khổ thơ thứ hai, tìm xem bạn nhỏ đi học cùng với ai?”, “Em có thường chào mẹ và cô giáo giống như bạn nhỏ không?”,... Với HS giỏi, GV có thể hỏi câu hỏi về nội dung chính của bài, VD: “Bài thơ nói về điều gì? Hãy chọn ý đúng: a. Bạn nhỏ đi học cùng với ông mặt trời, b. Bạn nhỏ vui vì có mẹ và cô yêu thương.”,...)

– HS học thuộc hai khổ thơ.

4. Luyện tập nghi thức chào hỏi với mẹ và cô

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5. Hoạt động mở rộng

HS nói với bạn về bài thơ/ bài hát/ câu chuyện về mẹ và cô. VD: tên bài, tên tác giả, điều em thích nhất,...

6. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, tên tác giả, khổ thơ/ dòng thơ/ hình ảnh em thích,...).

– HS nghe hướng dẫn đọc thuộc lòng ở nhà, nhắc HS khi đi học về cần chào hỏi cha mẹ/ ông bà/ anh chị em.

– HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Hát được bài hát về mẹ và cô.
2. Mở rộng vốn từ về mẹ và cô thông qua lời bài hát.
3. Phát triển lời nói dựa trên các gợi ý.
4. Viết sáng tạo dựa trên những gì đã nói.
5. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
6. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: yêu quý cô giáo thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SGK, VBT.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Mẹ và cô* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung bài trước.

2. Luyện tập nghe hiểu

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS chọn và hát bài hát.
- HS trao đổi với bạn về các câu hỏi và trả lời.
- HS thực hiện bài tập, và tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

3. Luyện tập nói, viết sáng tạo

3.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập: *Nói với bạn về mẹ hoặc cô giáo của em.*
- HS trao đổi với bạn về các câu gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

3.2. Viết sáng tạo

– HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết. (Gợi ý: GV nhắc HS chú ý việc viết hoa đầu câu (chữ in hoa) và sử dụng dấu chấm câu, khoảng cách giữa các chữ trong một câu).

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.

– HS tự đánh giá bài mình, bài bạn, sửa lỗi nếu có.

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).

– HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài Kể chuyện).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN CÔ GIÁO NHƯ MẸ HIỀN (tiết 12, SHS, tr. 70)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Cô giáo như mẹ hiền*, tên chủ đề *Mẹ và cô* và tranh minh họa.

2. Nhớ được các tình tiết, diễn biến theo trật tự xảy ra của câu chuyện.

3. Biết dựa vào tranh minh họa, các từ ngữ gợi ý để ghi nhớ nội dung của từng đoạn truyện.

4. Nhận diện lời nói của các nhân vật và chọn giọng nói phù hợp với từng nhân vật.

5. Kể từng đoạn và kể toàn bộ câu chuyện. Biết điều chỉnh âm lượng của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước cả lớp.

6. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.

7. Nhận diện được nội dung câu chuyện nhằm bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: yêu quý cô giáo, bạn bè, nhà trường.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, SGV.

– Tranh minh họa truyện.

Nội dung truyện

Cô giáo như mẹ hiền

1. Đến giờ vào học, các bạn đã vào lớp, còn Thịnh vẫn tần ngần đứng giữa sân trường. Thấy vậy, cô giáo đến bên Thịnh, ân cần hỏi:

– Sao vậy con?

Thịnh đáp ứng:

– Con... con...

Cô dịu dàng bảo:

– Nào, ta cùng vào lớp.

Nép vào người cô, Thịnh cảm thấy thật ấm áp và gần gũi.

2. Thấy cô giáo dẫn Thịnh vào lớp, có bạn trêu:

– Lớn rồi mà còn nhõng nhẽo.

– Tại... tại mình bị đau chân.

Cô lo lắng hỏi Thịnh:

– Con bị đau ở đâu?

– Đây ạ.

3. Cô lấy dầu xức vào chỗ Thịnh chỉ. Nhưng cô xức dầu chưa xong, thì Thịnh đã chạy từ về chỗ của mình ở cuối lớp. Cô nhẹ nhàng bảo:

– Đừng chạy, kéo vấp phải bàn, lại bị ngã nữa.

4. Hôm sau, Thịnh chuẩn bị đi học từ rất sớm. Mẹ âu yếm nói:

– Còn sớm mà con.

– Dạ. Vì cô giáo đang đợi con ở trường.

Phỏng theo An-đrây Pla-tô-nốp, Ngọc Phương dịch

Câu hỏi:

1. Vì sao cô giáo lo lắng khi nghe cậu bé nói với bạn “Mình bị đau chân.”?

2. Vì sao mẹ cậu bé hài lòng khi nghe con nói “Cô giáo đang đợi con.”?

3. Kể với bạn về một cô giáo đã dạy em ở trường mầm non.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Mẹ và cô* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước, VD: “Tên câu chuyện là gì?” (*Vinh và chiếc gối mèo*), “Câu chuyện kể về ai và cái gì?” (*Vinh, cái gối mèo*), “Ngoài Vinh còn ai?” (*ba, chú bảo vệ, ...*), “Em thích chi tiết nào nhất? Vì sao?”.

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đọc tên truyện *Cô giáo như mẹ hiền*.

– Dựa vào tranh minh họa, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào?” “Nhân vật nào xuất hiện nhiều nhất?” (*bạn nhỏ*) “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*lớp* (là chính) và *ở nhà*), “Có những chuyện gì xảy ra với nhân vật bạn nhỏ?”,...).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV giới thiệu cách nhận diện lời từng nhân vật trong truyện và cách lựa chọn giọng nói cho phù hợp với lời nhân vật. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS lắng nghe các từ ngữ xuất hiện mô tả giọng nói của từng nhân vật – thường xuất hiện trước hoặc ngay sau lời nói của mỗi nhân vật.)

– HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV sử dụng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Khi đi đưa vào người cô giáo đi vào lớp, chuyện gì sẽ xảy ra với Thịnh? Các bạn sẽ nhìn Thịnh thế nào?”, “Điều gì sẽ xảy ra khi cô bôi dầu vào chân cho Thịnh?”, “Vì sao hôm sau Thịnh chuẩn bị đi học từ rất sớm?”,... GV chú ý minh họa giọng nói của các nhân vật khác nhau, trong từng ngữ cảnh khác nhau.)

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh họa theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV nhắc HS dùng các từ ngữ gợi ý dưới tranh để ghi nhớ nội dung truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ. HS lưu ý việc chọn giọng nói phù hợp với lời từng nhân vật.

– HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi: “Vì sao cô giáo lo lắng khi nghe cậu bé nói với bạn *Minh bị đau chân*?”, “Em thích nhân vật nào nhất?/ Em thích chi tiết nào nhất? Vì sao?”).

– HS kể trong nhóm nhỏ về một cô giáo đã dạy em ở trường mầm non (Gợi ý: GV nêu yêu cầu nhắc được tên cô, điều gì khiến em nhớ/ yêu cô nhất?).

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.

– HS nghe hướng dẫn đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng).

– HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Cô chổi rom*).

CHỦ ĐỀ 26: NHỮNG NGƯỜI BẠN IM LẶNG

BÀI 1: CÔ CHỖI RƠM (tiết 1 – 4, SHS, tr. 71 – 73)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề, trao đổi với bạn về những đồ vật trong nhà.
2. Thực hành quan sát tranh theo trật tự nhất định.
3. Từ việc quan sát tranh minh hoạ phân khởi động và tên bài đọc, trao đổi với bạn những hiểu biết của mình về nhân vật chính trong bài đọc.
4. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
5. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
6. Chỉ ra được những từ ngữ chỉ màu sắc của chổi rơm và tình yêu của mọi người trong nhà đối với chổi rơm. Từ đó, liên hệ đến những đồ vật trong nhà của mình, bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết yêu quý gia đình và các đồ vật trong nhà.
7. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *I* và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nhìn – viết đoạn văn.
8. Phân biệt đúng chính tả *uôi/ ui* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.
9. Luyện nói sáng tạo: tập nói lời cảm ơn và xin lỗi với đối tượng không bằng vai. Luyện viết sáng tạo từ nội dung vừa nói. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
10. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần *ôi, ơm, ôm* kèm theo thẻ từ (nếu có), tranh minh hoạ cây chổi rơm và một số loại chổi khác hoặc vật thật.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (lời cảm ơn, lời xin lỗi...).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn im lặng* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không), VD: thi tiếp sức tìm tên các đồ vật có trong nhà của em.
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của tuần học trước.

2. Khởi động

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Những người bạn im lặng*. HS phỏng đoán nội dung tuần học sẽ nói về ai/ điều gì (GV đưa câu hỏi gợi ý, dẫn dắt giúp HS hiểu những người bạn im lặng là những đồ vật, vật dụng có trong cuộc sống của HS, VD: “Theo em, ai là người bạn im lặng?”...).

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ ở phần khởi động của bài đọc và nêu tên đồ vật có trong bức tranh. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS quan sát theo chiều từ trái qua phải hoặc ngược lại, hoặc từ gần đến xa để tập cho HS cách quan sát). HS kể tên ba, bốn đồ vật có trong nhà của mình.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS đọc tên bài đọc và nghe GV giới thiệu về cây chổi rơm bằng hình ảnh minh hoạ hoặc vật thật và nêu một vài nhận xét về hình dáng, màu sắc của cây chổi rơm, VD: “Cây chổi rơm có màu gì?”, “Chổi rơm dùng để làm gì?”, “Chổi rơm có cứng như chổi quét sân không?” (Nếu HS biết về chổi sể, chổi dừa, GV có thể thay từ “chổi quét sân” bằng “chổi sể/ chổi dừa”).

– HS nghe GV đọc mẫu.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *chổi rơm, xinh xắn, vàng óng, ...*

– HS đọc thành tiếng bài đọc.

– HS giải thích nghĩa của từ khó hiểu: *xinh xắn, ẩm, ...*

TIẾT 2

– HS đọc thầm lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ôi, om*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ôi, om*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ôi, om, ôm* và đặt câu.

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. Trường hợp HS chưa hiểu rõ câu hỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi nhỏ hơn. VD: “Đọc đoạn 1, tìm từ chỉ màu áo và váy của cô chổi rơm.”, “Đọc đoạn 3, tìm xem chị Thủy Linh treo chổi rơm ở đâu.”, ... Với HS giỏi, GV có thể hỏi thêm một số câu hỏi. VD: “*Được việc* nghĩa là gì?”, “Đọc đoạn 2, tìm sau từ *được việc* để trả lời lí do vì sao cô bé chổi rơm rất được việc.”, “Vì sao cần treo chổi rơm lên sau khi quét nhà?”, ...

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ I và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ I

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *I* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).

- HS dùng ngón tay viết con chữ *I* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *I* hoa vào VTV. Chú ý các điểm đặt bút và kết thúc.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng. (GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng.)
- HS quan sát GV viết chữ *It*.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

- HS đọc lại đoạn văn được yêu cầu viết chính tả.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *rom*, *vàng tươi*, ... HS giải thích nghĩa của các từ trên bằng cách đặt câu.
- HS nhìn và viết đoạn văn vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập. Tùy đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập nói lời cảm ơn và xin lỗi với đối tượng không bằng vai

- HS quan sát tranh và trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5.2. Viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS đọc câu đố, quan sát tranh minh họa và giải câu đố. GV có thể hướng dẫn HS đọc những từ khoá để giúp HS đoán đáp án.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích, ...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ngưỡng cửa*, tranh ảnh về ngôi nhà của mình).

BÀI 2: NGƯỠNG CỬA (tiết 5 – 6, SHS, tr. 74 – 75)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, thảo luận về nơi yêu thích nhất trong ngôi nhà của mình.
2. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Chỉ ra được ngôi nhà là nơi gắn bó với mình. Từ đó, bồi dưỡng tình yêu với ngôi nhà của mình.
5. Học thuộc lòng hai khổ thơ.
6. Hỏi – đáp về việc giữ gìn nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng, từ đó bồi dưỡng ý thức có trách nhiệm trong việc chăm sóc nhà cửa của mình.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Một số hình minh họa tiếng có vần **an**, **ang** kèm theo thẻ từ (nếu có). Tranh ảnh về ngôi nhà của mỗi HS.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Ngưỡng cửa*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn im lặng* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, có thể sử dụng tranh, ảnh về ngôi nhà của mình và trả lời câu hỏi phân khởi động trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS đọc tên bài thơ và quan sát tranh minh hoạ bài thơ để hiểu nghĩa từ *ngưỡng cửa*. HS liên hệ ngưỡng cửa nhà mình.

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV nhấn mạnh ở những ý thơ chính của văn bản: *Nơi này ai cũng quen/ Ngay từ thời tằm bé/ Nơi này đã đưa tôi/ Buổi đầu tiên đến lớp*). Chú ý việc ngắt nghỉ ở cuối dòng thơ, hết khổ thơ.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *quen, dắt vòng, xa tắp, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi đúng logic ngữ nghĩa, như *Khi/ tay bà/ tay mẹ// Nơi/ bố mẹ ngày đêm// Nơi/ bạn bè chạy tới// Nay/ con đường xa tắp, ...*

– HS đọc thành tiếng bài thơ.

– HS giải thích nghĩa của từ khó hiểu: *thời tằm bé, đi men, ...*

– HS đọc lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ang*. HS đọc to tiếng/ từ chứa vần *ang*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *an, ang* và đặt câu, VD: “Lan can nhà em rất rộng.”; “Cầu thang nhà em làm bằng gỗ.”;...

TIẾT 2

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS học thuộc lòng hai khổ thơ yêu thích.

4. Luyện nói sáng tạo: Luyện tập sử dụng câu hỏi và câu trả lời

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.

– HS nhắc lại cách đặt và trả lời câu hỏi.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (một HS đọc câu hỏi, một HS trả lời, sau đó đổi lại).

5. Hoạt động mở rộng

HS chơi trò chơi: *Thi kể tên các đồ dùng ở nhà em*.

(Luật chơi: GV chia lớp thành 2 – 4 nhóm tùy số, các nhóm thi đua kể tên các đồ dùng có trong nhà của mình trong một thời gian quy định. GV có thể cho HS kể tên hoặc viết vào bảng.)

6. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các nhân vật trong bài, khổ thơ em thích, ...).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc thuộc lòng ở nhà và cách giữ gìn đồ đạc trong nhà gọn gàng, sạch sẽ.

– HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Mỹ bảo hiểm*).

BÀI 3: MŨ BẢO HIỂM (tiết 7 – 10, SHS, tr. 76 – 78)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Nhận diện chi tiết trong bài đọc dựa vào các cụm từ đứng trước hoặc sau nó.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ K và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nghe – viết đoạn văn.
6. Ôn luyện quy tắc chính tả *g-/ gh-* và phân biệt đúng chính tả *uôn/ uông*.
7. Luyện nói sáng tạo: luyện tập giới thiệu về đồ vật. Luyện viết sáng tạo từ nội dung vừa nói. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng phẩm chất có trách nhiệm với bản thân và mọi người xung quanh khi tham gia giao thông.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần *ăn, ăng* kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video, mũ bảo hiểm (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn im lặng* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ phần khởi động và trả lời câu hỏi trong SHS. Gợi ý: GV hỏi HS lí do cần đội mũ bảo hiểm khi đi xe gắn máy. GV không đánh giá câu trả lời của HS, mà yêu cầu các em so sánh phán đoán của mình với nội dung bài sẽ đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới (GV có thể sử dụng tranh ảnh/ vật thật về một vài chiếc mũ bảo hiểm có hình dáng, màu sắc khác nhau cho HS quan sát. HS trao đổi với bạn xem một chiếc mũ bảo hiểm gồm có những bộ phận nào, và cách đội một chiếc mũ bảo hiểm. GV không đánh giá câu trả lời của HS mà yêu cầu HS xem xét, so sánh điều mình vừa trao đổi với bạn với nội dung bài đọc.).

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *vô, quai, xóp, khoá cài, chặt...*
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó trong bài như *quai, xóp, miếng lót cằm, khoá cài*.

TIẾT 2

– HS đọc thầm lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ăn, ăng*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ăn, ăng*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ăn, ăng* và đặt câu, VD: “Em có một chiếc khăn rất mềm.”; “Em dùng găng tay khi rửa bát.”;...

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. (Trường hợp HS chưa hiểu rõ câu hỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi nhỏ hơn. VD: “Đọc đoạn 1, tìm tên các bộ phận của một chiếc mũ bảo hiểm.”, “Đọc đoạn 3 để tìm từ nói về việc cài mũ bảo hiểm”,... Đối với HS khá giỏi, GV có thể tổ chức cho HS điền thông tin vào một bảng biểu có hai cột (cột 1: Bộ phận của mũ bảo hiểm; cột 2: Chất liệu.)

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ K và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ K

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *K* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).

- HS dùng ngón tay viết con chữ *K* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *K* hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng của chữ K

- HS đọc câu ứng dụng. (GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng.)
- HS quan sát GV viết chữ *K*ê.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

- HS đọc lại đoạn văn được yêu cầu viết chính tả.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *cài khoá, chắc chắn, quai, sát, chật...*
- HS nghe và viết đoạn văn vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập chính tả có quy tắc. HS nhắc lại quy tắc chính tả g-/ gh-. Yêu cầu HS tìm thêm một số từ thể hiện quy tắc này.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, HS có thể thực hiện bài tập chính tả phương ngữ còn lại hoặc chuyển sang tiết thực hành/ giờ học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập giới thiệu về đồ vật

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.
- HS quan sát tranh và các câu hỏi gợi ý để tìm hiểu về cách giới thiệu một đồ vật. GV có thể tổ chức bằng kỹ thuật hoạt động góc để những HS có cùng chung loại đồ vật được tặng có thể trao đổi thông tin cho nhau.
- HS thực hiện hoạt động nói theo yêu cầu.

5.2. Viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS hát bài *Em đội mũ bảo hiểm* của nhạc sĩ Nguyễn Bằng. (GV có thể yêu cầu HS nói thêm về lợi ích của việc đội mũ bảo hiểm.)

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, thông tin nào em thích nhất về chiếc mũ bảo hiểm, ...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc trơn văn bản hướng dẫn về cách đội mũ bảo hiểm.
2. Nói về trình tự các bước đội một chiếc mũ bảo hiểm tương ứng với hình ảnh minh họa.
3. Mở rộng vốn từ về từ ngữ chỉ trình tự và thay từ ngữ đó cho các số tương ứng với các bước đội mũ bảo hiểm.
4. Phát triển năng lực quan sát, giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
5. Bồi dưỡng phẩm chất có trách nhiệm – biết cách bảo vệ sự an toàn cho bản thân và những người xung quanh khi tham gia giao thông trên đường thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn im lặng* (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ

- HS đọc trơn bài đọc.
- HS quan sát tranh minh họa các bước đội mũ bảo hiểm và thảo luận với bạn về các bước đội mũ bảo hiểm tương ứng với tranh vẽ (4 bước).
- HS tìm hiểu về các từ ngữ chỉ trình tự *đầu tiên, tiếp theo, sau đó, cuối cùng*.
- HS thay các từ ngữ chỉ trình tự nêu trên cho các số tương ứng với các bước đội mũ bảo hiểm.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).
- HS thảo luận thêm về lí do cần đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông trên đường.

3. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài Kể chuyện).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN *CHUYỆN GHẾ VÀ BÀN* (tiết 12, SHS, tr. 79)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Chuyện ghế và bàn*, tên chủ đề *Những người bạn im lặng* và tranh minh họa.
2. Nhớ được các tình tiết, diễn biến theo trật tự xảy ra của câu chuyện.
3. Biết dựa vào tranh minh họa, các từ ngữ gợi ý để ghi nhớ nội dung của từng đoạn truyện.
4. Nhận diện lời của các nhân vật và lựa chọn giọng nói phù hợp với từng nhân vật.
5. Kể từng đoạn của câu chuyện, kể toàn bộ câu chuyện. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước lớp.
6. Biết bày tỏ cảm xúc của bản thân với các nhân vật trong câu chuyện.
7. Bồi dưỡng phẩm chất có trách nhiệm – giữ gìn đồ dùng của mình sạch sẽ, gọn gàng.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Tranh minh họa truyện.

Nội dung truyện

Chuyện ghế và bàn

1. Trong phòng ngủ của Nam, bác ghế hỏi cô bàn:
– Cô bàn ơi, có chuyện gì thế?
Cô bàn đáp:
– Ôi, tôi lại bị bôi bẩn rồi bác ghế ơi!
– Tôi thì có hơn gì cô bàn đâu, bốn chân của tôi đã lung lay hết rồi. Cậu ấy cứ xô đẩy, nhảy lên nhảy xuống trên lưng tôi.
2. Cô bàn buồn buồn kể:
– Mới hôm qua, cậu ấy còn bôi bẩn, vẽ đầy trên mặt bàn. Cậu ấy còn để li nước đá lên mà không có đĩa lót, làm mặt tôi bị ố hết rồi.
3. Nghe đến đây, Nam giật mình tỉnh giấc. Cậu nhìn lại bộ bàn ghế bố mới mua tháng trước: “Chao ôi, mới hôm nào chúng còn mới tinh, mà hôm nay trông chúng thật cũ kĩ, xấu xí làm sao!”.
4. Nam hối hận quá. Cậu đứng lên lấy khăn lau bàn, ghế và tự nhủ sẽ nhờ ba sửa lại chân ghế bị lung lay. Cậu hứa sẽ giữ gìn đồ dùng trong nhà thật cẩn thận, không nghịch phá nữa.

Theo *Những bài văn hay*

Câu hỏi:

1. Em thích nhân vật nào trong truyện? Vì sao?
2. Nếu em là Nam, em sẽ nói với bàn ghế điều gì?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn im lặng* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước, VD: “Tên câu chuyện là gì?”, “Câu chuyện kể về ai?”, “Em có thấy quý cô giáo giống bạn Thịnh không?”,...

2. Luyện tập nghe và nói

- HS đọc tên truyện: *Chuyện ghế và bàn*.
- Dựa vào tranh minh hoạ, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào?” “Ai là nhân vật chính?” (*bàn, ghế*) “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*phòng ngủ của bạn Nam*), “Có những chuyện gì xảy ra với bàn và ghế?”, ...).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

- HS nhắc lại cách nhận diện lời của nhân vật và cách sử dụng giọng nói phù hợp với lời của từng nhân vật.
- HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV dùng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Nam có nghe được câu chuyện của cô bàn và bác ghế không?”, “Em nghĩ Nam sẽ làm gì sau khi tỉnh giấc?”,...). GV chú ý dùng giọng điệu khác nhau cho từng lời nhân vật và hoàn cảnh.
- HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV yêu cầu HS dùng cụm từ gợi ý dưới tranh để ghi nhớ nội dung truyện.
- HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ. GV nhắc HS nhớ việc sử dụng giọng nói phù hợp với lời của từng nhân vật.
- HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi: “Em thích nhân vật nào trong truyện? Vì sao?”, “Nếu là Nam, em sẽ nói gì với bàn và ghế?”).

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (*Bài Mit học vẽ tranh*).

CHỦ ĐỀ 27: BẠN CÙNG HỌC CÙNG CHƠI

BÀI 1: MÍT HỌC VẼ TRANH (tiết 1 – 4, SHS, tr. 80 – 82)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề, trao đổi với bạn về những người bạn của mình.
2. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về hoạt động vẽ tranh.
3. Từ tên bài đọc, tăng cường khả năng phán đoán về nhân vật chính và nội dung bài đọc.
4. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
5. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu. Đọc đúng tiếng chứa vần khó đọc.
6. Chỉ ra những màu sắc Mít dùng vẽ bạn.
7. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *L* và viết câu ứng dụng. Thực hành kỹ năng nhìn – viết đoạn văn.
8. Phân biệt đúng chính tả *l- / n-* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.
9. Luyện nói lời cảm ơn và xin lỗi với đối tượng bằng vai. Luyện viết sáng tạo theo nội dung vừa nói. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
10. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
11. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết thể hiện tình cảm với bạn bè.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa tiếng có vần ***anh, ang, ăng*** kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *L*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (câu có từ xung hô với bạn).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Bạn cùng học cùng chơi* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của tuần trước.

2. Khởi động

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Bạn cùng học cùng chơi* (GV có thể bắt đầu bằng câu hỏi: “Ở trường, em thường cùng các bạn làm gì vào giờ ra chơi, giờ học?”, “Em thích chơi với bạn nào trong lớp? Vì sao?”, “Em thường thích trò chơi gì với bạn ấy?”,...).

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ phần khởi động và trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS, VD: “Mít đề nghị vẽ tranh cho Hồng. Theo em, Mít sẽ vẽ thể nào?”, “Khi Mít vẽ xong tranh cho Hồng, theo em Hồng sẽ làm gì?”,...).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *tranh, vẽ, tuyền, khuấy, tai, thăm, màu, rối rít*,...

– HS đọc thành tiếng bài đọc.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *tuyền màu vẽ, khuấy, ngạc nhiên, cười toe toét*,...

TIẾT 2

– HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *uyp, uây, oet, anh*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *uyp, uây, oet, anh*. GV hướng dẫn HS đọc trơn tiếng, từ chứa vần khó *uyp, uây, oet*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *anh, ang, ă* và đặt câu, VD: “Hai bạn nam đang đánh cờ vua.”, “Chúng em xếp hàng vào lớp.”, “Chúng em cùng chơi trò bỏ khăn.”,...

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ L và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ L

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *L* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).

– HS dùng ngón tay viết con chữ *L* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS tô chữ *L* hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

– HS đọc câu ứng dụng (GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng).

– HS quan sát GV viết chữ *Lớp*.

- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *mũi, xanh thẫm, mắt*.
- HS nhìn và viết đoạn văn vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập. Tùy đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập nói lời cảm ơn và xin lỗi với đối tượng bằng vai

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.
- HS quan sát tranh, chú ý phần bóng nói của 2 bạn HS.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5.3. Viết sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS hát bài *Lớp chúng ta đoàn kết* của nhạc sĩ Mộng Lân.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Vui học ở Thảo cầm viên*).

BÀI 2: VUI HỌC Ở THẢO CẦM VIÊN (tiết 5 – 8, SHS, tr. 83 – 85)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về Thảo cầm viên (sở thú) và các hoạt động thường diễn ra ở đó.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Nhận diện chi tiết trong bài đọc dựa vào các cụm từ đứng trước hoặc sau nó.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *M* và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nghe – viết đoạn văn.
6. Ôn luyện và phân biệt đúng chính tả *ng-/ ngh-* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.
7. Luyện tập nói và viết sáng tạo. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng phẩm chất tự tin thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần *ui, uôi, ươi* kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *M*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Bạn cùng học cùng chơi* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ phần khởi động và trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS hoạt động nhóm nhỏ; đọc tên bài đọc và trao đổi về những hoạt động mà HS có thể làm ở Thảo cảm viên.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *viên, vực, cây, giải trí, trò chơi, màn, ...*

– HS đọc thành tiếng bài đọc.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *giải trí, tham quan, ...*

TIẾT 2

– HS đọc thầm lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ui, uôi*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ui, uôi*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ui, uôi, ươi* và đặt câu, VD: *Chuột chũi đào hang trong lòng đất.; Chim ruồi hút mật hoa.; Đười ươi thích ăn chuối.*

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ M và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ M

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *M* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).

– HS dùng ngón tay viết con chữ *M* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS tô chữ *M* hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

– HS đọc câu ứng dụng. (GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng).

– HS quan sát GV viết chữ *Mình*.

– HS quan sát cách GV viết phần còn lại.

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

– HS đọc lại đoạn cần viết.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *vui, nhiều, thú vị, xiếc, ...*

- HS nghe và viết vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập chính tả có quy tắc. HS nhắc lại quy tắc chính tả *ng-/ ngh-*. Yêu cầu HS tìm thêm một số từ thể hiện quy tắc này.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, HS có thể thực hiện bài tập chính tả phương ngữ còn lại hoặc chuyển sang tiết thực hành/ giờ học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS quan sát tranh, thảo luận với bạn về các câu hỏi gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

5.2. Viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS đọc câu đố và quan sát hình minh hoạ để tìm ra đáp án. GV có thể giúp HS tìm những từ khoá để đưa ra đáp án đúng.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các thông tin chính trong bài, thông tin em quan tâm nhất,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Cùng vui chơi*). HS về nhà tìm đọc bài thơ hoặc câu chuyện về bạn bè. Chú ý các nội dung cần nhớ như tên bài thơ/ câu chuyện, nội dung,...

BÀI 3: CÙNG VUI CHƠI (tiết 9 – 10, SHS, tr. 86 – 87)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội, ngôn ngữ của bản thân và việc quan sát tranh minh hoạ bài thơ, thảo luận các hoạt động mà bạn bè thường làm chung với nhau.
2. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ.
3. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Nhận diện từ chỉ âm thanh.
5. Luyện nói về hoạt động mà bạn bè thường làm cùng nhau trong giờ ra chơi. Từ đó, bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết yêu quý bạn bè.
6. Chia sẻ với bạn bài thơ/ câu chuyện về bạn bè.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Một số hình minh hoạ tiếng có vần **oi, ươi, ui** kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Cùng vui chơi*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Bạn cùng học cùng chơi* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ bài thơ và trả lời câu hỏi phân khởi động trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV nhấn mạnh ở những ý thơ chính, VD: *Giờ chơi đến rồi/ Ra sân cùng vui/ Chơi cho khoẻ người/ Chơi vui, học vui*).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *reng, chuông, giờ, vui, nhảy, dây, trai, khoẻ, xoay, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ theo logic ngữ nghĩa, như: *Chuông kêu/ reng reng// Bạn gái/ nhảy dây// Dây bay/ vun vút// Này/ các bạn ơi// Chơi/ cho/ khoẻ người, ...*

- HS đọc thành tiếng bài thơ.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu (nếu có).
- HS đọc thầm lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần *eng, oi, uoi*. HS đọc to tiếng/ từ chứa vần *eng, oi, uoi*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *oi, uoi, ui* và đặt câu, VD: “Các bạn đang học bơi.”; “Chúng em tưới cây ở vườn trường.”; “Cô giáo cho chúng em đi xem dệt cửi.”...

TIẾT 2

- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

4. Luyện nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của hoạt động.
- HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện yêu cầu của hoạt động.

5. Hoạt động mở rộng

HS chia sẻ với bạn về tên bài thơ/ câu chuyện về bạn bè. (**Lưu ý:** GV hướng dẫn HS nêu được tên bài thơ/ câu chuyện và nội dung của bài thơ/ câu chuyện đó.)

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các trò chơi có trong bài, khổ thơ em thích,...). GV có thể tổ chức dưới dạng trò chơi, bài tập,...
- HS đọc thuộc lòng bài thơ ở nhà.
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc trơn các câu tục ngữ về quan hệ thầy – trò, bạn bè.
2. Chỉ ra từ chỉ người, từ chỉ đồ vật, từ chỉ hoạt động có trong các câu tục ngữ và đặt câu.
3. Phát triển lời nói dựa trên tranh minh hoạ và các gợi ý.
4. Viết sáng tạo dựa trên những điều đã nói.
5. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
6. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: yêu quý thầy cô, bạn bè thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SGK, VBT.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Bạn cùng học cùng chơi* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung bài học trước

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS đọc các câu tục ngữ. GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của các câu tục ngữ.
- HS thảo luận với bạn về các từ chỉ người, từ chỉ đồ vật và từ chỉ hoạt động có trong các câu tục ngữ.
- HS đặt câu với những từ vừa tìm được.
- HS thực hiện bài tập, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

3. Luyện tập nói, viết sáng tạo

3.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu và các câu hỏi gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

3.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết bằng cách viết tên môn thể thao hoặc môn năng khiếu sau cụm từ *Em thích...* và viết lí do mình yêu thích môn học đó sau từ *vì...*. GV nhắc HS chú ý việc viết hoa đầu câu (chữ in hoa) và sử dụng dấu chấm cuối câu, khoảng cách giữa các chữ trong một câu.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Kể chuyện*).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN ĐÔI BẠN VÀ HAI CHÚ CHIM NON

(tiết 12, SHS, tr. 88)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Đôi bạn và hai chú chim non*, tên chủ đề *Bạn cùng học cùng chơi* và tranh minh hoạ.
2. Nhớ được các tình tiết, diễn biến theo trật tự xảy ra của câu chuyện.
3. Biết dựa vào tranh minh hoạ, các từ ngữ gợi ý để ghi nhớ nội dung của từng đoạn truyện.
4. Nhận diện lời nhân vật và chọn giọng nói phù hợp với lời nhân vật.
5. Kể từng đoạn của câu chuyện, kể toàn bộ câu chuyện. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước lớp.
6. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với các nhân vật trong câu chuyện.
7. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái – biết yêu thương các loài động vật.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, SGK.

– Tranh minh hoạ truyện.

Nội dung truyện

Đôi bạn và hai chú chim non

1. Lâm và Nam là đôi bạn thân. Một hôm hai bạn nhặt được hai chú sẻ non.
2. Nam nói với Lâm:
– Lâm à, ta mua lồng nuôi chim nhé.
Lâm bảo:
– Hay mình thả chúng về với bố mẹ.
– Không! Mình giữ lại nuôi. Đây, con này của bạn.
3. Lâm đành mang chú sẻ nhỏ về, định chăm cho nó lớn rồi thả. Tách bạn chưa đầy buổi, chú sẻ nhỏ đã bỏ ăn, nằm bẹp một chỗ. Thương quá, Lâm bèn mang nó tới nhà Nam. Đến nơi, Lâm thấy chú chim sẻ của Nam cũng đang nằm ủ rũ.
Gặp nhau, hai chú chim vui mừng, vỗ vỗ cánh như muốn bay lên.
4. Nam lí nhí nói:
– Mình xin lỗi bạn. Ta chăm vài hôm rồi trả cho bố mẹ chúng.
Vừa lúc đó, bỗng có tiếng sẻ riu rạn. Thì ra bố mẹ chim sẻ đã tìm đến. Rồi cả gia đình nhà chim riu rít như hoà chung niềm vui với hai bạn nhỏ.

(Theo Kim Hải, *Con kênh xanh xanh*, NXB Giáo dục, 2008)

Câu hỏi:

1. Em thích nhân vật nào? Vì sao?
2. Nếu em là Lâm, em sẽ nói gì với bạn Nam?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Bạn cùng học cùng chơi* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước, VD: “Tên câu chuyện là gì?”, “Câu chuyện kể về ai?”, “Em thích chi tiết nào nhất? Vì sao?”.

2. Luyện tập nghe và nói

- HS đọc tên truyện.
- Dựa vào tranh minh hoạ và tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có mấy nhân vật?” (*hai nhân vật*), “Hai nhân vật trao đổi với nhau chuyện gì?” (*muôi chim*), “Cuối cùng hai nhân vật đã làm gì?” (*quyết định thả hai chú chim về với bố mẹ chúng*)...)
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Nghe kể chuyện

- HS nhắc lại cách nhận diện lời nhân vật và cách lựa chọn giọng nói phù hợp với lời nhân vật và hoàn cảnh.
- HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV dùng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Em nghĩ hai bạn sẽ làm gì với hai chú sẻ non?”, “Em nghĩ Nam có đồng ý với Lâm không?”,...). GV chú ý sử dụng những giọng nói phù hợp với lời nhân vật và hoàn cảnh.
- HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV yêu cầu HS dùng cụm từ gợi ý dưới mỗi tranh để ghi nhớ nội dung truyện.
- HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ. GV nhắc HS lưu ý lựa chọn giọng nói phù hợp với lời nhân vật.
- HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS tìm hiểu nội dung câu chuyện, từ đó liên hệ bài học của câu chuyện với bản thân mình.
- HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc mở rộng.
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Câu chuyện về giấy kẻ*). GV hướng dẫn HS về nhà tìm đọc bài viết có nội dung về cách sử dụng một đồ dùng học tập. Chú ý hướng dẫn HS nhớ được một, hai chi tiết có liên quan đến cách sử dụng đồ dùng học tập có trong bài viết.

CHỦ ĐỀ 28: TRONG CHIẾC CẶP CỦA EM

BÀI 1: CÂU CHUYỆN VỀ GIẤY KẼ (tiết 1 – 4, SHS, tr. 89 – 91)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề, trao đổi với bạn về đồ dùng học tập và việc giữ gìn chúng.
2. Từ tên bài đọc, tăng cường khả năng phán đoán về nhân vật chính và nội dung bài đọc.
3. Đọc trơn bài đọc, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
4. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
5. So sánh cách sử dụng giấy kẻ của hai nhân vật trong bài đọc. Từ đó, liên hệ đến những việc giữ gìn đồ dùng học tập của bản thân.
6. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *N* và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nhìn – viết đoạn văn.
7. Phân biệt đúng chính tả *d-/ gi-* và quy tắc chính tả *c-/ k-*.
8. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
9. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
10. Bồi dưỡng phẩm chất có trách nhiệm: có ý thức giữ gìn đồ dùng học tập.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa tiếng có vần **ai**, **ay**, **ây** kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *N*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (câu có thần từ, tiểu từ tình thái).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Trong chiếc cặp của em* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung bài học tuần trước.

2. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Trong chiếc cặp của em* (GV có thể bắt đầu bằng câu hỏi: “Trong chiếc cặp của em có những gì?”, “Em thích nhất đồ dùng nào trong đó?”,...).
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa phần khởi động và trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS, VD: “Theo em, khi được đưa đến nhà máy, giấy kẻ sẽ trở thành gì?”, “Em nghĩ, sau khi nghe lời khuyên của giấy kẻ thì Minh sẽ làm gì?”,...).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *giấy, phức, viết, kín, tinh, vút, ...*
- HS đọc thành tiếng.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *nâng niu, thì thào, tiết kiệm, ...*

TIẾT 2

- HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ai, ay, ây*. HS đọc to tiếng/ từ chứa vần *ai, ay, ây*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ai, ay, ây* và đặt câu, VD: “Em giữ túi đựng bài kiểm tra cẩn thận.”; “Ba em dùng máy tính khi làm việc.”; “Mẹ mua cho em tập giấy vẽ.”;...
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ N và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ N

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *N* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ *N* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *N* hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng.
- HS quan sát GV viết chữ *Nam*.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *giấy, với, rất, nâng nui, viết, kín*.
- HS nhìn và viết vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

– HS đọc yêu cầu của bài tập chính tả có quy tắc. HS nhắc lại quy tắc chính tả *c-/ k-* (GV có thể chốt lại lần nữa quy tắc này. Yêu cầu HS tìm thêm một số từ thể hiện quy tắc này).

- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, HS có thể thực hiện bài tập chính tả phương ngữ còn lại hoặc chuyển sang tiết thực hành/ giờ học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập hỏi đáp

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập: cách giữ gìn sách vở.
- HS quan sát tranh gợi ý, chú ý bóng nói của hai HS.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5.2. Viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS chia sẻ bài viết có nội dung về hướng dẫn cách sử dụng đồ dùng học tập. GV chú ý hướng dẫn HS nói về nội dung của bài viết.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Trong chiếc cặp của em*).

BÀI 2: TRONG CHIẾC CẶP CỦA EM (tiết 5 – 6, SHS, tr. 92 – 93)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân và việc quan sát tranh minh hoạ phần khởi động, thảo luận về những đồ dùng học tập thường để trong cặp sách.
2. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Kể tên các sự vật xuất hiện trong bài thơ.
5. Học thuộc hai khổ thơ.
6. Luyện nói sáng tạo theo gợi ý.
7. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết yêu quý đồ dùng học tập của mình.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Một số tranh ảnh, hình minh hoạ tiếng có vần **an, ang, oan** kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Trong chiếc cặp của em* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS quan sát tranh minh hoạ phần khởi động, trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới (GV có thể bắt đầu bằng câu “Mỗi ngày đến lớp các con đều phải mở cặp ra. Vậy khi mở cặp ra, các con nhìn thấy những gì?”,...).
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ bài thơ, nghe GV đọc một vài từ ngữ nói về những đồ vật có trong tranh và đoán xem đồ vật đó là gì. (Gợi ý: “Bài thơ nói đến một đồ vật có dáng gầy nhom, đó là gì?”, “Đồ vật làm bằng giấy thơm, biết rất nhiều câu chuyện tên là gì?”, “Đồ vật luôn đi chung với quyển vở để giúp em ghi chép tên là gì?”).

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV nhấn mạnh ở những ý thơ chính (*Em có nhiều bạn bè/ Nằm ngoan trong chiếc cặp/ Gặp gỡ nhau mỗi ngày/ Làm sao không yêu mến/ Muốn nghe chúng kháo chuyện/ Em mở chiếc cặp ra*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *ngoan, gầy, sách, rất, vở, nhau, ngày, kháo chuyện, ra, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ theo logic ngữ nghĩa, VD: *Gầy nhom/ là cây thước// Thích sạch/ là thời gồm// Những trang sách giấy thơm// Cây bút/ cùng quyền vở, ...*

– HS đọc thành tiếng bài thơ.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu: *kháo chuyện, thời gồm, ...*

TIẾT 2

– HS đọc lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần *an, ang, oan*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *an, ang, oan*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *an, ang, oan* và đặt câu, VD: “Em dán nhãn vở vào vở tiếng Việt.”; “Cô dặn em mang theo bảng con.”; “Em bao sách Toán cẩn thận.”;...

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS học thuộc hai khổ thơ yêu thích.

4. Luyện nói sáng tạo

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.

– HS quan sát tranh và ba câu hỏi gợi ý.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (một HS hỏi, một HS trả lời và ngược lại).

5. Hoạt động mở rộng

HS đọc và giải câu đố. GV hướng dẫn HS đọc từ khoá để tìm ra lời giải.

6. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa học (tên bài, các đồ dùng học tập trong bài, khổ thơ em thích, ...).

– HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Những điều cần biết về bút chì*).

BÀI 3: NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ BÚT CHÌ

(tiết 7 – 10, SHS, tr. 94 – 96)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về các loại bút.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Nhận diện chi tiết trong bài đọc dựa vào các cụm từ đứng trước hoặc sau nó.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *O* và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nghe – viết khổ thơ.
6. Phân biệt đúng chính tả *c-/ k-* và *ao/ au*.
7. Luyện tập nói lời cảm ơn với đối tượng bằng vai. Luyện viết sáng tạo theo nội dung đã nói. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng phẩm chất tự tin thông qua hoạt động nghe, nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần **ut, uc** kèm theo thẻ từ (nếu có). Một số loại bút khác nhau (vật thật).
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *O*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Trong chiếc cặp của em* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ phần khởi động và trả lời câu hỏi trong SHS. **Lưu ý:** GV có thể sử dụng một số câu hỏi gợi ý, dẫn dắt để HS nói được vài

điều về bút chì, VD: “Em biết mấy loại bút chì?”, “Trong ruột bút chì có gì?”, “Trong ruột bút chì có gì?”,...

- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS, VD: “*Lỗi bút chì có loại lõi cứng, có loại lõi mềm. Theo em, hai loại lõi này khác nhau thế nào?*”, “*Người ta chọn bút chì tùy vào điều gì?*”,...).

- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *loại, viết, vẽ, lõi, nhoe*,...
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu, VD: *vết hằn, lõi, nhoe chữ*,...

TIẾT 2

- HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ut*. HS đọc to tiếng/ từ chứa vần *ut*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ut, uc* và đặt câu, VD: *Em dùng bút bọc tai nghe khi nghe nhạc.*, *Cây sáo trúc này rất đẹp.*, ...
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ O và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ O

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *O* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ *O* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *O* hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng. GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng.
- HS quan sát GV viết chữ *Ong*.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

- HS đọc lại khổ thơ cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *ngoan, gầy, thoải*, ...
- HS nghe GV đọc và viết khổ thơ đầu vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập có quy tắc. HS nhắc lại quy tắc chính tả *c-/k-*.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng tranh.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, HS có thể thực hiện bài tập chính tả phương ngữ còn lại hoặc chuyển sang tiết thực hành/ giờ học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập nói lời cảm ơn với đối tượng bằng vai

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.
- HS quan sát tranh, chú ý phần bóng nói của hai nhân vật.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu

5.2. Viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS vẽ một chiếc cặp hoặc ba lô của mình và đặt tên cho bức vẽ.

7. củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc trơn văn bản hướng dẫn về cách giặt ba lô.
2. Nói về trình tự các bước giặt ba lô.
3. Quan sát hình ảnh minh họa các bước và nối từ ngữ chỉ trật tự các bước với hình vẽ tương ứng.
4. Phát triển năng lực quan sát, giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
5. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: yêu quý và giữ gìn đồ dùng học tập sạch sẽ thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGV.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Trong chiếc cặp của em* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ

- HS đọc trơn bài đọc.
- HS quan sát tranh minh họa các bước giặt ba lô và thảo luận với bạn về các trình tự ứng với từng tranh.
- HS nói các từ ngữ chỉ các bước giặt ba lô với tranh vẽ tương ứng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).
- HS thảo luận về lí do cần giặt ba lô và giữ gìn đồ dùng học tập sạch sẽ.

3. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài Kể chuyện).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN AI QUAN TRỌNG NHẤT? (tiết 12, SHS, tr.97)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Ai quan trọng nhất?*, tên chủ đề *Trong chiếc cặp của em* và tranh minh họa.
2. Nhớ được các tình tiết, diễn biến theo trật tự xảy ra của câu chuyện.
3. Biết dựa vào tranh minh họa, các từ ngữ gợi ý để ghi nhớ nội dung của từng đoạn truyện.
4. Nhận diện lời nhân vật và lựa chọn giọng nói phù hợp với lời nhân vật.
5. Kể từng đoạn của câu chuyện, kể toàn bộ câu chuyện. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước cả lớp.
6. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với các nhân vật trong câu chuyện.
7. Bồi dưỡng tính cách không ghen tị, tranh giành hơn thua với người khác.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Tranh minh hoạ truyện.

Nội dung truyện

Ai quan trọng nhất?

1. Hôm nay bé Na được cô giáo khen. Cô nói Na tiến bộ, tập vở sạch sẽ, hình vẽ cũng rất ngộ nghĩnh. Nghe thế anh bút mực, bé bút chì vui lắm. Cả hai tranh nhau, ai cũng cho rằng mình có công lớn nhất.

2. Bút mực hào hứng:

– Anh là người giúp bé Na viết những nét chữ xinh xinh mà cô giáo đã khen.

3. Bút chì giãy nảy:

– Không đúng. Chính em là người đã giúp bé Na vẽ hình. Em không bôi bẩn vở như anh. Trước kia, bé Na không biết viết, nhờ có em kiên trì tập luyện cùng, bé Na mới biết viết.

4. Hộp bút nghe cả hai tranh luận liền từ tốn nói:

– Các cháu sai rồi, ai cũng có ích. Bút mực giúp bé Na viết chữ rõ ràng, dễ đọc. Bút chì giúp bé Na vẽ hình và kẻ hàng.

Nghe thế, cả hai ngượng ngùng, bắt tay nhau hứa không ganh tị nữa.

Theo Lê Quang (Sách Mẹ kể bé nghe “Ai quan trọng nhất”, NXB Tổng hợp TPHCM, 2009)

Câu hỏi:

1. Theo em bút mực hay bút chì đã giúp bé Na nhiều nhất? Vì sao?
2. Nếu em là bé Na, em sẽ nói gì với bút chì và bút mực?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Trong chiếc cặp của em* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước.

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đọc tên truyện.

– Dựa vào tranh minh hoạ và tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào?” (*cô giáo, bạn nhỏ, bút mực, bút chì, hộp bút*), “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*ở lớp*), “Có những chuyện gì xảy ra?” (*cãi nhau, tranh công, làm hoà, ...*)).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nhắc lại cách nhận diện lời nhân vật và cách lựa chọn giọng nói phù hợp với lời nhân vật và hoàn cảnh.

– HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV dùng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Theo em, anh bút mực và bé bút chì sẽ kể công của mình thế nào?”, “Sau khi nghe anh bút mực kể công, bé bút chì làm gì?”, “Theo em, bé bút chì sẽ kể công những gì?”, “Hộp bút sẽ nói gì để bút mực và bút chì không tranh cãi nữa?”,...). GV chú ý kể với giọng điệu phù hợp với lời của các nhân vật và hoàn cảnh.

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV nhắc HS sử dụng các cụm từ gợi ý dưới mỗi tranh để ghi nhớ nội dung truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ. GV nhắc HS lưu ý lựa chọn giọng nói phù hợp với lời nhân vật.

– HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi: “Vì sao bút mực và bút chì không ganh tị với nhau nữa?”, “Nếu em là bé Na, em sẽ nói gì với bút chì và bút mực?”).

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.

– HS nghe GV hướng dẫn về việc đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, nội dung đọc mở rộng).

– HS chuẩn bị cho bài học sau (Bài *Chuyện xảy ra trên đường*).

CHỦ ĐỀ 29: ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG

BÀI 1: CHUYỆN XẢY RA TRÊN ĐƯỜNG (tiết 1 – 4, SHS, tr. 98 – 100)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề, trao đổi với bạn về con đường đến trường.
2. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về những sự vật, hoạt động thường thấy trên con đường đến trường hằng ngày của mình.
3. Từ việc quan sát tranh minh hoạ và tên bài đọc, tăng cường khả năng phán đoán về nhân vật chính và nội dung bài đọc.

4. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
5. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
6. Chỉ ra được những việc nên và không nên làm khi đi trên đường. Từ đó, bồi dưỡng phẩm chất có trách nhiệm, biết bảo vệ sự an toàn cho mình và mọi người xung quanh.
7. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *Ô* và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nhìn – viết đoạn văn.
8. Phân biệt đúng chính tả *c-/ k-* và *d-/ gi-*.
9. Luyện nói và viết sáng tạo theo tranh gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
10. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Tranh minh hoạ chủ đề.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ từ ngữ chứa tiếng có vần *ai, ay* kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *Ô*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (câu có từ tượng thanh, câu đề nghị, câu từ chối,...).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Đường đến trường* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học tuần trước.

2. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Đường tới trường*. GV tổ chức cho HS nói về những sự vật, hoạt động em có thể thấy trên đường đến trường.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ ở phần khởi động và trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS, VD: “Điều gì sẽ xảy ra khi Bằng chơi bóng một mình/ vừa đi vừa chơi bóng?”, “Chuyện gì sẽ xảy ra khi Bằng lao theo bóng?”,...).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *trường, rủ, rít, quan sát, ...*
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của từ khó hiểu: *phanh, chú ý, ...*

TIẾT 2

- HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ai, ay*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ai, ay*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài có tiếng chứa vần *ai, ay* và đặt câu, VD: “Ở các đường phố lớn thường có dải phân cách.”, “Cô dẫn phải cẩn thận khi đi qua đường ray xe lửa.”,...
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS và VBT (câu hỏi xác định ý chính của bài bằng cách đánh dấu ✓ vào ô trống trước ý đúng.)

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ Ô và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ Ô

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ Ô (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ Ô hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ Ô hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng.
- HS quan sát GV viết chữ Ông.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *dẫn, quan sát, vừa, rồi, trường.*
- HS nhìn và viết vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập chính tả có quy tắc. HS nhắc lại quy tắc chính tả $c-/k-$.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, HS có thể thực hiện bài tập chính tả còn lại hoặc chuyển sang tiết thực hành/ giờ học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS quan sát tranh (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi: “Bức tranh thứ nhất/ thứ hai vẽ cảnh gì? Diễn ra ở đâu? Những ai tham gia?”, “Em đã tham gia hoạt động nào tương tự? Em có thích không? Vì sao?”,...).
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo nhóm nhỏ.

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình của bạn theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS hát bài *Đoàn tàu nhỏ xíu* của nhạc sĩ Mộng Lân.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Đi học*).

BÀI 2: ĐI HỌC (tiết 5 – 6, SHS, tr. 101 – 102)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân và việc quan sát tranh minh họa, thảo luận về con đường và cách đến trường của nhân vật trong bài.
2. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu, chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ.

3. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.

4. Chỉ ra được những hình ảnh đẹp trên đường đến trường. Nhận diện sự tương hợp giữa tranh và ngôn ngữ.

5. Học thuộc lòng hai khổ thơ.

6. Bồi dưỡng tình cảm, cảm xúc hạnh phúc khi được đến trường thông qua hoạt động luyện nói, nghe, đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, VTV, SGV.

– Một số tranh ảnh có trong SHS được phóng to; hình minh hoạ tiếng có vần *ươn, ương* kèm theo thẻ từ (nếu có).

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

– Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Đi học*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác khác liên quan đến chủ đề *Đường đến trường* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).

– HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

– HS nghe GV giới thiệu tên bài *Đi học*.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ bài thơ và trả lời câu hỏi phân khởi động trong SHS.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV nhấn mạnh ở những ý thơ chính (*Một mình em tới lớp, Cô giáo em, dạy em hát, cò xoè ô, râu mắt đường em đi.*)).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc, như: *trường, dắt, tay, trường, rừng, vắng, suối, râu, mắt, ...*; hướng dẫn cách ngưng nghỉ đúng logic, như *Hôm qua/ em/ tới trường// Mẹ/ dắt tay/ từng bước//, ... Một mình em// tới lớp, ... Hương rừng/ thơm đôi vắng// Nước suối trong// thơm thì...*

– HS đọc thành tiếng bài thơ.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu: *nuơng, đôi, râu, ...*

– HS đọc lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ương*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ương*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ươn*, *ương* và đặt câu, VD: *Vườn hoa đang nở rộ, Đường phố rợp bóng cây xanh.*

TIẾT 2

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. GV có thể hỏi thêm: “Em thích khổ thơ nào nhất? Vì sao?”, “Nêu những hình ảnh em thích trong bài thơ.”,...

– HS học thuộc hai khổ thơ cuối.

4. Luyện nói sáng tạo

– HS đọc yêu cầu của hoạt động.

– HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện yêu cầu của hoạt động.

5. Hoạt động mở rộng

HS hát bài *Đi học* (thơ: Minh Chính, nhạc: Bùi Đình Thảo).

6. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các nhân vật trong bài, khổ thơ em thích,...).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc thuộc lòng ở nhà, HS có ý thức khi đi học về cần chào hỏi cha mẹ/ ông bà/ anh chị em.

– HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Biển báo*).

BÀI 3: BIỂN BÁO (tiết 7 – 10, SHS tr. 103 – 105)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về việc cần quan sát các biển báo chỉ dẫn khi đi trên đường.

2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.

3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài có tiếng chứa vần cần luyện tập và đặt câu.

4. Nhận diện chi tiết trong bài đọc dựa vào các cụm từ đứng trước hoặc sau nó.

5. Viết đúng kiểu chữ hoa chữ *O* và câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nghe – viết đoạn văn.

6. Phân biệt đúng chính tả *tr-/ ch-* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.

7. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.

8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

9. Bồi dưỡng phẩm chất tự tin thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần **iên, uyên** kèm theo thẻ từ.
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *O*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Đường đến trường* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ phần khởi động và trả lời câu hỏi trong SHS (GV cũng có thể hướng dẫn HS qua các câu hỏi “Bức tranh vẽ cảnh gì?” (*đường phố*), “Bạn nhỏ dừng lại để làm gì?”,...).
- HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi về việc giữ gìn an toàn giao thông khi đi qua ngã tư (**Lưu ý:** GV có thể hỏi thêm “Vì sao em lại làm như thế?”, “Em thấy có vật gì đặc biệt ở ngã tư phố giúp người và xe cô dừng lại hay chạy tiếp?”,...).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc, như: *dẫn, viên, nền, ...*
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa từ khó hiểu: *hướng dẫn, cảnh báo, ...*

TIẾT 2

- HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần **iên**. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần **iên**.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần **iên, uyên** và đặt câu, VD: “Ở thành phố có nhiều công viên cây xanh.”, “Người miền Nam gọi vòng xuyến là bùng binh.”,...
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ O và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ O

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ O (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).

– HS dùng ngón tay viết con chữ O hoa lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS tô chữ O hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

– HS đọc câu ứng dụng.

– HS quan sát GV viết chữ O.

– HS quan sát cách GV viết phần còn lại.

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

– HS đọc lại đoạn cần viết.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai VD: *biển, giao, hướng dẫn, chính, nguy,...*

– HS nghe GV đọc và viết vào VTV.

– HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

– HS đọc yêu cầu của bài tập. Tùy đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.

– HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.

– HS thực hiện bài tập.

– HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

– HS quan sát tranh (Gợi ý: “Bức tranh vẽ/ chụp cảnh gì, ở đâu? Mọi người đang làm gì ở đó?” (*đền đồ, xe cộ dừng lại, cô chú công an chỉ dẫn người đi đường, dắt người qua đường*)).

– HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện yêu cầu của hoạt động.

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình của bạn theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS chơi trò chơi *Em tập làm chủ công an giao thông*.

❖ GV hướng dẫn luật chơi

- HS đóng vai cô/ chú công an giao thông: thực hiện các động tác của công an giao thông: (1) sử dụng tiếng còi báo hiệu; (2) Sử dụng các động tác báo hiệu;
- HS đóng vai người tham gia giao thông phải thực hiện theo quy định tiếng còi và điều khiển của công an giao thông.

❖ Một vài gợi ý

1. Tiếng còi giao thông

- a. Một tiếng còi dài, mạnh là ra lệnh dừng lại.
- b. Một tiếng còi ngắn, nhanh là cho phép đi.

2. Động tác báo hiệu cấm đường, mở đường

- a. Cấm đường
 - a1. Dừng nghiêm;
 - a2. Thổi một tiếng còi dài, mạnh; đồng thời, tay phải giơ tay thẳng lên, lòng bàn tay hướng vào trước đỉnh đầu, tay trái buông thẳng theo đường chỉ quần.
- b. Mở đường
 - b1. Tư thế cấm đường;
 - b2. Thổi một tiếng còi ngắn, nhanh; hai tay giang ngang bằng vai, tạo thành một đường thẳng song song với mặt đất, lòng bàn tay úp xuống.

(Trích “Một số điều cần biết về hiệu lệnh của người điều khiển giao thông”, Tiêu Dao, Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh Quảng Bình, đăng ngày 05/01/2017; <https://conganquangbinh.gov.vn/mot-so-dieu-can-biet-ve-hieu-lenh-cua-nguoi-dieu-khien-giao-thong/>. Truy cập ngày 03/02/2020)

❖ GV tổ chức cho HS chơi

- HS đóng vai theo nhóm;
- HS chơi trong lớp hoặc ngoài sân (GV tùy vào điều kiện thực tế của không gian lớp học, sân trường, tiết học, giờ học để tổ chức cho HS chơi).

7. củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các đặc điểm của một số biển báo giao thông,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát các hình vẽ biển báo giao thông theo trật tự nhất định.
2. Nhận diện sự tương ứng giữa hình ảnh với nội dung của biển báo giao thông.
3. Vẽ một biển báo và viết tên.
4. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
5. Bồi dưỡng phẩm chất có trách nhiệm: hiểu và tôn trọng luật giao thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Đường đến trường* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung bài trước.

2. Mở rộng vốn từ: Luyện tập nhận diện các phương tiện và biển báo giao thông

- HS đọc yêu cầu của bài tập và đọc tên các biển báo.
- HS quan sát các biển báo. (GV hướng dẫn HS quan sát theo một trật tự nhất định.)
- HS trao đổi với bạn và thực hiện bài tập.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

3. Luyện viết sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS vẽ một biển báo mà mình biết.
- HS viết tên của biển báo vào vở.
- HS tự đánh giá, sửa lỗi, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà HS cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Kể chuyện*).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN *CHUYỆN HAI CHÚ THỎ* (tiết 12, SHS, tr. 106)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Chuyện hai chú thỏ*, tên chủ đề *Đường đến trường* và tranh minh hoạ.
2. Nhớ được các tình tiết, diễn biến theo trật tự xảy ra của câu chuyện.
3. Biết dựa vào tranh minh hoạ, các từ ngữ gợi ý để ghi nhớ nội dung của từng đoạn truyện.
4. Kể từng đoạn của câu chuyện, đóng vai để kể toàn bộ câu chuyện.
5. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
6. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước cả lớp.
7. Nhận diện được nội dung câu chuyện nhằm bồi dưỡng phẩm chất có trách nhiệm, yêu thích việc đi học.
8. Nhận diện truyện kể dưới dạng thơ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGV.
- Tranh minh hoạ truyện phóng to (nếu có).
- Mặt nạ thỏ, sóc.

Nội dung truyện

Chuyện hai chú thỏ

1. Có hai chú thỏ
Mải rong chơi hoài
Bao điều cô dạy
Đều bỏ ngoài tai.
 2. Một hôm trời đẹp
Trốn học lang thang
Gặp biển “Rừng cam”
Đọc thành: “Rừng cam”.
Rồi tìm khắp chốn
Chạy nhảy chán chê
Cam thì không thấy
Quên cả lối về.
3. Cả hai sợ hãi
Nước mắt chực sa
Cô Sóc bắt gặp
Đưa chúng về nhà

Rồi cô mới bảo
Đọc “cầm” thành “cam”
Thật là tai hại
Lạc đường chẳng oan.

4. Cả hai xấu hổ
Khi rõ ngọn ngành
Thế rồi từ đó
Chúng chăm học hành.

Phạm Nguyễn Thanh An

Câu hỏi:

1. Em thích nhân vật nào? Vì sao?
2. Câu chuyện dạy em điều gì?
3. Cùng bạn đóng vai các nhân vật kể lại câu chuyện theo cách của em.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Đường đến trường* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước, VD: “Tên câu chuyện là gì?”, “Câu chuyện kể về ai và cái gì?”, “Em thích chi tiết nào nhất? Vì sao?”,...

2. Luyện tập nghe và nói

- HS đọc tên truyện *Chuyện hai chú thỏ*.
- Dựa vào tranh minh họa, dựa vào tên truyện, từ ngữ trong tranh, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào?” “Nhân vật nào xuất hiện nhiều nhất?” (*hai chú thỏ*) “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*lốp, trong rừng*), “Có những chuyện gì xảy ra với hai chú thỏ?”,...).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

- HS nghe GV hướng dẫn cách đóng vai các nhân vật trong truyện. Gợi ý: GV hướng dẫn HS từ việc nhận ra lời nhân vật, lựa chọn đóng vai nhân vật tương ứng với việc thể hiện giọng nói và hành động của nhân vật ấy.
- HS nghe GV kể mẫu lần thứ nhất toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV dùng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Vì mãi chơi, chuyện gì sẽ xảy ra với hai chú thỏ?”, “Điều gì sẽ xảy ra khi hai chú thỏ đọc *rừng cầm* thành *rừng cam*?”,...).
- HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh họa theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV yêu cầu HS dùng cụm từ gợi ý dưới tranh để ghi nhớ nội dung truyện.
- HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ.

– Nhóm HS thực hành đóng vai ba nhân vật (cô Sóc, hai bạn thỏ) và kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp. **Lưu ý:** GV nên làm người dẫn truyện.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi: “Vì sao hai chú thỏ lạc đường?”, “Hai chú thỏ có thay đổi không, sau lần lạc đường đó?”, “Em thích nhân vật nào? Vì sao?”,...).

– Sau khi thực hiện các hoạt động kể, GV đọc bài thơ *Chuyện hai chú thỏ* cho HS nghe và có thể nói thêm: những câu chuyện cũng có thể viết dưới dạng thơ.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.
- Hướng dẫn HS đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà.
- Hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Làng em buổi sáng*).

CHỦ ĐỀ 30: LÀNG QUÊ YÊN BÌNH

BÀI 1: LÀNG EM BUỔI SÁNG (tiết 1 – 2, SHS, tr.107 – 108)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề, trao đổi với bạn về những sự vật, hoạt động thường thấy ở làng quê.
1. Từ những kinh nghiệm xã hội và của bản thân và việc quan sát tranh minh hoạ, thảo luận về sự khác nhau giữa làng quê và thành thị.
2. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu, chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Chỉ ra được các chi tiết/ hình ảnh trong bài thơ. Kết nối hình ảnh với ngôn ngữ thể hiện.
5. Học thuộc lòng hai khổ thơ.
6. Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, SGK.
- Tranh minh hoạ chủ đề.
- Một số tranh ảnh có trong SHS được phóng to; hình minh hoạ tiếng có vần **an, ang** kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ theo dấu câu khi đọc bài thơ *Làng em buổi sáng*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Làng quê yên bình* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung bài học tuần trước.

2. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Làng quê yên bình*.
- HS quan sát tranh minh họa phần khởi động và nói về nội dung được thể hiện trong tranh. (Gợi ý: “Em thấy tranh minh họa miêu tả cảnh vật ở đâu?”, “Khung cảnh làng quê có những hình ảnh gì nổi bật?”, “Những người ở làng quê đang làm công việc gì?”, “Khung cảnh ở làng quê có gì khác với ở phố phường?”, “Em nghe thấy âm thanh gì vào buổi sáng sớm?”,...). HS trao đổi về những điều mình biết về làng quê.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV nhấn mạnh ở những ý thơ chính (*Tiếng chim hót/ Ở trong vườn/ Ở bờ ao/ Ở ngoài sân/ Khắp mọi nơi/ Thêm bình sáng*)).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc từ khó đọc như: *xôn xao, vầy, dầy, toả, rung rinh, rủ, hoà, ...*
- HS đọc thành tiếng bài thơ.
- HS giải thích nghĩa từ khó hiểu (nếu có).
- HS đọc lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần *an, ang*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *an, ang*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *an, ang* và đặt câu, VD: *Tán lá bàng che mát sân trường em., Đường làng em trồng nhiều hoa đẹp.,...*

TIẾT 2

- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS học thuộc hai khổ thơ đầu.

4. Luyện nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của hoạt động.
- HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện yêu cầu của hoạt động.

5. Hoạt động mở rộng

HS chơi trò chơi *Bắt chước âm thanh*: bắt chước âm thanh quen thuộc, điển hình của làng quê như tiếng chim hót, tiếng gà gáy, tiếng sóng nước vỗ bờ, tiếng gió lao xao,...

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các hình ảnh thơ trong bài, khổ thơ em thích,...).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc thuộc lòng ở nhà, chú ý thưởng thức vẻ đẹp của hình ảnh và âm thanh ở làng quê khi có dịp về quê.
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ban mai trên bản*). Yêu cầu HS tìm đọc bài thơ, câu chuyện có nội dung về làng quê.

BÀI 2: BAN MAI TRÊN BẢN (tiết 3 – 6, SHS, tr.109 – 111)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ việc quan sát tranh minh hoạ bài đọc và tên bài đọc, tăng cường khả năng phán đoán về nội dung bài đọc.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Chỉ ra được những chi tiết/ hình ảnh đẹp trong bài đọc. Từ đó, bồi dưỡng phẩm chất yêu làng quê của mình.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *P* và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nhìn – viết đoạn văn.
6. Phân biệt đúng chính tả *r-/ g-* và *l-/ n-*.
7. Luyện tập nói lời chào hỏi, lời xin phép. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng/từ có vần *ay*, *ây* kèm theo thẻ từ.
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *P*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (chú ý ngắt câu đúng).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Làng quê yên bình* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, đọc tên bài đọc, quan sát tranh minh họa và nói về cảnh vật trong tranh. (Gợi ý: “Tranh vẽ cảnh ở đâu?”, “Nhà ở bản khác gì so với nhà ở đồng bằng/ thành phố?”, “Cảnh vẽ bản vào lúc nào trong ngày?”,... GV giải thích nghĩa từ *bản*, *ban mai*.)

- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *bản*, *yên tĩnh*, *bập bùng*, *rì rầm*; hướng dẫn cách ngưng nghỉ theo dấu câu.
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của từ khó hiểu: *bập bùng*, *í ới*.

TIẾT 2

- HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ay*, *ây*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ay*, *ây*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài có tiếng chứa vần *ay*, *ây* và đặt câu, VD: “Xe máy cày đang làm việc trên đồng.”; “Rừng cây mùa xuân bừng sức sống.”;...
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS và VBT (câu hỏi xác định ý chính của bài đọc bằng cách đánh dấu ✓ vào trước ô trống mà mình chọn).

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ P và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ P

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *P* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ *P* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *P* hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng.
- HS quan sát GV viết chữ *Phong*.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *rừng núi, màn, gáy, ...*
- HS nhìn và viết đoạn văn vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập được giao. Tùy đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập nói lời chào hỏi, xin phép

- HS đọc yêu cầu và quan sát tranh và bóng nói gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

5.2. Viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS chia sẻ với bạn một bài thơ/ câu chuyện về làng quê. Gợi ý: tên bài thơ/ câu chuyện, tên tác giả, chi tiết/ hình ảnh thích nhất, đọc lại bài thơ/ câu chuyện.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các hình ảnh được miêu tả trong bài, hình ảnh em thích nhất, ...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Làng gốm Bát Tràng*).

BÀI 3: LÀNG GỐM BÁT TRÀNG (tiết 7 – 10, SHS, tr.112 – 114)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về nghề làm gốm sứ và một số đồ vật làm bằng gốm, sứ.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Nhận diện chi tiết trong bài đọc dựa vào các cụm từ đứng trước hoặc sau nó.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *Q* và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nghe – viết đoạn văn.
6. Phân biệt đúng chính tả *s-/x-* và *uc/ut*.
7. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng phẩm chất yêu quý làng nghề truyền thống của Việt Nam qua hoạt động nghe, nói, đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa tiếng có vần *ôm, ơm* kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *Q*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Làng quê yên bình* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát ảnh minh họa và nói về các hoạt động của người thợ gốm trong ảnh. (Gợi ý: “Đồ vật trong bức ảnh tên là gì, làm bằng gì?”; “Người thợ gốm trong ảnh đang làm gì?” (*đang nặn gốm*), “Em thấy công việc này thế nào? (*vất vả, nặng nhọc*), “Em biết điều gì về nghề làm gốm sứ?”,...).

– HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi về những công việc thường ngày của người thợ gốm, những món đồ gốm mà các em biết và ưa thích.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS, VD: “*Làng gốm Bát Tràng nằm ở ngoại thành thủ đô Hà Nội*. Em đoán xem làng gốm này được bao nhiêu tuổi?”, “Em đoán xem những món đồ gốm dùng trong gia đình mà làng gốm Bát Tràng làm ra là gì?”, “Làng gốm Bát Tràng là nơi lưu giữ điều gì?”,...).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *gốm, trăm, chuyên, ra đời, lưu giữ,...*

– HS đọc thành tiếng bài đọc.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu: *ngoại thành, tranh sứ, tượng sứ,...*

TIẾT 2

– HS đọc thầm lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ôm*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ôm*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ôm, ơ* và đặt câu, VD: “Em thích ăn bánh cốm.”; “Ở làng quê có cây rơm.”;...

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ Q và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ Q

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ Q (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).

– HS dùng ngón tay viết con chữ Q hoa lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS tô chữ Q hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

– HS đọc câu ứng dụng.

– HS quan sát GV viết chữ *Quê*.

– HS quan sát cách GV viết phần còn lại.

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *sáu, trăm, chuyên, sản xuất, gôm, gia đình, trang trí, ...*).
- HS nghe GV đọc và viết vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập được giao. Tùy đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập. GV chú ý hướng dẫn HS đánh vần tiếng, từ chứa vần khó (*ngoằn ngoèo, khúc khuỷu*).
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS quan sát tranh (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi: “Bức tranh thứ nhất cho thấy mọi người đang làm việc gì, ở đâu, công việc đó thế nào?”, “Bức tranh thứ hai cho thấy mọi người đang làm gì, ở đâu, công việc đó thế nào?”, “Em nghĩ họ có vui thích không khi làm công việc đó?”, “Em sẽ đặt tên gì cho bức tranh mình chọn?”, ...).
- HS đọc ba câu hỏi gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

5.2. Viết sáng tạo

- HS viết vào vở nội dung ý hai vừa nói.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS giải các câu đố trong SHS (cá nhân hoặc theo nhóm). GV có thể ra thêm các câu đố về đồ vật/ con vật ở làng quê cho HS giải đố.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các thông tin chính trong bài, thông tin em quan tâm nhất, ...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài Thực hành).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh theo một trật tự nhất định.
2. Chỉ ra từ chỉ con vật, từ chỉ cây cối, từ chỉ hoạt động có trong tranh và đặt câu có chứa từ ngữ vừa tìm.
3. Nói và viết sáng tạo: Đặt tên cho bức tranh.
4. Phát triển năng lực quan sát, giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
5. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: yêu quý quê hương thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Làng quê yên bình* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

2. Mở rộng vốn từ: Luyện tập sử dụng từ chỉ con vật, cây cối, hoạt động

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS quan sát tranh theo một trật tự nhất định.
- HS thảo luận với bạn về các từ chỉ con vật, từ chỉ cây cối, từ chỉ hoạt động trong tranh có tên gọi chứa tiếng bắt đầu bằng *ng*, *ngh*, *tr*, *ch*.
- HS đặt câu với những từ vừa điền đúng và viết vào vở.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

3. Luyện tập nói, viết sáng tạo

3.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS trao đổi theo nhóm nhỏ yêu cầu của bài tập. (Gợi ý: HS nhắc lại cách đặt tên cho bức tranh.)
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

3.2. Viết sáng tạo

- HS nhắc lại cách viết tên bức tranh.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, sửa lỗi, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài Kể chuyện).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN MONG ƯỚC CỦA NGỰA CON

(tiết 12, SHS tr.115)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Mong ước của ngựa con*, tên chủ đề *Làng quê yên bình* và tranh minh họa.
2. Nhớ được các tình tiết, diễn biến theo trật tự xảy ra của câu chuyện.
3. Biết dựa vào tranh minh họa, các từ ngữ gợi ý để ghi nhớ nội dung của từng đoạn truyện.
4. Kể từng đoạn của câu chuyện, thực hành đóng vai để kể toàn bộ câu chuyện.
5. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
6. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước cả lớp.
7. Nhận diện được nội dung câu chuyện nhằm bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGV.
- Tranh minh họa truyện phóng to (nếu có).

Nội dung truyện

Mong ước của ngựa con

1. Ngựa con sống yên bình bên cha ở một thung lũng có nhiều cỏ non. Một hôm ngựa con nói với cha:

- Ở đây buồn chán, chẳng có gì vui. Con muốn đi nơi khác.

Ngựa cha đáp:

- Nếu con muốn như vậy thì chúng ta sẽ rời khỏi nơi đây.

2. Hôm sau, hai cha con nhà ngựa lên đường. Đi ròng rã suốt ngày, vượt qua những dãy núi cao, hai cha con đến một nơi chỉ thấy nhà cửa, phố xá. Trời đã tối, nhưng hai cha con vẫn chưa tìm được cỏ để ăn, nước để uống. Cả hai đều mệt, đói và khát.

3. Ngựa cha bèn dẫn ngựa con theo đường tắt mà đi. Đến khuya thì cả hai cha con đến nơi ấy. Ngựa con ngửi thấy mùi cỏ non thơm ngát. Chú vừa gặm cỏ vừa nói với cha:

– Con muốn ở lại đây, cha ạ.

4. Trời hừng sáng, ngựa con ngạc nhiên khi nhận ra nơi đây chính là quê nhà mà chú đã từng rời bỏ.

Nhật Linh

Câu hỏi:

1. Em thích nhân vật nào? Vì sao?
2. Cùng bạn đóng vai các nhân vật để kể toàn bộ câu chuyện.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Làng quê yên bình* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).

– HS nhắc lại nội dung kể chuyện trong tuần trước. (VD: “Tên câu chuyện là gì?” (*Chuyện hai chú thỏ*), “Câu chuyện kể về ai và điều gì?” (*hai chú thỏ, bị lạc đường*), “Vì sao hai chú thỏ bị lạc đường?” (vì đọc sai “*cắm*” thành “*cam*”,...), “Em thích chi tiết nào nhất? Vì sao?”,...).

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đọc tên truyện *Mong ước của ngựa con*.

– Dựa vào tranh minh hoạ, dựa vào tên truyện, từ ngữ trong tranh, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Truyện có những nhân vật nào?” (*ngựa con, ngựa cha*), “Ngựa con muốn làm gì?” (*đi nơi khác sống*), “Ngựa con đã đi đến đâu?” (*thành phố*), “Chuyện gì đã xảy ra với ngựa con?” (*đói, khát*), “Kết thúc câu chuyện thế nào?” (*ngựa con trở về quê*),...)

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần thứ nhất toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình.

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV nhắc HS dùng cụm từ gợi ý dưới mỗi tranh để ghi nhớ nội dung truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ.

– Nhóm HS thực hành đóng vai ngựa cha và ngựa con kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp. **Lưu ý:** GV nên là người dẫn truyện.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện (Gợi ý: “Theo em, cuối cùng, ngựa con có ở lại quê mình không? Vì sao?”, “Em học được điều gì qua câu chuyện trên?”,...)

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.
- HS đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Dạo phố*).

CHỦ ĐỀ 31: PHỐ XÁ NHỌN NHỊP

BÀI 1: DẠO PHỐ (tiết 1 – 2, SHS, tr. 116 – 117)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề, trao đổi với bạn về những sự việc, hoạt động thường thấy ở thành thị.
2. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân và việc quan sát tranh minh hoạ, thảo luận về sự vật, địa điểm ưa thích của bản thân.
3. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu, chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ.
4. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
5. Nhận diện chi tiết, hình ảnh trong bài thơ.
6. Học thuộc lòng hai khổ thơ.
7. Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi.
8. Bồi dưỡng tình cảm yêu mến và phẩm chất có trách nhiệm: biết giữ gìn đường phố sạch đẹp qua hoạt động luyện nói, nghe, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, SGK.
- Tranh minh hoạ chủ đề.
- Một số tranh ảnh có trong SHS được phóng to; hình minh hoạ tiếng có vần **iu, iêu** kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Dạo phố*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Phố xá nhộn nhịp* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không). VD: trò chơi *Làm chủ công an điều khiển giao thông*, *Bắt chước âm thanh đường phố*,...

– HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung bài học tuần trước.

2. Khởi động

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Phố xá nhộn nhịp*. HS trao đổi với bạn những điều HS biết về phố xá. (Gợi ý: “Em thấy ở phố xá thường có những gì?”, “Nhà cửa/quang cảnh ở thành phố có gì khác với nhà cửa ở nông thôn/ làng quê?”, “Em thường nghe thấy những âm thanh gì ở phố xá?”,...).

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa bài thơ và trả lời câu hỏi khởi động trong SHS

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV nhấn mạnh ở những ý thơ chính (*Chiều nay cuối tuần/ Cả nhà dạo phố/ Vào công viên xanh/ Ngồi trên xe lửa/ Thích ơi là thích!*)).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc từ khó đọc như: *dạo, vòng, chiều, tit, bay, ...*;

– HS đọc thành tiếng bài thơ.

– HS giải thích nghĩa từ khó hiểu (nếu có).

TIẾT 2

– HS đọc thầm lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần *iêu*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *iêu*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *iu, iêu* và đặt câu, VD: “Trên cành, chim hót líu lo.”; “Cảnh sát điều khiển giao thông vào giờ cao điểm.”;...

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. GV có thể hỏi thêm: “Em có thích đi dạo cùng gia đình không?”, “Em thường đi dạo ở đâu?”, “Nơi em đi, có gì giống và khác với bạn nhỏ trong bài thơ?”;...

– HS học thuộc hai khổ thơ đầu.

4. Luyện nói sáng tạo theo gợi ý

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.

– HS quan sát tranh vẽ, đọc hai câu hỏi gợi ý.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (một HS hỏi, một HS trả lời).

5. Hoạt động mở rộng

HS quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi và nói về những gì thấy được trong bức tranh.

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, tên tác giả, khổ thơ/ câu thơ/ hình ảnh/ từ ngữ em thích, ...).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc thuộc lòng ở nhà.
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh*).

BÀI 2: BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(tiết 3 – 6, SHS, tr. 118 – 120)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về toà nhà bưu điện hoặc một toà nhà nổi bật ở nơi mình sống.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài có tiếng chứa vần cần luyện tập, và đặt câu.
4. Nhận diện chi tiết trong bài đọc dựa vào các cụm từ đứng trước hoặc sau nó.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ R và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nhìn – viết đoạn văn.
6. Phân biệt đúng chính tả *c-/ k-* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.
7. Luyện tập đặt tên cho bức ảnh. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng phẩm chất yêu quê hương đất nước: biết yêu mến thành phố nơi mình đang sống qua hoạt động đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ từ ngữ chứa tiếng có vần **ong**, **ông** kèm theo thẻ từ, tranh ảnh về Thành phố Hồ Chí Minh (nếu có).
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ R.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Phố xá nhộn nhịp* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa và trả lời câu hỏi khởi động trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *bưu điện, lượt, tham quan, ...*
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của từ khó hiểu (nếu có).

TIẾT 2

- HS đọc thầm lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ong*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ong*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ong, ông* và đặt câu, VD: “Dòng người xuôi ngược trên đường phố.”; “Ở thành phố có nhiều công trình xây dựng.”;...
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. GV có thể hỏi thêm: “Người ta đến bưu điện để làm gì?”, “Em đã từng đến bưu điện chưa? Nếu có, em đến đó cùng với ai, và để làm gì?”,... Với HS giỏi, GV có thể hỏi thêm: “Vì sao Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh là niềm tự hào của người dân?”, “Nơi em ở có toà nhà nào là *niềm tự hào của người dân* không?”,...

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ R và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ R

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *R* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ *R* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *R* hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng. GV giới thiệu địa danh Rạch Giá.
- HS quan sát GV viết chữ *Rạch*.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

- HS đọc lại đoạn văn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *ngày, bưu, lượt,...*
- HS nhìn và viết vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập chính tả có quy tắc. HS nhắc lại quy tắc chính tả *c-/ k-*. GV yêu cầu HS nói tiếng, từ thể hiện quy tắc trên.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ ngữ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, HS có thể thực hiện bài tập chính tả phương ngữ còn lại hoặc chuyển sang tiết thực hành/ giờ học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

– HS quan sát các bức ảnh và đọc các câu hỏi gợi ý (GV có thể đặt câu hỏi: “Đọc dòng chữ dưới mỗi bức ảnh và cho biết bức ảnh chụp cảnh ở đâu?”, “Bức tranh thứ nhất tả cảnh gì ở *thành phố Hà Nội/ thành phố Đà Lạt/ thành phố Rạch Giá?*”,...).

– HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ (một HS hỏi, một HS trả lời và ngược lại).

5.2. Viết sáng tạo

- HS viết tên bức ảnh mình chọn vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS hát bài *Là mảnh non Thành phố Hồ Chí Minh* của nhạc sĩ Xuân Giao.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các hình ảnh được miêu tả trong bài, hình ảnh em thích nhất,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Hồ Giôm*).

BÀI 3: HỒ GƯƠM (tiết 7 – 10, SHS, tr. 121 – 123)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về Hồ Gươm.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Nhận diện chi tiết trong bài đọc dựa vào các cụm từ đứng trước hoặc sau nó. Nhận diện từ chỉ màu sắc.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *S* và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nghe – viết đoạn văn.
6. Phân biệt đúng chính tả *s-/x-* và *uôi/ ui*.
7. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng phẩm chất yêu quê hương đất nước: biết yêu quý và giữ gìn những di sản kiến trúc của thành phố qua hoạt động đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa từ ngữ chứa tiếng có vần *uôi*, *uôi* kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *S*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Phố xá nhộn nhịp* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa phần khởi động và trả lời câu hỏi trong SHS (GV có thể đặt thêm câu hỏi: “Trong bức ảnh là địa điểm nào?” (*Hồ Gươm/ Tháp Rùa/ cầu Thê Húc*), “Em thấy Hồ Gươm trong ảnh thế nào?” (*đẹp, xanh mát*), “Màu nước ở Hồ Gươm là màu gì?”, “Màu nước này có khác màu nước ở những hồ nước khác mà em biết không?”,...).

- HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi những gì em đã biết về Hồ Gươm.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc từ khó đọc như: *Hoàn Kiếm, truyền thuyết, xanh lục, toả, ...*
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó/ địa danh.

TIẾT 2

- HS đọc thầm lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *uôi*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *uôi*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *uôi, ươi* và đặt câu, VD: “*Tháp Rùa buổi sáng mờ trong sương.*”; “*Hoa bưởi trên phố thơm ngào ngào.*”;...
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. GV có thể hỏi thêm: “Em đã đến Hồ Gươm chưa?”, “Em thích điều gì nhất ở Hồ Gươm?”,...

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ S và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ S

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *S* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ *R* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *S* hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng.
- HS quan sát GV viết chữ *Sáng*.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *trung tâm, quanh, lục, ...*
- HS nghe GV đọc và viết vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập. Tùy đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập vào vở và đặt câu (không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS quan sát tranh (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi: “Bức tranh cho thấy bạn nhỏ đang đi đâu?”, “Bạn nhỏ và mẹ đã mua sắm những gì ở đó?”, “Em nghĩ bạn ấy có vui thích khi đến đó không?”,...)
- HS quan sát tranh gợi ý, chú ý ba câu hỏi gợi ý để nói với bạn.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết theo yêu cầu.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

- HS chơi trò chơi *Gọi tên bức tranh*.
- Luật chơi như sau: Cả lớp chia thành nhiều nhóm để thi đoán tên của địa điểm được miêu tả (*đường phố, siêu thị, công viên,...*). Thời gian thi cho mỗi nhóm khoảng 2 phút. Mỗi nhóm sẽ có hai HS thi: một HS đồ và một HS trả lời. HS đồ sẽ miêu tả những đặc điểm nổi bật của một địa điểm; HS trả lời sẽ cố gắng tìm ra tên của địa điểm trong thời gian nhanh nhất. Hoặc luân phiên một nhóm đồ và một nhóm trả lời. Nhóm nào có câu trả lời đúng nhiều nhất thì chiến thắng. Kết thúc trò chơi, GV nhận xét phần thi của các nhóm và giải đáp thắc mắc (nếu có) của HS. GV cũng có thể trao quà cho nhóm thắng cuộc và các nhóm tham gia thi (không bắt buộc).

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (*Bài Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc trơn bài ca dao và nhận diện các chi tiết trong bài.
2. Giới thiệu về nơi mình ở theo các câu hỏi gợi ý.
3. Viết sáng tạo dựa trên những gì đã nói.
4. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
5. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: yêu quý nơi mình ở thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Phổ xá nhộn nhịp* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ

- HS đọc bài ca dao.
- HS đọc và trao đổi với bạn về nội dung câu hỏi và trả lời.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

3. Luyện tập nói, viết sáng tạo

3.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS trao đổi với bạn về các câu hỏi gợi ý.
- HS thực hiện theo nhóm/ cặp yêu cầu của bài tập.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

3.2. Viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, sửa lỗi, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài Kể chuyện).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN XE LU VÀ XE CA (tiết 12, SHS, tr. 124)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Xe lu và xe ca*, tên chủ đề *Phố xá nhộn nhịp* và tranh minh hoạ.
2. Nhớ được các tình tiết, diễn biến theo trật tự xảy ra của câu chuyện.
3. Biết dựa vào tranh minh hoạ, các từ ngữ gợi ý để ghi nhớ nội dung của từng đoạn truyện.
4. Kể từng đoạn của câu chuyện, thực hành đóng vai để kể toàn bộ câu chuyện.
5. Liên hệ bài học trong truyện với bản thân.
6. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
7. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước cả lớp.
8. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết yêu quý những người xung quanh dù họ khác biệt với mình.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGV.
- Tranh minh hoạ truyện phóng to (nếu có).

Nội dung truyện

Xe lu và xe ca

1. Có một chiếc xe lu và một chiếc xe ca cùng đi trên một con đường. Thấy xe lu lăn từng bước chậm chạp, xe ca chế nhạo:
 - Cậu đi chậm như rùa ấy! Hãy xem tớ đây này!
2. Nói rồi, xe ca chạy lên trước, bỏ xe lu ở lại phía sau. Xe ca tưởng mình thế là giỏi lắm.

3. Đang chạy thì gặp đoạn đường bị hỏng, xe ca không thể đi qua được. Nó đành phải dừng lại. Nó thấy các cô chú công nhân đổ đất đá san lấp đường bị hỏng. Rồi xe lu tiến đến, lăn qua lăn lại nhiều lần. Mặt đường trở nên bằng phẳng. Xe ca tiếp tục cuộc hành trình của mình.

4. Xe ca hiểu được tuy xe lu chậm chạp nhưng nhờ có xe lu mà những con đường trở nên bằng phẳng. Từ đây, xe ca không bao giờ xem thường xe lu nữa.

Theo Phong Thu (Tuyển tập Bài hát, thơ ca, truyện kể ở nhà trẻ, NXB GDVN, 2015)

Câu hỏi:

1. Vì sao xe ca xin lỗi xe lu?
2. Cùng bạn đóng vai các nhân vật để kể toàn bộ câu chuyện.
3. Em sẽ nói gì khi có một người chế giễu em?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Phổ xá nhận nhip* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).

– HS nhắc lại truyện kể trong tuần trước, VD: “Tên câu chuyện là gì?”, “Câu chuyện kể về điều gì?”, “Em thích chi tiết nào nhất? Vì sao?”, “Em học được điều gì từ bài học của ngựa con?”,...

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đọc tên truyện *Xe lu và xe ca*.

– Dựa vào tranh minh hoạ, dựa vào tên truyện, từ ngữ trong tranh HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có nhân vật nào?”, “Vì sao xe ca chế giễu xe lu?”, “Xe ca gặp phải chuyện gì?”, “Ai đã giải quyết chuyện đó?”, “Câu chuyện kết thúc như thế nào?”,...).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần thứ nhất toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình.

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV nhắc HS sử dụng cụm từ gợi ý dưới tranh để ghi nhớ nội dung truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ.

- Nhóm HS đóng vai (xe lu, xe ca) để kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (Gợi ý: “Em thích nhân vật nào trong truyện? Vì sao?”, “Xe lu và xe ca có điểm gì đáng khen?”, ...).
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ về điều mình sẽ nói khi được bạn bè/ mọi người giúp đỡ.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: HS đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng)).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Khu rừng kì lạ dưới đáy biển*).

CHỦ ĐỀ 32: BIỂN ĐẢO YÊU THƯƠNG

BÀI 1: KHU RỪNG KÌ LẠ DƯỚI ĐÁY BIỂN

(tiết 1 – 4, SHS, tr. 125 – 127)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề và những kinh nghiệm xã hội của bản thân, trao đổi với bạn nói về những điều HS biết về biển và đảo (cảnh biển và các sản vật ở biển).
2. Từ việc quan sát tranh minh họa bài đọc và tên bài đọc, tăng cường khả năng phán đoán về nội dung bài đọc.
3. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu. Đọc đúng các tiếng chứa vần khó đọc.
4. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
5. Nhận diện nhân vật trong truyện và từ ngữ miêu tả hình dáng, màu sắc.
6. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *T* và viết câu ứng dụng. Hoàn thiện kĩ năng nhìn – viết đoạn văn, nâng cao tốc độ viết.
7. Phân biệt đúng chính tả *d-/ gi-, an/ ang*.
8. Luyện tập quan sát tranh và sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
9. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết yêu thiên nhiên qua hoạt động luyện nói, nghe, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Tranh minh hoạ/ hình ảnh/ clip có nội dung về biển, đảo, sản vật ở biển.
- Một số tranh ảnh có trong SHS được phóng to; hình minh hoạ từ ngữ chứa tiếng có vần **anh, ăn, ăng** kèm theo thẻ từ (nếu có). Hình ảnh/ clip về lặn biển và bãi san hô.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Biển đảo yêu thương* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung bài học tuần trước.

2. Khởi động

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Biển đảo yêu thương*. GV có thể treo tranh giới thiệu sự khác biệt giữa biển và đảo. HS trao đổi với bạn những điều HS biết về biển và đảo. (Gợi ý: “Em đã từng đến/ thấy biển/ đảo bao giờ chưa?”, “Em thích điều gì nhất ở biển/ đảo?”, “Em biết gì về những loài vật/ loài cây sống ở biển?”, “Em biết gì về các phương tiện đi lại trên biển?”,...)

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ, đọc tên bài đọc và nói về các sự vật, hình ảnh trong tranh. (Gợi ý: “Bức tranh vẽ cảnh ở đâu?” (*dưới đáy biển*), “Dưới đáy biển có những gì?” (*rặng san hô*), “*Khu rừng kì lạ dưới đáy biển* trong tên bài đọc ở đây là gì?”, “Em biết gì về lặn biển/ rặng san hô?”). GV cho HS xem tranh/ clip về rặng san hô.

- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *Nê-mô, cần thiết, tàu, đáy, sắc sỡ, lượn quanh, ...*
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu: *thuyền trưởng, sắc sỡ, rong biển, ...*

TIẾT 2

- HS đọc thầm lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *anh, ăn, ăng*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *anh, ăn, ăng*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *anh, ăn, ăng* và đặt câu. VD: “Cành bàng xum xuê lá.”, “Chú thợ lặn đang tìm kiếm con tàu bị mất tích.”, “Cả mập trắng rất hung dữ.”,...
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ T và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ T

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *T* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ *T* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *T* hoa vào VTV. Chú ý các điểm đặt bút và kết thúc.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng.
- HS quan sát GV viết chữ *Tàu*.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai VD: *rong, trái, giảng, ngang, màu sắc, ...*
- HS nhìn và viết đoạn văn vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập được giao. Tùy đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

– HS quan sát tranh và chọn một cây/ con vật yêu thích (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi: “Bức tranh vẽ cảnh ở đâu?”, “Em nhìn thấy những gì trong bức tranh?”, “Em thích cây/ con vật nào? Vì sao?”, “Cây/ con vật đó có màu gì/ như thế nào?”,...).

– HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ. GV có thể dùng kĩ thuật hoạt động góc để thực hiện nội dung này.

5.2. Viết sáng tạo

– HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết.

– HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.

– HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS chia sẻ với bạn về một câu chuyện có nội dung liên quan đến biển: tên truyện, tên tác giả, có bao nhiêu nhân vật, chuyện gì xảy ra với nhân vật chính, chi tiết thích nhất.

7. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các hình ảnh trong bài, hình ảnh em thích,...).

– HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thư gửi bố ngoài đảo*).

BÀI 2: THƯ GỬI BỐ NGOÀI ĐẢO (tiết 5 – 6, SHS, tr. 128 – 129)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân và việc quan sát tranh minh hoạ, thảo luận về bộ đội – hải quân.

2. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu, chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ.

3. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài có tiếng chứa vần cần luyện tập và đặt câu.

4. Nhận diện chi tiết trong bài thơ.

5. Học thuộc hai khổ thơ.

6. Thực hành nhận diện và giới thiệu sách.

7. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình, và bồi dưỡng phẩm chất yêu nước; biết kính trọng, biết ơn các chú bộ đội bảo vệ biển đảo của đất nước qua hoạt động luyện nói, nghe, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, SGV.
- Một số tranh ảnh có trong SHS được phóng to; hình minh hoạ từ ngữ chứa tiếng có vần **oai, oay** kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Clip/ hình ảnh về bộ đội – hải quân. Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Thư gửi bố ngoài đảo*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Biển đảo yêu thương* để tạo tâm thế cho bài học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ và trả lời câu hỏi khởi động trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV nhấn mạnh ở những ý thơ chính (*Ngoài ấy chắc nhiều gió/ Đảo không có gì che/; Bà bảo: Hàng rào biển/ Là bố đấy bố ơi/; ...*).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *Tết, sóng, biển, giữ trời, hàng rào, ...*; hướng dẫn cách ngưng nghỉ đúng logic, như: *Tết/ con muốn gửi bố/ Nhưng/ bánh thì to quá, ...*
- HS đọc thành tiếng bài thơ.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó hiểu (nếu có).
- HS đọc thầm lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần **oai**. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần **oai**.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần **oai, oay** và đặt câu, VD: *Mẹ nấu canh cá khoai.; Tay mẹ nhాయ nhాయ đan từng sợi cước trên tấm lưới;....*

TIẾT 2

- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. GV có thể hỏi thêm: “Bà bảo bố là gì? (*hàng rào biển*), “Bố cùng các chú làm gì?” (*giữ đảo và giữ trời*). GV giới thiệu thêm ý “*hàng rào biển*” ý nói là bố và các bạn của bố đang bảo vệ biển đảo quê hương”.
- HS học thuộc hai khổ thơ cuối.

4. Luyện tập nhận diện và giới thiệu sách

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.
- HS quan sát tranh gợi ý, đọc các gợi ý.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5. Hoạt động mở rộng

- HS đọc yêu cầu và thực hiện.
- HS giới thiệu trong nhóm nhỏ về bức vẽ của mình. GV nhắc HS có thể hoàn thành bức vẽ tại nhà.

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, tên tác giả, khổ thơ em thích,...).
- HS đọc thuộc lòng ở nhà, nhắc HS ý thức giữ gìn môi trường sạch đẹp.
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Nữ hoàng của đảo*).

BÀI 3: NỮ HOÀNG CỦA ĐẢO (tiết 7 – 10, SHS, tr. 130 – 132)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về hoạt động trồng cây trên đảo.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Nhận diện chi tiết trong bài đọc dựa vào các cụm từ đứng trước hoặc sau nó.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *U* và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nghe – viết đoạn văn.
6. Ôn luyện quy tắc chính tả *g-/ gh-* và phân biệt đúng chính tả *dấu hỏi/ dấu ngã*.
7. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng phẩm chất yêu thiên nhiên: biết yêu cây cối, cảnh vật và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên qua hoạt động đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ từ ngữ chứa tiếng có vần **uông, uôn** kèm theo thẻ từ (nếu có). Hình ảnh/ clip về quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, bộ đội ở đảo Trường Sa.
- Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ *U*.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Biển đảo yêu thương* để tạo tâm thế cho bài học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ phần khởi động và trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *nữ hoàng, Trường Sa, trắng, vuông...*
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của từ khó hiểu: *nữ hoàng, cây phong ba, cảnh sắc...*

TIẾT 2

- HS đọc thầm lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần **uông**. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần **uông**.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần **uông, uôn** và đặt câu, VD: *Hoa muống biển màu tím ngắt.; Sóng cuộn cuộn đổ ập vào bờ cát.;...*
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ U và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ U

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ U (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).

– HS dùng ngón tay viết con chữ U hoa lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS tô chữ U hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

– HS đọc câu ứng dụng.

– HS quan sát GV viết chữ Uống.

– HS quan sát cách GV viết phần còn lại.

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

– HS đọc lại đoạn cần viết.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai VD: *mát, sắc, nữ hoàng,...*

– HS nghe GV đọc và viết vào VTV.

– HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

– HS đọc yêu cầu của bài chính tả có quy tắc. HS nhắc lại quy tắc chính tả *g-/ gh-*. GV chốt lại lần nữa quy tắc này. Yêu cầu HS tìm thêm một số từ thể hiện quy tắc này.

– HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.

– HS thực hiện bài tập.

– HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, HS có thể thực hiện bài tập chính tả phương ngữ còn lại hoặc chuyển sang tiết thực hành/ giờ học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

– HS quan sát các bức tranh, đọc yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS hát bài *Em yêu cây xanh* của nhạc sĩ Hoàng Văn Yến.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các cây được nói đến trong bài, chi tiết em thích,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc trơn và giải câu đố về biển đảo.
2. Chỉ ra từ chỉ con vật, từ chỉ màu sắc, từ chỉ hoạt động có trong câu đố và đặt câu có sử dụng đáp án.
3. Luyện nói dựa trên tranh gợi ý.
4. Viết sáng tạo dựa trên những gì đã nói.
4. Phát triển năng lực quan sát, giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
5. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: yêu quý và giữ gìn biển đảo quê hương thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Biển đảo quê hương* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ: Luyện tập sử dụng từ chỉ con vật, màu sắc, hoạt động

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS đọc các câu đố.
- HS thảo luận với bạn về các từ chỉ con vật, từ chỉ màu sắc, từ chỉ hoạt động có trong các câu đố.
- HS giải câu đố, đặt câu có sử dụng từ ngữ là đáp án của câu đố và viết vào vở.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

3. Luyện tập nói, viết sáng tạo

3.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS trao đổi theo nhóm nhỏ yêu cầu của bài tập.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

3.2. Viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, sửa lỗi, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (*Bài Kể chuyện*).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN TÔM CÀNG VÀ CÁ CON (tiết 12, SHS, tr. 133)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Tôm càng và cá con*, tên chủ đề *Biển đảo yêu thương* và tranh minh hoạ.
2. Nhớ được các tình tiết, diễn biến theo trật tự xảy ra của câu chuyện.
3. Biết dựa vào tranh minh hoạ, các từ ngữ gợi ý để ghi nhớ nội dung của từng đoạn truyện.
4. Kể từng đoạn của câu chuyện, thực hành đóng vai để kể toàn bộ câu chuyện.
5. Trả lời câu hỏi liên hệ bản thân.
6. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
7. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước cả lớp.
8. Nhận diện được nội dung câu chuyện, liên hệ bài học với bản thân nhằm bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết yêu thương, giúp đỡ bè bạn, đặc biệt là khi bạn bè gặp khó khăn, hoạn nạn.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Tranh minh hoạ truyện phóng to (nếu có).

Nội dung truyện

Tôm càng và cá con

1. Dưới đáy biển, tôm càng đang tập búng càng thì gặp cá con. Thấy tôm càng nhìn mình trân trân, cá con làm quen:

- Chào bạn! Tôi là cá con.
- Chào bạn, mình là tôm càng. Bạn cũng ở gần đây sao?
- Vâng! Tôi cũng sống ở đây như các bạn.

2. Nhìn thấy cá con uốn lượn nhẹ nhàng, tôm càng rất thích. Cá con khoe: “Đuôi tôi vừa là mái chèo vừa là bánh lái đấy!”. Nói rồi, cá con lượn lên, lượn xuống nhanh thoăn thoắt. Tôm càng thấy vậy phục lẫn.

3. Đang lúc cá con còn bơi lội tung tăng thì tôm càng phát hiện một con cá mắt đỏ ngầu nhằm cá con lao tới. Tôm càng vội búng mình, xô bạn vào ngách đá nhỏ. Mắt mờ, con cá dữ tức tối bỏ đi.

4. Cá con rồi rít cảm ơn tôm càng. Còn tôm càng tưởng bạn đau, cứ xuyt xoa hỏi: “Bạn có đau lắm không?”.

Từ đây, cả hai trở nên thân thiết.

Theo Trương Mĩ Đức, Tú Nguyệt

Câu hỏi:

1. Em thích nhân vật nào? Vì sao?
2. Cùng bạn đóng vai các nhân vật để kể toàn bộ câu chuyện.
3. Khi thấy một người gặp khó khăn, em sẽ làm gì?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS chơi một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Biển đảo quê hương* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS nhắc lại nội dung truyện kể trong tuần trước.

2. Luyện tập nghe và nói

- HS đọc tên truyện *Tôm càng và cá con*.
- Dựa vào tranh minh hoạ, dựa vào tên truyện, từ ngữ trong tranh, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Các bức tranh có các con vật

nào?”, “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*đáy biển*), “Có chuyện gì xảy ra với cá con?”, “Tôm càng đã làm gì để cứu bạn?”,...).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần thứ nhất toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV dùng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Thấy cá con uồn lượn nhẹ nhàng, tôm càng có thái độ như thế nào?”, “Tôm càng phát hiện ra cá dữ trong lúc nào?”, “Cá con thoát nạn ra sao?”,...).

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV nhắc HS sử dụng cụm từ gợi ý dưới mỗi tranh để ghi nhớ nội dung truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ.

– Nhóm HS đóng vai (tôm càng, cá con, cá dữ) để kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi: “Em thích tôm càng hay cá con? Vì sao?” “Tôm càng có gì đáng khen?”,...).

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ về việc HS sẽ làm gì khi thấy người khác đang gặp khó khăn.

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.

– HS đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng)).

– HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Chuyện của Nam*).

CHỦ ĐỀ 33: CHÚNG MÌNH THẬT ĐẶC BIỆT

BÀI 1: CHUYỆN CỦA NAM (tiết 1 – 4, SHS, tr. 134 – 136)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề, trao đổi với bạn về những điểm khác biệt/ đặc biệt của mình và của người khác.

2. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về những cảm giác của mình khi có những điểm khác biệt/ đặc biệt đó.

3. Thông qua việc quan sát tranh minh hoạ bài đọc và tên bài đọc, tăng cường khả năng phán đoán về nhân vật chính và nội dung bài đọc.

4. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.

5. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập, và đặt câu.

6. Chỉ ra được những điểm mạnh, điểm yếu của nhân vật trong bài đọc. Từ đó, liên hệ đến việc trau dồi, luyện tập chăm chỉ để thành công cho bản thân, và bồi dưỡng phẩm chất tự tin vào bản thân, biết nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, và tích cực rèn luyện các điểm mạnh đó qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

7. Luyện tập nhận diện lời nhân vật.

8. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ Ỗ và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nhìn – viết đoạn văn.

9. Phân biệt đúng chính tả *ng-/ ngh-* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.

10. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.

11. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, VTV, VBT, SGK.

– Tranh minh hoạ chủ đề.

– Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần **im, iêm** kèm theo thẻ từ (nếu có).

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Chúng mình thật đặc biệt* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không). Gợi ý: trò chơi *Gọi tên bạn*. GV tổ chức cho HS gọi tên bạn trong lớp kèm theo một từ miêu tả về vẻ ngoài, tính cách... của bạn ấy (*Vũ cao ráo, Hân tóc dài, Nam vui tính, ...*).

– HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung bài học tuần trước.

2. Khởi động

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Chúng mình thật đặc biệt*. GV tổ chức cho HS nói về những điểm đặc biệt/ khác biệt của bản thân so với mọi người xung quanh. Gợi ý: vẻ ngoài, tính cách, sở thích, thói quen...

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh gợi ý ở phần khởi động của bài đọc và nói về việc bản thân có thể làm giỏi nhất.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV đặt một vài câu hỏi gợi ý để thu hút sự chú ý của HS, VD: “Nam không giải được bài toán. Theo em, Nam sẽ cảm thấy như thế nào?”, “Ba bảo Nam giỏi môn khác. Vậy em nghĩ Nam giỏi môn học nào?”).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc từ khó đọc như: *chuyện, siêu, hươ, ngoắc tay, luyện tập...*

– HS đọc thành tiếng bài đọc.

– HS giải thích một số từ khó hiểu: *siêu, hươ, tự hào, ngoắc,....*

TIẾT 2

– HS đọc lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *uơ, oăc, im*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *uơ, oăc, im*. GV hướng dẫn HS đánh vần vần khó, tiếng/ từ chứa vần khó *uơ, oăc*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *im, iêm* và đặt câu. VD: “Em thích làm nghề quay phim.”; “Em tập múa kiếm.”;...

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. GV có thể hỏi thêm một số câu hỏi. VD: “Nam cảm thấy như thế nào sau khi được ba an ủi? Tìm từ thể hiện điều đó.”, “Bài đọc khuyên em điều gì?”

Lưu ý: Câu hỏi xác định ý chính của bài đọc được thiết kế trong VBT để HS đánh dấu ✓ vào trước ô trống cho ý mình chọn.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ U và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ U

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *U* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).

– HS dùng ngón tay viết con chữ *U* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS tô chữ *U* hoa vào VTV. Chú ý các điểm đặt bút và kết thúc, chú ý việc viết liền nét.

b. Viết câu ứng dụng

– HS đọc câu ứng dụng. (GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng.)

– HS quan sát GV viết chữ *Ước*.

– HS quan sát cách GV viết phần còn lại.

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

- HS đọc lại đoạn văn được yêu cầu viết chính tả.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai. VD: *vượt, chăm chỉ, luyện tập...*
- HS nhìn và viết đoạn văn vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập chính tả có quy tắc. HS nhắc lại quy tắc chính tả *ng-/ ngh-*. Yêu cầu HS tìm thêm tiếng/ từ khác thể hiện quy tắc.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, HS có thể thực hiện bài tập chính tả phương ngữ còn lại hoặc chuyển sang tiết thực hành/ giờ học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS quan sát tranh và câu hỏi gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

- HS hát bài *Hoa tay* của nhạc sĩ Đặng Kinh Luân.
- HS nhận ra sự cần thiết của việc chăm chỉ luyện tập. VD: “Theo mẹ của bạn nhỏ trong bài hát, muốn vẽ giỏi/ vẽ đẹp thì em cần làm gì?”, “Có phải cứ có hoa tay thì sẽ vẽ đẹp không?”. Nếu HS chưa biết hoa tay, GV giải thích nghĩa của từ *hoa tay* (vân tay hình tròn đều, khép kín ở đầu mỗi ngón tay).

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích, ...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Mọi người đều khác biệt*).

BÀI 2: MỌI NGƯỜI ĐỀU KHÁC BIỆT (tiết 5 – 8, SHS, tr. 137 – 139)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội và ngôn ngữ của bản thân, từ việc trao đổi với bạn về ngoại hình, sở thích,... nhận ra được mỗi người đều có sự khác biệt.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Nhận diện chi tiết trong bài đọc dựa vào các cụm từ đứng trước hoặc sau nó.
5. Viết đúng kiểu chữ hoa chữ *V* và câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nghe – viết đoạn văn.
6. Phân biệt đúng chính tả *r-/ g-* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.
7. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng phẩm chất tự tin: hiểu biết về những điểm khác biệt của mình so với với những người xung quanh và tự tin với những điểm khác biệt đó.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa tiếng/từ có vần *iêt, iêc* kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Chúng mình thật đặc biệt* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm, đọc và trả lời câu hỏi khởi động trong SHS. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS cách hỏi bạn để tìm được thông tin theo yêu cầu.)
- HS so sánh thông tin vừa tìm được của bạn với những thông tin tương tự của bản thân. Từ đó, rút ra những điểm khác biệt giữa mình và bạn.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *riêng, loắt choắt, ...*
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của từ khó hiểu: *loắt choắt, mùa dèo, phong phú, ...*

TIẾT 2

- HS đọc thầm lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *oăt, iêt*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *oăt, iêt*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *iêt, iêc* và đặt câu. VD: “Em thi viết chữ đẹp.”; “Em xem biểu diễn xiếc.”;...
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ V và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ V

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *V* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ *V* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *V* hoa vào VTV. Chú ý các điểm đặt bút và kết thúc.

b. Viết câu ứng dụng của chữ V

- HS đọc câu ứng dụng. (GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng.)
- HS quan sát GV viết chữ *V* ẽ.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

- HS đọc lại đoạn văn được yêu cầu viết chính tả.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *riêng biệt, hay, giỏi,...*
- HS nghe GV đọc và viết đoạn văn vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập được giao. Tùy đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập vào vở.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động. GV hướng dẫn HS động não suy nghĩ về những thói quen tốt của bản thân. GV gợi ý HS đọc phần “mách nước” của anh bút chì để tìm ra những thói quen tốt của mình.
- HS quan sát tranh gợi ý, chú ý phần làm mẫu của hai bạn HS.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết theo mẫu câu được yêu cầu. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS viết điểm khác biệt của bản thân sau cụm từ “Em có...”).
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

- HS hát bài *Trái đất này là của chúng mình* của nhạc sĩ Trương Quang Lục, lời Đinh Hải.
- HS nhận ra ý nghĩa của việc nhận ra sự khác biệt và tôn trọng sự khác biệt. VD: “Lời bài hát nói đến sự khác biệt về điều gì giữa các bạn nhỏ?”, “Điều đó có làm các bạn nhỏ không thích nhau không?”, “Tìm từ ngữ/ câu hát thể hiện sự tôn trọng sự khác biệt.”.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ước mơ nào cũng quý*).

BÀI 3: ƯỚC MƠ NÀO CŨNG QUÝ (tiết 9 – 10, SHS tr. 140 – 141)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân và việc quan sát tranh minh họa, thảo luận, đánh giá về công việc mơ ước.
2. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu, chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm trong bài và ngoài bài từ ngữ chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Chỉ ra được mọi mơ ước đều đáng quý như nhau.
5. Trao đổi với bạn về mơ ước của mình.
6. Bồi dưỡng phẩm chất tự tin về chính mình, biết tôn trọng ước mơ của mình và của các bạn, hiểu rằng cần rèn luyện để đạt được ước mơ qua hoạt động luyện nói, nghe, đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, SGK.
- Một số tranh ảnh có trong SHS được phóng to; hình minh họa từ ngữ chứa tiếng có vần **uy, ui** kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Ước mơ nào cũng quý*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Chúng mình thật đặc biệt* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa bài thơ và nói về các sự vật, hoạt động, trạng thái trong tranh. HS trả lời câu hỏi khởi động.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu. **Lưu ý:** GV nhấn mạnh ở những ý thơ chính của bài (*Ước mơ quý như nhau/ Chăm chỉ phải đi đầu*).

- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *ước, nghĩ suy, siêu nhân...*; hướng dẫn cách ngưng nghỉ đúng logic, như *A/ câu hỏi hay thật// Tươi cười/ cô giáo bảo,...*
- HS đọc thành tiếng bài thơ.
- HS giải thích nghĩa của từ khó hiểu (nếu có).
- HS đọc lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần *uy*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *uy*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *uy, ui* và đặt câu, VD: “Em ước thành người chỉ huy dàn nhạc.”, “Em mơ làm người lái máy ủi giống cha của em.”,...

TIẾT 2

- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS học thuộc hai khổ thơ cuối.

4. Luyện tập sử dụng câu hỏi và câu trả lời

- HS đọc từ ngữ dưới 3 bức tranh. GV hướng dẫn HS đánh vần và đọc trơn tiếng/ từ chứa vần khó *ec, oong* (xe téc, boong tàu). HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.
- HS quan sát tranh gợi ý, chú ý phần làm mẫu của hai bạn HS.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5. Hoạt động mở rộng:

HS chia sẻ một câu chuyện đã đọc (nếu được tên truyện, tên nhân vật trong truyện).

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các nhân vật trong bài, khổ thơ em thích, ...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc trơn bài vè và nhận diện các chi tiết trong bài.
2. Liệt kê các điểm mạnh của những người xung quanh.
3. Đặt câu với những gì vừa tìm được và viết vào vở.
4. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
5. Bồi dưỡng phẩm chất lịch sự: tôn trọng sự khác biệt (điểm mạnh) của những người xung quanh mình thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Chúng mình thật đặc biệt* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ

- HS đọc trơn bài vè.
- HS đọc và trao đổi với bạn về nội dung câu hỏi và viết câu trả lời vào vở.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

3. Luyện tập nói, viết sáng tạo

3.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS thực hiện theo nhóm/ cặp yêu cầu của bài tập.

3.2. Viết sáng tạo

- HS nhắc lại cách viết lời giới thiệu và thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Kể chuyện*).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN XE CỨU HOẢ TÍ HON (tiết 12, SHS, tr. 142)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Xe cứu hoả Tí Hon*, tên chủ đề *Chúng mình thật đặc biệt* và tranh minh hoạ.
2. Nhớ được các tình tiết, diễn biến theo trật tự xảy ra của câu chuyện.

3. Biết dựa vào tranh minh hoạ, các từ ngữ gợi ý để ghi nhớ nội dung của từng đoạn truyện.

4. Kể từng đoạn của câu chuyện, kể toàn bộ câu chuyện.

5. Trả lời câu hỏi liên hệ bản thân.

6. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.

7. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước cả lớp, thể hiện thái độ lắng nghe tích cực.

8. Nhận diện được nội dung câu chuyện, liên hệ bài học trong truyện với bản thân nhằm bồi dưỡng phẩm chất tự tin vào vẻ ngoài của bản thân.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, SGK.

– Tranh minh hoạ truyện phóng to (nếu có).

Nội dung truyện

Xe cứu hoả Tí Hon

1. Tí Hon là chiếc xe nhỏ nhất của Sở Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy. Mỗi lần có đám cháy, cậu luôn là thành viên dự bị, không được tham gia chữa cháy. Tuy luôn được anh Hai cứu hoả động viên nhưng Tí Hon vẫn rất buồn.

2. Một lần, có đám cháy lớn ở hẻm sâu trong khu phố. Mọi người lo lắng, hốt hoảng, vì không có ai đủ nhỏ để đi vào con hẻm.

3. Lúc này, anh Hai quay sang bảo Tí Hon:

– Bây giờ là lúc cần đến em đó.

Mắt Tí Hon sáng rỡ lên. Cậu nhanh chóng bật đèn, chạy vào dập tắt đám cháy.

4. Mọi người hò reo khen Tí Hon. Giờ thì Tí Hon hiểu rồi. Mọi người đều được sinh ra cho một nhiệm vụ nào đấy. Mọi người đều có thể mạnh riêng của mình.

Như Mai

Câu hỏi:

1. Vì sao mọi người hò reo khen Tí Hon?

2. Em cảm thấy thế nào nếu mình nhỏ bé như Tí Hon?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Chúng mình thật đặc biệt* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước.

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đọc tên truyện *Xe cứu hoả Tí Hon*.

– Dựa vào tranh minh hoạ, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào?”, “Ai là nhân vật chính?” (*xe cứu hoả nhỏ*), “Vì sao bạn ấy được gọi là Tí Hon?” (*vì hình dáng nhỏ bé*), “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*sở cứu hoả Sở cảnh sát phòng cháy chữa cháy*), “Có những chuyện gì xảy ra?”, “Kết quả ra sao?”...).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần thứ nhất toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV dùng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Liệu Tí Hon có được tham gia chữa cháy không?”, *có đám cháy ở hẻm sâu* “Phải làm sao bây giờ?”, *Cậu nhanh chóng bấm còi, bật đèn, chạy vào dập tắt đám cháy* “Tí Hon có dập tắt được đám cháy trong hẻm không?”...).

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV nhắc HS sử dụng cụm từ gợi ý dưới mỗi tranh để ghi nhớ nội dung truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ.

– HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi: “Vì sao mọi người hò reo khen Tí Hon?”. HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật/ nội dung câu chuyện.)

– HS thảo luận nhóm về suy nghĩ của bản thân nếu mình có hình dáng/ vẻ ngoài nhỏ bé, khác biệt với mọi người.

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.

– HS đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng).

– HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Buổi học cuối năm*).

CHỦ ĐỀ 34: GỬI LỜI CHÀO LỚP MỘT

BÀI 1: BUỔI HỌC CUỐI NĂM (tiết 1 – 4, SHS, tr. 143 – 145)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề, trao đổi với bạn về những điều mình nhớ nhất trong năm học vừa qua.
2. Từ việc quan sát tranh minh hoạ và tên bài đọc, tăng cường khả năng phán đoán về nhân vật chính và nội dung bài đọc.
3. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
4. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
5. Nhận diện lời nhân vật trong bài đọc. Từ đó, liên hệ đến những cảm xúc của bản thân trước kỉ nghỉ hè, và bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, biết yêu thương thầy cô, bè bạn, trường lớp.
6. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ X và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nhìn – viết đoạn văn.
7. Phân biệt đúng chính tả *s-/x-* và *âc/ât*.
8. Luyện tập đặt và trả lời câu hỏi. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
9. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, SGK.
- Một số tranh ảnh có trong SHS được phóng to; hình minh hoạ từ ngữ chứa tiếng có vần **iu, ui, uôi** kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Gửi lời chào lớp Một* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không). (Bài đọc này trước tuần ôn tập cuối năm, GV có thể dựa vào đó để tổ chức hoạt động khởi động như hỏi HS đã học tập như thế nào trong năm học đầu tiên ở trường tiểu học, thích nhất hoạt động nào...)
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn luyện bài học trước.

2. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Gửi lời chào lớp Một*. HS trao đổi với bạn về điều mình thích nhất trong năm học vừa qua.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa và nói về các sự vật, hình ảnh trong tranh. (Gợi ý: “Lớp học này có gì đặc biệt?”, “Theo em, các bạn đang thảo luận về điều gì?”, ...).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV nhấn mạnh ở những từ ngữ chỉ các hoạt động, cảm xúc của bạn nhỏ, của cô giáo (*náo nức, liến thoắng, lú lo, reo, rom róm...*), đọc diễn cảm những câu biểu cảm (“*Bỗng bỏ câu gù gù thút thút*”, “*Thế là/ cả lớp lại cười tươi/ và hát véo von.*” ...).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *náo nức, liến thoắng, lú lo, thút thút, rom róm, véo von, ...*
- HS đọc thành tiếng bài đọc.

TIẾT 2

- HS đọc thầm lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *iu, ui, uôi*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *iu, ui, uôi*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *iu, ui, uôi* và đặt câu, VD: “Cây nhãn sai trĩu quả.”; “Em đi bắt đê trũi.”; “Nông dân tằn tảo trên các ruộng muối.”; ...
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ X và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ X

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *X* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ *X* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *X* hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng.
- HS quan sát GV viết chữ *Xuân*.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *ve sầu, vành khuyên, thút thút, khướu,...*
- HS nhìn và viết vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập được giao. Tuỳ đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.
- HS quan sát tranh gợi ý, chú ý các bóng nói.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS hát bài *Chúng em là học sinh lớp Một* của nhạc sĩ Phạm Tuyên.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các hình ảnh trong bài, hình ảnh em thích,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Gửi lời chào lớp Một*).

BÀI 2: GỬI LỜI CHÀO LỚP MỘT (tiết 5 – 6, SHS, tr. 146 – 147)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội và ngôn ngữ của bản thân và việc quan sát tranh minh hoạ, thảo luận về cảm xúc của bản thân với những sự việc, hoạt động đã diễn ra trong năm học lớp Một vừa qua.
2. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu, chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ.
3. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Chỉ ra được nỗi nhớ của học sinh với cô giáo và lớp Một yêu quý.
5. Học thuộc lòng hai khổ thơ.
6. Trao lời nói với đối tượng bằng vai và không bằng vai.
7. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết yêu quý bạn bè, thầy cô, mái trường; bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ – biết ham học hỏi, thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập qua hoạt động luyện nói, nghe, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGV.
- Một số tranh ảnh có trong SHS được phóng to; hình minh hoạ tiếng/từ có vần **ư**, **ơ**, **ơ** kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Gửi lời chào lớp Một*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Gửi lời chào lớp Một* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể thực hiện hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, đọc tên bài thơ, quan sát và nói về bức tranh. (Gợi ý: “Bức tranh vẽ cảnh gì?”, “Cô giáo và các bạn chào nhau để làm gì?”,...).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV nhấn mạnh ở những từ ngữ biểu cảm và những ý thơ chính (*Lớp Một ơi!/ Lớp Một/, Gửi lời chào tiến bước/, Tất cả!/ Chào ở lại/, Cô sẽ xa chúng em/, Nay giờ phút chia tay/,...*)).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *lớp Một, năm trước, tiến bước, tất cả, bạn, luôn,...*; hướng dẫn cách ngưng nghỉ theo logic ngữ nghĩa, như *Nay/ giờ phút chia tay/,...*

– HS đọc thành tiếng bài thơ.

– HS đọc thầm lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ut, ươc*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ut, ươc*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ut, ươc, ươt* và đặt câu, VD: “Bạn Lan có hộp bút chì màu rất đẹp.”; “Cái thước của em có hình một chú khủng long.”; “Em chơi cầu trượt.”;...

TIẾT 2

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS học thuộc hai khổ thơ cuối.

4. Luyện sử dụng câu hỏi và trả lời câu hỏi

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ về yêu cầu bài tập.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5. Hoạt động mở rộng

HS giải câu đố trong SHS. GV có thể hướng dẫn HS đọc từ khoá để tìm ra đáp.

6. Cũng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, tên tác giả, khổ thơ em thích, ...).

– HS đọc thuộc lòng ở nhà, nhắc HS cần dùng đúng những từ xưng hô với thầy cô/ bạn bè.

– HS nghe GV chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Kì nghỉ hè của em*). Yêu cầu HS về nhà tìm đọc câu chuyện hoặc bài thơ nói về mùa hè. Nhắc HS chú ý ghi nhớ nội dung câu chuyện/ bài thơ tìm đọc.

BÀI 3: KÌ NGHỈ HÈ CỦA EM (tiết 7 – 10, SHS, tr. 148 – 150)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội và ngôn ngữ của bản thân, nói về các kì nghỉ cùng gia đình.

2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.

3. Luyện tập khả năng nhận diện văn thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.

4. Liệt kê một số hoạt động liên quan đến kì nghỉ hè được nhắc đến trong bài đọc.

5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ Y và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nghe – viết đoạn văn.

6. Phân biệt đúng chính tả s-/x- và d-/gi-.

7. Luyện nói và viết sáng tạo theo gợi ý. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.

8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

9. Bồi dưỡng phẩm chất tự tin thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, VTV, VBT, SGK.

– Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ từ ngữ chứa tiếng có vần **au**, **ao**, **ua** kèm theo thẻ từ (nếu có).

– Mẫu tô chữ viết hoa và khung chữ mẫu chữ Y.

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

– Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Gửi lời chào lớp Một* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

– HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ và trả lời câu hỏi phần khởi động trong SHS.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *trại hè, năng khiếu, rìra, ...*

– HS đọc thành tiếng bài đọc.

– HS giải thích nghĩa của từ khó hiểu (nếu có).

TIẾT 2

- HS đọc thầm lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *au*. Yêu cầu HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *au*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *au*, *ao*, *ua* và đặt câu, VD: Bà bỏ cau.; Chú bé cười trâu, thối sáo.; Mùa hè em đi bắt cua với ông nội.;...
- HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ Y và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ Y

- HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *Y* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).
- HS dùng ngón tay viết con chữ *Y* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *Y* hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng
- HS quan sát GV viết chữ *Yêu*.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai (nếu có).
- HS nghe GV đọc và viết vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập được giao. Tùy đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS và tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo

- HS quan sát các bức tranh, chọn một bức và trao đổi với bạn theo gợi ý trong SHS.
- HS thực hiện yêu cầu của hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ. (Gợi ý: GV có thể cho HS/ nhóm HS nói về một hoạt động khác không theo tranh gợi ý. VD: “Trong dịp hè, bạn thích tham gia hoạt động nào?” “Mình thích nấu ăn cùng cha mẹ. Còn bạn thích gì?”,...).
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5.2. Viết sáng tạo

- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn viết.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS chia sẻ với bạn bài thơ/ câu chuyện đã đọc. GV chú ý hướng dẫn HS trao đổi về nội dung của bài thơ/ câu chuyện đã đọc.

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các cây được nói đến trong bài, chi tiết em thích,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh theo một thứ tự nhất định.
2. Chỉ ra từ chứa tiếng bắt đầu bằng *ng, ngh; d, gi; tr, ch* có trong tranh và đặt câu có từ ngữ vừa tìm.
3. Luyện tập nói, viết sáng tạo: đặt tên cho bức tranh.
4. Phát triển năng lực quan sát, giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
5. Bồi dưỡng phẩm chất tự tin thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Gửi lời chào lớp Một* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Luyện tập chính tả

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS quan sát tranh minh họa theo một trật tự nhất định.
- HS thảo luận với bạn về các từ được giấu trong tranh chứa tiếng bắt đầu bằng *ng*, *ngh*; *d*, *gi*; *tr*; *ch*.
- HS đặt câu có từ ngữ vừa tìm và viết vào vở.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

3. Luyện tập nói, viết sáng tạo

3.1. Nói sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- HS nhắc lại cách đặt tên cho bức tranh.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

3.2. Viết sáng tạo

- HS nhắc lại cách viết tên cho bức tranh và thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *kể chuyện*).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN NHỮNG PHẦN THƯỞNG ĐẶC BIỆT

(tiết 12, SHS, tr. 151)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Những phần thưởng đặc biệt*, tên chủ đề *Gửi lời chào lớp Một* và tranh minh hoạ.
2. Nhớ được các tình tiết, diễn biến theo trật tự xảy ra của câu chuyện.
3. Biết dựa vào tranh minh hoạ, các từ ngữ gợi ý để ghi nhớ nội dung của từng đoạn truyện.
4. Kể từng đoạn của câu chuyện, bước đầu kể toàn bộ câu chuyện.
5. Trả lời câu hỏi liên hệ bản thân.
6. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
7. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước cả lớp, có thái độ lắng nghe tích cực.
8. Nhận diện được nội dung câu chuyện, liên hệ bài học trong truyện với bản thân nhằm bồi dưỡng phẩm chất tự tin, tự hào về những gì mình đã cố gắng làm được.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Tranh minh hoạ truyện phóng to (nếu có).

Nội dung truyện

Những phần thưởng đặc biệt

1. Cuối năm, cô Hạnh Nhân – giáo viên chủ nhiệm lớp 1B – mời phụ huynh và học sinh đến lớp làm lễ tổng kết năm học.
2. Sau khi báo cáo tổng kết năm học và gửi cho từng phụ huynh cuốn sổ liên lạc, cô thông báo với cả lớp: năm nay, các bạn đã thể hiện sự nỗ lực trong từng hoạt động, nên cô sẽ có phần thưởng riêng cho mỗi bạn.
3. Thế là, cô gọi từng bạn lên bục và trao phần thưởng kèm lời khen ngợi:
 - Học sinh vẽ đẹp.
 - Học sinh có nhiều tiến bộ khi viết chữ.
 - Học sinh điều hành nhóm tốt.
 - Học sinh tham gia nhiều hoạt động của lớp.
 - Học sinh hay giúp đỡ bạn.

4. Cứ thế, bạn nào có việc làm tốt, hoạt động tốt hoặc thể hiện sự cố gắng trong năm học vừa qua,... đều được cô khen ngợi, tuyên dương. Các bạn học sinh và phụ huynh đều cảm thấy vui và tự hào.

Theo Vietnamnet

Câu hỏi:

1. Vì sao tất cả các bạn và phụ huynh học sinh lớp 1B đều cảm thấy tự hào?
2. Em có thích được khen tặng giống như các bạn lớp 1B không? Vì sao?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Giải lời chào lớp Một* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước.

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đọc tên truyện *Những phần thưởng đặc biệt*.

– Dựa vào tranh minh họa, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Gợi ý: GV có thể hỏi HS: “Bức tranh thứ nhất vẽ cảnh gì?”, “Các bạn được trao phần thưởng vì điều gì?”,...).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần thứ nhất toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV dùng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Em nghĩ cô giáo sẽ trao phần thưởng cuối năm cho những bạn nào?”, “Cha mẹ và các bạn học sinh cảm thấy như thế nào về những phần thưởng đó?”,...)

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh họa theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV nhắc HS sử dụng cụm từ gợi ý dưới mỗi tranh để ghi nhớ nội dung truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ.

– HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi: “Vì sao cô giáo chủ nhiệm quyết định tặng phần thưởng cho các bạn học sinh lớp 1B?”, “Cha mẹ và các bạn học sinh cảm thấy như thế nào về những phần thưởng đó?”,...)

– HS thảo luận nhóm về việc mình có thích được khen tặng như các bạn học sinh lớp 1B.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.
- HS đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ôn tập 1*).

CHỦ ĐỀ 35: NHỮNG ĐIỀU EM ĐÃ HỌC

BÀI 1: ÔN TẬP 1 (tiết 1 – 3, SHS, tr. 152 – 153)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Củng cố kĩ năng đọc thành tiếng, nhận diện các vần đã học (tập trung nhóm vần *anh, uyêt, oa, oanh, iên, uyên*).
2. Phát triển kĩ năng nói, nghe dựa trên nội dung tranh minh hoạ và bài tập.
3. Nhận diện chi tiết trong bài thơ, liên kết hình ảnh với câu thơ tương ứng.
4. Ôn luyện quy tắc chính tả và củng cố kĩ năng viết chính tả nghe – viết.
5. Nói và viết sáng tạo dựa trên những gì đã học.
6. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc và một số bài tập (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không). (Gợi ý: Ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động giải trí có nội

dung liên quan đến bài học, có cài đặt một vài hoạt động, từ ngữ có liên quan đến bài thơ *Em vẽ tranh*).

- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại bài học tuần trước.

2. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV giới thiệu bài Ôn tập 1.
- HS quan sát tranh, đọc tên bài thơ và trao đổi phỏng đoán về nội dung bài thơ. (Gợi ý: “Bức tranh vẽ cảnh gì?”, “Bạn nhỏ đang vẽ những cái gì?”, “Bạn nhỏ nghĩ mình sẽ tặng bức tranh đó cho ai?”,...).
- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài thơ.
- HS tìm tiếng ở trong bài có vần *anh, uyêt, oa*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *anh, oanh, iên, uyên, uyêt, oa* và đặt câu.

TIẾT 2

- HS tìm hiểu về văn bản (Gợi ý: “Hãy cho biết tên của bài em vừa đọc.”, “Tác giả của bài đó là ai?”, “Mỗi dòng bài thơ có mấy chữ?”, GV có thể cho HS đọc tựa đề, 2 dòng thơ đầu và hướng dẫn HS trả lời câu hỏi 1 “Bạn nhỏ vẽ tranh tặng ai?”; có thể cho HS đọc từng khổ để trả lời câu hỏi 2: “Đọc các câu thơ trong bài ứng với nội dung từng bức tranh sau”,...).

- HS học thuộc lòng hai khổ thơ.

3. Luyện nói và nghe

- HS đọc yêu cầu bài tập.
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ/ theo cặp để thực hiện yêu cầu của bài tập.
- HS nhận xét phần thực hiện của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

TIẾT 3

4. Luyện tập chính tả, viết sáng tạo

4.1. Chính tả nghe – viết

- HS đọc lại hai khổ thơ cuối bài *Em vẽ tranh*.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *nét, lượn, sóng, vồ, nổi, vồng, ru, trên, trang, giấy, vẽ*.
- HS nghe và viết đoạn thơ vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.2. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của từng bài tập.
- HS nhắc lại quy tắc chính tả *c-/ k-; g-/ gh-; ng-/ ngh-*.
- HS thực hiện bài tập, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ ngữ có tiếng vừa điền đúng.

4.3. Luyện tập viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình của bạn theo hướng dẫn của GV.

5. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các hình ảnh trong bài, những hình ảnh, khổ thơ em thích, học thuộc bài thơ,...).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ôn tập 2*).

BÀI 2: ÔN TẬP 2 (tiết 4 – 6, SHS, tr. 154 – 155)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Củng cố kĩ năng đọc thành tiếng, nhận diện các vần đã học (tập trung nhóm vần *oan, oang, uyêt, oai, oay, uyên*).
2. Phát triển kĩ năng nói, nghe dựa trên nội dung tranh minh hoạ và bài tập.
3. Nhận diện chi tiết trong bài đọc, nhận diện lời nhân vật.
4. Củng cố kĩ năng viết chính tả nghe – viết.
5. Nói và viết sáng tạo theo tình huống cho sẵn.
6. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá; bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết yêu quý và thể hiện tình cảm yêu quý mẹ, anh chị em ruột qua hoạt động đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc và một số bài tập (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí khác để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

2. Khởi động

- HS nghe GV giới thiệu bài *Ôn tập 2*.
- HS quan sát tranh, đọc tên bài đọc và trao đổi phỏng đoán về nội dung bài đọc (Gợi ý: “Bức tranh vẽ cảnh gì? Ở đâu? Có những con vật nào?”, “Kiến mẹ đang làm gì?”, “Bác cú mèo đang làm gì?”,...).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng văn bản.
- HS tìm tiếng ở trong bài có vần *oan, uyêt, oai, oay, uyên*.
- HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *oan, oang, uyêt, oai, oay, uyên* và đặt câu.

TIẾT 2

- HS tìm hiểu về văn bản, trả lời câu hỏi trong SHS.

4. Luyện tập chính tả, viết sáng tạo

4.1. Chính tả nghe – viết

- HS đọc lại đoạn cần viết.
- HS đánh vần một số tiếng, từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *kiến, đàn, cũng, chúc, ngoan,...*
- HS nghe và viết vào VTV.
- HS đọc lại đoạn chính tả nghe viết (ở SHS) và trả lời các câu hỏi: “Đoạn văn em vừa viết có mấy câu?”, “Chữ đầu câu viết thế nào?” “Cuối câu có dấu gì?”.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

TIẾT 3

4.2. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ ngữ có tiếng vừa điền đúng.

4.3. Luyện tập nói, viết sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của từng trường hợp, thảo luận và nói với bạn.
- HS tìm hiểu cách đổi nội dung nói thành câu văn theo yêu cầu.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình của bạn theo hướng dẫn của GV.

5. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các hình ảnh trong bài, nhân vật và chi tiết em thích,...).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ôn tập 3*).

BÀI 3: ÔN TẬP 3 (tiết 7 – 9, SHS, tr. 156 – 157)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phát triển kĩ năng nói, nghe dựa trên nội dung tranh minh hoạ và bài tập; đọc thành tiếng và đọc hiểu một văn bản thông tin.
2. Củng cố kĩ năng viết chính tả nghe viết.
3. Ôn luyện các nghi thức lời nói (xin chào, cảm ơn).
4. Nói và viết sáng tạo theo tình huống cho sẵn.
5. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
6. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá; bồi dưỡng phẩm chất yêu thiên nhiên, đất nước, con người qua hoạt động đọc hiểu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc và một số bài tập (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hay một hoạt động giải trí để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

2. Khởi động

– HS nghe GV giới thiệu bài Ôn tập 3.

– HS quan sát tranh, đọc tên bài đọc và trao đổi phỏng đoán về nội dung bài đọc. (Gợi ý: “Bức tranh vẽ cảnh gì? Ở đâu? Có những con vật nào? Chúng đang làm gì?”, ...)

– HS nói với bạn những điều mình biết về cá heo.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS nghe GV đọc mẫu

– HS đọc thành tiếng văn bản.

– HS tìm hiểu về văn bản.

TIẾT 2

4. Luyện tập trao đổi thông tin

– HS đọc yêu cầu bài tập.

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ/ theo cặp để thực hiện yêu cầu của bài tập.

– HS nhận xét phần thực hiện của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

5. Luyện tập chính tả, viết sáng tạo

5.1. Chính tả nghe – viết

– HS đọc lại đoạn cần viết.

– HS đánh vần một số tiếng, từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *chăm sóc, sự sợ hãi, nạn, cứu, ...*

– HS nghe và viết đoạn văn vào VTV.

– HS đọc lại đoạn chính tả nghe viết (ở SHS) và trả lời các câu hỏi: “Đoạn văn em vừa viết có mấy câu?”, “Chữ đầu câu viết thế nào?”, “Cuối câu có dấu gì?”.

– HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

TIẾT 3

5.2. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ ngữ có tiếng vừa điền đúng.

5.3. Luyện tập viết sáng tạo

- HS đọc yêu cầu của từng trường hợp, thảo luận và nói với bạn.
- HS tìm hiểu cách đổi nội dung vừa nói thành câu văn theo yêu cầu.
- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình của bạn theo hướng dẫn của GV.

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các hình ảnh trong bài, nhân vật và chi tiết em thích,...).
- HS chuẩn bị cho kiểm tra các kĩ năng nói, nghe, đọc, viết cuối học kì II.

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II (SHS, tr. 158 – 161)

(Đề trong SHS chỉ là gợi ý để tham khảo, GV có thể thay ngữ liệu khác khi ra đề chính thức.)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Củng cố kĩ năng nghe, đọc lưu loát, đọc hiểu, viết các âm, vần đã học.
2. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
3. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK, giấy ô li cho HS làm bài.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tuỳ theo các nội dung nghe – hiểu, đọc – hiểu, đọc lưu loát, chính tả để GV tổ chức cho HS thực hiện các nội dung kiểm tra cuối kì.

HƯỚNG DẪN RA ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

GV có thể dựa vào nội dung chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, môn Tiếng Việt 1 để biên soạn đề kiểm tra đánh giá năng lực nói và nghe, đọc viết giai đoạn cuối học kì II. Có thể tham khảo các bài kiểm tra trong SHS, trang 158 – 161 để tìm kiếm ngữ liệu, biên soạn câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan hoặc trả lời ngắn,... Các thông tư về đánh giá học sinh tiểu học theo chương trình mới cũng là một căn cứ quan trọng khi GV biên soạn đề và tiến hành các bước kiểm tra đánh giá.

1. Kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng

- Mục tiêu: Kiểm tra việc HS đọc trôi chảy (mức độ rõ, đúng, tốc độ đọc, âm lượng)
- Trọng số điểm: 3/10.
- Biện pháp:
 - + GV cần dùng nhiều đoạn văn khác nhau cho một đợt kiểm tra, VD: 2 đoạn văn cho đợt kiểm tra 5 – 6 HS.
 - + Các đoạn văn dùng kiểm tra đọc thành tiếng cần tương đương về độ dài và độ khó của việc đọc thành tiếng (cấu tạo âm tiết, số từ phức); số lượng chữ khoảng 60 chữ.
 - + HS vào phòng kiểm tra theo nhóm/ đợt, mỗi đợt khoảng 5 – 6 HS.
 - + HS lần lượt đọc từng đoạn văn theo bốc thăm.
 - + GV lắng nghe, quan sát, ghi nhận kĩ năng đọc thành tiếng của HS: mức độ đúng, rõ, tốc độ, âm lượng; lỗi về cấu âm, VD: *th, kh* đọc thành *h, x* hoặc mất *th, kh*; hoặc lỗi do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: lẫn lộn *l – n*, đọc *r* thành *g*, *tr* thành *t*,¹.

2. Kiểm tra kĩ năng đọc hiểu

- Mục tiêu: Kiểm tra việc HS đọc hiểu.
- Trọng số điểm: 2/10.
- Biện pháp:
 - + HS tự đọc văn bản và viết câu trả lời vào bài kiểm tra.
 - + Có thể ra khoảng ba câu trắc nghiệm lựa chọn đúng sai ở mức độ nhận biết và thông hiểu; một câu hỏi yêu cầu trả lời ngắn có thể ở mức độ vận dụng cơ bản hoặc mức thông hiểu (có giải thích vì sao).

¹ Lưu ý không phải mọi biến thể ngữ âm phương ngữ đều quy vào lỗi. Chỉ xem là lỗi với những biến thể mà người nói “mặc cảm” khi nói ra và nhiều người xem là “ngọng” trong giao tiếp mang tính chính thức xã hội (giao tiếp ngoài phạm vi gia đình, ngoài cuộc sống thường nhật), như các trường hợp vừa dẫn và hoặc *o* → *oo*, *ô* → *ôô*, *o* → *ô*, *ă* → *e*,...

3. Kiểm tra kĩ năng viết câu (viết sáng tạo)

- Mục tiêu: Kiểm tra việc viết câu của HS.
- Trọng số điểm: 1/10.
- Nội dung: viết một, hai câu về nội dung của truyện vừa đọc/ về bức tranh đã cho.

4. Kiểm tra kĩ năng viết đúng chính tả

4.1. Kiểm tra kĩ năng viết chữ đúng chính tả

- Mục tiêu: Kiểm tra việc viết đúng chữ, đúng chính tả của HS.
- Trọng số điểm: 1/10 (có thể cho 0,75 điểm cho chính tả có quy tắc và 0,25 điểm cho nội dung chính tả phương ngữ).
- Nội dung và hình thức: điền vào chỗ trống các trường hợp có quy tắc (*c/ k, g/ gh, ng/ ngh*) và các trường hợp chính tả phương ngữ (GV tự thiết kế dựa vào thực tế phương ngữ của HS).

4.2. Kiểm tra kĩ năng nghe – viết chính tả

- Mục tiêu: Kiểm tra kĩ năng nghe – viết đúng chữ, đúng chính tả của HS.
- Trọng số điểm: 2/10.
- Độ dài đoạn viết chính tả khoảng 30 – 35 chữ.
- Độ khó của đoạn viết chính tả: chọn hoặc thiết kế đoạn văn có nội dung quen thuộc, gần gũi, dễ hiểu. Trong đoạn văn nên có một số từ có chứa hiện tượng chính tả có quy tắc và chính tả phương ngữ.
- Nội dung và hình thức:
 - + GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, đặt tờ giấy làm bài đúng chiều hướng, đúng khoảng cách, cầm bút đúng.
 - + GV đọc to, rõ toàn văn bản viết chính tả lần một.
 - + GV đọc, HS viết chính tả: GV đọc từng câu, nếu câu dài cần đọc từng cụm; mỗi cụm đọc hai, ba lần; đọc rõ, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS – theo quy định; GV đọc lại toàn văn bản viết chính tả, yêu cầu HS lắng nghe và rà soát lỗi.

5. Kiểm tra kĩ năng nghe – hiểu

- Mục tiêu: Kiểm tra việc nghe – hiểu đúng nội dung văn bản được nghe đọc.
- Trọng số điểm: 1/10.
- Nội dung và hình thức: HS nghe GV đọc văn bản, trả lời câu hỏi (dạng trắc nghiệm lựa chọn đáp án đúng).
- + GV nên chọn văn bản có nội dung gần gũi, quen thuộc, phù hợp với nhận thức của HS, độ dài khoảng 50 chữ, khoảng ba, bốn nhân vật, hai, ba tình tiết/sự kiện đơn giản.

- + Số lượng câu hỏi: Khoảng hai câu, chọn một trong ba phương án trả lời.
- + GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, đặt tờ giấy làm bài đúng chiều hướng, đúng khoảng cách, cầm bút đúng.
- + HS lắng nghe GV đọc toàn văn bản lần một.
- + HS tự đọc thầm câu hỏi (và các phương án trả lời).
- + HS lắng nghe GV đọc toàn văn bản lần hai.
- + HS làm bài: trả lời câu hỏi theo hình thức chọn một trong ba phương án được nêu ở đề thi.



*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập nội dung: LÊ THỊ THẢO – VÕ THỊ THU CẨM

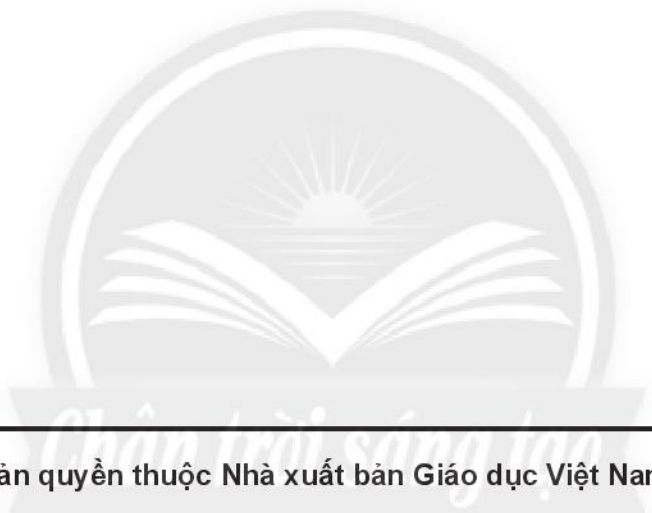
Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ – NGUYỄN THỊ CÚC PHƯƠNG

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: LÊ THỊ THẢO – NGUYỄN THỊ THU TRANG

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Chân trời sáng tạo



Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 1 TẬP HAI — SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: G2HG1V001M20

In.....bản, (QĐ in số.....) Khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 496-2020/CXBIPH/9-184/GD

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-21764-6